

François Weyergans

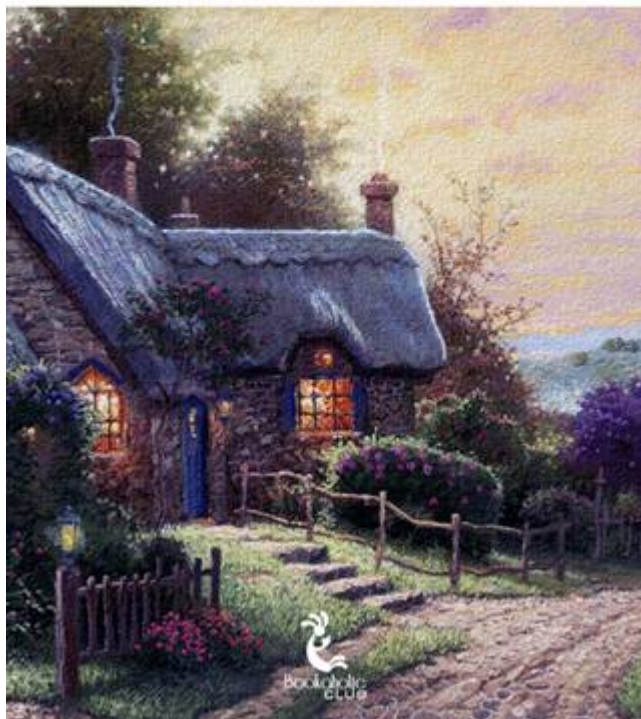
Ba ngày ở nhà Mẹ



Bookshelf
CLUB

François Weyergans

Ba ngày ở nhà Mẹ



BA NGÀY Ở NHÀ MẸ

François Weyergans

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **BA NGÀY Ở NHÀ MẸ**

Tác giả: **François Weyergans**

Nguyên tác: *Trois jours chez ma mere*

Dịch giả: Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Nhà xuất bản: Hội Nhà văn

Năm xuất bản: 2006

Số trang: 307

Khổ: 13x19 cm

Giá tiền: 35.000 Đồng

Đánh máy: Quang Vinh, Minh Chi, anlac, Kiều Thủy, Phan Ghi, Kim Phụng, Thanh Tâm.

Kiểm tra: Thu Diệp

Chế bản ebook: Thu Diệp

Ngày thực hiện: 06/12/2010

Making Ebook Project #74 – www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **BA NGÀY Ở NHÀ MẸ** của tác giả **François Weyergans** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM THÊM MỘT NHẬN XÉT VỀ TÁC PHẨM

1

2

3

4

5

6

Ba ngày ở nhà mẹ.

CHƯƠNG I

CHƯƠNG II

CHƯƠNG III

7

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM



François Weyergans sinh năm 1941 ở Bỉ, mẹ là người Pháp và bố là người Bỉ, nhưng chủ yếu sống ở Paris. Ông xuất thân là một nhà làm phim, tốt nghiệp IDHEC (Trường Điện ảnh quốc gia), đạo diễn cuốn phim ăn khách một thời *Je t'aime, tu dances* (*Anh yêu em, còn em thì nhảy múa*).

Dẫu vậy, Weyergans được thiên hạ biết tiếng nhiều nhờ sự nghiệp văn chương hơn là nhờ mấy tác phẩm điện ảnh lẻ tẻ.

Ông bắt đầu nổi danh với tư cách là nhà văn vào năm 1973 qua cuốn *Le pitre* (*Thằng hề*). Trong số các tác phẩm đáng chú ý khác của ông còn có *Le radeau de la Méduse* (*Chiếc bè Méduse*), *La vie d'un bébé* (*Hài nhi*), *Je suis écrivain* (*Tôi viết văn*), *La démence d'un boxeur* (*Võ sĩ điên rồ*, giải Renaudot 1992), *Franz et François* (*Franz và François*).

Năm 2005 này, ông cùng lúc cho ra mắt hai cuốn *Trois jours chez ma mère* vừa trúng giải Goncourt và cuốn *Salomé* (*Salomé*, tác phẩm đầu tay, khởi thảo năm 1968).

Tác phẩm đoạt giải:

"Có thể rồi một ngày nào đó tôi cũng sẽ trách mình, không phải vì ít trò chuyện với mẹ, bởi hầu như chiều nào tôi cũng nói chuyện qua điện thoại với bà, mà là vì ít đến thăm bà, nhất là mấy năm sau này. Đã thượng thọ, vậy mà người mẹ yêu quý của tôi vẫn còn tỏ ra rạch ròi hơn tôi nhiều. Trong điện thoại, bà không ngớt tóm gọn tình thế: "Tóm lại, mẹ thật ít có dịp trông thấy con trên đời"".

Chính vì vậy mà, thay mặt tác giả, nhân vật François Weyergraf mong muốn được "ba ngày về với mẹ" cho phải đạo làm con.

Đây là một cuốn tiểu thuyết có cấu trúc phức tạp. Người kể chuyện François Weyergraf "bịa" ra một tác giả tên là François Graffenberg, ông Graffenberg này lại "bịa" ra một nhân vật là François Weyerstein; mỗi François lại truyền cho François khác cái xung năng sáng tạo của mình.

Ngay từ đầu, độc giả đã gặp lại nhân vật có họ na ná với họ Weyergans trong cuốn *Franz et François* xuất bản 8 năm trước. François Weyergraf là nhà làm phim và nhà văn (hệt như tác giả), 60 tuổi, luôn luôn thao thức, trăn trở, bất an trong lòng, nhưng rất uyên bác, chẳng khác gì nhà văn Bỉ danh tiếng Franz Weyergans, cha của tác giả.

Nếu như qua *Franz et François*, tác giả đã tỏ lời vừa kính phục vừa ganh ghét cha mình, thì cuốn *Trois jours chez ma mère* như một bức thư bày tỏ tình cảm gửi tới mẹ già.

Mẹ và con

Bà nay 91 rồi, nhưng vẫn minh mẫn và còn sung sức. Qua điện thoại, bà không ngớt thăm hỏi, chăm sóc đứa con trai ở tuổi 60 như nó còn bé dại. Bà dặn nó phải viết nhiều hơn, bớt hút thuốc, không thì phổi bị thủng lỗ chỗ. Một nhân vật kỳ diệu.

Nhớ tới thời bà... chưa già, vừa góa chồng là bà cặp kê ngay với một ông láng giềng chủ một xí nghiệp có vợ con. Bà cũng chẳng ngại la cà trong các quán bar, nhảy nhót với những kẻ lạ mặt. Vóc dáng, cử chỉ, lời ăn tiếng

nói của bà lúc nào cũng trẻ trung, sống động, khiến cho nhiều người tưởng bà với con mình là vợ chồng chung gối với nhau.

Thế nên Francois Weyergraf/Weyergans hết mực yêu quý, tôn sùng mẹ mình. Chúng ta nghe rõ đằng sau chữ "maman" (má, mẹ, u...) mỗi khi tác giả thốt lên trên trang giấy từng cung bậc rung động của ngòi bút.

Ông khao khát được ôm mẹ vào lòng, về ở với mẹ dẫu chỉ "ba ngày" vậy mà cứ mãi miết bận rộn. Lại nữa, cứ mong mang về dâng tặng mẹ cuốn sách viết về cuộc đời của bà, nhưng vì nó vẫn còn trong trứng nước nên tác giả ngần ngại không dám bước chân. Mà cũng có thể vì tác giả e rằng một khi đã phơi bày cuộc đời của mẹ mình trên trang sách, biết đâu bà lại chẳng bất thần trút hơi thở cuối cùng.

Rốt cuộc, "ba ngày về với mẹ" chỉ là một giấc mơ.

Mượn cớ

Hay chỉ là cái cớ cho phép tác giả nhảu "tùy bút" trên 270 trang sách, một cách hấp dẫn, lôi cuốn, nhờ ở một văn phong điêu luyện, nhưng không kiêu cách. Thành quả của bảy năm ròng miệt mài với ngôn từ, chữ nghĩa, với tư duy, suy luận.

Viện Hàn lâm Goncourt đã đứng đắn khi trao tặng Goncourt, giải quan trọng nhất của văn học tiếng Pháp, cho tác phẩm *Trois jours chez ma mère* của Francois Weyergans. Trong số các nhà văn từng đoạt giải này có Marcel Proust, Simone de Beauvoir, Marguerite Duras...

TRẦN THIÊN ĐẠO (Paris)

THÊM MỘT NHẬN XÉT VỀ TÁC PHẨM

Kết cấu Ba ngày tại nhà mẹ tôi (Giải Goncourt 2005) thật đặc biệt. Thoạt tiên là sáu "chương" (từ đầu đến trang 160) tuy tác giả không ghi là chương mà chỉ đánh số từ 1 đến 6. Người kể chuyện xưng "tôi", tự giới thiệu mình là François Weyergraf, vợ là Delphine, hai con gái là Zoé và Woglinde. "Tôi" đã gần sáu mươi, đã xuất bản mười tiểu thuyết và dựng năm bộ phim. Mẹ "tôi" thì đã tám mươi tám tuổi. "Tôi" bắt tay vào một cuốn tiểu thuyết mới, "... tôi đã tìm ra nhan đề trước khi bắt đầu viết, đó là "Ba ngày tại nhà mẹ tôi". Tôi cần phải sáng tạo một nhân vật phụ nữ đã nhiều tuổi, một bà mẹ hư cấu, bà sẽ là mẹ của người kể chuyện chứ không phải mẹ tôi [...] Trong tiểu thuyết của tôi, bà mẹ goá chồng" (*Trois jours...*, tr.75). "Tôi" chọn người kể chuyện là một nhà văn, như thế dễ viết hơn là chọn một kẻ sát nhân, một nhà phẫu thuật hay một bộ trưởng. "Người kể chuyện trong cuốn sách sắp tới của tôi đêm đêm giam mình trong một căn phòng để làm việc [...] Tôi chấp thuận cho phép ông ta thỉnh thoảng rời căn phòng [...] Đi đây đi đó, làm tình, viết văn, thật là một tam vị nhất thể tuyệt vời!" (*Trois jours...*, tr.95, 99, 101). Nhưng rồi việc viết lách chậm như rùa. Vợ "tôi" hỏi: "Cuốn tiểu thuyết của anh đến đâu rồi?". Mẹ "tôi" sống ở Provence, miền Nam, lần gần đây nhất lên Paris, hỏi: "- Con đưa cho mẹ xem cuốn tiểu thuyết của con chứ? Nó đâu? - Bà muốn nói là bản thảo [...] Tôi đã trả lời mẹ: - Con chưa viết xong được - Thế ít ra con đã bắt đầu viết chưa?" (*Trois jours...*, tr.156, 157).

Từ trang 163 đến trang 234, tiếp theo sáu "chương" ấy là trang bìa, trình bày hết cả trang, như một trang bìa thật, cuốn tiểu thuyết của "tôi", với đầy đủ tên tác giả là François Weyergraf, nhan đề cuốn tiểu thuyết là "Ba ngày tại nhà mẹ tôi"... Sau trang bìa là ba chương đã hoàn thành, ghi rõ chương 1, chương 2 và chương 3. Phương thức tự sự chuyển sang ngôi thứ ba, lời kể của người trần thuật: François Graffenberg là một nhà văn; ông đã gần sáu mươi tuổi, vợ là Daphné, hai con gái là Chloé và Sieglinde. Ông định viết một cuốn tiểu thuyết lấy nhan đề là "Ba ngày tại nhà mẹ tôi", nhân vật chính, người kể chuyện trong đó tên là François Weyerstein, cũng là một nhà văn, dự định viết "Ba ngày tại nhà mẹ tôi", nhưng mãi chưa xong vì

những chuyện gặp gỡ, hẹn hò. Ông quyết định gác lại tất cả, về nhà mẹ ở mấy ngày để nghỉ ngơi đôi chút và hoàn thành tác phẩm.

Cuốn Ba ngày tại nhà mẹ tôi của François Weyergraf mới được ba chương và dừng ở đây. Ba mươi trang cuối (tr.235-263) tiểu thuyết *Ba ngày tại nhà mẹ tôi* của François Weyergans được đánh số 7, nối tiếp với 6 "chương" mở đầu tác phẩm và trở về với phương thức tự sự ở ngôi thứ nhất. "Tôi" được tin mẹ "tôi" ở Provence bị ngã chẳng ai biết, nên một mình nằm ngoài vườn, nay đang điều trị ở bệnh viện. "Tôi" liền về Provence. "Thế là tôi về sống ba ngày, ba ngày ấy tại nhà mẹ tôi. Tại nhà mẹ tôi mà không có mẹ tôi". Tiểu thuyết kết thúc bằng mấy dòng: "Tôi nay tôi rất muốn gửi cho mẹ tôi một bản fax, tôi rất muốn viết báo tin cho mẹ là tôi vừa đặt dấu chấm hết cho quyển sách mà tôi đã quyết định hoàn thành, sau khi mẹ ngã, tôi về ở ba ngày tại nhà mẹ tôi" (*Trois jours...*, tr.255, 263).

Nhà văn có thật François Weyergans viết cuốn tiểu thuyết với nhân vật trung tâm là nhà văn hư cấu François Weyergraf (tạm gọi là cuốn A); nhà văn hư cấu này lại viết cuốn tiểu thuyết với nhân vật trung tâm hư cấu là François Graffenberg cũng là một nhà văn (tạm gọi là cuốn B). Đến lượt François Graffenberg lại viết cuốn tiểu thuyết với người kể chuyện là François Weyerstein vẫn là một nhà văn (tạm gọi là cuốn C) và nhà văn ấy đang loay hoay viết *"Ba ngày tại nhà mẹ tôi"* (tạm gọi là cuốn D). Các tiểu thuyết ấy đều lấy cùng một nhan đề và triển khai cùng một nội dung. Một dạng tiểu thuyết trong tiểu thuyết và theo kỹ thuật "lồng gương" đến mấy tầng. Hai cuốn C và D mới chỉ là những dự định. Cuốn B của François Weyergraf đã xong được ba chương, Cuốn A, tiểu thuyết "có thật" của tác giả "có thật" François Weyergans thì gồm bảy "chương" đánh số từ 1 đến 7 và cả ba chương chen ngang của tác giả cuốn B kia.

Xét về một phương diện khác, cuốn D mới chỉ được nhắc đến, chưa có tên nhân vật và cũng chưa biết là theo phương thức tự sự nào. Cuốn C theo phương thức tự sự ở ngôi thứ nhất, căn cứ vào câu: "Người kể chuyện trong tiểu thuyết của ông (tức François Graffenberg - P.V.T thêm) tên là Weyerstein" (*Trois jours...*, tr.201). Cuốn B theo phương thức tự sự ở ngôi thứ ba. Đọc cuốn tiểu thuyết hoàn chỉnh, "thật sự" của F. Weyergans, ngôn từ kể chuyện dường như cũng luân phiên thay đổi theo kiểu "lồng gương",

từ ngôi thứ nhất (cuốn A) ở 7 “chương”, sang người trần thuật ở ba chương (cuốn B) và sẽ lại trở về với ngôi thứ nhất (cuốn C)...

Một cuốn tiểu thuyết về sáng tác tiểu thuyết của một nhà văn có dự định trong đầu mà cứ trì hoãn mãi viết không xong. Cái gọi là cốt truyện theo nghĩa truyền thống hầu như chẳng có. Ba ngày tại nhà mẹ tôi lôi cuốn hứng thú của bạn đọc về phía kỹ thuật biến hoá chủ thể tự sự trong tác phẩm. Ngoài ra, có những dấu hiệu khiến ai cũng phải băn khoăn: các nhân vật nhà văn trong tác phẩm đều có tên là François như tác giả, còn các họ Weyergraf, Graffenberg, Weyerstein đều na ná dặt dây nhau và gợi nghĩ đến Weyergans. Cũng có mối liên hệ tương tự giữa tên vợ (Delphine - Daphné) và tên hai con gái (Zoé - Chloé; Woglinde - Sieglinde) của Weyergraf và Graffenberg. Dù sao, đó vẫn chỉ là những nhân vật hư cấu; các chủ thể xưng "tôi" và người trần thuật trong tác phẩm vẫn không thể đồng nhất với nhà văn. Trong tiểu thuyết này, chủ thể "tôi" có đầy đủ cả họ tên, tuổi tác, lại có vẻ gắn với những mối quan hệ xã hội, vợ con, mẹ, tình nhân, nhà xuất bản... Nhưng các tên họ dặt dây nhau, nhòa vào nhau, các sự kiện lại rất mờ nhạt, cả cuốn tiểu thuyết chỉ quanh quẩn ý chính là mãi chẳng hoàn thành. Thật không dễ dàng hình dung để phân tích "tôi" như một nhân vật theo lối mòn trước đây..."

GS. Phùng Văn Tửu

Khoa Ngữ văn - Đại học Sư phạm Hà Nội

Ta chu du khắp đó đây,
một mình trên lưng ngựa,
thu lu trong áo khoác,
giữa vùng quê tối om,
trong gió rít âm u,
không ánh sáng soi đường.

LUDWIG UHLAND

1

“Ông làm cho thiên hạ người ta sợ đấy”, tối hôm qua Delphine đã phán vào mặt tôi câu này để chấm dứt cuộc lời qua tiếng lại có nguy cơ bùng nổ thành một trận cãi vã quyết liệt. Thỉnh thoảng, cách cư xử của tôi làm cho bà ấy bật ra những kết luận đại loại như vậy, những câu luận tội thật sự. Ngày xưa, và ngay cả thời gian gần đây, tôi đã từng bị người mà mình vẫn gọi là “Delphine bé nhỏ của anh”, mặc dù bà ấy cao những một mét bảy mươi tám, chơi cho những câu còn đau điếng hơn thế nhiều. Chúng tôi đã chung sống hơn ba mươi năm trời. Delphine là người đàn bà mà tôi vẫn tưởng tượng sẽ có mặt bên tôi, cúi xuống giường tôi, nếu một ngày tôi phải chết trong bệnh viện chứ không phải trong một vụ tai nạn máy bay – mà dù là tai nạn máy bay đi chẳng nữa thì có lẽ bà ấy cũng ở bên tôi thôi. Vậy là tối hôm qua, tôi đã bị bà ấy đưa ra một lời phán xét, tuy không nghiêm khắc bằng cái chết, tất nhiên, nhưng vẫn không phải là một lời tuyên bố trắng án: tôi, François Weyergraf, người từng dựng năm bộ phim và xuất bản mười tiểu thuyết, tôi làm cho thiên hạ người ta sợ.

Một câu như vậy, nếu là thời mà tôi vẫn còn chịu khó mua sổ tay công việc và thường xuyên phải dùng đến, tôi sẽ ghi ngay vào đó, nhưng bây giờ tôi lại không còn hẹn gặp lại ai nữa và cũng không còn gì để mà ghi chéo nữa. Ghi câu đó lại để làm gì? Một câu như thế thì quên làm sao được mà phải ghi.

Delphine không bảo là tôi làm bà ấy sợ, mà là tôi làm cho thiên hạ người ta sợ. Cái “thiên hạ” này ở đâu ra? Có phải “thiên hạ” là hai cô con gái của chúng tôi, hai người đàn bà đã trưởng thành và đủ hiểu biết để nhận thấy cha chúng đang gặp rắc rối không nhỉ? Chắc chắn rồi. Và hẳn là cả mẹ tôi và chị em gái tôi nữa. Nhưng Delphine có mấy khi qua lại với gia đình tôi đâu, cả tôi cũng vậy, tôi cảm thấy mình có lỗi vì không thường xuyên về thăm nom mẹ. Hầu như mỗi ngày, tôi đều nghĩ mình phải xuống thăm bà mẹ sống thui thui một mình trong ngôi nhà cũ kỹ ở tỉnh Alpes-de-Haute-Provence, nhưng rồi tôi vẫn chưa bao giờ quyết định dứt khoát được. Trong cảnh quay ở nghĩa trang của bộ phim Tám rưỡi, khi nhân vật đạo diễn điện

ảnh do Mastroianni thủ vai nhìn thấy cha mình hiện lên, ông mới nhận ra một điều đáng buồn là hai cha con ít chuyện trò với nhau quá: “*Papa, si siamo parlati così poco!*”^[1] Cũng có thể là một ngày nào đó sẽ đến lượt tôi phải hối tiếc, không phải vì ít nói chuyện với mẹ bởi vì gần như mỗi tối tôi đều gọi điện cho bà, mà vì ít gặp bà quá, nhất là mấy năm gần đây. Tuy đã hơn tám mươi tuổi, bà mẹ thân yêu của chúng tôi còn cố chấp hơn tôi nhiều. Qua điện thoại, bà đã tóm tắt quan hệ giữa hai mẹ con bằng một câu như sau: “Rất cuộc, mẹ chẳng mấy khi có dịp được nhìn thấy mặt con.”

Một đòn trừng phạt đích đáng! Không hiểu bà có biết là tôi đang điếng người không, nhưng thấy tôi cứ im thin thít nên bà lại bồi thêm một câu nữa: “Thật đấy! Con chẳng đã bỏ nhà ra đi rất sớm là gì, hỏi ấy con bao nhiêu tuổi nhỉ, mười bảy hay mười tám? – Mười chín đấy chứ, Mẹ! – Thế vẫn là sớm so với lớp trẻ thời nay, bằng tuổi con thì chúng vẫn còn ở với cha mẹ.” Cho đến cuối thập kỷ chín mươi, bà vẫn thường xuyên lên Paris, mỗi năm phải đến dăm bảy lần, lần nào cũng ở chơi nhà tôi vài ngày, nhà Madelien vài ngày. Vì vậy, có thể nói là chỉ có mẹ đến thăm con thôi, còn con thì... Mấy năm gần đây, bà hầu như không đi đâu nữa. Bà mà đã cất công lên tận Paris thì nhất định là đang cần một thầy thuốc chuyên khoa khám bệnh, mặc dù bà có thể tìm được khá nhiều bác sĩ giỏi ngay tại Marseille. Thế mà đối với bà, Marseille cũng đã là xa lắm rồi, tuy chỉ cách nơi bà sống chưa đến một trăm cây số.

Chắc là một vài người trong số bạn bè của chúng tôi cũng đã nói chuyện với Dephine tỏ ý lo ngại rồi. Tôi đoán là trong lúc tôi còn ngủ (thường thường thì giữa buổi chiều tôi mới thức dậy, đôi khi còn muộn hơn nữa), bà ấy đã nhận được nhiều cuộc gọi: “Chị ơi, anh François ra sao? Đã lâu lắm rồi, anh ấy không liên lạc gì với tôi cả. Lần cuối cùng tôi gặp anh ấy, trông anh ấy có vẻ không được khỏe lắm. Tôi lo cho anh ấy quá.” Khi Dephine nói cho tôi biết là tôi làm cho thiên hạ người ta sợ, giọng bà ấy tự nhiên trầm hẳn xuống, giống như tiếng dương cầm trong bản giao hưởng *Bão táp* của Beethoven hay tiếng kèn fa-gôt trong bản concerto *La Tempesta di mare* của Vivaldi vậy, nói tóm lại là tôi cảm thấy sóng to gió lớn sắp nổi lên rồi, mà sóng to gió lớn thật chứ không chỉ dăm ba đợt lăn tăn thôi đâu. Phải công nhận là cuộc sống vợ chồng của chúng tôi từ trước đến đây chẳng có gì là sóng yên biển lặng cả, thậm chí còn đầy phong ba bão táp nữa kia.

Luồng không khí có ngược chiều thì mới tạo ra gió lốc, tôi bèn đối đáp lại bà rằng, mũi Bão Táp còn có một cái tên thứ hai được nhiều người biết đến hơn là Hảo Vọng, quan hệ đối kháng giữa hy vọng và bão táp còn đỡ rắc rối hơn cuộc xung đột dai dẳng giữa hận thù và tình yêu. Tôi còn giảng giải về từ *tempestas*, một từ thôi nhưng trong tiếng La-tinh có nghĩa là thời tiết tốt, đồng thời cũng là thời tiết xấu. Tôi cố gắng trở hết tài ăn nói của mình để thoát ra khỏi tình thế khó xử này, nhưng quả thực Delphine nhận xét rất đúng. Không những tôi làm cho thiên hạ người ta sợ mà còn làm cho chính mình sợ nữa.

Đáng lẽ tôi phải công nhận ngay điều Delphine nói, đằng này tôi lại đi kể lể dông dài về ca sĩ hát giọng nam cao, người đã cất tiếng hô mưa gọi gió trong vở opera *Bão táp* của Purcell. Tôi chỉ nhớ vở *Bão táp* một cách bập bõm, tức là phần nhạc soạn cho vở kịch của Shakespeare, còn nội dung vở kịch thì tôi thuộc hơn nhiều. Khi đọc tác phẩm này, tôi tưởng tượng mình là nhân vật Prospero, vị thuật sĩ già nua quý bộ sưu tập sách của mình hơn tất cả mọi thứ trên đời, tôi cũng vậy. Đã bao lâu rồi tôi không nghe nhạc của Purcell? Hai cô con gái tôi lớn lên là nhờ thói quen nghe nhạc của Purcell đều đặn trong bữa sáng qua giọng hát của Klaus Nomi hay Alfred Deller, và tất nhiên là nhờ nhiều thứ khác nữa. Toàn bộ đĩa 33 mà hồi bé hai đứa thích vẫn còn đây, xếp gọn gang trên giá. Một hôm, chúng nhận ra một điều: “Cha nghe nhạc ít hơn hẳn ngày xưa.” Hình như chúng cho việc này là dấu hiệu xấu.

Tôi muốn ứng trước tiền nhuận bút cho mấy cuốn sách mà tôi chỉ viết được phần đầu thôi. Tôi không còn sách để xuất bản nữa. Tôi không thiết nữa thì đúng hơn. “Chúa ơi! Cho ra mắt một cuốn sách thật là lảm phiền hà.” Molière đã viết một câu như vậy. Đọc một quyển sách về Racine, tôi mới biết là người ta chê trách ông đã được trả tiền rất hậu để viết về tiểu sử vua Louis XIV, thế mà ông chẳng viết được dòng nào cả. Tôi đã ghi lại đoạn này rồi. Thực ra, Racine làm việc khá nhiều. Cả tôi cũng thế. Tại sao tôi lại lôi kéo Delphine, và tại sao bà ấy lại chịu để cho tôi lôi kéo, vào cuộc sống toàn người điên điên khùng khùng thế này, mà quả là cuộc sống của chúng tôi đang lâm vào tình trạng như vậy thật. Hôm nọ, bà ấy đã nói toạc ra một câu rất chí lý:

- Chúng ta sống một cuộc sống của người điên khùng, hay nói đúng hơn, chúng ta là những kẻ điên khùng đang sống.

Nhưng Delphine còn chưa biết hết mọi chuyện đâu. Gần đây, tôi phải giấu biệt toàn bộ thư tín mà người ta gửi cho tôi. Từ ba tháng nay, tôi không dám rời khỏi căn hộ, ngộ nhỡ nhân viên chấp pháp lại đến vào lúc tôi đi vắng và bà ấy phải ra mở cửa thì sao. Bà ấy sẽ choáng mất.

Tôi mà sống độc thân thì mới có quyền được là kẻ không lo xa bất trị, mặc dù trong thâm tâm, tôi đâu có cảm thấy mình là người như thế. Đối với Zoé và Woglinde, tôi là cha kiêu gì vậy? Khi đọc và gạch dưới những điều kinh khủng mà các nhà phân tích tâm lý khẳng định về vai trò của người cha, tôi hoàn toàn nhất trí với họ khi nghĩ đến cha mình, ngay cả khi họ còn táo bạo đến mức ám chỉ rằng người cha duy nhất thực thụ phần nào là con tinh trùng, nhưng tôi lại tự nhủ: “Miễn là hai con gái mình không tình cờ đọc được đoạn này!” và thế là tôi giấu biệt luôn những cuốn sách ấy đi. Con gái Zoé thân yêu, tên con là một từ Hy Lạp có nghĩa là cuộc sống, *Zoépoiétiki*, kẻ tạo ra cuộc sống! Còn con, Woglinde, con mang tên một người con gái sông Rhin, nữ thần sông núi canh giữ vàng bạc... Hồi còn bé, các con hay vói cha kể cho nghe nguồn gốc tên mình lắm.

Tôi mà xuất bản được cuốn sách thì nhất định sẽ năng về thăm mẹ hơn. Con người tôi không bao giờ biết hối hận là gì. Còn hối tiếc thì có, nhưng không liên quan gì đến hối hận cả. Trong bất kỳ cảm giác hối tiếc nào cũng có một tính chất “đau đớn buốt nhói, thấm thía” mà tôi không hề cảm thấy bao giờ. Đàng này, hối tiếc là mình làm lỗi nhưng không có ác ý. Mình không chấp nhận nhưng cũng không lên án quá khứ. Ngược lại, hối hận khiến mình cứ nghĩ luẩn quẩn mãi không sao tiến lên phía trước được. Và ngày nào, tôi cũng nắm chặt tay như một cầu thủ quần vợt và thầm hô khẩu hiệu không biết bao nhiêu lần: “Nào, François! Nếu mi muốn thoát ra khỏi tình cảnh này thì hãy thẳng tiến!” Cả một nền văn học viết bằng tiếng Hin-đi, tiếng Pa-li hay tiếng Phạn không cần chờ tôi tìm đọc cũng đã khẳng định từ bao thế kỷ này rằng quy luật cuộc đời là phải tiến lên phía trước. Bánh xe cuộc đời cứ quay mãi mãi. Ai hãm nó lại được đây? Delphine chẳng cần phải có một thầy Bà-la-môn giảng giải cũng phát biểu được một câu, trong một phút làm ra vẻ thanh thản, miệng mỉm cười mơ màng: “Nhìn từ góc độ

nào đi chẳng nữa thì cuộc sống của chúng ta sau này cũng sẽ không được yên ảm lắm.”

Tôi sắp sáu mươi tuổi rồi. Cả Delphine cũng vậy. Giả sử như một buổi tối, chúng tôi được mời đến dùng bữa ở nhà Freud^[2] tại Viene, ông chủ nhà sẽ nhận xét như thế nào sau khi chúng tôi cáo lui? “Cả hai người ấy đều có xu hướng khá mạnh mẽ thích thú gây đau đớn cho người khác” chẳng? Ông ta có nói rõ thêm: “Người đàn ông ấy không phải là không có tính thích tự gây đau đớn cho mình đâu” không? Nếu là thời Louis XIV, không biết người ta sẽ nghĩ gì về chúng tôi nhỉ? Các quan trong triều sẽ nhìn chúng tôi đi dạo trong vườn Versailles và bàn tán: “Nhìn bà công nương sắp sang tuổi xế chiều và ông chồng già cóc đế kia.” Lần đầu tiên đọc được câu này, tôi còn là học sinh trung học, thế là tôi áp dụng luôn vào trường hợp cha mẹ mình. Tôi không sao nhớ nổi câu này là của ai nữa.

Khi cha tôi mất, mẹ tôi mới ở lứa tuổi gần như tôi bây giờ. Các bà bạn tín đồ Công giáo rất đông của mẹ tôi, cả các bà sùng đạo lẫn các bà mù quáng vì đạo, và cả các chị tôi và bản thân tôi nữa, đều tin rằng bà sẽ tạo được hình tượng góa phụ theo lời khuyên của thánh Paul. Đối với các cháu ngoại tôi, Saint Paul chỉ còn là tên một trạm xe điện ngầm ở Paris và tên thủ phủ bang Minesota, nơi mà tôi không hề mong chúng đến và nơi mà nhà văn François Scott Fitzgerald không thể phát biểu trái với ý kiến của tôi được, ngay cả khi Côte d’Azur từ lâu đã không còn là thiên đường đối với ông ta như xưa kia nữa, mặc dù mỗi khi đứng trên sân thượng khách sạn Roches Blanches ở xã Cassis nhìn ra Vịnh Canaille hay dạo chơi trên bờ thành ở Antibes, tôi vẫn khẳng định cho rằng Côte d’Azur vẫn là một kiểu thiên đường. Sau khi tôi chết, các cháu ngoại của tôi sẽ tìm thấy tác phẩm của Fitzgerald trong tủ sách, và chắc chúng sẽ không hiểu nổi, tại sao ông chúng lại thích những truyện quá ủy mị đa cảm như vậy, nhưng thôi, chúng ta hãy trở lại đề tài thánh Paul, một trong số rất ít người được Chúa Giê-xu chọn để xuất hiện trước mắt và truyền ý muốn của Người nhưng lại làm cho mắt ông không nhìn thấy gì trong ba ngày. Thánh Paul đã đưa ra những lời khuyên rất nghiêm khắc và áp đặt về vấn đề hôn nhân và những gì liên quan. Ông chấp nhận cho góa phụ được tự do muốn lấy ai thì lấy, miễn là “ở trong Chúa”, nhưng rồi lại vội nói thêm rằng góa phụ sẽ có phúc hơn nếu không tái hôn. Thánh Paul thuộc mẫu người có quan điểm rõ ràng về mọi

vấn đề, từ vấn đề được phép để tóc dài đến đâu hay cách ăn thịt. Ông còn khuyên nô lệ: “Hãy tuân theo chủ nhân của các người dưới trần thế này” và yêu cầu đàn bà con gái phải im lặng trong các cuộc hội họp công cộng.

Sau vài năm sống trong cảnh góa bụa theo lời dạy của thánh Paul, mẹ tôi đã phải lòng một người đàn ông trẻ hơn bà mấy tuổi.

Trước tiên, bà thông báo riêng cho từng người trong số năm cô con gái đã, sau đó mới đến lượt tôi, đưa con trai độc nhất, nhưng tôi đã được mấy chị em kể cho nghe ngay khi biết tin rồi. Claire, bà chị cả, vẫn thường bảo chúng tôi: “Mẹ phải làm lại cuộc đời chứ.” Chị ấy có hình dung ra cảnh mẹ tôi mà tái hôn thì sẽ như thế nào không? Tôi thì lại ghét nhất đi dự đám cưới. Nhưng may cho tôi, người ấy lại có vợ rồi, thế là thánh Paul sẽ phần nộ lắm đấy. Ông ta có bốn người con đã trưởng thành, con nào cũng đã có gia đình riêng, và hiện sống với vợ, một người đàn bà quanh năm ốm đau quặt quẹo cho nên không thể để cho bà ta biết chuyện được. Cứ tối đến, ông ta lại phải viện đủ mọi cớ để xuống đường chui vào một buồng điện thoại công cộng và giấu vợ gọi cho mẹ tôi. Một hôm, chờ mãi không thấy ông ta gọi đến, bà đã tâm sự với tôi: “Con có hiểu không, mẹ không muốn làm gì có hại cho bà vợ ông ấy đâu, không có mẹ thì bà ấy cũng đã khổ sở lắm rồi, mẹ không mong cho bà ta chết nhưng dù sao thì bà ta có chết thì mới hết khổ được.”

Ông ta tên là Frédéric Trucbert và là chủ, đồng thời phải trực tiếp điều hành, một xưởng làm giấy bìa. Muốn đi chơi với mẹ tôi, ông ta phải bịa ra những chuyến thăm dò thị trường, lần thì Nam Hàn, lần thì Phần Lan, và ông ta thường đưa mẹ tôi đến những khách sạn thơ mộng bên bờ hồ Annecy hay vùng ngoại ô Paris. Ông ta làm thế nào để cho bà vợ tin là mình đang ở Helsinki trong khi lại gọi điện thoại về từ Saint-Germain-en-Laye nhỉ? Ông ta xoay xở ra sao với số điện thoại ở các khách sạn? Thời ấy đã làm gì có điện thoại di động. Hồi còn chưa biết quan hệ giữa mẹ tôi và ông ta, tôi đã được xem một tấm ảnh ông ta chụp trên bờ bể bơi trong một khách sạn lớn, ngồi bên cạnh một cô gái rất xinh khoảng hai mươi lăm tuổi. Trong tấm ảnh màu ấy, tôi chỉ để ý đến cô gái mặc áo tắm ấy thôi. Tôi có hỏi bà xem cô ấy là ai. Mẹ tôi đáp ứng rằng, đó là bạn thân nhất của một trong số mấy cô cháu gái tôi. Nếu có dịp, tôi rất muốn làm quen nàng tiên cá ngồi bên cạnh cầu nhảy ấy, hồi đó cô ta chưa thể đoán được sau này cha cô sẽ trở thành người

tình của mẹ tôi. Ngủ với con gái người tình của mẹ mình thì không hiểu đó là cấp nào trong thang của Richter về tội loạn luân?

Ông Frédéric kém mẹ tôi mấy tuổi nhưng vẫn đinh ninh rằng bà trẻ hơn mình. Mẹ tôi rất thích thú về chuyện hiểu lầm này: “Việc gì mẹ phải nói thật cho ông ấy biết. Ông ấy chưa bao giờ xem thẻ căn cước của mẹ. May mà trong các khách sạn, người ta không bao giờ yêu cầu mẹ trình giấy tờ cả! Mẹ không phải là kẻ nói dối, ông ấy tưởng mẹ trẻ hơn năm tuổi thì đâu có phải lỗi tại mẹ”. Mọi người đều nhất trí như vậy, nhìn bà thì ai bảo bà từng ấy tuổi đâu rồi.

“Đó mới chỉ là người đàn ông thứ hai mà mẹ biết trong đời thôi mà”, bà chị và mấy cô em tôi bảo nhau như vậy, chẳng là tất cả bọn họ đều trải qua nhiều mối tình hơn mẹ nên rất dễ thông cảm. Tôi chợt nhớ đến một cô cháu gái gọi tôi bằng bác. Một hôm, cô bé gọi điện nhờ tôi làm nốt một bài văn nghị luận. Đang nói dở, cô bé bỗng im bật, và bằng một giọng thờ ơ như thể báo tin nhà vừa sắm một chiếc lò vi sóng mới, cô bé thì thầm vội mấy câu: “Mẹ cháu vừa về cùng tay tình nhân mới đây, bác ạ, cháu phải chuồn để họ được tự nhiên thôi, cháu cúp máy đây.” Tôi không kịp cả hỏi xem cha cháu đang ở đâu.

Các chị em tôi thường đem cuộc sống tình cảm của mẹ ra bàn rất sôi nổi, như thể họ là các ngôi sao ba-lê đàn chị quan tâm dạy bảo một đàn em học sinh lớp múa ở Viện Nhạc kịch Paris mới vào nghề vậy. Đối với ông Frédéric Trubert, buổi mà Mẹ giới thiệu ông với chúng tôi không còn là cuộc thương lượng mua bán bột giấy ở bán đảo Scandinavie hay cuộc đối đầu với hội đồng quản trị nữa mà là lễ ra mắt một ban hội đồng giám khảo khó tính và xét nét mà thành phần là chị tôi, các em gái tôi và tôi. Mấy ngày trước, chị em chúng tôi đã bàn kỹ mọi việc qua điện thoại: “Chúng mình phải khen ông ta dễ mến đấy nhé. Không còn cách nào khác đâu.” Như tất cả mọi gia đình, tính nết chị em chúng tôi rất khác nhau, mỗi người một ý nên dễ xảy ra chuyện lời thôi lảm. Chúng tôi mà không lớn lên trong cùng một nhà thì có lẽ chỉ như người dung nước lã thôi, đơn giản là vì chúng tôi không bao giờ hợp nhau cả. Nhưng sáu chị em lại có cả một thời kỳ thơ ấu không không bao giờ quên được, chúng tôi lại có biết bao kỷ niệm chung không thể xóa bỏ chứ không phải khó tả nên lời đến bây giờ vẫn làm chúng tôi vui buồn, lúc vui lúc buồn tùy theo thời điểm. Tôi vẫn tự hỏi mình,

không biết có phải mối tình đầu của đời tôi bà chị cả Claire không. Chắc chị sẽ ngạc nhiên lắm nếu tôi nói cho biết, một vài lần, tôi đã gọi tên chị chứ không phải tên người đàn bà mà tôi đang ôm ấp và cùng chung hưởng khoái lạc tình dục. Chị mà hỏi Delphine thì khắc biết thôi. Nói tóm lại, tôi hay bị tên đàn bà ám ảnh lắm. Đôi lúc, khi tôi hôn hên thì thầm tên những bạn tình cũ mà tôi đã từng ăn nằm lại thoáng qua trong tâm trí, thế là tôi phải kìm nén lắm mới không bật ra một trong những cái tên ấy, có khi nhiều tên một lúc, thay vì kêu đúng cái tên mà tôi bắt buộc phải nhớ lúc đó. Những giây phút như vậy, tôi lại tự an ủi cho mình đỡ băn khoăn rằng người đàn bà mà tôi đang ghì chặt vào lòng sẽ thay thế, sẽ nhập chung vào làm một hay loại trừ tất cả những người đàn bà khác, nhưng ý nghĩ này lại đè nặng lên tâm trí tôi chứ không làm tôi yên tâm được. Hai đối tượng mà mình cảm nhận cùng một lúc bao giờ cũng có một cái gì đó chung. Quy luật của tính giống nhau là thế. Một âm tiết, đôi lúc một nguyên âm đơn giản, cũng đủ để cho mình nhớ đến một cái tên cũng có nguyên âm hay âm tiết ấy. Trong trường hợp chị Claire và Delphine thì phải mất một thời gian khá lâu sau, tôi mới nhớ là ngày xưa, hồi còn nhỏ, tôi đã đặt biệt hiệu cho chị Claire là “Délice^[3]”. Chúng ta luôn bị những quy tắc mà chúng ta không hiểu rõ chi phối, những quy tắc cũng bất di bất dịch như trong ngữ pháp, thí dụ như một từ bao giờ cũng phụ thuộc vào một từ khác trong câu chẳng hạn. Khi các liên từ phụ thuộc chi phối động từ ở lối liên liếp thì người ta không thể tùy tiện đặt động từ ở lối trình bày được. Cả tôi nữa cũng không thể tùy tiện tách một tên riêng ra khỏi các tên khác được.

Buổi gặp mặt giữa gia đình Weyergraf và ông Frédéric Trubert diễn ra vào mùa hạ, khoảng giữa tháng tám, trên sân thượng ngôi nhà xứ Provence, nơi mà mấy chị em tôi đã trải qua rất nhiều kỳ nghỉ hè và cũng là nơi mà hiện nay Mẹ đang sống một mình. Xưa kia, đó là một ngôi nhà thờ cũ mà Giám mục thành phố Digne đứng ra bán năm 1954 hay 1955 gì đó, và cha chúng tôi đã tậu được với một cái giá rẻ như cho. Hồi đó, ngôi nhà đã đổ nát lắm rồi, muốn đến đó thì phải vượt qua mấy con đường đất, nước máy lại không có. Chúng tôi phải đi múc nước ở giếng một tu viện cổ không còn một viên gạch nào nguyên vẹn và bị bỏ hoang gần đó. Chị em tôi phải ở chung với lũ nhện và một vài con bọ cạp trong một phòng ngủ tập thể mà ngày xưa nằm ở giữa Carniol và Revest-des-Brousses, những người thông tỏ đường đi lối lại ở vùng này đều biết rất rõ. Chính trong ngôi nhà ấy, ngày mùng 5 tháng Hai năm 1974, một buổi sáng mùa đông giá lạnh, cha tôi đã

qua đời. Từ tối hôm trước, ông đã dặn mẹ tôi phải gọi ông dậy bằng được trước mười hai giờ trưa và ông đã thức trắng đêm để viết cho xong một bài báo. Bà đã phải lên lên xuống xuống đến hai mươi lần để gọi ông dậy, và chỉ đến khi lay người ông thì bà mới biết là ông đã tắt thở từ lúc nào.

Đêm hôm ấy, cha tôi nằm trên chiếc giường mà buổi sáng hai mẹ con đã trải mấy cái khăn lanh thêu màu trắng. Đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu làm thế nào mà hai mẹ con lại trải được tám khăn dưới thi thể cha tôi vì người chết thì khó nâng lên hơn người ốm nhiều. Lúc nhập quan, khi phải chứng kiến cảnh hai nhân viên nhà tang lễ nhét thi thể cha tôi vào cái túi rác lớn màu xám mà không thêm gượng nhẹ gì cả, rồi đặt cả bọc vào hòm gỗ, tôi đã tưởng bà sắp ngất xỉu đến nơi.

Đầu giờ chiều, chúng tôi mới xong việc ở nghĩa trang, một khách sạn cho người chết mà sách hướng dẫn du lịch Michelin có lẽ chỉ xếp được vào hạng một sao. Chúng tôi dừng xe ở thị trấn Forcalquier để vào cửa hàng anh em Tagliana mua thịt lợn muối, nhưng họ nhất định không chịu nhận tiền với lý do: “Cha các ông, các bà từng là chỗ bạn bè với anh em chúng tôi mà.” Sinh thời, cha tôi chỉ mê nhất món ô-liu đen muối với lá húng tây bán ở đó. Bà chị và bốn cô em tôi, người nào người nấy mặc bộ váy áo đen tuyền trông rất trang nhã, đã nhanh trí làm một vài món nguội và đem nước giải khát ra mời tất cả những người đến chia buồn với gia đình, phần lớn bọn họ đều ở khá xa. Cha tôi mà còn thì chắc là sẽ tự hào về các con gái lắm. Tại sao cuộc đời chúng ta cứ phải chấm dứt ngay trước lễ tang của mình, một trong những dịp hiếm hoi mà thế nào chúng ta cũng được ca ngợi hết lời nhỉ? Tôi hay tưởng tượng về đám tang của mình. Quan tài thì tôi đặt hàng của cô họa công mà tôi đã có một cuộc tình ngắn ngủi, tất nhiên là thế rồi. Lễ tang thì sẽ được tổ chức tại một phi trường hay một rạp hát, nhưng có lần thì là tại một nhà thờ xây theo phong cách ba-rốc ở Haute Bavière.

Cái kiểu lễ tang fantaisie^[4] ấy, cũng giống như người ta gọi “kirsh fantaisie” (thực ra chẳng có kirsh gì cả) lại thú vị nhất ở chỗ mình được sắm vai chính, mặc dù là một vai chính kịch câm. Người nào tưởng tượng được lễ tang của mình tức là người ấy vẫn còn sống nguyên.

Nhân dịp ông Frédéric đến chơi, Mẹ đã thực hiện được kỳ tích là lần đầu tiên, kể từ khi cha chúng tôi mất, tập hợp đủ sáu người con. Bà đã bỏ bộ

ly pha lê ra dùng, và trên sân trời, dưới bóng mát cây đoan, tôi chợt nhớ đến việc các chị em mình đã phục vụ nước quả ép cho khách khứa sau khi mọi người đi dự đám tang Cha về, thế là tôi đứng lên khai chai sâm banh thứ nhất trong số những chai có niên hiệu đảng hoàng mà ông Frédéric Trubert mang đến. Phong thái ung dung lịch lãm, ông ta mỉm cười thân thiện lần lượt với từng người và kể cho chúng tôi nghe về các chuyến du lịch ở châu Phi. Phải công nhận là ông khá hiểu biết về Kenya. Ông ngỏ ý muốn mời mẹ tôi cùng đi khám phá các bãi tắm bên bờ Ấn Độ Dương, gần thành phố cảng Mombasa. Bà bảo bà thích trở lại Venise hơn. Ông lại chuyển sang đề tài sườn núi lửa Kilimandjaro. Mẹ tôi liền hỏi, ông đã xem phim *Tuyết trên đỉnh Kilimandjaro* chưa, vai chính là Gregory Peck, một trong những diễn viên mà bà mê nhất. Nhưng ông Frédéric ít khi đi xem phim. Tôi bèn nói cho ông biết mẹ tôi là người rất mê phim ảnh. Hai người chưa kịp bàn sâu hơn về đề tài này thì Bénédicte, cô em từng làm kế toán ở Nam Phi mặc dù có bằng tốt nghiệp đại học môn tâm lý, lại lên tiếng hỏi về hậu quả mà cuộc nổi dậy của tổ chức Mau-Mau đã để lại cho đất nước Kenya. Mọi người đều nhận thấy ông Frédéric Trubert là một nhà kinh doanh thân cận với nhà cầm quyền bên đó. Ông thường xuyên được yết kiến tổng thống Jomo Kenyatta. Tôi không còn nhớ ai đã đề cập việc gọi tên riêng cho thân mật, và tôi đã lo ông Frédéric sẽ nêu ý kiến mong được chị em chúng tôi gọi ông ta là Fre, Freddy hay Fredo, nhưng may mà ông ta không phạm phải sai lầm ấy. Và suốt cả buổi gặp mặt ấy, ông ta không phạm một sai lầm nào cả. Sau một chầu sâm banh, ông ta mời chúng tôi đến tiệm ăn *L'auberge du Lubéron*. Để phòng xa, ông ta đã đặt trước một bàn tám chỗ ngồi, đó là một cơ sở mới mở được ít lâu ở thị trấn Apt, mặt tiền nhìn ra bến cảng, và ông ta đã từng đưa mẹ tôi đến đó dùng bữa. Chúng tôi phải đi mấy xe mới đủ. Mẹ tôi lên xe ông Frédéric. Tất cả các chị, em tôi đều biết lái xe. Cả tôi nữa, tôi cũng đã từng lái xe nhưng phải bỏ. Ngồi trước tay lái, tôi hay mất bình tĩnh, hơn nữa, tôi lại có vấn đề về thị lực, và tôi muốn đi nhanh hơn, tôi không xác định chính xác được tốc độ xe ngược chiều. Tôi không sao đánh giá được khoảng cách giữa hai xe giảm dần như thế nào. Hồi đầu thập kỷ sáu mươi, tôi đã có lần lái một lều từ Hambourg đến Naples mà gần như không dừng lại lần nào, tôi đã chạy xuyên qua nước Đức và chỉ ngủ hai hay ba bận gì đó trong xe, bên vệ đường. Hồi ấy, tôi mới hai mươi lăm tuổi.

Khi chúng tôi rời khỏi tiệm ăn, một mình ông Frédéric lên chiếc Volvo của mình. Ông còn phải đến chỗ bà vợ đang ở chơi nhà anh con cả ở gần thị

trần Uzès. Ông chỉ phải lái xe khoảng một tiếng là đến nơi. Tối hôm ấy, chúng tôi ngồi quây quần trong bếp, còn mẹ đã lên gác nghỉ, một cô em lên tiếng phát biểu trước: “Lạ thật, sao ông ấy làm mình nhớ đến Cha thế nhỉ, ông ấy cũng cao to như cha, và cả chất giọng cũng giống nữa.” Mẹ tôi không bao giờ giấu là bà chỉ thích giọng nam trầm, uy nghiêm, ấm áp và âm vang như giọng cha tôi, người từng là một nhà diễn thuyết tuyệt vời. Bà chỉ yêu được những người đàn ông rất cao lớn. Cha tôi cao một mét chín mươi, nhưng mẹ tôi thì lại thấp bé, hình như một mét sáu mươi thì phải. Cả đời, bà đã mang giày cao gót để đến bây giờ phải khổ sở vì chứng vẹo cột sống hay gù vẹo.

Chúng tôi được biết, Mẹ gặp ông Frédéric trong một buổi dạ hội mà chắc chắn rượu đã đóng vai trò giải ức chế. Mấy điểm chung giữa hai người đàn ông trong đời mẹ tôi (ba mươi lăm năm chung sống với người thứ nhất, một vài cuộc gặp gỡ cách quãng với người thứ hai) khiến chúng tôi nhận ra một điều, nhất định phải có những điều kiện cần thiết nào đó thì tình yêu mới nảy nở được, những điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ, may thay! “Thế còn anh, anh cần những gì thì mới phải lòng người ta?” Bénédicte hỏi tôi. Tôi thì lại quan tâm đến những lý do khiến tôi không yêu một người đàn bà. Thứ nhất là người đó không được trùng tên với bà chị hoặc bất cứ cô em nào của tôi, thứ hai là không được có mắt đen và vóc dáng nhỏ bé như Mẹ:

- Từ xưa tới nay, anh mới yêu có một vài người thôi, nói chung là rất ít, đây là nói yêu thật lòng chứ không phải yêu vớ vẩn đâu. Còn lâu anh mới yêu tất cả những cô tóc vàng mắt xanh lam mà anh đã...

- Nói tóm lại, anh không hợp với đàn bà miền Nam chứ gì! Ừ nhỉ, đúng là mắt chị Delphine xanh ngọc thật.

Tôi từ Paris xuống Alpes-de-Haute-Provence một mình. Delphine đã đi Thụy Sĩ với hai con gái. Các chị em tôi cũng không đưa chồng về thăm mẹ. Các anh em rề tôi (năm đó, nếu tôi nhớ không nhầm thì hình như cả bà chị và bốn cô em tôi đều kết hôn hoặc tái hôn) đang ở đâu, chỉ có trời mới biết được. Chị em chúng tôi thôi không bàn chuyện ông Frédéric nữa. Vừa ra khỏi thị trấn Uzès, ông Frédéric đã vào một ca-bi-nét điện thoại công cộng gọi cho mẹ tôi để bày tỏ, ông vui mừng như thế nào được làm quen với các con bà: bà vội xuống bếp nói lại cho chúng tôi biết ngay. Trong lúc uống nốt

chai porto, chúng tôi tiếp tục nói chuyện lan man thế nào mà lại chuyển sang đề tài ông nội, một thợ rèn đã làm việc rất vất vả và sống tần tảo để cho con trai được học hết bậc đại học và trở thành luật sư. Không hiểu ông nội có phản ứng thế nào khi cha chúng tôi đột nhiên tuyên bố từ bỏ nghề luật sư để chuyển sang viết văn nhỉ? “Còn anh, cô em út nói với tôi, Cha muốn anh thôi không viết văn nữa để trở thành luật sư đây.” Cả sáu chị em đều nhất trí nghiêm khắc phê phán cách cư xử của cha đối với ông nội, cha hay gắt gỏng với ông nội lắm. Ngồi nhăm nháp rượu porto và nghĩ lại, chúng tôi mới thấy ân hận vì đã không đối xử tốt hơn với ông nội. Rồi, như mỗi lần có dịp họp mặt đủ cả sáu, chúng tôi lại nhắc đến cuộc đời bà ngoại, một người đàn bà lúc nào cũng buồn u uất vì bị chính em gái út của mình phụ lòng tin, người em gái ấy đã tự tiện đến ở cùng nhà với chị và ngủ với anh rể. Mỗi lần nhắc đến chuyện này, chúng tôi lại không khỏi tủi lòng trước cảnh ngộ của một cô bé tám tuổi ấy – tức là mẹ chúng tôi – một mặt thì phải nói dối để che dấu thói trăng hoa của cha, mặt khác thì lại phải đứng ra làm trung gian giữa mẹ và dì. Được thực hành liên tục như vậy, năm học nào cô bé dễ thương ấy cũng đoạt giải nhất cuộc thi ăn nói lễ phép ở trường. Khoảng ba giờ sáng, cô bé mà chúng tôi vừa nói đến, người mà sau này đã sinh ra cả sáu chị em chúng tôi, hé mở cửa phòng ngủ để nhắc chúng tôi nói chuyện khẽ hơn một chút.

Chị cả Claire định rủ các em gái về chỗ mình, một ngôi nhà đứng tên hai vợ chồng chị, cách ngôi nhà thờ của gia đình hai mươi cây số, gần khu rừng công Sigonce. Sáng sớm hôm sau, ăn điểm tâm xong, chị sẽ đưa các em ra ga Avignon cho tiện. Mọi người mãi chuyện quá đến nỗi trời sáng lúc nào không hay. Thế là mấy chị em quyết định ngủ lại ngôi nhà thờ cũ, rồi hôm sau sẽ đi chuyến tàu khác để về nhà, vé đặt trước cũng bỏ luôn. Trước khi tắt đèn hành lang, tôi bảo mấy chị em: “Chúng mình ở lại thêm một ngày nữa càng hay chứ sao.” Năm chị em bắt đầu bảo nhau kẻ dọn, vừa làm vừa nô đùa khe khẽ, cố nén không dám cười nói to. Vớ được thứ gì họ trải tạm xuống đất thứ đó, nào đệm hơi, nào gối dài, nào chăn đơn chăn đôi, và thế là họ được dịp ngủ chung một phòng như hồi còn nhỏ.

Mẹ đã dọn giường đệm cho tôi trong căn phòng mà ngày xưa tôi ở. Chỉ có một mình tôi được nghỉ lại ở nhà bà thôi. Bà còn chu đáo tới mức để sẵn một chai nước và một cái cốc trên bàn đầu giường. Vừa ngả lưng xuống giường, tôi đã phải bật dậy để tháo chân dung cha tôi trên tường và cất vào

tử, mong sao sáng hôm sau tôi không quên treo lại vào chỗ cũ. Tôi không cần ông canh gác trong lúc tôi ngủ, và tôi cũng không muốn tỉnh dậy mà thấy ông cứ nhìn chăm chăm như vậy.

Tôi đang khoan khoái nằm trên mớ khăn trải giường mới giặt thì chợt nhớ ra, thôi đúng rồi, đây chính là mấy tấm lanh thêu mà năm năm trước, sau khi cha tôi qua đời, hai mẹ con đã trải cho ông nằm. Chả là hôm ấy, Delphine vội vã rời Paris và đáp chuyến tàu đêm (thời đó chưa có TGV^[5]). Từ ga Avignon, bà ấy đã bắt taxi đến thẳng nhà thờ lớn Forcalquier, nơi tổ chức lễ tang. Tôi vẫn còn nhớ hình ảnh chiếc va-li của bà ấy đặt cạnh ghế cầu kinh. Suốt cả ngày hôm ấy, Delphine cứ lủi thủi đứng một mình, bà ấy không quen ai trong số bạn bè gia đình tôi cả, hơn nữa, vốn từ nhỏ đã không có gia đình, nên người nhà tôi làm bà ấy ngại. Sau khi uống một viên thuốc an thần, mẹ tôi vào một trong những phòng trẻ con ngày xưa để nghỉ ngơi, chắc là bà không muốn ngủ trên chiếc giường mà ba ngày trước đó bà đã phát hiện ra ông chồng nằm cứng đờ cho nên nhường cho con trai và con dâu căn phòng lớn, nơi cha mẹ tôi sử dụng từ hồi cưới. Nhưng tôi cũng đâu có muốn nằm trên cái giường ấy. May thay, ở góc phòng lại có một cái đệm đơn và hai bộ khăn trải giường đặt sẵn trên đó. Vợ chồng tôi bèn lột mấy cái chăn trên chiếc giường lớn và khiêng tấm đệm ra giữa phòng. Tôi thấy nhẹ nhõm cả người vì lúc này mới được ở một mình với Delphine, tóm lại là một người biết rất ít về cha tôi cho nên sẽ chỉ nói với tôi về những chuyện khác chứ không phải về ông.

Thường thường về mùa đông, vùng Haute Provence được các nhà băng hà học quan tâm hơn khách du lịch nhiều. “Chúng mình nằm chung trên tấm đệm hẹp này sẽ ấm hơn nhiều,” Delphine vừa trải giường vừa bảo tôi. “Anh vào đây nhanh lên, em sẽ sưởi ấm cho,” bà ấy giục tôi, rồi người trần như nhộng, vội chui luôn vào giữa mấy lớp vải lạnh ngắt. Tôi mới đang hôn hít khắp người bà ấy thì đã phải nhảy dựng lên trông chẳng có vẻ gì là một tư thế mà bộ sưu tập sách khiêu dâm Trung Hoa của tôi dạy cả. Tôi vừa giặt mình nhớ ra, hai vợ chồng đang làm tình trên mấy tấm khăn trải trên chiếc giường mà cha tôi nằm lúc ông lâm chung: “Anh nhận ra tấm ga này rồi! Chính là ga trải giường Cha! Sáng nay, chính tay anh giúp Mẹ lột dưới thi thể Cha mà.”

Nghe thấy thế, Delphine vội bật dậy, và cuối cùng, nằm tạm bợ trên hai cái đệm hơi mà tôi xuống hầm nhà mang lên, không cần khăn trải gì cả, chúng tôi cũng thiếp đi được. Chúng tôi có tiếp tục âu yếm nhau không ấy nhỉ? Tôi quên mất rồi, còn Delphine, bà ấy có nhớ nổi một việc xảy ra cách đây đã một phần tư thế kỷ không? “Đỉnh cao khoái cảm một đêm sau lễ tang”, đầu đề giật gân cho một chương sách đây. Cả “Không có đỉnh cao khoái cảm” cũng là một đầu đề hay không kém đâu chứ. Gần đây, tôi có nghiên cứu một số bản dịch khác nhau của anh hùng ca *Iliade*. Nàng Hélène sắp gặp lại chàng Pâris. Cách dịch thứ nhất: “Chàng ngả lưng xuống giường nàng, và hai người trôi dần vào giấc ngủ.” Cách dịch thứ hai: “Chàng dìu nàng lên giường rồi hai người say đắm trong khoái lạc.”

Mới có tám giờ sáng, điện thoại đã đổ chuông âm ỉ, khiến tôi giật mình tỉnh giấc. Tôi hiểu ngay, ông Frédéric đang gọi cho mẹ tôi. Chưa kịp nghe tiếng gác máy keng một cái nho nhỏ, tôi đã lại ngủ tiếp một mạch cho đến một giờ chiều mới ra khỏi giường. Chị em tôi đã có mặt đầy đủ ngoài sân trời, như thế là tôi dậy muộn nhất nhà. Họ đã nướng bánh mì. Dưới ánh nắng, tảng bơ đã mềm và sắp chảy thành nước, đồng hộp đào và hai hũ mật trên bàn đã dụ mấy con ong đến vo ve xung quanh.

- Chị Claire ơi, Mẹ đâu?

- Mẹ biến vào phòng khách rồi, đang thủ thỉ trong điện thoại với ông Frédéric đấy. Chị chỉ nghe câu được câu chẳng thôi, nhưng mùi mẫn lắm, mẹ nói giọng thỏ thẻ như gái mười tám ấy.

Thế mà có một lần, người ta tưởng nhầm bà là vợ tôi cơ đấy! Tôi hỏi năm chị em: “Thế ra em chưa kể cho chị Claire và các cô nghe buổi tối mà chúng em, tức là Mẹ, Delphine và em, ngồi ở quán Harry ư?” Đó là dịp Mẹ lên Paris thăm chúng tôi, cách đó ba năm. Mười ngày đầu, bà đã đem hết những mẩu chuyện lý thú trong kho kỷ niệm gia đình mà bà là người có công lưu giữ ra kể với hai cháu nội, phải công nhận là bà nhớ khá nhiều và bọn trẻ rất thích nghe. Bà ghét con mèo nhà tôi lắm, đó là một con mèo lai đen tuyền được đặt tên là Pruneau, lạ một điều là nó rất quấn bà, quấn đến mức bà chỉ cần động đây một chút thôi, nó đã nhảy phóc lên vai bà và bám

vuốt vào cổ. Bà sử dụng phòng Zóe, trong đó có hình James Dean và Leonard Whiting, người đóng vai Romeo trong phim của Zeffirelli, thức canh cho bà yên giấc. Vừa tỉnh dậy, bà đã mở hé cửa và cảnh giác thò đầu ra ngoài nhờ mọi người nhốt con mèo lại, trong lúc bà đi từ phòng ngủ vào buồng tắm. Ngày thứ ba, chúng tôi đành gửi tạm con Pruneau sang bà hàng xóm nhờ nuôi dùm.

Delphine yêu cầu tôi cố gắng dậy sớm hơn thường lệ, những ngày mà hai đứa con gái đi học: “Ông đừng để tôi sáng nào cũng phải một mình tiếp chuyện mẹ ông. Tôi cũng rất quý bà ấy nhưng bà ấy đến thăm ông là chính chứ có phải tôi đâu.” Mẹ tôi vẫn thích ăn tôm cua từ xưa, thế là một hôm, trước bộ mặt ngơ ngác của cả nhà vì tôi hầu như không bao giờ nấu nướng gì cả, tôi tuyên bố, để chào mừng bà đến chơi, tôi sẽ khao cả nhà món tôm hùm nướng lò điện. Tôi bèn đi mua toàn những thứ hảo hạng. May mà đúng dịp bà lên chơi, tôi lại tương đối rủng rinh, vì vậy tôi cất công đi khắp Paris tìm đến những nhà cung cấp thực phẩm ngon lành nhất. Tôi mua luôn một lúc hai con tôm hùm, mỗi con nặng chín trăm gam, tôm hùm cái hẳn hoi vì thịt chúng mềm và ngọt hơn. Rồi tôi đến cửa hàng Legrand nổi tiếng chọn rượu. Tôi còn mua cả một chai dầu ô-liu vùng Nyons nữa: Mẹ không ưa ô-liu trồng ở đất nào khác cả. Bà rất sành về các sản phẩm ô-liu và phân biệt được từng giống, giống tanche, saloneque, aglendaue, grossane và nhiều giống khác nữa mà tôi chịu không sao nhớ hết được.

Mặc dù mẹ tôi khuyên chỉ nên luộc bằng nước sôi và muối hạt, tôi vẫn cầu kỳ đun một nồi nước dùng pha rượu vang và bẻ càng cua bỏ vào cho ngọt, đúng như hướng dẫn trong sách dạy nấu ăn. Khi tôi cẩn thận đếm đúng hai mươi lăm hạt hồ tiêu xanh, bà liếc nhắc tôi câu thành ngữ cổ “đất đỏ như hạt hồ tiêu”, và khi tôi bỏ thêm hai nhánh tỏi vào nồi, bà lại bình luận: “Con có biết rằng ngày xưa, trong các loại dược thảo, tỏi được đặt biệt danh là long não cho người nghèo không?” Khi tôi cất hành tây thành khoanh thì bà im lặng. “Thế còn hành tây, mẹ không có ý kiến gì cả sao?” – “Hình như người ta phát hiện ra thứ hành ở Palestine và quân Thập tự chinh mang giống về trồng hay sao ấy... Con định quét dầu ô-liu Nyons vào vỏ tôm à? Thế thì tuyệt!” Với con mắt rất tinh tường, bà đứng kề bên cạnh, vừa giám sát tôi trộn cả trứng băm vào bơ chảy vừa kể cho tôi nghe tin tức của các cháu gọi tôi là bác hay cậu, về việc học hành và chuyện yêu đương của chúng. Khâu bẻ càng hai con tôm hùm khôn khổ vẫn còn cựa quậy khá

hăng không được thú vị lắm, nhưng tôi vẫn dùng kìm bóc hạt óc chó kẹp cho giập và bỏ vào nồi nước dùng. Hồi đó, chúng tôi chưa sắm được nồi Hackman, kiểu nồi này bằng thép đúc màu xỉn mờ với hai lớp inox dày dặn nhằm bảo vệ cho cái lõi bằng nhôm và được sản xuất tại Phần Lan và tôi rất thích thú ngắm nghía chúng như thể đó là một tác phẩm điêu khắc của Brancusi vậy. Hai con tôm hùm đã bị tôi bỏ làm đôi, đứng giữa hai mắt, bày trên một cái đĩa gang tráng men Le Creuset và đưa vào lò. Bao nhiêu công phu chỉ cho hai phút trong lò! Như thể một cuốn tiểu thuyết mà người ta đọc chỉ có hai giờ đồng hồ trong khi viết ra nó thì phải mất hai năm trời đằng đằng, trường hợp tôi bây giờ thì chắc là lâu hơn. Tôi vừa theo dõi xem hai chú tôm hùm chín như thế nào vừa nghĩ lan man đến những gì mà con người thích ăn từ thời xa xưa tới nay, dòi, trứng mối, châu chấu tán thành bột và trộn với mật ong, chuột chũi, mắt hải cẩu, bộ óc vẫn còn phập phồng của con khỉ vừa bị phạt đầu.

Cuối bữa ăn, mẹ tôi nhận xét: “Nói chung là hôm nay mẹ được chén một bữa không chê vào đâu được. Phải công nhận là ngon tuyệt, đáng lẽ con nên chăm làm bếp hơn mới phải.” Món tráng miệng gồm có một quả dứa mà bên ngoài bì có dán một cái nhãn quảng cáo khẳng định rõ “*chính tự nhiên dưới ánh nắng Bénin và chuyên chở bằng máy bay*”, nước quả đông lạnh mua ở cửa hàng Berthillon và bánh hạnh nhân nhà Pons làm. Hai cô con gái tôi thi nhau kể chuyện cho bà nội nghe, tôi đã làm nước xốt dưa chuột như thế nào để ăn kèm với một con cá mà tôi quên khuấy mất tên rồi. Tôi đã đi chợ mua đủ cả ớt cựa gà, thìa là, mấy loại mù tạt làm theo kiểu xưa nhưng rồi lại quên mất dưa chuột.

Buổi chiều mà tôi cho là một dịp vui hiếm có ấy, trên sân trời ngôi nhà thờ cũ, mấy chị em mới cho tôi biết, chuyện về món tôm hùm François làm thì họ đã được nghe kể rồi: “Ba mươi năm anh mới ra tay làm bếp một lần để mời mẹ, khiến cho mẹ cứ nắc nỏm khen lấy khen để, nhưng từ đấy trở đi, mỗi lần mẹ đến nhà chúng em, món nào mẹ cũng bảo là không có gì đặc sắc cả. Con trai độc nhất có khác, đứa con yêu chiều nhất nhà mà... Mấy chị em thích nghe câu chuyện ở quán Harry hơn, anh kể đi nào.”

Câu chuyện ấy diễn ra ngay hôm sau bữa tiệc tôm hùm. Vào một ngày tối thứ Bảy. Mẹ định về vào thứ Hai tuần sau, vì vậy Delphine và tôi mời bà đến quán Tan Dinh, một hiệu ăn Việt Nam mà tôi rất thích ở phố Verneuil.

Thường thường, những lần ăn món châu Á, tôi chỉ uống nước trà thôi, nhưng Mẹ thì lại muốn uống rượu vang, mà quán Tan Dinh này lại nổi tiếng vì có một hầm rượu rất tuyệt. Tôi vừa chọn một chai vang đỏ ngon nhất thế giới vừa trích đọc một câu của Alexandre Dumas: “Không có gì làm cho tương lai đỏ hồng tươi đẹp hơn là nhìn nó qua một cốc Chambertin.” Sau bữa ăn, Mẹ chưa có vẻ gì muốn về nhà cả. Thế là hai vợ chồng tôi lại chiều bà, đưa bà đi uống bia ở quán Lipp là nơi mà nhiều năm qua bà không có dịp đặt chân đến. Trước kia, mỗi khi Cha có hẹn làm ăn ở khu Saint-Germain-des-Prés, ông lại bảo bà chờ ở quán Lipp, ông xong việc thì sẽ đến đó đón bà. Ba mẹ con chúng tôi ra khỏi quán Lipp và bắt taxi đến nhà hát Opéra vì bà muốn ngắm lại mặt tiền một chút; bà mới được xem có mỗi một vở ở đó thôi, và đó là vở *Norma* biểu diễn từ năm 1964, do nữ danh ca Maria Callas đóng vai chính.

Quán Café de la Paix đang rực rạch đóng cửa. Thấy Mẹ vẫn có vẻ chưa muốn về, tôi lại mời bà đi uống thêm một ly cuối cùng ở Harry’s Bar cách đó không xa thường đóng cửa rất muộn. Không còn bàn nào trống cả, chúng tôi đành đứng ngay tại quầy rượu, gần cửa ra vào. Mẹ và tôi bỏ qua không thèm gọi các loại rượu loãng xoàng mà chơi ngay hăm whisky, còn Delphine vốn không ưa rượu mạnh nên chỉ uống một ly porto. Buổi tối thật dễ chịu, chúng tôi đã uống khá nhiều, mọi người đều ở trạng thái lâng lâng và nói chuyện gì cũng sôi nổi và hứng thú. Một ông ngồi bên phải Mẹ tuổi độ trên dưới năm mươi, vóc người rất cao lớn, dáng vẻ rất lịch lãm, lân la bắt chuyện với bà. Không giữ gìn ý tứ trước mặt con trai và con dâu gì cả, bà liền quay sang nói cười rôm rả với ông ta. Tôi kể cho Delphine nghe ngày hôm đó tôi đã làm gì và không để ý đến Mẹ nữa cho đến khi bà kéo tay áo tôi: “François này ông đây là chủ nhà in. Mẹ đã giới thiệu với ông ấy, con là nhà văn. Hai người có thể hợp tác với nhau được đấy!” Bà nói tiếp, tưởng rằng mình đã thì thầm khế lắm nhưng thực ra, không có câu nào lọt khỏi tai người trông quầy rượu: “Con tỏ ra tử tế một chút có được không, con bắt tay ông ấy đi, mẹ bảo đảm với con rằng ông ấy rất lịch sự mà, đúng là một gentleman.” Tôi chưa bao giờ nghe thấy Mẹ dùng từ gentleman cả. Tôi sẵn lòng bắt tay ông chủ nhà in, nhưng tôi thấy rõ là ông ta không được tinh táo lắm. Ông ta tự giới thiệu: “Pascal Robert, chủ nhà in vùng Alsace. Pascal trùng với tên nhà văn, còn Robert thì viết giống như tên cuốn từ điển ấy.” Nghe lời giới thiệu trơn tru như vậy, người ta đoán được ngay là ông ta đã nói câu này hàng trăm lần rồi. Tôi hỏi ông đã đọc *Tư tưởng* của Pascal

chưa. Ông âm ừ nói rằng, ông chỉ quan tâm đến Pascal trên tờ năm trăm franc thôi. Rồi ông tha thiết xin được đãi chúng tôi một châu nữa. Chúng tôi uống khá nhiều, nhưng tôi chưa kịp mở miệng từ chối thì Mẹ đã nói át giọng: “Này này, có phải tối nào con cũng đưa bà mẹ già nua này đi chơi đâu!” Già nua gì mà già nua! Từ này không thích hợp cho lắm, tối nay trông bà rất rạng rỡ, ai dám bảo bà già nua. Thế là chúng tôi lại tiếp tục vừa trò chuyện vừa uống, tôi thì với Delphine, còn Mẹ thì với ông chủ nhà in, ông ta rất khôn, cứ mỗi lần ly của chúng tôi cạn, ông ta lại ra hiệu cho người phụ trách quầy rượu rót đầy. May mà Delphine có sáng kiến gọi thêm hot-dog, mà tôi thì chưa bao giờ chê món này ở Harry’s Bar cả. Ngồi ngay bên cạnh con trai mà Mẹ dám bảo ông chủ nhà in cắn vào miếng hot-dog bà đang ăn dở, thế là tôi hiểu rằng tình hình đã diễn biến xấu rồi. hai người có vẻ cao hứng lắm, theo ý tôi thì đã hơi quá trớn rồi. Ông chủ nhà in đã khoác vai mẹ tôi, vẻ thân mật lắm, tôi bèn nói thì thầm với Delphine: “Em có thấy là ông ta tán Mẹ sát sạt không?” Tôi động tai lên và nghe thấy ông Pascal Robert bảo Mẹ: “Khách sạn của tôi ở ngay gần đây thôi, bà đến đó với tôi đi, tôi tha thiết mời bà đấy. Bà cứ tống ông nhà về trước đi – ông nhà đây chính là tôi – và con gái bà nữa – con gái chúng tôi là Delphine.” Mẹ tôi cãi chính rằng chồng bà đã mất, rằng tôi là con trai bà, rằng Delphine và tôi có hai con gái. Ông ta bèn chỉ tôi: “Thế thì ông kia là ai?” “Là François, con trai tôi!” “Thế còn cô gái kia?” “Ồ hay, tôi đã bảo ông rằng đây là mẹ của hai đứa cháu nội tôi rồi mà, cháu Zoé và Wiglinde.” Đã đến lúc tôi phải ra tay thôi, nếu không thì thế nào cũng có chuyện lôi thôi với cái tay dở hơi tưởng tôi là chồng mẹ đẻ của mình và “hai vợ chồng” đang đưa con gái lớn đi chơi. Tôi cố thuyết phục bà về nghỉ, nhưng bà nhất định không chịu. “Khu này có quán nào còn mở cửa không nhỉ?” Ông Pascal Robert can thiệp: “Marie, bà cứ đi với tôi, tôi đưa bà đến khách sạn tôi trọ, quầy rượu có đóng rồi thì tôi cũng bảo họ mở lại được. rất gần đây thôi mà.” Gớm thật, tay này đã gọi mẹ tôi bằng tên riêng rồi đấy... Ông ta rút lấy một tấm danh thiếp và đưa cho tôi: “Hôtel Edouard VII, 39 Đại lộ Opéra.” Đúng là rất gần thật. Delphine ghé vào tai tôi thì thầm: “Em mệt rồi, chúng ta về đi thôi, anh cứ để Mẹ tự do muốn làm gì thì làm xem nào.” “Cái lão này say khướt rồi, anh không thể để mẹ đi với lão được.” Người phụ trách quầy rượu đã tắt gần hết đèn, đã mặc áo khoác và xua chúng tôi ra đường. Trước mặt tôi là Mẹ và ông Pascal Robert khoác tay nhau vừa đi vừa cười nói huyền thuyên. Sau lưng tôi là Delphine, bà ấy uống ít hơn chúng tôi nhiều và hiển nhiên là không muốn can thiệp vào việc của mẹ tôi. Người gác đêm

ở khách sạn đứng nhìn mấy ông bà khách say mềm, rạng đông mới về nghỉ. Tôi nhất quyết ngăn không cho mẹ tôi vào thang máy và tìm cách dỗ dành bà, giữ chặt tay bà, trong khi ông chủ nhà in cổ nhớ sổ phòng để lấy chìa khóa. Một câu thơ trong bi kịch *Phèdre* chợt hiện ra trong đầu tôi: “Đâu mất rồi, đoan trang và tiết hạnh, giới hạn đã vượt quá xa.” Tôi lấy giọng quả quyết, hay nói chính xác hơn là tôi tưởng giọng mình đã rất quả quyết, để nhắc mẹ tôi là đã đến lúc về nhà. Cho đến bây giờ, tôi vẫn nhớ như in ánh mắt thất vọng của bà: “Con vô lý vừa vừa thôi, thế còn ông Pascal thì sao?”

Sau này, ngay trước mặt tôi, Delphine kể lại chuyện tối hôm ấy cho Suzanne, bạn thân nhất của bà ấy: “Cái lão say ấy cứ tưởng mình là con gái François và mẹ anh ấy mới buồn cười chứ! Cậu mà nhìn vẻ mặt của François lúc đó nhỉ. Chỉ cần nghĩ đến việc mẹ mình muốn lên giường với một người lạ là anh ấy đã không chịu nổi rồi.” Tôi thấy mình có nhiệm vụ phải nói cho rõ: “Nhưng cả hai người đều say khướt mà, chấp làm gì. Anh thì lại chỉ lo việc gì sẽ xảy ra sáng hôm sau thôi, khi lão biết Mẹ hơn mình mười lăm tuổi, thế nào lão cũng tuôn ra những lời xúc phạm bà cho xem.” Delphine vặn lại: “Không phải vấn đề chênh lệch tuổi tác làm anh thấy chướng mắt. Việc mà anh không thể chấp nhận được là cứ phải bận tâm suy nghĩ đến nhu cầu tình dục của mẹ anh, điều này thì em có thể thông cảm được.” Suzanne thấy Delphine nói rất chí lý. Thế thì phận làm con, tôi phải xử sự thế nào cho phải đây? Chẳng lẽ tôi phải lẳng lặng bỏ đi chứ không lẻo đẻo theo mẹ vào sảnh khách sạn để canh giữ bà, rồi sau đó bắt bà lên taxi bằng được như một chú mèo con mà người ta nhốt vào lồng hay sao? Delphine thì lại tin rằng ông chủ nhà in ấy sẽ không bao giờ làm hại ai, kể cả một con ruồi, và biết đâu tôi lại cản trở một chuyện tình rất lãng mạn? Nhưng trên sân thượng ngôi nhà thờ hôm ấy, tất cả các chị em tôi đều nhất trí tán thành cách giải quyết của tôi.

Tôi vốn là một người khá nhút nhát. Hồi những năm sáu mươi, vào hiệu thuốc, tôi còn không dám lên tiếng hỏi mua băng vệ sinh phụ nữ Tampax trước mặt các khách hàng nữa kia, và khi Delphine lần đầu tiên thọc tay vào áo khoác tìm cửa quần để nghịch của quý của tôi trên một chiếc taxi, tôi đã suýt ngất xỉu, vừa vì sợ, vừa vì thích thú... Bà ấy còn chơi trò này trên tàu

hỏa nữa. Hôm đó, chúng tôi chỉ có hai người trong một ngăn. Delphine kéo rèm che kín cửa lối đi, còn tôi thì chỉ biết lắp bắp: “Nhỡ người soát vé vào thì sao?” “Thế thì lại càng kích thích mạnh hơn chứ sao.” Hồi đó, chúng tôi hai mươi lăm tuổi. Từ đó, tôi mới phát hiện ra rằng mình không đến nỗi làm cho đàn bà ghê sợ khi họ sờ soạng mình ở những nơi công cộng, dưới gầm bàn quán ăn, trong ca-bin điện thoại, tại phòng đợi, trong xe cộ đậu ban đêm tại các phố ít người qua lại. Tôi đoán, những trường hợp như vậy thì mọi người đều đã từng gặp rồi, nhưng tôi chưa bao giờ đề cập vấn đề này với bạn bè, có lẽ vì tính tôi hay cả thẹn hơn là vì giữ ý không thích nói chuyện bậy bạ. Chuyện cụ thể về tính xấu hổ trong đời tôi thì không kể xiết.

Tháng tám năm 1960, tôi vừa tròn mười chín tuổi. Cha tôi báo tin mừng, ông sẽ cho tôi đi cùng tới Liên hoan phim Venise. Cả Venise lẫn Liên hoan phim, tôi chưa bao giờ được đặt chân đến cả. Hai cha con rời xứ Provence quê hương trên một chiếc xe 2CV mà ông vừa tậu được trước kỳ nghỉ hè. Một tấm bản đồ miền bắc nước Ý lúc nào cũng trải rộng trên đùi tôi. Đến tối ngày thứ nhất, chúng tôi đã chạy qua thành phố Turin và xã Novara, chỉ còn khoảng ba mươi cây số nữa là đến Milan. Cha tôi quyết định rẽ vào một khách sạn nghỉ đêm, nhưng tôi thì lại rất thất vọng vì không được ngủ trong xe. Tôi đành xin ông cho đi tham quan nhà thờ Dôme. “Không được! Chúng ta nên tránh không nên vào trung tâm thành phố. Sáng mai, chúng ta phải khởi hành rất sớm. Chúng ta sẽ tìm một khách sạn không xa đường cao tốc lắm cho tiện.” Hôm sau, mặt trời vừa mọc, hai cha con tôi đã ngồi ăn sáng ngoài thềm một tiệm cà-phê. Nắng sớm chiếu vào bức tường rào một tu viện ở vỉa hè đối diện trong thật vui mắt. Tôi lưu ý cha rằng nắng đẹp quá, chỉ có Otello Martelli, giám đốc hình ảnh giỏi nhất trong ngành điện ảnh Ý, mới có khả năng tạo ra ánh sáng tuyệt vời như thế, “kể ra nói thế cũng không công bằng cho lắm, tôi cố ý khoe hiểu biết để làm cho cha tôi chú ý, cả ông ấy cũng là một giám đốc hình ảnh rất sáng giá đấy, cha ạ.” Tôi biết, tôi mà nêu tên các nhà kỹ thuật phim ảnh thì ông chỉ có phục lăn thẳng con thông thái thôi. Không có ánh sáng thì con người ta chẳng là gì hết, tôi nghĩ thầm. Sự khác biệt giữa phim hay và phim dở không liên quan gì đến kịch bản hay dàn cảnh cả: một phim hay trước hết phải là một phim sáng sủa và rõ nét.

Chúng tôi đi hai tiếng đồng hồ thì nhìn thấy hồ Garde, sắp đến thành phố Vérone rồi. Chợt có tiếng động lạ trong đầu máy, chúng tôi lo ngại

không biết dọc đường có xảy ra sự cố gì không, tốt hơn cả là cứ rời *autostrada*, tìm một xưởng sửa chữa kiểm tra xem sao. Chúng tôi lại sắp đến gần một thành phố khác rồi, tôi muốn tham quan khu trung tâm, nhưng việc cần kíp lúc này là tìm được một xưởng sửa chữa xe chứ không phải hồn ma Roméo và Juliette. Nhưng cha tôi lại chỉ mãi ngó nghiêng đàn bà con gái ngoài phố khiến tôi rất sùng sốt. Tôi đã bắt được quả tang ông ngắm nghĩa thân hình phụ nữ. Ông hầu như ít giữ ý tứ ở Vérone hơn cả tôi tại khu vực xung quanh nhà ga phía Bắc ở Bruxelles, khi tôi trở mắt nhìn các cô tiếp viên trong tủ kính đang tìm cách quyến rũ tôi. Lúc xe dừng trước đèn đỏ ở ngã tư, tôi thấy ông xoay đầu đúng một trăm tám mươi độ để nhìn theo một bà con mọn trẻ mà dáng vóc tròn trĩnh quả thật cũng xứng đáng để người ta ngắm không chán mắt. Tôi hôm trước, lúc ở Milan, tôi đã có ý nghi ngờ khi thấy, ông gặp đèn xanh mà cứ cố tình lẩn tránh mãi không chịu đi, mắt không rời hai hay ba cô gái mặc váy bó sát người. Tôi lên giọng thật nghiêm nhắc ông: “Thế nào, cha? Cha lái đi chứ!” Thì ra trong khi mẹ tôi ở nhà cặm cùi là sẵn áo sơ-mi để ông về là có đồ thay ngay thì ông lại để cho sắc đẹp của một vài cô nàng Vérone lôi cuốn. Tín đồ Thiên Chúa giáo sùng đạo này đã phạm tội thèm muốn vợ đồng loại ! Vì vậy, khi thấy một xưởng sửa chữa xe phía trước, tôi thở phào nhẹ nhõm. Bây giờ thì chúng tôi tha hồ mà ngắm mấy tay mặc quần yếm dây đầy dầu mỡ. “Sửa cái này phải mất khoảng một tiếng”, anh thợ máy xưởng Fiat ước chừng. Không ngờ xưởng Fiat cũng hạ cố quan tâm đến một động cơ Citroën. “Cha ở lại đây, còn con, nếu muốn, con có thể đi chơi lòng vòng quanh đây một lúc”. Cha tôi gợi ý. Ông ở lại xem người ta sửa chiếc 2CV thì tôi yên tâm rồi, nếu là ở một phố nào đó trong trung tâm thành phố thì không có chuyện ông tự nguyện thế đâu!

Ngày hôm đó khá nóng bức. Tôi đang thơ thẩn dạo chơi ở mấy phố vắng vẻ thì chợt trong thấy một cô gái cực kỳ duyên dáng bước về phía mình. Khi cô bé đi ngang qua, không hiểu điều gì xui khiến mà tự nhiên tôi lại lên tiếng xin cô ấy một nụ hôn mà nào tôi đâu có thạo tiếng Ý, chỉ vò vè tầm tàm được mấy câu hỏi. Như có phép màu, cô bé đỏ bừng mặt và e thẹn hôn nhẹ vào má tôi một cái. Rồi cô hôn tôi một lần nữa, thật nhanh, vào môi hân hoi, và bỏ đi luôn, không quay đầu lại. Trông tôi có giống một thằng thần kinh không nhỉ? Cô bé có thấy tôi đẹp trai không? Hay cô ta đã suy tính, thà cứ thí ngay cho cái thằng ghẹo gái này một cái hôn cho xong chuyện, còn hơn là cứ để hân lẻo đẹo theo sau thì còn lâu mới tổng khứ

được hẳn? Năm năm sau, tôi có kể lại chuyện này cho ông bác sĩ phân tích tâm lý nghe. Theo ý kiến ông ta, tôi xin được hôn là cách phản ứng riêng khi bất chợt phát hiện ra, cha tôi bị xung năng tình dục, mà mười chín tuổi tôi mới phát hiện ra thì đã là khá muộn. “Một trường hợp điển hình về bước chuyển sang hành động! Mà lại đứng ở nơi diễn ra mối tình giữa Roméo và Juliette nữa! Ít nhất thì anh cũng phải xem cảnh hôn nhau ở hồi một vở kịch của Shakespeare rồi chứ? Chưa ư? Cha anh thì nhất định là phải xem rồi. Ông bị chứng vương mắc về mạch biểu đạt ý...”

Hồi mới bắt đầu đợt phân tích tâm lý ấy, một lần tôi được cha mẹ cho đến một tiệm ăn Tàu ở cuối phố Saint-Jacques dùng bữa tối. Suốt bữa ăn, đầu óc tôi cứ bứt rứt với mấy ý nghĩ không sao xua đuổi được. “Cha mà chết thì mình mới chăm lo cho Mẹ được, tôi thâm nhủ mà không hề bận tâm đến phản ứng của vai nữ chính trong cuộc, cha không săn sóc mẹ gì cả, còn mình ấy ư, mình sẽ đưa mẹ đến những hiệu ăn xứng đáng được đón tiếp mẹ, mình sẽ mời mẹ đi du lịch bằng đường biển.” Tôi đã hai mươi tư tuổi, và phải công nhận, tôi phản ứng với cha như thế là khá muộn. Khoa học phân tích tâm lý hay chơi khăm mình những vỏ kiếu như thế mỗi khi mình cố nhớ lại kỉ niệm thời thơ ấu lắm. Tôi đang ở giữa thời kỳ khủng hoảng tinh thần và lúc nào cũng chỉ tưởng tượng lại, tuy chỉ là được chằng hay chớ thôi, tình yêu ích kỷ và mãnh liệt đối với mẹ mà chắc là tôi cảm thấy khi còn là một em bé ẵm ngửa - tình trạng hoang tưởng suy diễn đơn giản hóa mà ông bác sĩ phân tích tâm lý của tôi sẽ không chấp nhận. Từng tuổi này rồi mà tôi vẫn chưa hoàn toàn tách ra khỏi cha mẹ và có lẽ tôi vẫn còn nơm nớp lo cha mẹ trách phạt. Muốn để cho cha phạt thì tôi phải có tội đã, và lần này tôi đã phạm một tội tày đình là mong cho cha chết. Người nào từng phải trải qua phân tích tâm lý thì mới hiểu, nếu không nói là chấp nhận, một kiểu lý sự gàn dở đến thế. Về một mặt nào đó, tâm lý tôi hồi ấy bình thường hơn bây giờ nhiều. Ít ra thì tôi cũng phê phán một người khác chứ không phải bản thân mình. Đối với ông bác sĩ phân tích tâm lý, tôi kể rõ hơn: “Mẹ tôi chưa bao giờ phạt tôi cả, bà chưa bao giờ nổi giận với tôi cả.”

Trình độ niên đại học của tôi đến đâu nhỉ? Ngày tháng thiên thực toàn phần hay từng phần, các trận động đất và quỹ đạo của sao chổi rất quan trọng để xây dựng một nền niên đại học, nghiêm túc. Nhưng tôi thì hình dung được thiên thực, sao chổi và động đất theo nghĩa bóng thôi. Đơn vị phút gồm sáu mươi giây được các nhà thiên văn Babylone nghĩ ra, đơn vị

tuần gồm bảy ngày là của người Hê-bơ, còn nhờ người Ai Cập mà chúng ta có tên ngày trong tuần như hiện nay. Người ta không chờ tôi sinh ra mới bắt đầu lo sợ vì thời gian cứ trôi mãi và tìm cách ngăn nó lại tí chút gọi là có làm. Tại đất nước Ai Cập của các pharaon, năm mới bắt đầu vào ngày 29 tháng Tám. Còn lịch của chúng ta bây giờ là đầu tháng Chín rồi, báo chí những ngày này cho tôi biết như vậy. Đó đây, người ta mưu sát nhau bằng cách cài bom vào xe cộ. Cuối cùng thì một nhà cự tộc tài Argentina cũng bị tóm cổ vì tội bắt cóc, tra tấn và giết người. Những kẻ nhập cư bất hợp pháp khoảng hai mươi quốc tịch khác nhau tạm trú trong nhà thờ Saint-Denis từ hai tuần nay đã bị buộc phải rời đi chỗ khác. Tại Paris, một phạm nhân người xứ Basque đã bố trí cho em trai vào tù thay để trốn khỏi trại giam Santé. Tại Toronto, một đức giáo hoàng gần đất xa trời đã tìm cách làm cho hai trăm nghìn thanh niên ghê sợ cái mà ông ta gọi là “thú vui ngắn ngủi và hời hợt của xác thịt”.

Một hôm, mẹ tôi - hồi đầu mùa hè, bà đã tròn tám mươi tám tuổi - đột nhiên gọi điện thoại cho tôi để báo tin Lionel Hampton đã mất: “Ông ấy chín mươi ba tuổi rồi. Đàn ông mà sống lâu thế là thọ lắm rồi đấy.” Gần đây, bà hay để ý đến danh sách người chết hơn là đến tuổi thọ. Bà hay nói ra miệng: “Sắp đến lượt mẹ rồi đấy.” Bà còn nhắc cho tôi nhớ, năm năm mươi mấy gì đó, bà đã đưa tôi đi dự một buổi hòa nhạc của Lionel Hampton, và sau đó, tôi nổi hứng muốn học đàn vibraphone ngay. Tôi vẫn còn cất giữ mấy đĩa hát của Lionel Hampton ở đâu đó trong nhà. Tôi phải tìm để nghe lại mới được.

Hôm nay là thứ Ba mùng 3 tháng Chín năm 2002, tôi vừa xem lịch xong, là ngày lễ thánh Grégoire, vị giáo hoàng đã được người ta lấy tên để đặt cho lễ ca Grégorien. Cách đây mấy ngày, tại Philippines, một nhóm Hồi giáo đã chặt đầu hai con tin, hai đại lý thương mại đồng thời cũng là tín đồ giáo pháp Chứng nhân Jehovah. Người ta đã tìm thấy đầu họ trong túi rác.

Hôm nay là hôm sau ngày mà Delphine báo cho tôi hay, tôi làm thiên hạ người ta sợ, và tối hôm qua (ngày lễ thánh Ingrid, một cái tên nghe hay hay mà trước kia tôi hay nhắc đến), khi tôi bảo bà ấy rằng câu này có thể gợi ý cho tôi viết phần mở đầu khá hấp dẫn của một cuốn tiểu thuyết, bà ấy đã giẫy nảy lên : “Thôi, ông đừng có mà vợ quàng vợ xiên bất cứ câu nói nào của tôi nữa. Không phải ông làm thiên hạ người ta sợ mà là thiên hạ người

ta sợ cho ông.” Bà ấy còn nói tiếp: “Ông làm những người quý mến ông lo lắng đấy”, lại một đầu đề tiểu thuyết hay nữa đây, tôi tự nhủ.

2

Tôi phải viết cho xong ít nhất một trong số những cuốn sách mà các nhà xuất bản đang chờ mới được, cuốn nói về nghệ thuật nhảy múa (mà tôi nói về việc Socrate, trong tác phẩm *Yến tiệc* của Xénophon, tỏ ý muốn học nhảy múa), một chuyện tình diễn ra trong thời kỳ Đế chế II^[6], một bài viết về Husserl và Descartes (mà chắc chắn là sẽ thành một thứ gì đó khác hẳn), một tuyển tập các bài viết mà tôi đã xuất bản, một tiểu luận về các bản cho bộ tư của Beethoven (nhờ có sách của Joseph Kerman^[7], tôi mới viết nổi), *Chuyện ăn nằm lang chạ*, tất nhiên, và cuối cùng là cuốn nói về núi lửa. Thế nào tôi cũng sẽ làm cho các nhà xuất bản gặp rắc rối mất thôi, mặc dù họ đã nhẫn nại chịu đựng tôi lắm rồi. Trong cuốn sách viết về núi lửa, tôi sẽ tả xác người bị sóng địa chấn làm cho bật ra khỏi lăng mộ. Thi thể mới chôn lẫn với xương khô phóng lên trời như chùm cuối cùng của một cuộc bắn pháo hoa rừng rợn. Tôi cũng sẽ tả cảnh biết bao gia đình nông dân chạy tán loạn, rồi lần lượt đến đám này đến đám khác bị làn sóng dung nham cao hơn một trăm mét đuổi kịp. Tôi có thể bắt đầu bằng cách kể về Callao - thành phố cảng ở Peru mà nhân vật Tintin trong truyện tranh *Ngôi đền Mặt trời*, sẽ lên bờ hai thế kỷ sau - bị tàn phá như thế nào, sóng thần hung dữ đến nỗi hất khoảng một chục tàu thuyền neo ở bến cảng tung lên không trung. Chúng bay vèo qua bầu trời, trông chẳng khác gì những con chim di cư khổng lồ, trong lúc chuông báo động réo liên hồi. Sau đó, người ta tìm thấy chúng nằm chổng chơ trong đất liền, cách xa bờ biển đến hàng cây số. Không hiểu các con thuyền chiến ba cột buồm Tây Ban Nha bay lượn như vậy có phải là hiện tượng hy hữu hay chỉ là tưởng tượng trong văn học?

Hoàn cảnh dẫn đến việc ký bản hợp đồng cho cuốn sách nói về núi lửa còn thú vị hơn cả đề tài cuốn sách. Hai tiếng trước đó, tôi còn chưa nghĩ đến. Đó là tháng Hai năm ngoái, trong thời gian diễn ra Hội chợ Sách. Tại quán bar ở khách sạn Costes, tôi tình cờ gặp ba người Ý làm xuất bản và hai người buôn bán sách từ Barcelone tới. Họ đều nói tiếng Pháp không chê vào đâu được. Đáng lẽ chúng ta nên gọi ngay một lần mấy chai sâm banh mới phải, như thế đỡ tốn hơn là gọi từng này cốc, tôi nói với bọn họ. Ông

người Tây Ban Nha mà tôi cứ tưởng là chủ hiệu sách ở Barcelone nhưng hóa ra lại là đại diện một nhà xuất bản ở Madrid vừa thanh toán tiền rượu vừa nói: “Nhưng cô hầu bàn kia xinh xắn và dễ thương quá, trông cô ấy đến bàn chúng ta phục vụ mà cứ như đang bước trên sàn diễn thời trang của một nhà tạo mẫu nổi tiếng, chúng ta mà gọi ngay một lúc mấy chai thì có phải ít được dịp ngắm cô ấy hơn không.” Sau đó, ông ta hỏi xin giấy trắng và sang ngồi bàn bên cạnh hí húi viết gì đó. “Anh đã bắt đầu viết Hồi ký rồi đấy à?” bà vợ ông ta hỏi. Đã hai giờ sáng rồi mà ông ta vẫn bắt tay vào việc thảo bản hợp đồng với tôi.

Để kỷ niệm buổi tối đặc biệt ấy, tất cả những người có mặt đều muốn ký tên mình dưới chữ ký của tôi, nhưng sau đó thì chỉ có một mình ông làm ở nhà xuất bản Tây Ban Nha ký tờ séc thôi, Chắc là, khi thấy đó là tờ séc thanh toán bằng đồng ơ-rô do một ngân hàng ở Zurich phát hành, tôi đã không giấu nổi vẻ bức bối. “Tôi đảm bảo với ông là đã lâu lắm rồi, tôi không đồng ý cho khấu trừ nợ nhiều thế này đâu”, người đại diện cho nhà xuất bản mà tôi mới ký kết hợp đồng thấy vẻ thất vọng hiện rõ trên mặt tôi vội lên tiếng an ủi, thế mà tôi đã vội mừng thầm là tài khoản của mình sẽ bị khấu trừ chậm hơn nếu là tờ séc thanh toán bằng đồng ơ-rô. Một trong hai người Ý nói đùa với tôi: “Ông đã bắt đầu lo sợ phải đề giấy trắng rồi đấy!” Tôi đành nở một nụ cười để cho ông ta tin là câu nói đùa của mình có duyên lắm.

Tôi làm thế nào mà mới nói sơ sơ về đề tài núi lửa, họ đã hứng thú đến mức ký ngay hợp đồng? Khởi đầu, một trong hai người Ý nói vài lời về núi Vésuve hay Etna. Người thứ hai vừa từ quần đảo Lipari về. Tôi cũng nhảy vào góp chuyện và thao thao ca ngợi các vườn nho trồng trên đất núi lửa: “Rượu nho ở quần đảo Lipari ấy ư, phải nói là mang nhiều hương vị phương đông nhất nước Ý. Vừa uống vừa nhắm mắt mới tuyệt. Có thể mới tưởng tượng được các thị tỷ Thổ Nhĩ Kỳ!” Tôi nói huyên thuyên như vậy một hồi, kể ra thì cũng không được lịch sự lắm nhưng tôi thấy cử tọa cứ ngây người ra nghe. Tôi còn hứng lên kể cho họ nghe quá trình quay phim *Stromboli* của đạo diễn Rossellini mà vai nữ chính là Ingrid Bergman. Họ mới chỉ biết tên bộ phim này thôi. Giới điện ảnh Hollywood không thể hiểu nổi, vì lý do gì mà một ngôi sao như Ingrid Bergman lại từ chối tiền nghìn bạc vạn để diễn trên một ngọn núi lửa, mà phim ấy lại do một người Ý không có khái niệm gì về ngân sách và kế hoạch làm việc đạo diễn. Đó là

chưa kể Ingrid còn bỏ rơi cả con gái lẫn chồng! Mới đầu, Rossellini định viết vai đó cho Anna Magnani, người tình của ông ta, nhưng sau khi phải lòng Ingrid Bergman, ông đã giao cho cô mà không đắn đo suy xét gì cả. Khi biết chuyện, Magnani đã hất cả một đĩa mứt vào mặt ông, ngay giữa quán ăn, và quyết định đóng một phim mà cốt truyện cũng diễn ra trên một ngọn núi lửa. Đó là phim *Vulcano*, khung cảnh là một hòn đảo khác thuộc quần đảo Lipari, chỉ cách nơi đang quay *Stromboli* có hai giờ chạy tàu biển thôi. “ Một cái tên hay cho cuốn sách của ông đấy, *Volano!*” Tôi cũng hoàn toàn nhất trí với ý kiến ấy. Và đó chính là tên tạm thời được ghi trong bản hợp đồng.

Trong cuốn sách ấy, cuốn bất ngờ nhất trong kế hoạch của tôi, tôi không có ý định viết vòng vo dài dòng mà sẽ bắt chước giọng văn nhẹ nhàng và lạnh băng của các cộng tác viên tham gia làm bộ *Địa lý thế giới* mà Vidal de la Blade^[8] đã khởi thảo. Tôi sẽ tha hồ biểu lộ xung năng khoái trò độc ác, tôi sẽ tha hồ biểu lộ tính hung hăng cầu mong những kẻ quấy rầy và ngăn cản tôi làm nhưng gì tôi thích biến quách đi cho rảnh nợ, chẳng hạn như thằng bé chiều hôm nay tập chơi bộ nhạc khí gõ trong tòa nhà tôi ở, cả nó lẫn bà mẹ cứ đàn mất ra vì thán phục cậu con trai duy nhất mà bà ta đã tưởng là tài hoa như hai tay trống nổi tiếng người Mỹ Kenny Clarke và Art Blakey cộng lại. Nếu chẳng may mà một thằng bạn nó lại lò mò đến, vác theo cả một bộ trống conga và mấy khúc gỗ nữa thì tôi sẽ ra sao, công việc của tôi sẽ ra sao? Thích gõ đập chứ gì? Cứ việc thoải mái, nhưng ở ngoài trời hay đến vùng Ca-ri-bê mà gõ thì được! Tôi sẽ không bao giờ yêu đồng loại như bản thân mình cả, và cái thằng nhóc tí mười tuổi mà tôi vẫn chào hỏi tử tế khi gặp nó ở cầu thang không thể là một ngoại lệ được. Tôi không đến nỗi độc ác tới mức mong cho nó biến mất trong một trận động đất - nó làm tôi nhớ đến cái thằng bé là tôi ngày xưa quá chừng - nhưng ít ra thì nó cũng phải dọn nhà đi chứ! Tôi sẽ xung phong chuyển giúp nó toàn bộ đồ đạc, công chiêng, trống phách đi. Và nó cứ việc dẫn theo cả ông thầy dạy nhạc, kẻ đã nhồi vào đầu nó những luận điệu vớ vẩn thông thường về nhịp điệu và sức sống. Nhưng cách tốt nhất là dỗ dành mẹ nó, một thiếu phụ trẻ mặt mũi dễ coi, và thuyết phục bà ấy cho con trai học hội họa để trở thành một họa sĩ lớn. Cây cọ lướt êm ái trên vải cũng sẽ giải phóng được sức sống cơ mà.

Đã trót nói vổ vào mặt người ta rằng, con trai người ta làm phiền tôi lắm, giọng lại còn gay gắt nữa, thế mà bây giờ lại định nhún mình lấy lòng người ta thì kẻ cũng khó. Đầu buổi chiều, tôi vừa mới dậy để chuẩn bị làm việc thì nhạc sĩ thiên tài tương lai cũng bắt đầu lao vào công cuộc tìm kiếm phần sức sống vũ trụ của mình. Đòn độc tấu ấy tra tấn từ mười lăm đến mười tám giờ. Nhưng đến hai mươi giờ thì tôi lại phải khổ tai một lần nữa: Art Blakey trên tầng năm định mở mang đầu óc cho dòn dập của vùng Tây Phi. Chẳng lẽ giờ giấc của tôi lại phải phụ thuộc vào cái thằng bé vắt mũi chưa sạch ấy? Mà nào có phải chỉ một mình nó thôi đâu! Còn ba thiếu niên khác nữa, cứ tan học là chúng lại về làm loạn trong sân, ngay dưới cửa sổ căn hộ của tôi. Bọn này thì lại khác, trò chơi ưa thích nhất của chúng là bóng đá. Thế là chúng cứ sút, cứ bắt bóng, cứ hò hét ầm ĩ, rồi chúng cứ đá vào lưới. Chúng tôi có vui lòng dọn đến căn hộ nhìn xuống sân sau này đâu. Cái chính khiến chúng tôi quyết định là không khí yên tĩnh, tôi dám nói là như vậy.

Sau khi ký hợp đồng thuê nhà, tôi còn nói với bà Delphine: “Bà đừng lo, chúng ta sẽ không ở đây lâu đâu, chỉ trong thời gian tôi viết xong cuốn tiểu thuyết tiếp theo thôi”. Ngay cả toàn bộ các thùng bìa đựng đó, chúng tôi còn chưa dỡ nữa kia. Hai vợ chồng tôi khổ tâm lắm khi phải rời căn hộ cũ, nơi hai con gái chúng tôi đã lớn lên, một căn hộ rộng rãi, thoáng mát với năm cửa sổ sát đất mở ra ban công chân song sắt rên nhìn ra một khung cảnh xanh tươi um tùm và bầu trời bao la. Đến bây giờ tôi mới thấy tiếc ông hàng xóm ngay ban công sát cạnh. Tự nhiên giữa đêm khuya ông ta lại ra ban công lắp mấy cái loa rồi vặn âm lượng lên mức cao nhất và đứng khóc nức nở, bắt cả phố phải nghe toàn bộ các bản giao hưởng của Tchaikovski. Đến những phần chậm rãi, ông ta khóc to hơn một chút, nhưng khi đến cuối *Bản Giao hưởng thứ Sáu* thì ông ta còn phá kỷ lục của chính mình đến mức rên la rầm trời và từ đó mới giúp tôi hiểu tại sao người ta lại đặt tên cho bản giao hưởng ấy là *Thống khổ*. Thịnh thoảng, cảnh sát mới đến can thiệp. Bộ loa lập tức bị ngắt điện. Tôi đành phải sắm một bộ tai nghe để được thưởng thức những bản nhạc mà tôi tự chọn trong những bữa dạ tiệc âm thanh của ông ta. Tôi phải nói khéo với ông hàng xóm, ra sức ca ngợi bộ tai nghe và ngỏ ý muốn tặng ông ta một bộ, nhưng ông ta chỉ thích thú mỗi một việc là làm dân phố giật mình thức giấc giữa đêm. Đó là một người đàn ông kiêu lời khoảng hơn năm mươi tuổi, biết tôi là nhà văn viết tiểu thuyết, và chúng tôi đã chuyện trò sôi nổi về nhà văn Léon Bloy, từ ban công bên này nói với

sang ban công bên kia. Rồi một hôm, ông ta bị xe cấp cứu đến đưa đi, và từ đó, dân phố không được nghe nói gì về ông ta nữa. Một vài tuần sau, một cặp vợ chồng trẻ kèm theo một thằng con trai hay khóc nhè ra ban công bày mấy chậu hoa mỗ hạc, đứng ở chỗ trước kia đặt bộ loa.

Tôi tuyên bố: “Tôi viết xong cuốn tiểu thuyết này thì chúng ta lại dọn nhà.” Viết xong ư? Nhưng muốn viết xong thì phải bắt đầu đã. Kết quả là: năm năm rồi mà chúng tôi vẫn ở đó. Năm năm rồi mà tôi chẳng cho xuất bản thêm được quyển nào cả. Bọn trẻ con trong tòa nhà này đã lớn và bỏ xó hết lúc lắc để chuyển sang chơi còi trọng tài và quả bầu khô có hạt hay sỏi bên trong. “Tôi nghe nói, ở châu Phi, làng mà không có nhạc là một làng chết.” Mẹ của Art Blakey tương lai đắp lại tôi. Cứ cho bà ấy sang đó già sắn trong một làng châu Phi chứ không phải đi mua sắm đồ ăn ở cửa hàng Lafayette Gourmet xem. Lúc đó, bà ta có còn dạy con rằng âm nhạc, của nhóm dân tộc Dogon ở Tây Phi chẳng hạn, khuyến khích sự gần gũi về thể xác nữa không?

Cứ như thể chỉ cần dọn nhà thôi là tình hình sẽ được cải thiện không bằng! Trong căn hộ mới ấy, tôi đã đặt một tấm ván lên hai cái ghế và hạ quyết tâm viết mỗi ngày khoảng một chục trang. Tôi đi cùng với Delphine đến cửa hàng Kitchen Bazaar, Habitat, Darty và Dehillerin chọn một lò nấu ăn mới, một chiếc tủ lạnh mới và một lò đĩa chén cũng mới nốt. Đã hơn năm mươi tuổi đầu rồi nhưng chúng tôi vẫn thích chơi trò vợ chồng mới cưới đi sắm đồ. Thế mà mấy tháng trước, suýt nữa chúng tôi đã ly hôn. Lấy có không khí yên tĩnh thì mới viết được, tôi đã thuê căn hộ một phòng để tiện tiếp một thiếu phụ trẻ, đôi lúc tiếp cả đêm nữa. Đáng lẽ phải hiểu rằng mối quan hệ này sẽ không bền lâu, Delphine lại tưởng tượng ngược lại, và nếu nói thật lòng, tôi phải thú nhận là mình cũng vậy. Chẳng lẽ bà ấy chưa đọc cuốn *Thuật Yoga nhằm đạt được lòng trầm ẩn*, trong đó một viên chức Đài Loan kể rằng, mẹ ông ta, sau hai mươi năm làm vợ hiền, đã không hề do dự khi tự mình chọn cho chồng hai nàng hầu trẻ đẹp, một câu chuyện mà chỉ có phần đầu là mang tính cảm hóa thôi. Sau đó, ông chồng lại sinh ra si mê một cô trong khi vẫn không tha cô kia, và mấy tháng sau, bà vợ qua đời vì quá đau buồn. “Cha tôi khổ sở nhất, ông con trai kết luận, không phải vì mẹ tôi mất mà vì trong vài tuần, ông phải tuân thủ tục lệ, không được ăn nằm với các nàng hầu.”

Ba tháng sau, tức là đang là mùa xuân, một ngày Chủ nhật đẹp trời, Delphine đến giúp tôi thu dọn những cuốn sách mà tôi đã góp nhặt dần và vài thứ quần áo không hợp với tôi chút nào, bà ấy nhận xét như vậy và tỏ vẻ không tin - bà ấy không tin tôi cũng phải - khi tôi thề rằng tôi đã đi mua một mình, đặc biệt là một chiếc áo choàng mặc trong nhà bằng vải xộp màu san hô, trông xấu xí đến nỗi rõ ràng là tôi chỉ có thể mua trong một lúc cô đơn khủng khiếp và tuyệt vọng đến cùng cực mà thôi.

Trong ba tháng ấy, tôi đã phát hiện ra là bà Delphine là một siêu sao lý sự, nhưng điều này vẫn chưa thấm vào đâu so với những gì mà hai năm sau chúng tôi phải trải qua, khi tôi từ Bruxelles về. Ở đó, tôi đã gặp Katlijine, một cô gái Hà Lan thích chơi trò “Người Đàn bà và con Rối^[9]” với tôi. Tôi phải nhờ vào bùa đạo Lão mà người ta gọi là *fu* mới thoát khỏi tay cô ta mới được. Và suýt nữa thì tôi đã mua một cái bùa như vậy ở hiệu thuốc trung y lâu đời tại Osaka. Đó là những câu chú viết sẵn trên băng giấy dài rộng - và cái mà người ta đưa cho tôi xem có phép làm giảm bớt cãi cọ giữa vợ chồng và lập lại sự hòa hợp tình dục. Phải bỏ vào trong gói bùa đồng sàng ba ngày liền mà không cho người đó biết, rồi đốt đi và uống tro giấy trộn vào một chén nước trà loãng toàn búp. Chắc là tôi sẽ tìm mua được loại trà này ở Paris thôi. Tôi biết chắc rằng, tại các hiệu ăn tàu gần Porte de Choisy, có vô thiên lủng thầy tu Lão giáo thành nghề. Đôi lúc, đầu óc tôi lộn xộn quá đến nỗi bất cứ điều gì, tôi cũng muốn tin. Sau khi đọc ở đâu đó thấy người ta bảo rằng cứ nắm chặt mấy đồng tiền vàng trong tay, mình mới có đủ khả năng quyết định mọi việc, tôi đã đi mua ngay vài đồng. Nhưng chẳng có kết quả gì cả. Tuy vậy, tôi vẫn giữ mấy đồng tiền ấy lại.

Trong cuốn *Volcano*, tôi sẽ nhắc đến một bộ phim mà Zoé giữ rất lâu một tấm áp phích quảng cáo dính vào tường phòng riêng bằng đinh rệp, bộ phim có tên là *Ngày tận thế* ấy. Bản thân tôi thì chưa xem nhưng tôi sẽ sử dụng một đoạn cảm tưởng mà Zoé, hồi đó còn là một nữ sinh trung học mười bốn tuổi, đã ghi. Nó dán vào một quyển vở toàn bộ các bài báo và tin quảng cáo những phim mà nó ưa thích và ghi mấy câu bình luận mà nó tự nghĩ ra nữa. Đối với phim *Ngày tận thế*, nó đã viết như sau: “Vốn say mê diễn viên Paul Newman, mình không thể không thích bộ phim này được. Mọi việc bắt đầu do một trận núi lửa phun trào. Mình thích những bộ phim về thảm họa. Các diễn viên khác đóng cũng khá (William Holden,

Jacqueline Bisset).” Mấy câu này khá ngắn gọn nhưng tôi sẽ phỏng vấn Zoé. Mỗi lần tiểu thuyết của tôi có một nhân vật nữ nói lớn, tôi đều hỏi ý kiến hai cô con gái. Rồi tôi ghi lại kéo quên mất. Zoé tiết lộ cho tôi biết, khi đến trường, nó hay mặc liền một lúc hai cái quần bò để mông mẩy hơn, để phần dưới được bó khít hơn: “Mình chỉ mong sao mình vừa nhỏ nhắn vừa béo thôi. Sao mình lại gầy gơ xương thế này? Mình chán bị người ta gọi là cây sào lăm rồi. Năm mười một tuổi, mình rất xấu hổ vì ngực bắt đầu nhú. Mình có kinh nguyệt từ lúc mới mười một tuổi! Mình còn nhớ, lần ấy, mình đang ở một cửa hàng McDonald. Cả nhà định đi xem phim của đạo diễn Mel Brooks cùng với con bé Céline. Mình hoảng quá, vừa chạy từ nhà về sinh ra vừa la hét thất thanh. Mẹ dặn, khi nào mình đi chơi với bạn trai thì phải báo cho mẹ biết. Thế là, năm mười hai tuổi, mình hỏi mẹ xem mình uống thuốc tránh thai có được không vì mình phải lòng một anh chàng và mình muốn ngủ với anh ấy, nhưng mình lại bị mẹ mắng cho một trận toí bời. Còn hôm mình ăn cấp đồ ở cửa hàng Monoprix nữa chứ! Mình có một đứa bạn tên là Marie-Pierre, mỗi lần thó đồ là nó lại chơi một lúc hai cái, một cái cho mình, một cái cho nó, lúc thì áo nịt vú, lúc thì son phấn. Lần đầu tiên đi theo nó, mình đã bị bảo vệ bắt ngay tại trận, hấn làm mình đau quá. Hấn lôi cổ mình đến thẳng đồn cảnh sát. Mình chỉ lo nhất người ta báo về trường thôi, thầy cô và bạn bè mà biết chuyện mình ăn cấp thì xấu hổ lắm! Mẹ phải đến bảo lãnh thì mình mới được về.” Tôi phải đọc lại đoạn này: “Khi mình gọi điện thoại về nhà kể là lần đầu tiên mình ngủ với con trai, mẹ đã bật khóc.” Delphine mà khóc ư? Tôi không để ý đến mũi tên nổi sự kiện vừa rồi với tên cháu Céline, bạn thân nhất của Zoé. Lần duy nhất chúng tôi gửi hai con bé đến trại hè - việc này, tôi có ghi cẩn thận - chúng đã gửi thư cầu cứu cha mẹ: “Chúng con muốn về nhà lắm” nhưng mọi thư từ của trẻ con đều bị kiểm soát chặt chẽ và người ta bắt chúng viết lại, cuối thư nhất định phải có câu: “Mọi việc đều tốt đẹp cả”. Hình như tôi có đề cập đến trại hè này trong một cuốn tiểu thuyết rồi thì phải.

Trong cuốn *Volcano* sẽ có những trận động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, những vụ án mạng, những chuyện khủng khiếp, nhưng tôi phải hoàn thành cuốn tiểu thuyết về mẹ tôi trước đã. Sau đó, tôi vẫn có thời giờ để cân nhắc xem những chuyện địa chấn và núi lửa phun trào có đáng để viết thành sách không, mặc dù chúng cũng đã đáng để tôi thu về một tờ séc khiến Kho bạc thúc giục đỡ ráo riết hơn phần nào. Cách đây năm năm, tôi cũng đã lâm vào tình thế như thế này rồi. Hồi đó, tôi cứ do dự mãi, không biết mình nên sáng

tác một vài truyện ngắn mà mình rất thích viết, truyện về đề tài quan hệ trai gái (*Chuyện ăn nằm lang chạ* là một cái tên rất có lý mà tôi dự định đặt) hay cuốn tiểu thuyết mà tôi đã thề với lòng mình sẽ viết, nguồn cảm hứng lại là quan hệ cha con chúng tôi, một mối quan hệ có lẽ mãnh liệt và sâu thẳm hơn cả ba cuộc tình mà tôi đã trải qua với những người đàn bà từng muốn ngủ với tôi. Cứ việc gì liên quan đến cha hay mẹ là hình như tôi lại tìm cách lẩn tránh thì phải. Cuốn *Volcano* lại cho phép tôi tha hồ thể hiện lòng dạ hả hê trước nỗi đau của người khác, mà tôi thì không muốn nói về mẹ tôi với giọng điệu như vậy. Còn với cha tôi thì ngược lại, tôi có nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ với ông hơn với các cô nhân tình của tôi. Hay là tôi lật ngược hai phương trình này? Có phải tôi lùi bước trước cuốn sách viết về cha mình bởi vì không muốn người ta tưởng tôi yêu quý ông hơn bất kỳ một người đàn bà nào không? Thế còn mẹ tôi, chẳng phải bà là quả núi lửa thực sự của đời tôi ư? Tôi đã bao giờ tha thứ cho bà vì bà đã tống con trai đi bằng cách gửi đến trường chưa? Hôm bước chân đến trường lần đầu tiên (từ nhỏ, tôi chưa bao giờ phải đi nhà trẻ hay mẫu giáo), tôi đã bàng hoàng xiết bao khi hiểu ra rằng bà không ngồi học bên cạnh mình. Bà chỉ đứng ngoài cửa thôi! Bà không vào cùng với tôi! Bà không chuẩn bị tâm lý cho tôi gì cả. Bà chỉ bảo tôi: “Mẹ sẽ đến trường cùng với con.” Những lần đưa tôi đến công viên, bà đều ở lại, và hai mẹ con cùng chơi đùa vui vẻ. Nhưng rồi tôi đã nhanh chóng bình tĩnh lại nhờ có Mẹ Marie-Emma dỗ dành và dạy tôi yêu thích sách vở, môn chính tả và cách chia động từ.

Việc mà tôi thích thú nhất trên đời là được đi xem phim với mẹ, nhưng với điều kiện là cha tôi phải xem phim đó trước và cho phép đã. Nhưng ông lại không bao giờ ngờ rằng bộ phim làm tôi hoảng sợ nhất trong suốt cuộc đời, tôi đã xem từ hồi lên tám cùng với các bạn học, và đó là một phim Laurel và Hardy ^[10], trong đó có những con cá bay vào phòng, lật khăn trải giường lên và biến thành ma.

Kể cũng lạ, tại sao trên đời lại có người thù ghét mẹ đẻ của mình, không bao giờ nói chuyện với mẹ, có khi hàng năm trời liền! Khi còn nhỏ, họ có thực sự tin rằng mình bị tống ra ngoài như một chất thải qua hậu môn không? Nếu chẳng may mà bà mẹ mất đi, họ sẽ lòng lên oán trách, cả con trai lẫn con gái. Nào là cái chết của mẹ khiến họ không đạt được điều này, điều kia, không thành được ông nợ bà kia. Thế là họ phải chịu hình phạt

exsecratio^[11] của người La Mã xưa. Trách móc người khác là một việc thú vị, và nếu mình biết rõ đối tượng thì lại càng dễ. Đó là một cách con cái tự giải thoát khỏi tình cảm trời buộc của cha mẹ. Nếu không thì ngạt thở không chịu nổi. Tôi cũng muốn làm thế lắm nhưng mỗi người một tính cách. Biết làm sao được. Như mẹ tôi chẳng hạn, tôi biết là bà không bao giờ làm gì có hại cho tôi cả, ngoài trừ vụ bỏ tôi lại một mình ở trường năm ấy, nhưng bản án nào cũng chỉ có hiệu lực trong một thời gian nhất định (nếu là tội giết người thì thời hiệu là mười năm).

Hay là tôi viết cuốn sách về núi lửa thật nhanh, trong thời gian ngắn nhất? Ở đời có những việc mình phải làm rất nhanh mới được. Tôi có thể bắt tay vào việc ngay bây giờ và làm xong trước Giáng sinh. Thế thì ven cả đôi đường, sách sẽ ra mắt tháng Giêng và tôi sẽ có dịp về Provence thăm mẹ trong kỳ nghỉ Giáng sinh. Nhất định lần này tôi phải đốt củi trong lò sưởi cho bà ấm áp mới được, từ khi còn lại một mình, bà không buồn làm việc này nữa. Tôi sẽ tranh thủ tỉ tê hỏi bà đủ thứ chuyện, thế là đến đầu năm sau, tôi sẽ trở lại Paris, mang theo một tập ghi chép đặc kín chữ, và a-lê, bắt đầu! *Ba ngày ở nhà mẹ* sẽ xong vào tháng Sáu và ra mắt vào tháng Chín.

Tôi vừa tra từ “kế hoạch” trong mất cuốn từ điển. Đây là thí dụ thứ nhất mà le Petit Robert cung cấp: “Lập kế hoạch thay vì hành động.” Từ điển Littré thì dẫn lời Molière: “Và quá trình từ kế hoạch đến hành động rất dài.” Vậy thì cảm ơn cả hai cuốn đã giúp đỡ nhé. Tôi được bao nhiêu thời gian để viết cuốn *Volcano*? Hôm nay là ngày mùng mấy? Thứ Tư, 23 tháng Mười năm 2002, ngày lễ thánh Jean de Capistran, một vị thánh mà chỉ có các nhà xuất bản sổ ghi công việc hàng ngày mới nhớ thôi: ông được nhắc đến trong cuốn sổ mà tôi đang dùng, cuốn 1994 (chỉ cần biết, các ngày Chủ nhật năm 1994 thì năm nay lại là thứ Tư). Cuộc đời thánh Jean de Capistran rất đáng được đưa lên phim mà tiền đầu tư khá nhiều. Sát cánh cùng vị *voïvode*^[12] ở Transylvanie, ông thầy tu dòng thánh François sinh ra ở Ý này đã tham gia vào công cuộc bảo vệ Belgrade chống lại vua Ôt-tô-man^[13] Mahomet II, và gần đây, bản tin thời sự đã nhắc đến sự kiện lịch sử này nhân vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập vào Liên minh châu Âu có vương mắc. Mùa hè năm

nay, người Thổ đã bãi bỏ hình phạt tử hình, thế cũng tốt lắm rồi. Hôm nọ, Giáo hoàng Jean-Paul II đã mạnh dạn ra sắc lệnh phong thánh cho người sáng lập ra Opus Dei^[14], một vị thánh mà có lẽ giáo hội sẽ làm lễ mừng vào ngày kỷ niệm Franco^[15] qua đời. Tại đảo Bali, một chiếc xe bị cài bom đã nổ tung: hậu quả là gần hai trăm người bỏ mạng trong một hộp đêm, phần lớn là khách du lịch Úc. Các chính khách Pháp làm dân chúng chán đến tận cổ rồi. Phái hữu thì tuyên bố một cách rất nghiêm túc rằng họ muốn sáng tạo ra một nền dân chủ kiểu mẫu, phái tả thì phát biểu chính thức rằng, hiện tại thì họ sẽ bằng lòng với chủ nghĩa cải lương thiên về tả, nhưng nhất định phải nhìn thấy khả năng phát triển thành tả trong tương lai. Phe Xanh^[16] thì đề xuất thành lập một đảng duy nhất đặt tên là Đại Tả khuynh, còn UDF^[17] thì đề ra phương châm: “Đảng của chúng ta phải có sức lôi cuốn mới được”. Một vị bộ trưởng tự thấy mình có quyền cho phép thành lập một triệu xí nghiệp trong năm năm. Không tin vào mắt mình, tôi đọc lại con số này hai lần nữa, có lẽ là nhầm lẫn của tòa báo. Tôi được mời dự hội nghị thượng đỉnh Cộng đồng nói tiếng Pháp ở Beyouth, tôi thì đến đó làm gì? Tôi vừa nghe đài và được tin, tại một nhà hát ở Mat-sco-va, một nhóm khủng bố Tre-sni-a đã bắt hàng trăm khán giả làm con tin và dọa sẽ cho tất cả nổ tung nếu cảnh sát đến can thiệp.

Đêm vừa rồi có một việc đáng lo ngại xảy ra với tôi. Tôi cảm thấy như có người bóp cổ mình. Tôi rơi vào khoảng không, trong khi đầu óc vẫn biết là mình không rơi gì cả. Ngay lập tức, tôi đã tự nhủ, thôi chết, mình bị xuất huyết não rồi, chắc mình sẽ chết mất. Tôi rất hay nghĩ là mình sắp chết, nhưng lần này thì chắc chắn rồi, mình không thoát được nữa đâu. Không sao mở được mắt. Ngạt thở quá. Tôi không dám đưa tay lên sờ đầu, mình mà sờ vào thì thái dương và trán sẽ vỡ như thủy tinh mất. Tôi thấy sợ mình như đầy nước, một thứ nước nhão nhoét bùn đất và nóng nóng, trong đó nhưng nhúc nhằng hàng mấy chục con côn trùng. Tôi hình dung ra những cái bụng lông lá, những cái đầu bóng loáng, những con mắt nhỏ xíu đỏ lòm. Tôi không biết mình đang ở đâu nữa. Cuối cùng, tôi cũng đánh bạo mở mắt ra, thì ra mình đang ở nhà, mình vẫn mặc nguyên quần áo nằm trên ghế dài và ngủ quên từ lúc nào không hay. Chắc là mình phải đến bước đường cùng rồi thì mới ngồi trên ghế mà mê đi như thế.

Tôi không sao rồi bỏ được hình ảnh lũ côn trùng kêu ra rả lợi bì bõm trong đầu mình. Tôi chợt liên hệ tới địa ngục âm nhạc mà họa sĩ Jérôme Bosch vẽ, trong đó có một người đàn ông đang tìm cách rút cây sáo cắm vào hậu môn mình và một người khác bị một lò dây của một cây đàn hạc khổng lồ xuyên qua thân. Hồi trước, tôi đã viết một cuốn sách về Jérôme Bosch. Ôi, nhớ lại những lần tôi có dịp đến Vienne, Madrid, Lisbonne, Rotterdam ngắm tranh của Bosch mà thấy luyến tiếc, hồi đó, bất cứ cảnh địa ngục và phán xét cuối cùng nào cũng chỉ có trong viện bảo tàng thôi chứ chưa xâm chiếm được đầu óc tôi!

Tôi mệt mỏi quá không gượng được nữa rồi. Tình trạng của tôi càng ngày càng tồi tệ. Trước kia, trạng thái tinh thần của tôi đã không được bình thường lắm, nhưng vẫn chưa đến nỗi mắc phải căn bệnh mà các bác sĩ tâm thần thường gọi là số phận khắc nghiệt của người trầm cảm. Còn hiện nay thì tôi đã lâm vào tình cảnh khốn cùng rồi. “Người trầm cảm” là một từ chưa diễn đạt được hết tính nghiêm trọng, nhưng tôi lại nhất trí với cách dùng từ “số phận khắc nghiệt”. Nếu được phát biểu, tôi thích dùng những từ ngữ khiêm tốn hơn, chẳng hạn như “cuộc sống đáng sợ”. Tôi từng này tuổi đầu rồi mà chẳng có tài sản gì cả, ngay cả việc mua một ngôi nhà ở thôn quê cho bằng bạn bằng bè, tôi cũng không đủ khả năng. Tất cả các chị em tôi đều sở hữu một vài bất động sản, cả mẹ tôi cũng vậy. Cha tôi mất đi còn để lại cho bà một ngôi nhà. Tôi thì lại phải è cổ ra trả tiền thuê nhà, thế mà bây giờ cũng không lo nổi nữa. Vì vậy, tôi hầu như không dám gặp ai cả. Tôi còng lưng gánh chịu một đống nợ nần, nhưng bề ngoài vẫn phải làm ra vẻ mọi sự đều tốt đẹp! Bao nhiêu món nợ chồng chất thế thì làm gì mà tinh thần tôi chẳng bị khủng hoảng. Tôi cứ im thin thít suốt ngày, chẳng muốn mở miệng chuyện trò với ai cả. Nhưng đồng thời, tất cả những gì liên quan đến mình, tôi đều dồn tai chú ý hết. Như chuyện tổng đạt thông báo đòi nợ của một nhân viên chấp hành chẳng hạn, tôi muốn biết tường tận việc ấy sẽ diễn ra như thế nào, tôi nghĩ ngay đến chương sách mà tôi sẽ viết. Kể ra, cả một chương thì quá dài, làm gì có lắm chuyện để viết, thôi thì một đoạn vậy. Đã hai tháng rồi, tôi cứ thấp thỏm chờ tiếng chuông cửa, bao giờ thì nhân viên chấp hành thuộc Kho bạc đến? Tại sao họ chưa đến? Mỗi lần có tiếng chuông cửa, tôi lại hồi hộp, nhưng đó chỉ là người nhầm tầng thôi.

Làm sao tôi lại thiếp đi trên cái ghế ấy trong lúc đang đeo tai nghe nhạc với âm lượng mà tôi đã cố ý vặn ở độ lớn nhất để khỏi ngủ gật? Làm sao tôi

có thể nhầm, dù chỉ trong mấy giây, bộ tai nghe chuyên dụng - đó cũng chính là bộ tai nghe mà tôi đeo trong tấm ảnh Delphine chụp với đèn chớp, khiến tôi trông có vẻ tập trung tư tưởng suy nghĩ như một nhân viên kỹ thuật ở Mũi Canaveral^[18] đang đàm thoại với một phi hành gia vũ trụ - với một cái bể thủy tinh đầy côn trùng trông ghê người?

Không biết bây giờ là mấy giờ? Chắc là tôi sẽ quên đồng hồ trong buồng tắm rồi. Tôi nghe thấy người gác cổng xách thùng rác ra đường, cũng như mọi ngày, vào lúc sáu giờ kém mười lăm, cái nhà ông này giờ vào việc ấy rất đều đặn, tưởng như ông ta là cái đồng hồ thạch anh ấy. Sáng nào ông ta cũng làm âm ỉ như vậy, tôi tức lắm, nhưng riêng hôm nay, ông ta lại có công cung cấp cho tôi một điểm mốc thời gian quen thuộc, thế mà tôi cứ lo mình mắc chứng mất trí nhớ toàn bộ! Tôi đã nhận ra tiếng thùng rác va vào nhau loảng xoảng ngay, thế mà lại không sao nhớ nổi mình đang nghe đĩa nào. Hiện tượng quên một số sự việc mới xảy ra không phải là dấu hiệu tốt. Không biết có phải đĩa dương cầm không nhỉ? Hay là đàn cla-vơ-xin? Tôi tự nhủ, mình không nên ngó quanh để tìm hộp đựng CD, thế là ăn gian. Mấy chữ “chứng mất trí nhớ” chắn ngang không cho tôi tìm được vốn từ ngữ còn lại của mình và ngăn không cho tôi nhớ. Những rối loạn về khả năng lưu giữ và tái hiện trong trí những điều đã biết là hình thức phổ biến nhất báo hiệu khởi đầu của bệnh sa sút trí tuệ. Chứng ictus amnésique, cơn đột quỵ trí nhớ, có thể đánh vào các đối tượng từ tuổi năm mươi trở đi. Sau từ “ictus” (một từ La-tinh rất hay, *ictus fulminis*: một tiếng sấm hay một tin sét đánh), những từ khác cũng tìm đường len lỏi vào não tôi, mà toàn từ đáng sợ! “Bệnh thoái hóa tiểu não”, “chứng liệt dây thần kinh sợ”, “dù sao đi nữa thì cũng không thể tránh được thủ thuật khoan chọc xương sợ”... Kể ra thì trí nhớ của tôi cũng đâu đến nỗi suy giảm lắm. Chỉ tại tôi đọc nhiều sách y học quá thôi. Gì, chứ sách y học thì tôi mua thường xuyên ở Maloine, hiệu sách y học mà lần nào đến đó tôi cũng phải chạy bổ ra và lao vào bất cứ quán nào để lấy lại tinh thần nhờ một hai cốc rượu nặng sau khi đã lật giở những quyển ảnh màu luôn luôn vượt qua giới hạn chịu đựng của con người. “Thế thì cậu đến đó làm quái gì?” các bạn tôi thắc mắc. Tôi là tiểu thuyết gia, tôi phải quan tâm đến sức khỏe các nhân vật của mình. Còn nếu vì ý thích, tôi sẽ đến Réaumur, tôi sẽ vào Hiệu sách Nhạc Paris mua một số bản đàn bè, có thể tôi mới được nghe thỏa thích những bản nhạc mà tôi ưa chuộng. Tôi thích nhìn những bản nhạc mà tôi ưa chuộng. Tôi thích

nhìn những bản sao phóng hay chụp lại mang thủ bút của tác giả, như *Khúc biến tấu Goldberg* chẳng hạn.

Thế là, vì cuốn sách mà tôi đã nghĩ ra tiêu đề từ trước khi đặt bút viết: “Ba ngày ở nhà mẹ”, tôi phải quay lại hiệu Maloine thêm một lần nữa. Chả là tôi cần tạo ra một nhân vật đứng tuổi, bà mẹ giả tưởng của người kể chuyện chứ không phải của tôi. Thế nào là bệnh đái dầm của người già và hiện tượng lão suy về mặt tinh thần, hai cái khổ mà may quá Mẹ không mắc phải, tôi đã nắm được khá rõ. Tôi bỏ qua những cuốn như *Đôi lứa, sống, chết* hay *Già đi, kế hoạch cho cuộc sống chung đời*. Trong tiểu thuyết của tôi, nhân vật bà mẹ sẽ góa chồng. Bà ấy sẽ không phải đương đầu với nỗi khổ do bệnh học bất tương hợp giữa vợ chồng gây ra, một bệnh học mà gần đây tôi mới biết, và nó đang là đề tài cho cả một chương trình nghiên cứu. Đọc loại sách làm ảnh hưởng đến tinh thần này cũng có một cái lợi mà tôi không biết trước, chúng dạy cho tôi lường trước những gì sẽ đến với tôi tuyệt nhiên không phải là *dolce vita*^[19]. Nếu đem so với những chuyện rắc rối về tiền nong của tôi thì những việc đó chưa là gì cả.

Tuần trước tôi bị mời đến sở thuê làm việc. Họ đóng cửa vào lúc mười sáu giờ, vì vậy tôi phải dậy sớm hơn ngày thường một chút. Đó là ngày 14, ngày lễ Saint-Juste, Juste là tên riêng của Bouvard hay Pécuchet^[20], tôi chẳng nhớ nữa. Chỉ biết rằng một người tên là Juste, còn người kia là François. Hai nhân vật ấy đều bốn mươi bảy tuổi. Cả cuốn tiểu thuyết ấy, tôi chỉ thuộc được có câu đầu thôi: “Hôm ấy, trời nóng đến ba mươi ba độ cho nên Đại lộ Bourdon cũng vắng tanh vắng ngắt.” À, tôi còn nhớ một câu nữa: “Bỗng một người đàn ông xuất hiện, một người từ phía ngục Bastille đi tới, còn người kia thì từ Vườn Bách thảo.” Nói đến Vườn Bách thảo, tôi mới sực nhớ, đã lâu tôi không đến đó. Suốt ngày, tôi chỉ ru rú ở nhà. Đáng lẽ tôi nên đến đó chơi mới phải. Một lần, tôi được dịp dự tiệc tại một căn hộ rộng lớn ở Đại lộ Bourdon, thế mà khách lại ở đó không ai biết *Bouvard và Pécuchet* cả. Có một nhà mỹ học công nghiệp người Đan Mạch trẻ trung, mắt xanh lơ phớt hồng, thế là tôi sán đến buông lời tán tỉnh bằng cách gợi chuyện về phim của đạo diễn Carl Dreyer. Nhưng chán quá, cô ta lại mù tịt, không biết gì về người đồng hương của mình cả. Thế thì làm sao tôi còn dám nói đến nhà triết học Kierkegaard nữa. Tôi đành xoay sang đề tài

Andersen vậy, thể nào cô ta cũng nghĩ bụng, già cóc rồi mà còn thích truyện cổ tích, đúng là ông già lắm cẩm. Có lẽ đúng là tôi lắm cẩm thật rồi, nhưng vì nguyên nhân khác. Tôi không còn khái niệm gì về thời gian và tuổi tác của mình nữa. Tôi còn nhớ một cô gái ở Montréal mà hồi trước tôi đã có quan hệ. Một hôm, đang ngồi trong tiệm ăn, cô ta bảo tôi: “Ông đừng ôm ấp em kiểu này nữa, ông mà còn tiếp tục thì em sẽ xưng con và gọi ông là cha trước mặt người hầu bàn đấy”. Một cô khác, cách đây không lâu lắm, đã vén lưng áo tôi lên để hôn hít và vuốt ve, sau đó đã nói thẳng thừng với tôi: “Ông đáng tuổi làm ông em đấy”. Câu này không phải cô gái Đan Mạch mà tôi gặp ở Đại lộ Bourdon nói ra, nhưng so với cả cô ta nữa, tôi cũng đáng tuổi làm ông thật. Cô nhân viên tiếp tôi ở sở thuế cũng vậy. Từ trước đến nay, mỗi khi đến sở thuế, tôi đều được các bà đã có chồng con tiếp cả, chỉ cần nhìn mấy tấm ảnh bọn trẻ cố ý trưng trên bàn làm việc để khoe là hiếu ngay. Thế mà ngày lễ Saint-Juste lần này lại khác hẳn. Tôi bị trừ nghiền đi mất bao nhiêu là tiền, và vì lúc đó tôi đang ở gần nhà hát Comédie Française cho nên tôi chỉ muốn đọc to lên một câu trong vở *Kẻ hà tiện*: “Than ôi! Đồng tiền khốn khổ của ta, bạn thân nhất của ta! Họ đã tước đoạt mi của ta rồi!” Có lẽ cô nhân viên này biết thương thức câu nói đùa của mình, tôi nghĩ bụng. Buổi làm việc này đã khiến tôi hứng chí viết cả một trang giấy, định bụng sẽ đưa vào một trong những cuốn sách của mình, còn cụ thể cuốn nào thì để xét sau:

“Một thiếu phụ mặc váy mini bó sát có khóa kéo sau lưng mà lúc đầu ông lại tưởng là một người cùng cảnh ngộ bị truy thu thuế với tâm trạng căng thẳng và tuyệt vọng như mình đã mời ông vào một văn phòng sườn quá ẩm và trống trơn như phòng tiếp khách trong nhà tù. Cô ta mở tập hồ sơ trước mặt, và ông nhận ra ngay lá thư mà mình mới gửi đi cách đây ít lâu: tiếc quá, nếu biết trước rằng lá thư của mình sẽ đến tay một người duyên dáng nhường ấy thì ông sẽ viết cẩn thận hơn. Cô nhân viên trẻ trung xinh đẹp thuộc Bộ Kinh tế thông báo cho ông biết, cô sẽ giúp ông điền vào tờ khai “Phiếu thu hồi nợ theo kỳ hạn”. Cô ta đề nghị ông viết ngay một tấm séc: “Ít nhất phải một nghìn năm trăm ơ-rô.” Chết rồi, những mười nghìn frăng! Khi cô ta nghiêng người hỏi: “Hẳn là hôm nay ông có mang theo quyển séc chứ?”, ông nhận thấy cô ta không mặc nịt vú, mà cổ lại khoét rộng ngoác, mà bộ váy lại bó sát quá, gọi là áo tắm thì chính xác hơn. Ông luống cuống quá nên viết sai tờ séc thứ nhất, đành phải xé đi và nhét vội vào túi bên phải cái quần nhung rất đẹp mà ông mới mua cách đó mấy ngày.

Ông lại càng bối rối đến nỗi lúc điền vào tờ phiếu, đáng lẽ phải ghi: “Kho bạc Nhà Nước” thì ông lại định viết “vú vơ oai phong lẫm liệt”. Nào, mình phải bình tĩnh lại mới được. Có phải cô ta và ông đang ngồi kín đáo trong một góc khuất tại quán bar ở tầng một khách sạn Lutétia, đợi đến bao giờ nguồn cảm xúc thôi thúc trong lòng mạnh đến mức phải lao ngay vào vòng tay nhau đâu. Họ đang ở trong một văn phòng thuộc Tổng cục Kiểm toán công. Ông bèn bụng bảo dạ, phen này mình phải viện đến triết gia Kant mới xong. Kant là con người vững vàng không ai lay chuyển nổi mà gần đây ông đã đọc lại một vài trang sách để chuẩn bị viết cuốn tiểu thuyết của mình. Kant không phải là hạng người để cho một việc cón con như chuyện đàn bà con gái không mặc nịt vú làm cho bối rối, và trong cuốn *Phê phán năng lực phán đoán* của mình, ông ta đã tự hỏi, không hiểu cơ chế hoạt động tinh thần phải như thế nào mới khiến cho người ta nói ra một nhận xét: “Đây là một người đàn bà đẹp”. Vậy là theo Kant thì không có gì phải nghĩ ngợi lôi thôi gì cả, chỉ đơn giản là: Trên cơ thể đàn bà - Kant không phải là người thích bàn vớ các vị về thân hình tròn trĩnh hay khêu gợi - thiên nhiên thể hiện tài năng rất khéo léo khiến cho nét nào cũng mỹ miều cả. Ông còn khuyên nên dựa vào một khái niệm triết học để đánh giá đối tượng bằng con mắt thẩm mỹ hợp lô-gic. Thưa giáo sư Kant, làm sao chấp nhận được một quan điểm hợp lô-gic khi mình viết nhằm một tờ séc chỉ vì mãi nhìn vú người ta? Cô nhân viên thuế mà là một đối tượng sao? Cần cổ, đôi vai, gần như để trần của cô ta mà là khái niệm triết học ư? Dù thế nào đi nữa thì cô ta cũng là một người đàn bà đẹp, nhưng than ôi, cô ta lại yêu cầu người chịu thuế phải chia số tiền nợ ra làm năm phần, mỗi tháng nộp một lần, nộp trong năm tháng liền, để nhanh chóng khép hồ sơ (thế mà ông cứ hy vọng sẽ xin được nộp trong mười tháng, ông không dám mở miệng xin xỏ, cô ta yêu cầu gì mà ông chẳng phải chấp nhận). Cô ta đứng lên: “Tôi đi xin chữ ký ông kếp của tôi đây.” Thôi hỏng bét rồi! Cô ta ngu vớ tay kế toán Kho bạc rồi thì mình còn nước non gì nữa. Cô ta đã đi khuất, để lại trong văn phòng một mùi hương nhài và huệ, ông mới nghĩ ra, cô ta vừa nói: “Tôi đi xin chữ ký ông sếp của tôi đây.” Mất cô ta đẹp dễ làm rung động lòng người, giọng nói oanh vàng thỏ thẻ dễ nghe, màu son rực rỡ dễ ưa, váy áo cắt may khéo dễ gây chú ý, bộ ngực nặng trĩu dễ gây ấn tượng, nét chữ mềm mại dễ xem và - ông vừa làm cho cô ta bật cười - tiếng cười dễ lôi cuốn. Có lẽ cả một anh chồng dễ mến và hai đứa con dễ thương nữa, một cô bé dễ thương và một cậu bé dễ thương.”

Tôi ký vào sổ nợ kỳ hạn, tuy biết rõ rằng tháng sau mình không thể thanh toán được. hình như cô gái cũng hiểu như vậy cho nên mới nhắc tôi: “Nếu có gì trục trặc, đề nghị ông gọi điện báo cho tôi biết.” Ra đến đường, tôi vẫn lầm nhảm tên cô ta. Cô ta tên là Claire- Marie. Cha mẹ cô ta có đặt tên gọi ở nhà cho con gái là Clarinette không? Hay là Marionnette^[21]? Quê cô ta ở xứ Bretagne, và cô ta vừa được thuyền chuyển lên Paris. Sách của tôi mà xuất bản, nhất định tôi sẽ gửi biếu cô ta một quyển mới được. Nhưng than ôi, trước khi sách ra, tôi đã phải đến gặp cô ta rồi.

Tôi mang về tặng Delphine một bó hoa mang tên bà ấy, một bó delphinium đỏ tía và hồng nhạt, cứ thấy ở đâu bán là tôi lại mua ngay: “Tặng bà này! Hoa tai thỏ mùa thu là đẹp nhất đấy.” Sau đó, chúng tôi bàn về khu vườn bao quanh ngôi nhà mà tôi vẫn ước ao mua tặng bà ấy, một khu vườn không bị gió lộng, đất nhiều mùn, cây cối um tùm xanh tốt. Ở đó, hoa tai thỏ sẽ nở mỗi năm hai lần. Tôi luôn tưởng tượng cảnh mình trao tiền đặt cọc cho một công ty bất động sản, và giống như trong phim màn ảnh rộng hồi những năm năm mươi, tôi nói với Delphine: “Bà cầm lấy này, chìa khóa nhà chúng ta đây!” Tôi rất mong bà ấy hạnh phúc. Nhưng làm thế nào để bà ấy hạnh phúc được đây? Việc này thì tôi dở lắm. Delphine đã nói với tôi, đã viết cho tôi bao nhiêu câu ân cần tử tế, thế mà tôi lại hay đại đi đại lại những câu mà bà ấy buột miệng nói ra trong những lúc tinh thần khủng hoảng hơn tôi. Hôm qua tôi thức dậy khá muộn, tôi thấy bà ấy để lại một mẩu giấy ngoài hành lang báo cho biết: “Tôi đi dạo đây. Hôn ông, chú chuột sóc ham ngủ thân yêu của tôi.”

Bà ấy thì như thế, còn về phần tôi, đôi lúc tôi lại thăm câu nguyện: “Delphine, bà đừng có mà về nhà ngay đây, bà để tôi yên thân một chút, làm ơn đi, chỉ một hay hai giờ thôi cũng được”, nhưng tôi mà không biết bà ấy đang ở đâu thì lập tức lại như người không còn điểm tựa, và tôi có thể hát lên một câu trong vở *Renard*: “Ta thất bại rồi, ta hết đời rồi.” Hồi tôi đến Munich để thương lượng về bản dịch tác phẩm mới nhất của mình sang tiếng Đức, lúc nào tôi cũng cứ ngong ngóng chờ từng bản fax của bà ấy gửi đến khách sạn. Bà ấy có viết một câu như thế này: “Tôi thích đọc đi đọc lại thư ông, nhất là đoạn ông bảo ông đọc đi đọc lại thư của tôi ấy.” Sách của tôi mà hoàn thành, hai vợ chồng nhất định sẽ đi tự khao một bữa tra trò, ngồi ngoài trời, trên sân thượng tiệm ăn, chúng tôi sẽ lại chuyện trò tình tứ

như xưa. Tháng trước, bà Delphine đã gửi thư từ Hy Lạp về cho tôi: “Bán đảo Péloponnèse ngay trước mắt, một cốc rượu mùi ouzo trên tay và ông trong tim tôi.”

3

Lần đầu tiên tôi được thấy một con vật mà thoát nhìn, tôi lại nhầm là trăn Nam Mỹ, đó là trong một quyển sách, và lời thuyết minh dưới bức ảnh cho biết, nó không phải là con trăn mà là con soucouriou, một giống rắn rất hiếm trong rừng rậm Amazone. Hồi tám, chín tuổi, tôi đã giết được một con rắn vi-pe bằng cách lừa nó chui vào một cái chai rỗng, sau đó tôi đổ đầy nước gia-ven: tôi định bày trong bảo tàng lịch sử tự nhiên mà trước kỳ nghỉ hè, chưa gì tôi đã trót đại miệng khoe khoang là sẽ cất bằng khánh thành vào tháng Chín. Con vi-pe là rắn độc, trong khi cả con trăn Nam Mỹ lẫn con soucouriou đều không phải, mà những con này thì không đời nào chui vào chai được. Ngày hôm sau, nước gia-ven chỉ chừa lại một vài đốt sống của chú bò sát không may ấy thôi, thế là tôi đành phải xé cái nhãn mà tôi vừa viết: “Bộ rắn, họ vi-pe, *Vipera aspis* (vật hiến tặng của ông François Weyergraf)”. Đúng lúc tôi đang trút nước gia-ven xuống bệ xí thì mẹ tôi vào hỏi tôi đang nghịch ngợm gì trong buồng tắm và mắng cho một trận mà nếu đem so sánh với con hoẵng hốt mà tôi vừa gây ra cho bà thì mức độ cũng ngang nhau. Bà bảo, với tư cách là giám đốc tương lai một viện bảo tàng lịch sử tự nhiên, tôi không thể không biết rằng số người thiệt mạng vì bị rắn cắn rất lớn - ở Ấn Độ và Miến Điện thì tôi nhất trí, còn ở xứ Provence thì không. Tôi phải hứa với bà là từ nay chỉ bắt thằn lằn thôi.

Người ta bảo rằng, có những con rắn dài hơn bảy mét và nặng hơn năm trăm cân, thật hay bịa nhỉ? Rằng chúng có thể làm anh ngạt thở trong các khúc cuộn, nuốt gọn anh dễ như bỡn mà không cần nhai gì cả sau khi bọc anh trong một lớp dãi rớt? Tôi đem những thắc mắc ấy ra hỏi mẹ, bà lại giảng giải cho tôi hiểu chủ yếu về trăn Nam Mỹ. Theo nhận xét của tôi, bà chưa đánh giá hết mối nguy từ con soucouriou. Tôi bèn kể với bà, khi bị chặt đầu con soucouriou chảy nhiều máu lắm, chảy ồ ạt như con bò bị đem giết thịt. Tôi thấy trong sách người ta nói vậy. Còn mẹ tôi thì lại cho rằng những con rắn lớn ấy không bao giờ trực tiếp tấn công người. Hai mẹ con đang nói chuyện trong bếp. Trong lúc mẹ tôi đứng trước bồn rửa và chuyển dần từng cái đĩa để tôi lau khô thì ở Nam Mỹ, bọn trăn vẫn đang nuốt chửng đủ mọi động vật mà không ai làm gì chúng được - lợn lòi hôi,

khí và bé trai. Mẹ tôi giải thích cho tôi hiểu, con trăn Nam Mỹ giãn rộng miệng ra như thế nào để nuốt gọn được cả dê. Cách tả của bà diễn cảm quá đến nỗi tôi có cảm giác ghê ghê, hình như xương mình đang gãy răng rắc trong miệng một con bò sát vẩy bóng loáng. Bà nói thêm, trăn Nam Mỹ không hung hăng tấn công người trước, nhưng đã quá muộn, tôi đã tưởng tượng một con trăn năm trăm cân làm mình chết ngạt mất rồi. “Hai mẹ con đang nói chuyện gì thế?” cha tôi hỏi khi cả nhà ngồi vào bàn ăn. Tôi nhận thấy bà trả lời qua quýt cho xong: “Thằng François tự nhiên lại nổi hứng thích nghe chuyện rắn ấy mà.”

Tôi tìm cuốn từ điển Larousse của gia đình để tìm hiểu về con trăn Nam Mỹ, trong đó không thấy nói gì đến con *soucouriou* cả. Nhưng tôi lại biết được một điểm về con trăn Nam Mỹ: *chỉ nguy hiểm vì kích thước lớn và sức mạnh phi thường*. “Chỉ nguy hiểm vì”! Cứ như thể kích thước và sức mạnh không là gì ấy! Không hiểu có phải do trí tưởng tượng hay do mơ mộng hão huyền mà tôi lại đâm ra suy nghĩ vẩn vơ mẹ tôi là một con trăn Nam Mỹ, và tôi cảm thấy mình có khả năng thuần hóa được nếu mọi việc xấu đi, một con trăn không bao giờ tấn công tôi, có thể nói là con trăn hiền dịu như bà tiên. Nhưng dù hiền dịu đến đâu, đôi lúc con trăn cũng nổi hứng muốn ôm ghì anh thật chặt, đơn thuần chỉ vì yêu quý anh như phần lớn các bà mẹ đều làm như vậy, và trong đó dĩ nhiên có cả mẹ tôi nữa, thế là anh chết ngạt. Mặc dù sợ thì có sợ nhưng tôi không bắt mẫn vì có một bà mẹ là trăn. Mẹ các bạn tôi đều giả vờ là y tá hay thư ký. Thằng bạn này thì không ngờ rằng mình đi học về là ôm chầm lấy một con rắn chuông hung ác, *crotalus atrox*, còn thằng bạn kia thì lại không hề biết là mình phải nhờ một con rắn mang bánh giúp làm bài tập. Còn tôi, tôi phải cố gắng thận trọng không để lộ cho mẹ tôi biết là tôi nghi ngờ bà. Thậm chí, tôi còn tỏ ra ngoan ngoãn hơn trước. Không hiểu bà có nhận thấy là, mấy tháng sau khi tôi phát hiện ra mẹ là con trăn, tôi đối xử với bà âu yếm tử tế hơn không? Nhưng tôi nhất định không chịu để cho mình bị nuốt chửng một cách dễ dàng thế đâu. Tôi cũng phải biến thành rắn thì mới đối phó với bà được. Hay mình biến thành rắn mang bánh chúa? Một con đáng gờm và vô cùng hung ác, chuyên ăn thịt các loài rắn khác. Nó không bao giờ chờ kẻ địch quấy rầy thì mới tấn công cả. Nọc của nó rất độc. Bị nhốt trong lồng, một ngày nó phải ăn rất nhiều rắn nhỏ. Tôi bèn lập danh sách những loài rắn đáng chú ý: hổ mang (rất hung dữ), mamba đen (nhanh nhẹn, rất nguy hiểm), hổ mang nước (bơi

giỏi, đáng sợ, không bao giờ do dự khi tấn công, phần lớn vết cắn đều gây chết người), *bitis gabonica* (một trong những con rắn đáng sợ nhất thế giới).

Tôi sẽ chẳng bao giờ nhớ đến con soucouriou nếu hôm nọ tôi không vô tình tìm được một cuốn *Dã thú hình người trong rừng Amazone* đã ố vàng, gáy gãy lưng lủng, bìa rách tả tơi tại một hiệu sách cũ mà tôi là khách quen. Chủ hiệu không dám nhận tiền của tôi: “Ồ thôi, nó cũ nát quá rồi. Tôi xin tặng ông đây.” Tôi nhận ra ngay, đó chính là cuốn mà tôi đã lấy trộm trong tủ sách của cha mẹ hồi đầu thập kỷ năm mươi thế kỷ trước. Mẹ tôi không bao giờ hỏi, tại sao tôi lại biết con soucouriou. Chắc bà tưởng tôi tìm được từ ấy trong truyện tranh của Lão Hải ly. Bà sẽ bực mình lắm nếu biết là tôi đọc *Dã thú hình người trong rừng Amazone* từ hồi lên chín, một cuốn sách mà bà không ngờ nội dung lại đáng sợ đến thế bởi vì tôi đã xé đi những trang kinh khủng nhất. Lý do mà tôi lén đem cuốn sách đó về phòng riêng không có liên quan gì đến rắn rết cả, mà là tôi tò mò muốn tìm hiểu về những thổ dân chuyên đi săn đầu người, một thú sưu tầm mà tôi hoàn toàn không biết gì. Trong lúc đọc cuốn sách ấy, tôi luôn tưởng tượng mình bị lạc trong rừng già, nơi mà lúc nào mình cũng có nguy cơ bị một mũi tên tẩm nhựa độc hoàng nàn cắm phập vào gáy, nếu chưa bị một chú nhện to bằng con cua biển đốt cho một phát trí mạng hoặc vô phúc gặp phải một đàn kiến lửa, toàn những tai họa mà tác giả và độc giả trẻ của cuốn *Dã thú hình người trong rừng Amazone* đã thoát khỏi trong gang tấc. Hóa ra làm cho một cái đầu người nhỏ lại không khó như tôi vẫn tưởng. Đầu tiên, ta đập giập xương sọ và chú ý dùng lá cọ bảo vệ da mặt. Sau đó, qua đốt sống cổ, ta rút hết xương vụn và óc ra, rồi cạo sạch khoang sọ. Sau khi bị nhét đầy cát và tro, cái đầu sẽ nhỏ lại trong một vài tiếng đồng hồ. Đó là điều mà một cậu bé lắm mưu nhiều kế say mê tìm hiểu. Chẳng lẽ tôi phải đọc truyện cổ tích *Hoàng tử Nhỏ* cả đời sao.

Tôi có thể viết về thời thơ ấu của mình hết trang này đến trang khác không bao giờ hết, tôi đã kể trong những cuốn sách khác rồi và tôi sẽ còn tiếp tục nữa. Làm thế thì tiện lợi đủ đường! Kể về tuổi thơ của mình thì không có gì mạo hiểm cả, mà viết ra giấy lại càng tốt, bởi vì người ta nói rằng lời thì mới lụy đến thân nhiều hơn. Các ông thẩm phán và bác sĩ phân

tích tâm lý đã rút được nhiều kinh nghiệm về vấn đề này lắm rồi. Trước tòa, nguyên tắc lấy lời khai bằng miệng trong các cuộc tranh luận vẫn được dùng làm cơ sở pháp lý nếu chưa có luật mới. Người ta chỉ cho phép nhân chứng sử dụng tài liệu viết trong trường hợp ngoại lệ thôi. Tòa đại hình không mang theo hồ sơ vụ án vào phòng thảo luận. Với lại, phiên xét xử thì bao giờ mà chẳng có mặt cả hai bên và ý kiến mọi người bao giờ mà chẳng trái ngược nhau. Bị can có quyền được đặt câu hỏi cho các nhân chứng. Tại sao mình lại dùng chữ “các” cho các từ “nhân chứng”? Nhân chứng thì tôi chỉ thấy có một mình mình thôi, lúc thì dẫn chứng có lợi cho mình, lúc thì không, nhưng luôn luôn rụt rè e ngại, lúc nào cũng bứt rứt, ngây ì như tượng gỗ vì các câu chất vấn mà Siêu-cái-tôi của tôi đặt ra. Tôi là nhân chứng, bị can, người bào chữa, quan tòa hay chỉ là viên lục sự cầm cúi xuống biên bản tòa án? Người ta gọi tài liệu bằng văn bản về các tình tiết của vụ án là “bút lục” - tức cuốn sổ chép lại nội dung tranh cãi và ý kiến các bên - xuất phát từ động từ “múa bút”, tức là ghi để nhớ, viết nháp. Bút lục ư, tôi hoàn toàn nhất trí dùng từ này. Nhưng tôi phải ghi những gì mới được chứ?

Tôi vừa gửi một bản fax đến ngân hàng mình vẫn thường giao dịch, trong đó tôi phát huy hết miệng lưỡi biến báo để biện minh cho việc chậm thanh toán nợ. Tôi gọi cho ông giám đốc nhớ lại lập luận nổi tiếng của Miller và Modigliani^[22], hai nhà kinh tế học từng chứng minh rằng giá trị một hãng mắc nợ cũng bằng một hãng không mắc nợ. Tôi đã kể cho ông ta biết chuyến du hành của Nhà vua Charles Quint^[23] đến thăm các vị chủ ngân hàng ở Augsburg, những người đã có cử chỉ rất lịch lãm là châm lửa đốt ngay trước mắt ngài, trong lò sưởi toàn củi đàn hương, những tờ giấy ghi nợ mà ngài đã ký. Câu chuyện Charles Quint lưu lại gia đình Fugger, các ông chủ ngân hàng cha truyền con nối mấy đời mà nhà vua thường giao dịch, và được tiếp đãi rất trọng thể, tôi có thuật lại trong một cuốn sách mà thời gian này tôi đang viết: tôi thấy ông chủ ngân hàng của tôi mà đọc trước cả nhà xuất bản thì cũng chẳng có gì là bất tiện cả.

Tôi gửi tờ fax ấy đi có khôn ngoan không? Gửi fax thì thuận lợi ở chỗ tôi khỏi phải lo lắng hồi hộp khi tiếp xúc trực tiếp với người khác. Như thế tức là tôi đã vi phạm vào quy tắc tranh cãi bằng miệng. Và sau khi đọc bản fax của tôi, ông giám đốc ngân hàng sẽ cho biết ý kiến, và tôi thì lại ngăn

không cho ông ta phạm vào tôi mà luật pháp rình chờ, nếu ông gặp mặt tôi, là có quan hệ riêng tư với bị cáo. Nhưng, là một nhà văn, tôi có thể viết. Tôi đi gặp ông giám đốc ấy để làm gì cơ chứ? Để ông ta nhắc lại: “Xin lỗi, tôi đâu có phải là chủ ngân hàng, tôi chỉ là một người làm công ăn lương thôi và tôi phải xuất trình sổ sách với cấp trên trực tiếp” một lần nữa sao? Không biết từ bao nhiêu tháng nay - tôi thấy thà không nhớ cụ thể là bao nhiêu thì hơn - số nợ trong tài khoản của tôi đã vượt quá mức mà ông ta có quyền cho phép, và hai chúng tôi, cả con nợ lẫn giám đốc ngân hàng, đều hiểu rằng không còn cách nào khác ngoài việc kiên nhẫn chờ tôi xuất bản được một, hai cuốn sách mới: “Xin ông cố chờ cho đến khi tôi viết xong sách”, trước khi kết thúc cuộc trao đổi gần đây qua điện thoại, tôi khẩn khoản nói với ông ta, ông ta bèn đáp: “Thôi, cứ cho rằng tôi không còn lựa chọn nào khác đi.” Tôi bức mình với câu cuối cùng trong lá thư bảo đảm mà ông ta gửi cho tôi quá, một câu mà Napoléon mới có đủ tư cách ký tên bên dưới: “Tình trạng này không thể kéo dài được nữa.”

Tôi bèn hủy bỏ tất cả các cuộc hẹn với ông bác sĩ đa khoa mà tôi định đến xin một ít thuốc tăng lực - không có ông ta và dăm ba thứ thuốc vớ vẩn ấy, tôi vẫn sống bình thường được - và với ông thầy thuốc khoa mắt, người đang muốn thuyết phục tôi dùng kính lão tăng số dần dần: “Ông đừng chờ đến sáu mươi tuổi mới đeo kính, ông sẽ khó quen hơn nhiều.” Cả hai cô thư ký giúp việc cho bác sĩ đều nói lời cảm ơn vì tôi bảo hủy bỏ cuộc hẹn khám sớm trước vài ngày. Tôi cũng có một lần làm được việc gì đó sớm sửa đây chứ!

“May mà mình sống ở Pháp đấy! Nếu là ở Mỹ thì người ta không bao giờ đối xử khoan dung với một nhà văn như vậy đâu”, tôi nghĩ bụng trong lúc theo dõi máy phát chuyển đi một bức fax mới cho ông Kế toán Kho bạc, đề phòng trường hợp tôi không thanh toán được theo đúng kỳ hạn: “Cả ông lẫn tôi đều có chung một mong muốn, mong muốn tôi đóng được thuế. Đối với ông thì là công việc. Đối với tôi lại là một cơn ác mộng. Thưa ông Kế toán Kho bạc kính mến, nhà phân tích tâm lý nổi tiếng Françoise Dolto đã nói rằng người ta viết vì họ sẽ lẫn ra ốm ngay nếu không viết. Riêng tôi thì ngược lại: chính việc viết lách mới làm cho tôi ốm. Giấy báo thanh toán nợ của ông khiến tôi tỉnh ra và nghĩ đến tình hình hiện tại, tôi xin trân trọng cảm ơn ông. Tôi phải làm cho xong cuốn tiểu thuyết tiếp theo mới được.” Suýt nữa thì tôi đã định viết thêm rằng, vấn đề rắc rối với cuốn sách nói về

mẹ tôi - ông ta đã biết tôi có dự định này - là ở chỗ, cha tôi cũng đã viết nhiều cuốn về bà, hay nói chính xác hơn là về vợ ông, và tôi sẽ lâm vào hoàn cảnh cạnh tranh với ông một lần nữa. Tôi mong sao mình dành hẳn một cuốn sách nói về mẹ ở tuổi xế chiều, việc này, nếu cha tôi còn sống thì hẳn là ông đã thực hiện rồi, nhưng nay ông đã qua đời, cho nên đó đâu phải là lỗi tại tôi. Tôi có tin chắc là không phải lỗi tại mình không? Khi cha tôi còn sống, tôi chẳng đã có lần mong ông chết đi là gì? Trước khi cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi ra mắt bạn đọc, tôi chẳng đã nói với ông thầy thuốc một câu mà ông ấy thấy bất thường nên đã ghi lại ngay: “Tôi mà xuất bản cuốn sách này thì nhất định cha tôi sẽ chết mất. Đọc sách của tôi, cha sẽ không chịu được đâu” là gì? Thế rồi cha tôi mất thật, mất mấy tháng sau khi cuốn sách nói trên xuất hiện ở các hiệu sách. Tôi cố trấn an mình, đó chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên thôi nhưng vô ích, hai sự kiện ấy gần nhau quá, và tôi cứ day dứt mãi không thôi.

Tôi rất tiếc căn phòng mà ở đó, cuối cùng, tôi cũng cặm cụi hoàn thành được toàn bộ sách của mình. Dọn nhà là một sai lầm tai hại, nhưng đành phải chấp nhận thôi. Khi hợp đồng thuê hết hạn, tay chủ nhà đã làm cho một vị thẩm phán tin rằng ông ta sẽ cho họ hàng dọn đến diện tích mà người ở cuối cùng là tôi đây. Ông ta nói dối. Tôi đã kiểm tra rồi. Người nhà ông ta không ai đến ở căn hộ ấy cả. Bây giờ thì căn hộ cũ của tôi đã bị ngăn làm ba, bất chấp cả cách bố trí phòng ốc xứng đáng được Unesco xếp hạng - thời Haussmann^[24], các kiến trúc sư nột thất hiểu rất rõ công việc của mình, thế là thành ba căn phòng xoàng xĩnh, mỗi phòng lại phải lắp đặt một ngăn vệ sinh và một ngăn bếp, và bây giờ thì có lẽ ông ta cho thuê với giá khá cao. Tôi đã từng làm việc ở nhiều nơi, ở Provence, Sologne, Bavière, London, Venise, Bruxelles, Berlin, Lausanne, và rồi tôi thấy mình phải mạo hiểm xa hơn nữa xem sao, xa hẳn Paris, rời hẳn châu Âu. Thế là tôi đi Tanger, Dakar, tôi đã trọ suốt một tháng trời trong một căn phòng trên tầng cao nhất Khách sạn Akasaka Prince ở Tokyo, tôi đã thuê một căn hộ trên gác quán cà phê Les Gâteries ở Montréal, tôi cảm thấy rất dễ chịu ở Melbourne (không ai chịu tin tôi cả) nhưng rồi cuối cùng tôi vẫn quay về đây, về căn phòng mà tôi so sánh với một xưởng dựng phim, nơi tôi thường

tự nhốt mình sau khi “sách của tôi được quay ngoại cảnh”, tôi vẫn gọi các chuyến đi xa của mình như vậy. Tôi đã tìm cách sắp xếp lại gian phòng ấy trong căn hộ mới, nhưng hình như là không giống lắm.

Tôi đi ngủ đây. Cứ thiếp đi được là tôi mừng rồi. Đó là lúc tôi nghĩ ra nhiều ý tưởng nhất. Ý tưởng ấy ư, tôi nghĩ ra vô khối, mà là toàn ý tưởng hay nhất chưa từng có, tôi chào mừng chúng thật nồng nhiệt và sẵn đón chúng thật ân cần vì biết rằng mình không thể sử dụng chúng được. Than ôi, tôi không thể vừa ngủ vừa viết được. Vậy là tôi ngủ thiếp đi, yên trí rằng mình là một thiên tài, và tôi cứ tỉnh dậy thì lại thấy cuộc đời mình là địa ngục, hơi nhận định phóng đại quá đấy.

Trong những năm tháng cuối cùng của thế kỷ XX, cứ đến mùa hè là báo chí lại quảng cáo rùm beng rằng, mùa thu tới, một cuốn tiểu thuyết liên quan đến tôi sẽ ra mắt bạn đọc: tên tôi nằm chính ình ngay trên trang bìa, mục sự kiện dự báo - một cuốn tiểu thuyết mà đã đến lúc tôi phải là tác giả bằng cách thôi không bỏ dở chừng nữa. Tôi có thể lấy đoạn đầu trong cuốn truyện vừa *Ngày cuối cùng của một người bị kết án*^[25] của Victo Hugo mà tán thêm thành như thế này: “Viết cho xong đi! Đã bốn năm nay, tôi phải sống cùng với ý nghĩ này, lúc nào cũng chỉ có tôi và nó đối diện với nhau, lúc nào tôi cũng phải còng lưng dưới sức nặng của nó! Ngày xưa, tôi là một người khác hẳn. Tôi có thể nghĩ đến bất kỳ điều gì tôi muốn, tôi được hoàn toàn tự do. Còn bây giờ, tôi chỉ còn có một ý nghĩ: tôi phải viết xong cuốn tiểu thuyết này.”

Đó hoàn toàn không phải lần đầu tiên tôi chọn một nhà văn làm người kể chuyện. Tôi thấy mình thoải mái với một nhà văn hơn là với một kẻ giết hàng loạt, một bác sĩ ngoại khoa hay một mục sư. Tinh thần các nhà văn trong tiểu thuyết của tôi càng ngày càng suy sụp vì luôn luôn phải vật lộn với tiền bạc, tình dục, gia đình và những khái niệm về mỗ xẻ mà họ dùng để chống lại những chân lý tưởng như bất diệt. Đêm nào, người kể chuyện trong cuốn sách sắp tới của tôi cũng ngồi im thin thít trong một căn phòng, nơi mà ông ta định làm việc chăm chỉ, nhưng thật ra ông ta lại mải mê những trò khác, đến nỗi tôi phải nói chữa hộ ông ta rằng, có thể thì ông ta mới nghĩ ra được những ý tưởng hay cho công việc đang tiến hành. “Thế đêm đêm, con làm gì mà cứ mải miết thế?” mẹ ông ta lo lắng thắc mắc. Ông

ta không dám trả lời rằng ở tuổi của ông ta đàn ông vẫn thủ dâm là chuyện thường, không phải thủ dâm theo nghĩa bóng trong bản thảo mà là theo nghĩa đen, nếu từ đen với nghĩa “kín, không công khai” thích hợp để nói về việc dùng khăn giấy lau chùi tinh dịch nhót nhất ở bụng và chảy xuống đùi, xuống cả sàn nhà. Lao động trí óc đòi hỏi người ta phải trả giá bằng cách nhin, thậm chí cai hẳn những thú vui thỏa mãn ngay tức khắc, đó là luật đời, nhưng người kể chuyện của tôi lại phân tán sức lực rất phí phạm. Ông ta dùng một cuốn từ điển văn cũ rách (cùng loại mà nhà thơ Charles Péguy, một gã thợ thơ hạng bét, vẫn sử dụng) cắt công thảo ra những vần thơ dở ẹc để gửi fax cho bạn bè, ông ta lò mò tìm trong bài văn của nhà triết học Đức Martin Heidegger để tìm kiếm đoạn bình luận câu châm ngôn của Hegel nói rằng một chiếc tất rách tốt hơn một chiếc tất mạng và ông ta phân vân không biết một cuốn tiểu thuyết được báo trước là sẽ ra mắt có hay hơn một cuốn tiểu thuyết đã xuất bản không, ông ta cắt bài phỏng vấn viên kỹ sư đã chống đỡ tháp nghiêng Pisa trong một tờ báo ra hàng tuần ở Ý, và còn không biết xấu hổ đến mức so sánh bản thân mình với tháp Pisa, cho rằng mình cũng nghiêng nghiêng không kém, cũng cần phải được chống đỡ không kém, ông ta nghe *Caramba! It's the Samba* do Peggy Lee trình bày chỉ vì tên bài hát, ông ta mua đĩa ấy cũng chỉ vì cái tên, và dĩ nhiên là bài hát không xứng với tên chút nào cả, ông ta nghe bộ tứ đàn dây của Morton Feldman dài bốn tiếng đồng hồ, và vừa nghe vừa nghĩ vẫn vợ không hiểu họ làm thế nào tấu được nhạc phẩm da diết và buồn chán ấy trong hơn bốn giờ mà không bị co cơ và không buồn đi vệ sinh. Đêm xuống, ông ta mới viết, ông ta đặt một cái đĩa khác vào máy, đó là nhạc của Bach do Evgeni Koroliov biểu diễn, Koroliov ấy, nhạc sĩ dương cầm người Nga mà người ta đánh giá là chơi *Variations Goldberg* hay hơn cả Glenn Gould^[26] ấy, ông ta thấy mình bất công với Glenn Gould quá, thế là ông ta lấy đĩa Glenn Gould ra nghe lại, tuyệt lắm, cái anh chàng Glenn Gould này, ông ta so sánh giữa *Yến tiệc*^[27] của Platon với của Xénophon và thấy rằng mình thích tác phẩm của Xénophon hơn (đây là vấn đề còn cần phải chứng minh, nhưng ông ta nguyện sẽ làm, tại sao lại không làm trong cuốn *Volcano* nhỉ), ông ta lấy thư từ một người đàn bà mà mười lăm năm qua ông ta không gặp gỡ nữa ra đọc lại, trong thư bà xin ông ta, mỗi khi nghĩ đến bà thì hãy tưởng tượng cảnh ân ái và cố gắng đạt đến mức cực khoái, ông ta tự nhủ rằng mười lăm năm qua rồi, bây giờ làm được việc này thì kể ra cũng thú, như thể mình đặt ngón tay cái lên mũi vẩy mấy cái để chế nhạo thời gian đang

trôi đi vèo vèo ấy, nhưng thực ra thời gian đâu có trôi đi mà là chúng ta đẩy chứ, “thời gian ấy ư, ông ta thâm nghĩ, vấn đề rắc rối muôn thuở của mình đó”, thời gian còn là đề tài nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần trong vở kịch thơ Faust nữa. Ông ta nhớ đến đôi mắt xanh biếc của người đàn bà mà hồi cuối thế kỷ XX, ông ta đã tán là “*my sweet nightingale*”^[28], bà nói tiếng Anh mà lại, thế là bà hôn ông ta và thỏ thẻ: “Ông gọi em là *nightingale* nữa đi, ông sinh ra để gọi em là *nightingale* mà.” Ông ta hồi tưởng lại mười lăm ngày lưu lại khách sạn Ritz ở Barcelona vừa qua, đó cũng là khách sạn mà một lần, hồi còn trẻ, ông ta đã tình cờ được đứng trong thang máy cùng với ngôi sao màn bạc Greta Garbo, bà đã già lắm rồi, ông làm sao nhận ra được nếu nhân viên trực tầng không nói cho biết. Thiếu phụ mà ông vừa sống chung hai tuần ở Barcelona đã ghé vào tai ông thì thầm: “Quan hệ của chúng ta không phải là tình yêu mà là chuyện có đi có lại trên giường thôi, như thế vừa đơn giản vừa gọn nhẹ!” Hai người ở li trong khách sạn, ngay cả đồ ăn thức uống, trong đó dĩ nhiên có cả sâm banh nữa, cũng được phục vụ tận phòng, tất cả đều được thanh toán bằng tiền tạm ứng một phần do bản quyền tác giả của ông, làm sao hoàn thành nổi một cuốn sách mà nhịn làm tình được? Ông đã nói với ngày Dolorès xinh đẹp tuyệt trần: “Tôi phải làm việc thôi! Tay ở nhà xuất bản mà nhìn thấy tôi lúc này thì...” và bà ta đã cướp lời: “Thì nhất định sẽ phải ghen tị với ông.”

Đó là những gì tôi cố nhét vào đầu người kể chuyện trong sách của mình. Đôi khi ông ta cũng ra phố để ngắm trời ngắm đất và đi bách bộ một chút. Ông ta thơ thẩn về phía Palais-Royal, một địa điểm dạo chơi rất tốt, nhưng mới đi được khoảng ba trăm mét, ông ta đã cảm thấy bản khoán day dứt. Ông ta thấy mình có lỗi vì đã rời khỏi bàn làm việc. Rèn luyện đôi chân cho dẻo dai thì để sau hăng hay, bao giờ sách xuất bản thì tha hồ đi chơi. Ông ta quay lại và làm lủi trở về nhà. Nhưng buổi tối, thỉnh thoảng tôi lại cho phép ông ta ra khỏi căn phòng mà tôi nhốt ông ta suốt ngày, và lúc hai giờ sáng, kể khốn khổ ấy lại như chim sổ lồng, ông ta phóng như bay đến Wine and Bubbles, một quán bar ở phố Française, để uống hai hoặc ba cốc Languedoc nồng độ cồn 14,5% coi như thuốc an thần với mấy ông bạn và đồng thời cũng chính là chủ quán, trong khi tôi vừa ngồi chờ ông ta về vừa uống trà tươi của Trung Hoa, một thứ nước kích thích thần kinh dễ sợ. Để cho đầu óc đỡ căng thẳng, có lẽ tôi phải đọc một vài công trình nghiên cứu đại loại như *Hãy thuần hóa tình trạng stress của mình* mới được. Tôi không muốn mình suy nhược đến mức độ đó đâu. Hôm nọ, trong tàu điện ngầm,

tôi vô tình ngồi đối diện với một thiếu phụ rất xinh, ngay lập tức, tôi đã nảy ra ý định mời người đẹp đi ăn tối để được nghe cô ta kể về cuộc đời mình, có thể tôi mới đỡ nghĩ ngợi đến cuộc đời của chính mình. Tôi đã tưởng tượng ra cảnh hai chúng tôi ở Capri. Cô ta lấy một cuốn sách trong túi ra. Vừa nhìn thấy đầu đề *Thành công bằng ý nghĩ có tính xây dựng* của Napoléon Hill, tôi đã cắt hứng, chẳng thiết nói chuyện với cô ta nữa.

Cách đây hai hay ba năm, mẹ tôi đã nhắc nhở: “Con phải cho ra sách đi chứ. Nếu không, người ta lại tưởng con chết rồi thì sao.” Mẹ thân yêu, người ta không quên con đâu. Tuần này, con vừa nhận được thư của một giáo sư dạy con ngày xưa. Hình như thầy con bằng tuổi mẹ thì phải, nhưng thầy vẫn còn nhớ người học trò mà ông tưởng là xuất sắc này: “Về văn học Pháp, cậu hiểu biết hơn tôi nhiều, nhưng chưa bao giờ cậu tỏ vẻ huênh hoang với tôi cả” (lạ nhỉ, chưa bao giờ tỏ vẻ huênh hoang ư, nhưng nếu thầy đã tưởng như vậy thì...) Ông thầy tu này đã ngồi không biết bao nhiêu giờ trong phòng xung tội (nhiều đến nỗi làm cho một tiểu thuyết gia tương lai là con đây phải ghen tị) thì chắc là phải biết khá rõ về thói lẩn nhả việc hôm nay để đến ngày mai. Con phải viết thư phúc đáp mới được. Lá thư bốn trang đặc kín của thầy có phải là ý trời đến giúp con không nhỉ? Thầy vẫn nhớ về những lần con đến trường trễ giờ. Thầy còn nhắc lại, ở trường ai cũng biết con chuyên đi học muộn, trong các cuộc họp hội đồng giáo viên, con hay bị nêu tên lắm.

Ôi, sao mà tôi muốn bỏ tất cả đấy và đi du lịch thế không biết!

Đi du lịch! Nghe sao mà quyến rũ! Vừa nói lên mắt tiếng này là người ta đã không sao tìm nổi một cụm từ nào khác hay hơn thế nữa rồi, ngay cả khi hiện tượng như vậy có thể đến với bất cứ từ nào, nếu mình nhắm đi nhắm lại và ngẫm nghĩ kỹ. Xuất hiện sau các cuộc hành hương và viễn chinh chữ thập nhưng đã khác đi rất nhiều, khái niệm về du lịch đã được sinh ra và phát triển đồng thời với một sáng tạo khác: thể loại tiểu thuyết. Một đề tài viết báo khá hay đây. Tôi sẽ ngẫm nghĩ về chuyện này trong lúc cho các nhân vật của mình đi chu du thiên hạ. Người đi du lịch với mục đích du lịch thật sự rất bốc đồng. Anh ta đi chỉ để mà đi thôi. Anh ta không cần biết điều gì đang chờ mình phía trước. Anh ta giống như tiểu thuyết gia, càng viết càng nghi ngờ và xa rời ý tưởng ban đầu. Nhà du hành có kinh nghiệm thường trở thành nhà văn, nhưng việc này không ảnh hưởng gì đến

tính chất thơ mộng của các chuyến đi cả, tuy rằng du lịch thuộc phạm vi văn xuôi. Vì sao ư? Vì chỉ có văn xuôi mới thể hiện được đời sống tình dục, còn thơ ca chỉ là tiếng vang hưởng ứng thú vị thôi, và ai dám cả gan tách tình dục ra khỏi cái thú đi du lịch nào? Các chuyến đi chơi xa, tình dục và văn xuôi, nhất định phải kết hợp đủ bộ ba mới được! Tôi mà chưa bao giờ đi du lịch thì cũng như tôi chưa bao giờ làm tình... Thế thì chán lắm.

Cách đây tám ngày, tôi đã từ chối một chuyến đi chơi Tây Ấn bằng du thuyền của một người hâm mộ để ngồi lì bên bàn làm việc trong căn phòng ám khói, mặc dù thỉnh thoảng tôi vẫn chịu khó thông gió. “Mẹ không sao hình dung nổi con mà dám lên du thuyền”, mẹ tôi đã trêu như vậy qua điện thoại và nhắc lại chuyện tôi đã sợ hãi đến thế nào khi hai mẹ con đáp chuyến xe thư Ostende-Douvres để sang London thăm cô em út tôi đang học ở một trường mỹ thuật nào đó mà tôi không nhớ tên nữa. Thôi đành nói lời vĩnh biệt với châu Đại Dương vậy, tôi tự nhủ. Nhóm đảo Sous-le-Vent có phải ở châu Đại Dương không nhỉ? Thôi đành vĩnh biệt Trinidad và Tobago, vĩnh biệt Antigua và Barbuda. Dù sao thì tôi cũng có thể viện cớ phải viết cuốn sách về núi lửa để đi cơ mà. Antilles gồm rất nhiều đảo ngày xưa vốn là núi lửa cơ mà. Đáng lẽ tôi phải chọn lựa, hoặc là làm nhà nghiên cứu núi lửa hoặc là nhà văn viết tiểu thuyết. Vĩnh biệt rừng rậm cây cối sum xuê, rượu rum và rượu vỏ cam. Năm nay thì tôi không được may mắn khám phá quần đảo Antilles thuộc Hà Lan và nghe người ta nói tiếng mẹ đẻ của họa sĩ Rembrandt, triết gia Spinoza, họa sĩ Van Gogh và Karrel Van de Ever, một nhà thơ ở thành phố Anvers mà tôi chỉ thuộc một câu: “*O Dinska Bronska, gij vertrekt naar Canada*” (Ôi con tàu Dinska Bronska, mi đã nhổ neo ra khơi sang Canada). Vĩnh biệt vùng bờ biển Venezuela, vĩnh biệt isla La Tortuga. Tôi tự coi mình là hồn ma cha Hamlet, trước khi biến mất, ông ta đã nói một câu bằng tiếng v.o. ^[29]: “*Adieu adieu adieu remember me.*” Đáng lẽ tôi nên đáp máy bay đến đảo Jamaica, nơi mà một phòng trên chiếc du thuyền *La Pasithée* đã được dành sẵn cho tôi thì có phải là hay không?

- Tớ chẳng bao giờ hối tiếc vì đã nhớ một chuyến du lịch cả, Hubert, một anh bạn lâu năm nhất của tôi, người đã đi vòng quanh thế giới ít nhất là ba lần, đã an ủi tôi như vậy. Cậu ta sống ở Nhật Bản (“quần đảo của tôi”, cậu ta thường gọi vậy), nơi cậu ta soạn thảo một cuốn từ điển bách khoa dành riêng cho việc giải thích từ ngữ chuyên biệt trong đạo Phật từ bốn

mười năm nay mà vẫn chưa xong. Một buổi tối, ngồi trong một quán ăn ở Kyoto nói chuyện, trước mặt là món sushi ngon chưa từng thấy trên đời, cơm được ướp mắm muối nhàn nhạt với giấm gạo, cá mùa xuân và sò ốc, cá *suzuki*, *kohada*, *akagai*, Hubert và tôi phát hiện ra là, tuy chúng tôi học cách nhau mấy năm nhưng lại có chung một giáo sư Pháp văn, thầy Laloux, Hubert có địa chỉ của thầy, thế là vừa ôn lại kỷ niệm về nhà ngữ pháp học danh tiếng ngày xưa, chúng tôi vừa viết vài chữ vào một tấm bưu ảnh và cùng ký tên, tên của hai trong số các học trò cũ vẫn còn nhớ đến thầy. Năm nay, tôi cũng đã gửi thư mừng thọ nhưng hình như thầy mất rồi thì phải. Mỗi lần tôi xuất bản một cuốn sách, thầy lại tìm mua bằng được và viết thư cho tôi, chúc mừng tôi.

Thầy Laloux là giáo sư Pháp văn, đồng thời là giáo sư tiếng La-tinh dạy tôi ở một trường khác, trường trung học thuộc giáo phái dòng Tên ở Bruxelles, thành phố quê hương của hai đồng nghiệp Rosny anh và Rosny em, thành phố quê hương của Jacques Feyder, người Bỉ duy nhất đã làm phim có Marlène Dietrich đóng, người Bỉ duy nhất đã làm phim có Greta Garbo đóng, đạo diễn duy nhất trên thế giới đã quay phim cả hai ngôi sao điện ảnh ấy. Bruxelles những năm năm mươi, thành phố tuyệt vời ấy đã biến mất rồi. Đâu rồi, mấy rạp xiếc và đám xe con giao hàng trên quảng trường Sainte Croix? Đâu rồi, rạp chiếu bóng Régent ở phố Gray nơi mà lần đầu tiên trong đời tôi được thấy một người đàn bà gần như trần truồng thoáng qua vài giây trên màn ảnh? Đâu rồi, lũ ngựa trên đường phố xã Ixelles? Tôi có cảm giác như còn nghe văng vẳng đâu đây tiếng móng của chúng gõ trên mặt đường còm cộp. Chúng đã biến mất sớm hơn loại xe con chở hàng, và thế là hết, đâu còn nét bình dị của làng quê ở chốn đô thị nữa. Cách đây không lâu, tôi tự nhiên lại nghĩ đến thầy Laloux. Tôi cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn, chuyện gì sẽ xảy ra nếu vài ngày nữa tôi đột nhiên chết đi. Rồi tôi lại tự hỏi: “Tại sao lại là vài ngày nữa, tại sao lại là một lần khác, biết đâu ngay bây giờ thì sao?” Thế rồi tôi chợt nhớ đến giọng thầy Laloux đọc phó từ tiếng La-tinh *olim*.

Bọn học trò chúng tôi đang dịch một đoạn thơ của Albius Tibullus, bạn Ovide và Horace, nhà thơ bi thương nổi tiếng. Tibulle bị ốm nặng nên phải ở lại Rome trong khi các bạn đi tắm chữa bệnh ở vương quốc Etrurie. Ông viết thư bày tỏ ông rất tiếc không tham dự được chuyến du lịch cùng các bạn. Ông cảm thấy bệnh tình của mình rất nguy kịch, không biết có qua

khỏi được không, ông viết thêm là ông sẵn sàng chết nếu phải chết, nhưng ông mong là *olim*, “một lần khác”. Tôi thì lại dịch là “càng muộn càng hay”.

Thầy Laloux nhắc nhở tôi:

- Trò có sợ là nội dung tư tưởng đã làm cho mình hiểu sai dạng thức, do đó hiểu sai cả một phó từ chưa đủ tầm quan trọng mà trò gán cho nó không? Trò đọc lại câu thơ này xem nào.

- *Elysios olim liceat cognoscere campos*^[30].

- Trò thấy chưa! Từ *olim* trong tiếng la-tinh tương đương như “một ngày” trong tiếng Pháp, một thứ Janus^[31] ngữ pháp một mặt quay về quá khứ, một mặt hướng tới tương lai. Từ *olim* không khẳng định cả quá khứ lẫn tương lai và chỉ có giá trị phủ định thời hiện tại thôi. Ở đây, nhà thơ chỉ xin Thần Chết lui thời khắc định mệnh lại, *olim*. Lời cầu xin của Tibulle thật lòng và cảm động chỉ vì nó không có ý “càng muộn càng hay” như cách dịch của trò, người sắp chết mà yêu cầu như vậy chẳng phải là đòi hỏi quá cao hay sao. Thưa quý ông, tôi đã đoán được, tại sao quý ông lại nhầm lẫn như vậy rồi. Quý ông chỉ biết chăm chăm vào từ *olim* cho nên đã không quan tâm đúng mức đến từ *liceat*. Quý ông chỉ việc dịch đơn giản thế này: “Xin hãy cho phép ta tìm hiểu về Cánh đồng Elysées vào một lần khác”, bỏ quách “tôi có thể... được không” đi, thế là xuôi. Quý ông sẽ không cần đến “càng muộn càng hay” nữa, không thì hỏng bét. Trò Weyergraf thân mến ơi, làm ơn để cho từ *olim* của Tibulle mang một chút sắc thái ý tứ và rụt rè đi cho thầy nhờ.

Vốn là một nhà sư phạm giàu kinh nghiệm, lại được hàng lô từ điển mà ông cất trong một cái tủ ở cuối lớp làm cho uyên bác thêm, thầy Laloux còn viện dẫn cả truyện ngụ ngôn để dạy học trò nữa, trong đó Jean de La Fontaine (“nhà văn tài hoa mà người đời vẫn chưa đánh giá được đúng mức”, thầy chủ ý dẫn từng tiếng để nhấn mạnh) đã cho một cụ già trăm tuổi nói với Thần Chết: “Mi bắt người ta phải chết đột ngột thì có công bằng không? Mi hãy chờ thêm một chút nữa đi...”

- Các trò đã hiểu cả rồi chứ? Ông già trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine còn bạo gan tới mức dám nói với Thần Chết rằng cụ muốn có thời gian làm thêm một chái nữa cho ngôi nhà của mình. Thừa các quý ông học trò, xin các quý ông nghĩ cả về nữ tù nhân trẻ của nhà thơ André Chénier nấn nỉ cái chết hiện ra dưới hình dạng một con ma máu me be bét nữa: “Ta vẫn chưa muốn chết”, rồi lại xin gia hạn thời gian: “Ta muốn sống đến hết năm.” Từ *olim* ở đây là tâm trạng nửa phục tùng nửa chống đối và thái độ hầu như đã chịu đầu hàng, kẻ van xin và kẻ hấp hối nào mà chẳng thế.

Thầy Laloux kính mến! Con vẫn dùng cuốn từ điển của Freund-Theil mà thầy rất quý nhưng vẫn đem tặng con cuối năm học ấy. Đêm hôm nọ, sao tự nhiên tôi lại nghĩ đến cái chết? Tôi tự nhủ: “Mình mà sắp chết thì cuộc đời mình còn có ý nghĩa gì nữa? Mình sẽ không làm được những gì cần phải làm nốt mất.” Tôi không còn phân biệt nổi, tôi nghĩ đến các cuốn tiểu thuyết sau này của mình hay đến tình cảm đối với những người mà mình yêu quý trong cuộc sống thực, nhưng cũng có lúc tôi tưởng rằng cái thực ấy là những gì mình sáng tạo ra, viết đến đâu sáng tạo đến đó. “Tế bào được sinh ra để mà chết mà lại”, một anh bạn là nhà sinh học vừa nói với tôi vừa ngậy ngật ghé mũi vào miệng chai hít lấy hít để mùi rượu vang xô-tec vừa khui, loại chateau Rieus-sec 1996, và khen mùi vị vả, mật ong và hạnh nhân nướng. “Sự nhân lên của tế bào phải được trả giá bằng sự mất trí nhớ. Chúng tôi, những người nuôi cấy tế bào, chúng tôi chiến đấu với cái chết. Đầu óc tôi lúc nào cũng nghĩ đến cái chết.”

- Với tư cách là nhà văn viết tiểu thuyết, tớ nói cho cậu nghe nhé, cái chết là sự kiện duy nhất người ta không bao giờ kể cho người khác nghe được.

- Nếu có thể chết nhiều lần, người ta sẽ luyện tập cho quen và rút kinh nghiệm.

- Cậu phát biểu với tư cách là sếp một cơ sở sinh học thần kinh ư?

- Tớ chỉ khua môi múa mép được về những gì tớ bất tài thôi. Kiến thức đã dẫn chúng ta vào quá trình nhiều ngõ cụt rồi. Sự bất tài là một sự bảo

đảm cho tinh thần nghiêm túc đấy. Chúng ta không nên thành thạo giỏi giang về bất cứ vấn đề gì cả thì hơn ^[32].

- Thế thì chúng ta hãy cam lòng đánh bóng đồ đồng và lau chùi đồ bạc cho sáng vậy! Cả quét bụi, đẽo gọt, cạo sạch gỉ... nữa. Chúng ta sống ở đời để phát quang bụi rậm trong vườn... Khu vườn trong đầu óc chúng ta sao? Thôi nào, cụng ly, chúc sức khỏe cậu!

Sống cho đến phút cuối cùng mà không biết mình sẽ chết chính xác vào lúc nào là món quà quý giá nhất mà thần thánh ban tặng cho chúng ta, những thần thánh mà dù tên tuổi là gì đi chăng nữa, nhưng chỉ vì mỗi món quà đó chúng ta đã phải tin họ rồi.

Cuối cùng Madeleine cũng phải lên tiếng nhắc nhở tôi: “Anh nên về thăm Mẹ thường xuyên hơn chứ. Mẹ không dám đòi hỏi gì anh đâu, nhưng nếu anh về một vài ngày thì Mẹ sẽ mừng lắm đấy. Hầu như anh chẳng gặp mặt Mẹ mấy khi thì phải. Mẹ chẳng còn sống được bao lâu nữa, và đến lúc anh về được thì không biết chừng lại muộn mất rồi cũng nên, ông anh thân mến ă. Và lúc ấy, ngay cả gọi điện hỏi thăm, anh có muốn cũng không làm được nữa. Anh nghĩ mà xem. Mẹ đã gần đất xa trời rồi, chúng mình có đột ngột nhận được tin Mẹ mất cũng không có gì là bất ngờ cả. À mà này, lần cuối cùng anh về thăm Mẹ là bao giờ ấy nhỉ?”

Tai vẫn nghe Madeleine nói nhưng đầu óc tôi lại đang cố nhớ lại. Đã bao lâu rồi tôi không ôm hôn Mẹ? Madeleine tưởng là Mẹ không biết đòi hỏi tôi về thăm ư, cô ấy nhầm rồi. Ngược lại là đằng khác, mỗi lần hai mẹ con gọi điện thoại cho nhau, bà lại nói xa nói gần về việc này, và cuối cùng, bao giờ bà cũng cố vớt thêm một câu: “Tất nhiên, nếu không ảnh hưởng đến công việc của con thì được.” Một lần, tôi có gợi ý sẽ xuống thăm bà vài ngày thì bà lại từ chối: “Mẹ muốn chờ thêm một thời gian nữa, để khi nào con lưu lại được ít nhất cả một tuần hay nửa tháng thì hẵng xuống.” Sao bà không trả lời thẳng: “Mẹ muốn nhìn thấy mặt con chứ không phải nghe tiếng con qua điện thoại, mẹ chán nói chuyện điện thoại lắm rồi”? Lúc nào cũng có sẵn máy bay đi Marsellle, sẵn tàu hỏa đi Avignon thì việc con về thăm Mẹ có gì là khó khăn đâu nhưng Mẹ ơi, từ nhiều năm rồi con cứ tưởng rằng chỉ tuần sau là cuốn tiểu thuyết của con sẽ xong thôi, và trong khi người ta in, con sẽ có nhiều thời gian về chơi với Mẹ.

Nói thế thôi chứ thực ra tôi đã im đi một điều, đó là từ nhiều năm rồi, cùng số năm như đã nói ở trên (tôi không muốn nhớ là bao nhiêu nữa), tôi chưa viết được gì ra trò đáng để người ta in cả. Hôm mà tôi nghĩ ra được tên cuốn tiểu thuyết, *Ba ngày ở nhà mẹ*, bà cũng mừng cho tôi. Có được tên sách rồi thì sẽ dễ dàng hơn nhiều, bà nghĩ đơn giản như vậy. Mẹ thân yêu của con ơi, mẹ làm to rồi! Tên sách mà đặt quá sớm thường không giúp được gì cho nhà văn đâu. Nó sẽ từ từ áp đặt và chi phối tất cả cho mà xem.

Tên sách phải được đặt sau cùng và phải do một người khác đặt. Còn với cuốn *Ba ngày ở nhà mẹ*, tôi chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra. Ba ngày là thời gian quá ngắn ngủi mà mẹ tôi sẽ dứt khoát không chịu, và bà mẹ, mẹ của nhân vật mà tôi sắp xây dựng, sẽ trở thành mẹ của tôi, tất cả những người tôi hỏi ý kiến về tên cuốn sách nhất định sẽ tưởng như vậy...

Mẹ tôi thì lại tỏ ra ngạc nhiên: “Thế mà con vẫn làm việc được ư? Con viết được nhiều chưa? Bao nhiêu trang rồi?” Bà góa một người làm nghề xuất bản có khác, tôi biết ngay là thế nào Mẹ cũng hỏi câu này mà! Bà không nói thì thôi, chứ đã nói câu nào là câu ấy chỉ có trúng trọng tâm thôi. Có thể bà mới lấy ông Franz và là mẹ của François, hai nhà văn. Bà đã giúp chồng quản lý một nhà xuất bản và chắc chắn là đã động viên ông hoàn thành những cuốn sách mà ông viết trước khi tự mình xuất bản.

Có một lần tôi đã về ở nhà mẹ hẳn một tháng liền, cách đây khoảng mười lăm năm, tôi còn nhớ đó là cuối tháng Giêng. Chả là tôi đã quyết định về bên bà để viết nốt một trong số những cuốn tiểu thuyết của mình. Tôi thuê SNCF^[33] chở về một thùng bìa đựng đầy sách vở và rất nhiều tư liệu. Tôi vào căn phòng lớn nằm sâu nhất trong nhà có hai cửa sổ mở ra sân trời, và ngay ngày hôm sau, tôi đã nhận thấy một điều là mình sẽ không viết được một dòng nào ở nơi này. Tôi đã vất vả vô ích - nào là chọn sách để mang theo, nào là sắp xếp lại giấy tờ xem mình cần những gì, nào là loan báo cho người quen biết tôi sắp đi vắng - nhưng rồi tôi vẫn quyết định ở lại. Ngôi nhà rất ấm áp, tôi nghĩ chắc mẹ tôi dùng số tiền bảo hiểm nhân thọ của cha tôi để cho lắp đặt hệ thống sưởi trung tâm chạy bằng dầu ma-zút. Còn lò sưởi điện thì chỉ được bật trong các phòng có người sử dụng thôi. Suốt mấy đêm ròng, tôi lò mò trong hòm, lục lọi khắp các xó xỉnh, kết quả là tôi tìm được một lô đèn dầu hỏa, đĩa nến, một bức tượng nhỏ bằng đồng: một con lợn lòi bị thương. Thấy thế, mẹ tôi hét lên: “Con lòi cái của nợ này lên làm gì. Ngày xưa, nó được bày trên mặt lò sưởi phòng ăn của ông bà ngoại con, mẹ đã phải gai mắt với nó cả một thời thơ ấu rồi. Con mà thích thì mẹ tặng con luôn.” Tôi đánh thật bóng để bức tượng làm bạn với tôi trong căn phòng trên gác, vừa để thay cái chặn giấy trong khá oách vừa để thay một tác phẩm in thạch bản Boyan mà đáng lẽ phải giữ lại thì tôi lại trót đem tặng mất, và mỗi khi nhìn cái đầu và nhất là ánh mắt uy nghiêm của con lợn lòi, tự dưng tôi lại hứng lên muốn bắt tay vào việc. Tay nghề của người thợ đúc

bức tượng ấy quả là cao, và tôi hình dung nó được bày trong tủ kính một viện bảo tàng nhỏ tại một tỉnh nào đấy mà trong ký ức tôi thấy nơi giống phòng ăn ở nhà ông bà ngoại tôi. Tôi còn lồi từ dưới hầm lên một hình người mà hồi nhỏ tôi đã tự làm bằng lò xo ghế bành nữa. Nở mày nở mặt như một ông chủ phòng tranh đang trưng bày những tác phẩm quý giá nhất của mình, cha tôi đem ra khoe với bạn bè chung với gia đình, những người trước khi đã chứng kiến tôi ra đời và nay thì chuyện tác phẩm của tôi hết từ tay ông này sang tay bà khác, hết ngấm gần đèn rồi lại nghĩa xa đèn, rồi cuối cùng đều nhất trí nhận xét rằng tôi rất có năng khiếu, các ông các bà thật vô duyên, cứ làm như tôi không biết mình có năng khiếu hay không ấy. “Con đem vứt cái của nợ cũ rích này đi đây”, tôi nói với Mẹ, nhưng bà lại muốn tôi mang trả xuống hầm: “Mỗi lần nghĩ đến nó và biết rằng nó vẫn còn ở dưới ấy là mẹ lại thấy vui vui!”

Tại một hiệu bán đồ văn phòng ở Phố Grande trên thị xã Manosque, tôi mua một vài cái quần bút, một bộ ngòi và một ít lọ mực màu gồm một thứ mực màu xanh lá cây nhạt đẹp tuyệt được hãng sản xuất Salis International ở Hollywood, bang Florida, đặt tên là “*April Green*”, *Xanh tươi tháng Tư*, một vài loại mực tàu không phai, lọ thì xanh cô-ban, lọ thì đỏ tươi pha da cam của Lefranc et Bourgeois và một lọ màu xanh da trời của hãng Pelikan, và cuối cùng là một loại mực pha để tập viết thư pháp, màu đất son xỉn do Rohrer và Klingner ở Leipzig sản xuất. Đến bây giờ tôi vẫn còn giữ được những lọ mực ấy, một vài lọ đã khô cong từ bao giờ. Tôi còn mua cả giấy viết thư và phong bì nữa. Phong bì lại đắt hơn giấy viết thư. Mỗi buổi sáng, trước khi đi ngủ, tôi lại dùng mực xanh lá cây nhạt của Mỹ để viết thư cho Mẹ, đôi khi tôi viết khá dài, sau đó tôi đặt dưới đất, trên gạch lát trước cửa phòng bà. Từ đó trở đi, mỗi sáng, không chờ tôi thức dậy và trước khi rời khỏi nhà, bà cũng để lại mấy dòng cho tôi, nhưng viết bằng bút bi. Lần về chơi này, tôi mới biết là bà giao du rất rộng. Không ngờ bà lại nổi tiếng như vậy, dân trong vùng, có thể nói là từ Gordes đến Château-Arnoux, không ai là không biết bà. Cuộc vui nào, người ta cũng mời bà đi dự, thậm chí họ còn tranh nhau mời, và có lần tôi còn nghe thấy trả lời trong điện thoại: “Tuần này thì không được đâu, mong các ông, các bà hiểu cho, con trai tôi về chơi...” Còn những lần ông Frédéric Trubert gọi thì bà lại đóng kín cửa phòng, và sau đó bà không bao giờ quên báo cho tôi biết: “Ông Frédéric nhờ mẹ chuyển lời hỏi thăm con đấy”, hoặc lời chào thân ái, hoặc lời bày tỏ tình cảm thân thiết nhất. Giữa khoảng thời gian tôi ở đó, bà lại bỏ đi chơi

suốt mấy ngày nghỉ cuối tuần, bà và ông Frédéric hẹn gặp nhau ở Aix-en-Provence cho nên bà đáp xe buýt một mình đến đó (tôi tiễn bà xuống tận thị trấn Manosque). Và từ Aix-en-Provence, hai ông bà sẽ rủ nhau ra Côte-d'Azur. Tuy vậy, bà vẫn thu xếp thời gian gọi điện về hỏi xem mọi việc ở nhà có bình thường không, tôi có tìm được hoa quả bà để sẵn trong kho ở cuối bếp không.

Đêm đêm, tôi viết thư cho gia đình và bạn bè, và để cho mình đỡ day dứt, tôi đem so sánh những lá thư ấy với bài tập luyện làm mềm dẻo cơ bắp trên xà của các nghệ sĩ máu trước khi ra biểu diễn. Những lá thư ấy là bài tập giữ cho đầu óc tôi khỏi trì trệ để rồi một ngày nào đó tôi dễ dàng chuyển sang công việc chính mà bản hợp đồng gọi là “Cuốn tiểu thuyết tiếp theo của tác giả”. Ngày sinh nhật Woglinde đã tới, tôi viết cho nó một lá thư, một lá thư đọc nhất vô nhị viết bằng tất cả các thứ mực mà tôi có, đồng thời gửi cho nó một hộp hạnh nhân Aix và hai quyển ảnh, mỗi quyển ba cân, nhan đề là *Toàn bộ động vật trên thế giới*, trong đó có những tấm ảnh to chiếm cả trang, chụp toàn giống cá lạ mắt. Tôi tặng quyển ảnh này cho nó vì hồi trước, nó rất thích được tôi đưa đi ngắm bể cá ở viện bảo tàng Porte Dorée, nơi mà nó cứ bực bội với lũ cá sấu vì lúc nào chúng cũng nằm ì ra ngủ. Đáng lẽ tôi nên về Paris chúc mừng sinh nhật nó mới phải, nhưng tôi lại trót nói dối quá nhiều rồi, càng nói dối càng khó tháo gỡ: gia đình tôi vẫn cứ đinh ninh rằng đêm nào tôi cũng say sưa viết lách, nếu chưa biết được như một bậc đại tài thì ít nhất cũng như một bậc tiểu tài. Đi đâu gần nhất, vợ con tôi ra sức can ngăn, cũng dễ mất tập trung tư tưởng lắm.

Khổ một nỗi là tôi nghiện thuốc lá khá nặng và ho sù sụ suốt. Mẹ tôi sốt ruột quá bèn mời ông bác sĩ quen tới nhà. Ông này khá vui tính, đầu tiên ông ta nói đùa vài câu xã giao rồi mới khám cho tôi. Tôi nhận thấy, trong lúc khám, ông ta để hết tâm trí vào công việc, cũng như tôi lúc nghe nhạc của Webem. Khám xong, ông ta không để ý đến tôi nữa và quay sang nói chuyện với mẹ tôi, như thể tôi là đứa bé tám tuổi: “Thưa bà, nếu tôi ở địa vị bà, tôi sẽ khân trương đưa bệnh nhân đi chụp chiếu phổi.”

“François này, chúng ta đến muộn mất. Con mau gọi taxi đi.” Được rồi, Mẹ thân yêu chúng ta lên đường đi cai thuốc lá nào! Khổ thân mẹ tôi, bà cố làm ra vẻ không lo lắng gì, nhưng tôi nhận thấy lòng bà đang rối bời. Cứ hai người hút thuốc lá thì có một người chết. Cả cha tôi cũng nghiện, nhưng

ông lại mất vì chúng đầu thất ngực. Chúng tôi vừa tiến vào phòng chiếu chụp, một cô nhân viên đã giành lấy tờ phiếu của tôi, vẻ mặt trịnh trọng như thể đó là vé máy bay. Cô ta có hỏi tôi thích ngồi ghế bên ô cửa tròn hay ngay sát lối đi không? Chúng tôi được đưa vào phòng đợi, trong đó đã có bốn hay năm bệnh nhân, nét mặt người nào người nấy đều căng thẳng tột độ, căng thẳng tới mức chỉ cần thấy một đôi nam nữ hiền lành tử tế như mẹ tôi và tôi đi vào là đã giật mình. Phòng đợi gì mà trông thảm hại, một nửa số bóng đèn ha-lô-gien đã bị cháy mà chẳng có ai thay, sơn tường thì tróc từng mảng, thảm thì ổ bần lỗ chỗ, nhưng tôi cũng cứ cố động viên mình là ở đây người ta chỉ chú ý đầu tư vào thiết bị kỹ thuật và trả lương hậu cho nhân viên có trình độ nghiệp vụ. Tôi có cảm tưởng như mình đang có mặt trong một bộ phim, giữa đám đông nhón nháo những công dân bỏ đất nước ra đi vào lánh nạn trong sứ quán và ngóng chờ một cách vô vọng chiếc máy ba trục thẳng cuối cùng đến để cứu họ thoát khỏi cuộc giết chóc mà bọn Khor-me Đỏ đã báo trước. Phải ngồi đó đến năm phút, tôi mới vỡ lẽ ra rằng, trái với trường hợp của tôi, tất cả những người có mặt đều được chiếu chụp và họ đang hồi hộp chỉ sợ điều xấu nhất sẽ rơi vào mình. Một cánh cửa vừa mở, một cái tên được xướng lên nghe hơi chối tai, mẹ tôi ghé vào tai tôi thì thào: “Đến lượt con đây!” Tôi chợt nhớ đến mấy cuốn sách mà tôi đã đọc về thời kỳ kháng chiến chống phát-xít Đức. Một tên Gestapo mở cửa gọi anh ra hỏi cung. Các bạn cùng xà lim động viên anh: “Can đảm lên nhé!” Lúc này, tôi chính là con tin đã gặp phải lá thăm xấu mà người ta lôi ra khỏi xà lim để đem đi bắn. Tôi siết chặt tay Mẹ. Tôi cũng ghé vào tai bà nói nhỏ: “Lần này mà thoát được, con sẽ không bao giờ hút thuốc lá nữa.” Bà đáp: “Mẹ mà còn tin vào những lời hứa hão như vậy nữa thì chắc là mẹ phải lần tràng hạt đọc kinh mất! Ôi, giá mà mẹ đổi được hai lá phổi của mình cho con nhỉ...” Cả đời, bà chưa bao giờ hút thuốc nhưng lại phải sống với một người chồng nghiện nặng. Cha tôi hút cả trong phòng ngủ, còn tôi, Delphine đã yêu cầu tôi bỏ thói quen ấy từ lâu rồi. Mẹ ơi, con xin cảm ơn mẹ đã ở bên con vào giờ phút này, khi người ta sắp thông báo cho con biết rằng con không còn sống được bao lâu nữa. Từ trước tới nay, tôi chỉ mới bỏ thuốc lá có hai lần, lần thứ nhất là khi tôi bị một người đàn bà bỏ rơi (ba tháng liền không hút), lần thứ hai chỉ sau đó ít lâu, khi tôi phải lòng một cô khác nhưng lại không được gặp cô ấy nhiều như tôi mong muốn (ba tuần liền không hút). Hết rồi, còn đâu thái độ sẵn đón tươi cười của cô nhân viên ở phòng tiếp nhận. Một cô y tá bảo tôi cởi áo, chính chiếc áo mua ở hiệu Sulka, giọng cô ta cũng trịch thượng như các nhân viên bán hàng ở hiệu

Sulka, vì vừa liếc một cái, họ đã biết ngay rằng tôi không nằm trong số những người thân cận vây quanh ngài chủ tịch Hội đồng Tối cao của Liên bang các Tiểu vương quốc A-rập thống nhất.

Tối hôm trước, tôi đã thôi không dám hút một điều nào nữa, hy vọng một cách ngớ ngẩn rằng mình có thể lừa gạt được những tia quỷ quái gì đó mà nhà vật lý học Röntgen đã tìm ra cách đây một thế kỷ - “tên gì mà ngộ thế, nghe như tên một nhà sản xuất mực ấy”, tôi tự nhủ, à mà nhân tiện nhắc đến chuyện mực, tôi phải nói là lúc này máu tôi chắc đã đen kịt như mực vì lo sợ rồi. Ông Wilhelm Conrad Röntgen, xin ông cứu giúp tôi, xin ông đừng phát hiện ra vấn đề gì đáng sợ trong bộ máy hô hấp của tôi! “Nào, ông cởi áo, bỏ đồng hồ và nếu có răng giả tháo lắp được thì xin ông đặt vào cái khay này.” Lòng đầy nhớ tiếc, tôi nghĩ đến cảnh chụp quay răng miệng, phần chụp X quang dễ chịu nhất, với chiếc camera kỹ thuật cao lia một hình vòng cung theo chiều nằm ngang xung quanh hàm theo phương pháp của đạo diễn Hitchcock khi ông quay cảnh một đôi tình nhân hôn nhau. Thế thì cô kỹ thuật viên X quang xinh đẹp, với mái tóc ngắn mà cô ta cầu kỳ cắt ở hiệu dành cho đàn ông, đôi má mà người ta chỉ thêm cắn một miếng, cặp vú trông như hai trái cây nhỏ xinh, sẽ được phân vai gì? Một nữ thần Hy Lạp chủ tọa những cảnh hấp hối chóng kết thúc chẳng? Không hiểu huyền thoại Hy Lạp có nữ thần thuốc lá không? Thế thì chắc là nữ thần Nicotina phải thơm ngon tuyệt vời lắm... Tôi có rủ được cô kỹ thuật viên X quang cùng cởi áo không? Có bảo được cô ta áp sát cặp vú vào ngực tôi không? Cô em thân mến, đàn ông mà tính mạng đang lâm nguy hay nghĩ đến những việc như vậy lắm. Chắc là cô nàng biết quá rõ rồi, nhưng biết thì biết, cô ta vẫn không ngại chạm tay trần vào lưng tôi – động tác nghề nghiệp thuần túy thôi mà.

Khâu chụp X quang đã xong từ lâu rồi mà người ta cứ để tôi cởi trần ngồi đợi, có lẽ phải hơn mười lăm phút. Không thấy cô kỹ thuật viên X quang đâu cả. Chắc là một chuyên gia về bệnh phổi ngồi lì ở tầng trên sẽ giao cho cô ta nhiệm vụ xuống thông báo kết quả, trường hợp của tôi khá bi quan nên tốt hơn cả là nói riêng với người đưa tôi đến. Còn tôi thì sao? Tôi cứ phải ngồi đó mà run lập cập. Tôi đã được phép mặc lại áo chưa? Không mặc vào tức là cam chịu để cho người ta chụp X quang thêm một lần nữa và khám kỹ hơn. Mặc vào tức là mình đã quyết định quá sớm, cóc cần chụp chiếu thăm khám gì nữa, chỉ cần mau mau thoát ra khỏi đây. Những lần

khám trước, các bác sĩ đều tuyên bố tôi chẳng có bệnh tật gì cả. những câu đại khái như thế này, tôi hỏi mãi đến phát nhàm rồi: “Thưa bác sĩ, theo ý bác sĩ, tôi có nên dùng thuốc bổ gì không? Hay ít ra cũng là vitamin C có được không?” – “Đồ ăn thức uống ông dùng đủ chất dinh dưỡng chứ? Thế thì tốt rồi, ông cứ tiếp tục chế độ như vậy đi.” Không ai tuân thủ hướng dẫn điều trị của thầy thuốc nghiêm chỉnh hơn tôi, nhưng tôi có bệnh gì đâu mà phải dùng thuốc thang, phải điều trị bằng liệu pháp vận động, bằng nước khoáng nóng. Từ khi về Manosque, tôi lại hút thuốc nhiều hơn. Tôi, một người từ xưa tới nay chưa bao giờ bị nạo hạch cổ (người ta loại bỏ hạch ở cổ không phải với một cái nạo mà bằng ngón tay), thế mà bây giờ biết đâu lại bị cắt hẳn một bên phổi! Ông giám đốc phòng xét nghiệm đã kéo màn cửa đi ra, trông oai vệ như vị Hiệp sĩ được phong tước trong vở opera *Don Juan* của Mozart! Và cũng như trong vở *Don Juan*, ông ta chìa tay ra: “Mọi việc đều tốt đẹp, ông có thể yên tâm tiếp tục hút thuốc.” *Gott sei Dank, Herr Röntgen* ^[34]! “Đồ ngốc!” mẹ tôi bất bình buông một câu. Tôi vẫy một chiếc taxi và mời bà dùng bữa trưa ở Fuste, một trong những quán ăn khá nhất vùng. Vả lại, bụng tôi cũng đã lép kẹp, và đến đó hai mẹ con sẽ được một bữa thịt thú rừng và nắm củ ra trò: “May quá, con không bị ung thư phổi, thế thì mẹ con mình phải ăn mừng thôi!” Hôm sau, trong lúc nói chuyện điện thoại với Delphine, tôi không dám dă động gì đến chuyện chụp phổi cả. Bà ấy cũng hút và biết rõ nghiệm pháp đánh giá mức độ phụ thuộc vào chất nicotine và tỷ lệ tử vong trong số những người nghiện thuốc lá.

Chính trong thời gian về chơi với mẹ lần đó, tôi đã tình cờ mua được một bản *Hồi ký cô hầu gái của Madame Pompadour* ^[35] đóng gáy rất vụng về, xuất bản năm 1824, trang nào cũng chi chít lời chú và giải thích, tại quận Forcalquier, trong một hiệu đồ cũ trên đầu dốc bãi chợ nhỏ, quá cửa hàng thịt lợn của anh em nhà Tagliana một chút thì rẽ trái. Tôi tự nhủ, giá mà mình cải biên được tập hồi ký này cho sân khấu kịch thì chắc là hay lắm: “Độc thoại bây giờ đang là mốt, bất cứ nữ diễn viên kịch nào có tí chút đầu óc cũng sẽ hiểu rằng đây là một món quà đặc biệt trời ban cho mình.” Thế là giữa đêm, tôi bắt tay vào việc đánh máy vài trang. Sáng hôm sau, về mặt mẹ tôi rất rạng rỡ, bà bảo đêm qua bà đã nghe thấy tôi làm việc. Tôi nói cho bà biết, tôi đã tạm dừng ý định viết cuốn tiểu thuyết để chuyển sang làm một kịch bản sân khấu. vốn ưa thích những chuyện bất ngờ, bà gật đầu tán thành quyết định của tôi. Không hiểu bà có bằng lòng đọc diễn cảm mấy

trang mà tôi vừa viết không? Tối hôm ấy, hai mẹ con đã định coi lại *Một ngày ở trường đua ngựa*, bộ phim do anh em nhà Marx ^[36] đóng mà tôi đã được xem cùng với bà hồi còn là học trò của thầy Laloux. Đó chính là phim mà Groucho đóng vai bác sĩ thú y giả làm thầy thuốc chữa bệnh cho người. Ông ta vừa bắt mạch cho Harpo vừa nhìn đồng hồ và tuyên bố: “Hoặc là người bệnh này đã chết, hoặc là đồng hồ của tôi đã ngừng chạy.” Mẹ tôi kể rằng năm mà bộ phim này ra mắt công chúng, anh em nhà Marx đã bị gọi ra trước toà, về một vấn đề bản quyền gì đó, và câu đầu tiên họ thắc mắc với ông thẩm phán là, theo ý ông ta thì nhà tù nào tốt nhất.

Sau bữa tối – món chính là một nồi súp rau chỉ có mẹ tôi mới nấu được ngon đến thế - bà yêu cầu tôi: “Con cho mẹ xem những trang đã viết chứ?” Tôi mới viết được khoảng một chục trang, thế mà bà đã giấy nẩy:

- Trời ơi, con bắt mẹ đọc tất cả chỗ này cơ à? François này, thế thì mẹ phải tập trung tư tưởng lắm mới đọc được! Con đòi hỏi mẹ quá cao đấy. Mẹ có phải là diễn viên kịch Sarah Bernhardt đâu!

Tôi đã đốt đồng củi trong lò sưởi. Tôi ném vào đó khoảng một trăm cái nút chai rượu mà tôi mang từ Paris về. Mớ nút chai ấy, tôi đã tích góp từ nhiều năm nay để dành cho mẹ. Người ta bảo, ném vào lửa nhiều nút chai cùng một lúc sẽ tạo ra một mùi thơm rất lạ. Đúng thật. Chưa đến một phút, mớ nút li-e đó đã cháy thành than và hai mẹ con tôi có ngay cảm giác kê mũi vào một cốc rượu. Mẹ nhìn trang thứ nhất một lượt từ đầu đến cuối rồi mới bắt đầu đọc:

“Từ nhiều ngày nay, Madame de Pompadour dặn nhà bếp, tách sô-cô-la bữa trưa của bà phải tăng lượng va-ni lên gấp ba lần, và phải sánh màu hồ phách. Ngoài ra, bà còn dùng súp cần tây. Tôi đã nhắc bà nhiều lần, liệu chế độ ăn uống như vậy có lợi không, nhưng hình như bà không buồn để tâm thì phải. Vì vậy, tôi thấy cần phải báo với bà Công tước de Brancas, thị nữ của Công nương Thái tử.”

- Mẹ không phải là nghệ sĩ mà con cần đâu. Khi nào về Paris, con sẽ tìm được ngay thôi, con có cả một đội quân thường trực bạn tình cơ mà, trong số đó thế nào cũng có một cô giúp con được việc này. Còn mẹ, mẹ cũng thích kịch, nhưng chỉ ở vị trí khán giả thôi.

- Mẹ không hiểu rồi! Con rất thích giọng mẹ. Mẹ mà đọc với cái giọng hơi mệt mỏi, hơi chán chường thì mới tuyệt. Mẹ phải công nhận, hai chúng ta mà cùng quan tâm tới những chuyện mưu mô đồn thổi trong triều đình Vua Louis XV thì cũng thú vị đấy chứ.

Mẹ tôi nói cho tôi hay, hồi còn trẻ bà cũng đã từng diễn kịch. Hai mẹ con đã gần nhau hơn nửa thế kỷ, thế mà bà chưa bao giờ kể chuyện đó với tôi cả! Bà đã đóng kịch của Corneille, vai nữ hoàng trong vở *Sertorius*. Tôi xin bà cho tôi được thưởng thức tài năng của bà một chút, bà liền cố nhớ lại một vài lời thoại: “Ngài mang ân sâu nghĩa nặng với ông ta, còn đối với ta, chẳng lẽ ngài không có ân nghĩa gì sao?” hoặc “Xin Ngài nói thẳng ra đi: ta đã coi Ngài là chủ nhân của ta rồi...” Nhưng bà không sao nhớ nổi tên nữ hoàng ấy là gì, chỉ biết đó là một nữ hoàng Bồ Đào Nha. Tôi hứa sẽ tặng bà bộ sưu tập đầy đủ các vở kịch của Corneille được lưu trữ tại thư viện Pléiade. Bà mừng rỡ bảo: “Thế ư? Thích quá, mẹ sẽ rất vui. Con còn nhớ bài *Đàn Djinns* ^[37] không?” Hồi còn học ở trường trung học, tôi đã học thuộc bài thơ của Victor Hugo để tham gia một cuộc thi đọc diễn cảm. Tôi cứ đinh ninh là mình đã học bài này cùng vợ cha, nhưng không phải, mẹ tôi bảo bà nhớ rõ chính bà đã đọc mẫu trước để tôi nhắc lại. *Đó, đàn Djinn vu vù bay qua...* Trong lúc lửa tàn dần trong lò sưởi, hai mẹ con ngồi vắt óc cố nhớ từng đoạn để lắp lại thành câu. *Ôi, sao ngoài kia ồn ào thế!... Hàng đàn, hàng lũ ma cà rồng và... long xà góm ghiếc... Lũ Djinn gieo rắc... đau thương tang tóc, con của thân chết, trong bóng đêm âm u... rảo bước...* Đọc đến đây thì tôi phải đứng dậy để cho thêm củi vào lò sưởi. Mẹ nhắc để tôi nhớ lại, một trong những điểm số cao nhất mà tôi đạt được thời học sinh thuộc về một bài văn nghị luận mà bà đã giúp tôi làm dàn bài. Rõ ràng là bà biết rõ nhiều đoạn đời của tôi còn hơn cả bản thân tôi. Delphine vợ tôi cũng vậy, trong khi tôi rất lơ mơ về những lần mình đi ăn vụng ở ngoài thì bà ấy lại không bao giờ quên, hơn nữa lại còn nhớ chính xác thời kỳ nào thì là cô nào (“Cô Melissa của ông ấy, đó là thời gian ngày sát nút ngày sinh Zoé”). Trong bài văn ấy, tôi đã bình luận câu nói của một người

tài trí sống ở thế kỷ XVIII, người đã khẳng định rằng, những cảnh tâm tình bao giờ cũng được ưa thích hơn độc thoại nội tâm. Trong khi các bạn khác thi nhau khen hết lời cách diễn đối thoại thì tôi lại ra sức ca ngợi lối độc thoại, và kết quả là tôi đã đạt được mười chín trên hai mươi điểm. “Con thấy không, con chẳng thay đổi gì cả, con vẫn thích kiểu độc thoại như xưa. Qua những phản ứng mang tính chất đàn ông trưởng thành của con bây giờ, mẹ luôn tìm lại được chàng trai hồi nào, thậm chí đứa bé con hồi nào”, mẹ tôi kết luận.

Năm 1939, khi còn là một cô dâu mới cưới, bà đã được xem Georges Pitoëff diễn vai Trigorine trong vở *Chim hải âu*! Con cái có bao giờ hiểu hết được cuộc đời cha mẹ không? Có phải cả đời, ta chỉ sống hời hợt bên cạnh những người mà mình yêu quý không? Nghĩ đến điều này mà thấy hơi buồn, nhưng sự thật đúng là thế. “Pitoëff ôm lắm, mẹ tôi kể tiếp, lưng ông ta đã hơi còng, ông ta diễn từ tốn, nhưng nghe rất xúc động. Bác sĩ muốn cấm ông ta diễn vở của Ibsen, vở mà mẹ chỉ nhớ vai chính tên là Stockmann, còn tên vở kịch là gì thì mẹ quên mất rồi. Thế là tay lăm lăm một khẩu súng lục, Pitoëff lao vào phòng mạch của ông bác sĩ và đồng dục tuyên bố: Tôi sẽ tự sát nếu ông cấm tôi diễn vai Stockmann! Coi bộ ông ta có vẻ dám làm thế lắm. Hồi đó, cha con khá gần gũi với một trong số những người thân của gia đình Pitoëff cho nên mới được nghe kể chuyện này, mọi chuyện đã xa xưa quá rồi.”

Hồi tôi hai mươi tuổi, Mẹ đã đưa tôi đi xem Pierre Brasseur và Maria Casarès trong vở kịch *Anh chàng nói dối đáng yêu*. Không hiểu bà có còn nhớ không? Chắc chắn là còn, kể cả việc sau đó hai mẹ con rủ nhau đi ăn hàu nướng ở quán Pied de Cochon, tôi thì lại quên mất rồi. Sáng hôm sau, tôi đang từ từ trôi vào giấc ngủ thì nghe thấy tiếng bà thức dậy và lịch kịch làm việc gì đó, tôi nghĩ thầm: “Hay thật! Mẹ con mình đã chia sẻ với nhau rất nhiều kỷ niệm.” Thôi đúng rồi, bà đang kéo mấy cái ghế bành ra sân trời và quảng cái gì đó mà tôi đoán là bộ xương gà quay bữa tối hôm qua cho con Milou, chú chó xpa-nhon nhà trại chủ hàng xóm.

Tôi chưa bao giờ nuôi chó cả, mà nếu có nuôi thì tôi cũng sẽ làm cho chúng mất ngủ theo mất! Nhưng tôi đã tìm lại được những tấm ảnh chụp con Acuto, một chú bốc-xe lúc nào cũng dương dương tự đắc như thể mình là chủ ngôi nhà mà tôi trọ hồi đi chơi Florence. Nó hay vào phòng đánh

thức tôi dậy. Tôi lưu lại ngôi nhà ấy vẹn vẹn chỉ có một tuần, thế mà đã quyến luyến và nhớ nó mãi mãi. Delphine và tôi vừa tới, chúng tôi đang lững thững đi đến một quán ăn cách đó không xa lắm thì ngoảnh lại đã thấy con Acuto lon ton theo sau, hay nói chính xác hơn là nó chạy theo để tìm chúng tôi. Trước biểu hiện của một con vật như vậy – nhưng là biểu hiện điều gì chứ? - tôi thấy lòng dạ xốn xang khó tả. Làm thế nào mà nó tìm được hơi người chúng tôi trong vô vàn mùi vị khác nhau giữa mạng lưới ngách chằng chịt ở Florence, một thành phố thường bị ô nhiễm môi trường khá nghiêm trọng về mùa hạ? Trong quán ăn, nó ngồi im bên chúng tôi, nó kiên nhẫn chờ chúng tôi ăn mà không tỏ vẻ đòi hỏi gì cả. Sau đó, ba chúng tôi lang thang một lúc rồi mới về. Trong ngôi nhà ấy chỉ có một bà cụ đón tiếp chúng tôi, cụ nhiệt tình mời chúng tôi lưu lại chơi thêm vài ngày nữa. Tôi đoán, chắc cả con Acuto cũng mong chúng tôi ở lại lắm. Xem lại ảnh chụp, tôi không ngờ bà cụ lại già nua và loắt choắt đến thế, nhưng con Acuto thì giống y như hình ảnh mà tôi vẫn giữ được trong ký ức. Kể cũng lạ, trong ngôi nhà rất đẹp, đẹp gần như một cung điện, mà chúng tôi được coi là khách không mời mà đến (bản thân chủ nhà không hề biết vợ chồng tôi có mặt ở đó, họ cho một bà bạn của chúng tôi mượn, bà bạn này lại mời chúng tôi đến chơi, nhưng rồi lại phải rời khỏi đó trước), cả bà cụ lẫn con Acuto cũng chỉ là những kẻ không mời mà đến như chúng tôi. Dù thế nào thì bà lão và chú chó cũng bị người ta bỏ lại đó, và cụ đành ở lại chờ cô con gái độc nhất đến đón, cô ta đang ở bên Anh và tôi nào cũng gọi điện về để báo hoãn ngày về.

Một tháng trôi qua, tôi trở lại Paris, mang theo bộ sưu tập mực viết và khoảng năm mươi trang độc thoại của bà thị nữ thân tín hầu hạ Madame Pompadour, còn toàn bộ sách tham khảo được đem xuống đó để phục vụ cho một công việc mà tôi chưa thực hiện được, một best-seller chưa đặt bút viết đã chết yểu, một tiểu sử Charlemagne^[38] dựa theo lời kể của các con trai ông nhưng lại là dấu hiệu báo trước cuốn tiểu thuyết nói về mối quan hệ giữa cha tôi và tôi mà mười hai năm sau tôi mới hoàn thành, thì tôi để lại ở ngôi nhà thờ. Bao nhiêu công phu thu thập tài liệu mà phải bỏ lại, tôi tiếc lắm, tôi tần ngần bỏ từng cuốn vào thùng bìa, cái thùng bìa sắp trở thành quan tài của chúng, những cuốn sách chẳng dính dáng gì đến

Charlemagne và triều đại vẻ vang nhất trong toàn bộ lịch sử trung đại, chẳng dính dáng gì đến vị hoàng đế, cha của độ hai chục người con trai chính thức mà sử sách ghi lại được cũng chính là những người kể chuyện trong cuốn sách của tôi, chẳng dính dáng gì đến các bà vợ của ông, như Himiltrude hay Hermengarde, chẳng dính dáng gì đến quan hệ khá lý thú giữa vị hoàng đế được Giáo hoàng tấn phong tại thành phố Aix-la-Chapelle và vị kha-lip thành Bagdad hay các tín đồ đạo Hồi ở thành phố Fez, nhưng lại dính dáng đến tôi, con trai yêu quý của bà Marie Weyergraf mà tên thời con gái là Lapidès. Rốt cuộc, chính các con gái của Charlemagne mới cuốn hút tôi mạnh mẽ, chứ không phải cha họ, tôi buộc phải thú nhận điều này. Tiếc rằng sử sách Đức quốc không ghi chép đầy đủ về mấy thiếu phụ trẻ chuyên gây chuyện tai tiếng âm ỉ trong cung điện vua cha với lối sống phóng túng của họ.

Tôi đi rồi, Mẹ có đọc một vài cuốn sách tôi để lại cho bà không? Tôi đã xếp một chồng trên bàn phòng ngủ của bà: Marie Seton, *Eisenstein* (bộ sưu tập “Cinémathèque” nhà xuất bản Seuil). Louis Wolfson, *Người bị chứng tâm thần phân lập và khả năng ngôn ngữ*. Agrippa d’Aubigné, *Hiến cả đời mình cho các con*. Baudelaire, *Những tác phẩm viết từ hồi còn trẻ, Tác phẩm để lại cho đời, Di tích hóa thạch* (3 tập). Henri Mondor, *Cuộc đời của Mallarmé* (827 trang). Cazotte, *Quý si tình*. H.G. Wells, *Một lần định viết tự truyện*. G.K. Chesterton, *Kẻ nghịch biện*. Henri Massé, *Hợp tuyển thơ Ba Tư*. L.J. Arnim, *Nàng Isabelle vùng đất Ai Cập*. Maurice Catel, *Chuyên luận về động tính từ quá khứ*.

Tủ sách hiện tại của tôi có cuốn *Jim Davis* của John Masefield. Tôi vẫn đọc được dòng chữ: “Thân tặng François bé bỏng của mẹ, Ký tên: Mẹ của con. Tháng Bảy năm 1950” trên trang trắng đầu cuốn sách. Tôi chưa bao giờ đủ kiên nhẫn đọc đến trang cuối cùng, vì vậy hồi chín tuổi, tức là năm mà tôi được mẹ tặng cuốn tiểu thuyết ấy, lòng tôi lúc nào cũng không yên chỉ sợ mẹ giận. Tôi tự ái vì Mẹ tặng sách gì mà mỏng dính, nhà xuất bản chẳng có tiếng tăm gì, in ấn lại hà tiện chỉ có hai màu trắng đen xấu òm, chất lượng giấy lại xấu, trong khi tôi ước ao biết bao nhiêu quyển khác đẹp hơn, khổ lớn hơn, cầm nặng tay hơn. Tác phẩm chỉ toàn nói về lính gác bờ biển và bọn buôn lậu ấy là cuốn sách duy nhất trong số biết bao cuốn khác đã qua tay tôi hồi nhỏ mà tôi còn giữ lại được cho đến ngày nay. Bây giờ giờ ra xem lại, tôi mới nhận thấy là nó không khác với sách của Robert-

Louis Stevenson lắm, nhưng không hay bằng. Masfield từng là bạn thân của W.B. Yeats, một trong những nhà văn tối ngưỡng mộ nhất, và khi Yeats mất, ông đã cho xuất bản một cuốn sách kể lại những kỷ niệm về bạn mình và một khúc bi ca mà nếu tôi là nhà văn Anh có ý định viết về một người mà mình yêu mến vừa mới qua đời thì tôi rất muốn mượn đầu đề đó: *Oh, what he was*^[39].

Thời gian trôi rất nhanh. Có lẽ tôi phải sống một nghìn cuộc đời thì mới thỏa. Một ngày nào đó, tôi sẽ viết một cuốn tiểu thuyết trong đó chẳng có con người nào cả, hoặc giả tôi có thể kể về sự tồn tại của một hòn đá hay một cây thích trong một chương của cuốn *Volcano*, một hòn đá vốn xưa kia là dung nham hóa thạch bị dịch chuyển qua bao thế kỷ hết từ khu vườn Nhật Bản này sang khu vườn Nhật Bản khác. Rồi thể nào cũng có một số bạn đọc, những người mà tôi chưa bao giờ gặp, mà tôi chưa bao giờ tiếp xúc, sẽ đến hỏi tôi: “Hòn đá ấy, có phải là ông không?” Không hiểu tại sao mà lần nào người ta cũng tưởng nhân vật trong sách của tôi chính là tôi. Ngay cả Delphine nhiều khi cũng không biết tôi là ai nữa. Trong chương nói về hòn đá, nhiều bậc vương tôn công tử quyền cao chức trọng sẽ dùng vũ lực để chiếm được nó. Ở Nhật Bản luôn xảy ra chuyện chém giết nhau chỉ vì muốn sở hữu một hòn đá như vậy. Và khi chiếm được rồi, người ta sẽ tổ chức những buổi hòa tấu trước hòn đá đó và dành riêng cho nó. Tôi sẽ nghiên cứu tính cách những bậc vương tôn kiêu hãnh ở nước Nhật phong kiến ấy, những người có thể phát động cả một đội quân đi chiếm đoạt một hòn đá hết sức hiếm hoi, nhưng tính cách ấy thì tôi có thể hiểu được. Tôi cũng đã mang một hòn từ Nhật Bản về, nhưng không phải gay go khó nhọc gì mà chỉ cần mất chút thời gian mặc cả nhỏ nhẹ với một người bán đồ cổ ở Kyoto. Nó cao khoảng hai mươi lăm xăng-ti-mét và được đặt trên một cái đế bằng gỗ sugi. Khi nhận được giấy thông báo tịch biên động sản để đem bán đấu giá của các chấp hành viên Kho bạc quan tâm đến tôi, tôi đã khôn ngoan nhắc nó ra khỏi đế và đặt ngay trên bàn làm việc, nguy tạo thành một cái chặn giấy tầm thường thô kệch. Trừ một đường vân trắng chạy dài theo chiều dọc từ đỉnh xuống chân trông như dòng thác, hòn đá ấy màu đen tuyền rất bóng đẹp. Ngắm nhìn nó mãi, tôi cũng nghe được tiếng thác chảy ào ào, và những lúc ấy đầu óc tôi lâng lâng, tôi không còn nghĩ ngợi gì nữa, thế là tôi từ bỏ ý định đun cát để nấu thành com như một thầy tăng Phật giáo thiền tông từng mong làm được. Hồi đi chơi ở xứ Provence hay vùng Cévennes, tôi đã nhặt được vô khối đá bên bờ sông bờ suối. Và tôi rất thích tặng đá cho mọi người. Trên một viên đá cuội hình ô-van màu trắng như ngà voi mà tôi tìm được ở làng Tegernsee, tôi đã viết một câu bằng mực tàu:

“Anh yêu em” rồi đem về tặng Delphine. Bà ấy đã cất cẩn thận tận đáy túi xách.

Thế còn cuốn sách nói về các kiểu ghế tựa thì tôi đã viết đến đâu rồi ư? Tôi có ý tưởng ấy từ hôm Delphine lắng tai nghe mãi mà không thấy trong phòng tôi có tiếng động nên đã đến gõ cửa xem sao nhưng vì bên trong vẫn im lặng như tờ, bà ấy hoảng lên và cuống quýt đẩy cửa bước vào để rồi phát hiện người đàn ông bà ấy yêu quý đang ngồi trên ghế và ngủ say như chết. Theo như lời Delphine kể lại thì trông tôi như một người vừa mắc chứng giữ nguyên thế, hai xương bả vai gồ hằn lên và tì mạnh vào lưng chiếc ghế bằng gỗ sồi tự nhiên mua ở hãng Habitat. Nét mặt tôi khiến bà ấy liên tưởng đến một chiếc mặt nạ Tây Tạng thể hiện vẻ đau đớn tột cùng. Trước khi đồn hạ, người ta có xin phép vị thần cây sồi ấy không? Người ta có báo cho vị thần ấy biết là ông ta sẽ được nghỉ ngơi trong khung chiếc ghế của tôi không? Hiển nhiên là không, cho nên tôi mới phải chịu hậu quả - tôi và Delphine. Ban giám đốc hãng Habitat phải cử nhân viên thiết kế mẫu mã đồ gỗ sang Ghana thì mới hiểu được, việc đóng một cái ghế thiêng liêng đến mức nào. Mỗi lần có một vị vua bộ tộc da đen achanti băng hà, chiếc ghế mà sinh thời ông ta ưa thích nhất được đưa ngay tức khắc vào ngôi Đền thờ Ghế, một cái tên mà hãng Habitat còn lâu mới xưng. Linh hồn vị vua sẽ tìm được sự yên nghỉ đời đời trong chiếc ghế ấy. Còn tôi thì không dám mơ đến sự yên nghỉ đời đời nhưng tôi không bỏ tiền ra sắm chiếc ghế ấy để rồi nó đưa tôi vào giấc ngủ li bì khiến Delphine hoảng sợ - đó là sự trả thù của vị thần cây sồi. Delphine nhắc tôi: “Ông lên giường mà nằm đi, chứ ngủ vạ ngủ vạ trên ghế thế này không được đâu.” Nhìn thấy tận mắt là tôi đã nằm thoải mái trong chăn lông rồi, bà ấy mới yên tâm khép cửa đi ra. Trong cuốn sách viết về các kiểu ghế, tôi định sẽ bắt đầu bằng một câu nhắc nhở mà trẻ em nghe mãi đã nhàm tai: “Thôi, đừng có ngó ngoáy đung đưa trên ghế nữa, kéo ngã bây giờ!” Tôi sẽ làm sống lại thời kỳ mà Richelieu^[40] yêu cầu thay ghế dài trong các phòng ăn bằng ghế tựa, tôi sẽ phân tích phép lịch sự bắt buộc đàn ông phải đứng lên khi có một người đàn bà đi vào gian phòng mà họ đang ngồi. Xin lỗi Delphine là tôi đã không đứng lên khi bà vào phòng, nhưng như bà thấy đây, tôi đang ngủ say mà. Từ đó, tôi đặt một tấm đệm nhồi đầy bông cỏ. Và đang giữa đêm, lúc nào muốn nghỉ, tôi chỉ việc trải giữa các chồng sách vở bừa bãi trên sàn.

Tôi còn có kế hoạch viết một tiểu luận về thói dâm ô trong văn chương nữa, một cuốn sách mà tôi hy vọng sẽ rất khác thường, một câu chuyện về thói dâm ô viết thành văn (*Câu chuyện về thói dâm ô đúng như được kể*) với rất nhiều dẫn liệu. Tôi sẽ chỉ giới hạn trong văn học Pháp, như vậy mới dễ tìm tư liệu, mặc dù tôi rất tiếc không đưa ra được vô số những chuyện kỳ thú xảy ra ở khắp nơi trên hành tinh, trong các căn hầm ở Potala^[41] cũng như ở Tòa thánh Vatican mà chắc chắn người ta không bao giờ cho phép tôi tha hồ lục lọi. Tôi muốn kế hoạch viết lách mà tôi đã có ý tưởng từ hơn mười lăm năm nay sẽ là của nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết mà thỉnh thoảng tôi vẫn đề cập đến với cái tên *Chuyện ăn nằm lang chạ*. Nhân tiện nhắc đến nhân vật chính, nhân vật mà lần này tôi sẽ đặt tên là François Weyerbite, tôi định để ông ta dùng tiền nhuận bút ứng trước cho cuốn *Chuyện ăn nằm lang chạ* thuê phòng khách sạn rồi rủ rê các cô gái vào đó. Tôi đã bắt đầu đọc thư từ của Flaubert và Nhật ký của Stendhal để ghi chép những tình tiết đáng chú ý. Hồi Flaubert ba mươi tuổi, ông đã sống ở Ý. Về thành phố Venise: “Chẳng có chuyện trăng hoa nào.” Về Rome: “Mình sinh hoạt rất lành mạnh.” Về Naples: “Mình chơi gái khá nhiều ở Naples.”

Còn Stendhal thì mới mười chín tuổi, ông viết trong nhật ký về một bà Genet nào đó mà “tôi đã khát khao từ khi người ta bảo tôi rằng, nếu đàn ông mà làm việc đó như kiểu nhảy cái, bà ta sẽ làm cho họ mê mẩn”. Về một người đàn bà khác: “Tôi yêu bà ta từ khi thấy bà ta có thể để cho tôi tò mò được.” Tại một địa điểm khác: “Chỉ trừ có *the D. of R.*^[42] (mà mỗi tuần tôi lại xoi một lần), tôi sống hết sức thanh bạch. Vì vậy tôi mới mập ú ra.” Về một phụ nữ người Lyon: “Tôi cho rằng hai chúng tôi ngủ với nhau sẽ thú vị đấy.” Và rất nhiều câu đại loại như vậy.

Tôi vừa tìm được một lá thư mà tôi viết dở. Ngày tháng là năm ngoái. Tôi không sao nhớ được mình định gửi cho ai nữa. Đôi khi, tôi cứ viết thư mà không cần biết ai sẽ nhận, thế rồi một câu đột nhiên bật ra trong óc tôi, khiến cho tôi nghĩ đến một người cụ thể. Đoạn đầu lá thư có thể thành đoạn đầu một cuốn sách: “Tuần sau, tôi sẽ bước sang tuổi năm mươi hai. Không có gì bất ngờ cả, vì tôi đâu có ảo tưởng mình mới hai mươi ba.” Câu tiếp thì tôi không sao đọc nổi. Tôi chỉ đoán chừng là có tên thánh Bernard, và sau nữa là câu gì đó có từ Lạc viên, nhưng rồi tôi cũng đọc

được: “Sau tám ngày ở Lạc viên thì theo ý tôi người ta chỉ còn nước tự bắn vào mình.” Ở mặt sau, tôi tìm lại được dự thảo tóm tắt cuốn *Ba ngày ở nhà mẹ* có lẽ sẽ gây hứng thú cho tôi: “Ngày sinh nhật lần thứ năm mươi, một người đàn ông ở tình trạng thái cực kỳ hoang mang quyết định hủy bỏ tất cả các cuộc hẹn để ngẫm nghĩ xem cuộc đời mình đã đi đến đâu. Ông ta mong muốn thay đổi số phận, nghề nghiệp, bà vợ, thành phố và cả thời đại.”

Một người đàn ông ở trạng thái cực kỳ hoang mang ư? Uyển ngữ hay thật! Thời đại này thì ông ta sẽ vô hiệu hóa các loại thang đo độ suy sụp, thang đo độ trầm cảm, thang đo độ tuyệt vọng (thang này được chia độ từ không đến sáu). Nhân vật của tôi đã trải qua một chặng đường hiển nhiên là lối mòn mà từ cổ chí kim nhiều người đã đi: bước chuyển biến từ nỗi buồn ngẫu nhiên sang tâm trạng chán nản liên miên. Một vài câu hỏi nữa cần phải đặt cho người đàn ông luôn ở trạng thái hoang mang ấy: số lần quan hệ tình dục đạt được khoái cảm cực độ? Mỗi tuần bao nhiêu lần? Và ý kiến ông về mức độ thỏa mãn của bạn tình, ông hãy ghi lại từ không, *không một chút nào*, đến mười, *tuyệt đối*. Ông có sợ đám đông, bóng tối, thang máy không?

Những cách đánh giá đó có homologatif^[43] không? Tôi chẳng hiểu “homologatif” nghĩa là gì, từ này chỉ vừa mới xuất hiện trong đầu tôi. Đó là một từ không có trong từ điển. Cũng như “playboyite”, tối hôm nọ tự nhiên tôi lại nghĩ ra từ này. Một từ mới do Weyergraf sáng tạo. Qua điện thoại, mẹ tôi nói với tôi bà đang lo mình bị chứng phlébite^[44], thế là khi tỉnh dậy, tôi chợt nghe thấy câu sau vang lên trong đầu: “Thà là chứng playboyite còn hơn là phlébite.” Trạng thái thoát khỏi ý thức đã đẩy tuột tôi vào vòng tay một cô gái thuộc kiểu người được đăng ảnh trong tạp chí *Playboy* chứ không phải vào bệnh viện để túc trực bên giường mẹ tôi. Riêng lần này thì tôi hoàn toàn nhất trí với trạng thái ấy. Dùng từ “thrombose^[45]” đúng hơn từ “phlébite”, nếu không thì “thrombophébite” vậy, tôi tự nhủ với tư cách là một khách hàng năng lui tới hiệu sách Maloine.

Playboyite, đó lại là chuyện khác. Tại sao mình lại không nói đến vấn đề này trong *Chuyện ăn nằm lang chạ*, cuốn sách sẽ được Playboy Enterprises Incorporated kết hợp phát hành nhỉ? Từ phlébite dịch sang tiếng

Anh là “phlebitis”, thế thì chương sách cũng sẽ được gọi là “Playboyitis”, giống như tên mà người ta đặt cho một loại lan. Vấn đề chủ yếu trong cuốn sách này sẽ là hành động mà thế kỷ XVIII và Diderot^[46] trong *Bách khoa thư* của mình gọi là manstupration, một danh từ mà năm 2002, do nhận thức còn đơn giản – đó là đặc tính của thời điểm đó - bộ hiệu chỉnh chính tả của chương trình Word trong máy tính của tôi đã đề xuất việc thay thế bằng từ “manutentionner”... Cả từ điển Littré cũng không biết từ manstupration, cho nên chỉ giải thích chung chung là “hành động một cách phóng dăng đơn độc”. Nhìn thấy thầy Laloux ở lại lớp rất lâu sau giờ học, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ học trò, luôn nhắc chúng tôi không được ngại gọi điện thoại đến nhà thầy, tự nguyện phụ đạo không lấy thù lao cho những kẻ yếu kém muốn học đuổi, mà hồi đó thầy đã góa vợ, tôi đi đến kết luận chắc là đời sống tình dục của thầy chỉ giới hạn ở việc thủ dâm, một tội lỗi mà ngay cả bản thân tôi cũng không sao chữa được. Ngoài cách dịch chính xác một động từ như *completor* mà Virgile^[47] dùng cho cả những cử chỉ yêu đương lẫn việc các chiến binh ghì chặt lấy nhau hay làm thế nào biết được Molière bao nhiêu tuổi khi Racine ra đời, một trong những câu hỏi mà tôi tự đặt cho mình là: “Đến tuổi nào thì người ta thôi không thủ dâm nữa?” Lắm khi tôi cũng nản không muốn bị bắt buộc tháo chỉ ở đáy túi bên phải toàn bộ quần dài của mình nữa – đây là chưa kể đến nguy cơ bị mẹ tôi phát hiện – để tìm lại thật nhanh, trong lớp học hay ngay giữa đường, anh bạn nhỏ đồng hội đồng thuyền luôn hành hạ tôi một cách độc đoán và để tự giải quyết nhu cầu cho mình theo cách của Diogène^[48], như Diderot từng viết. Yên tâm là mình vẫn được Diderot tán thành, tôi mong ngóng được hòa hợp nhu cầu tình dục và niềm đam say của một bạn tình mà con tim tôi sẽ tự chọn. Diderot thì thâm vào tai tôi: “Trong khi chờ đợi, tại sao đảng ấy lại bắt mình thiếu thốn những khoảnh khắc cần thiết và tuyệt vời ấy? Tự nhiên kêu cứu bằng những triệu chứng ít mập mờ nhất, đảng ấy ra tay giúp thì đâu phải là phạm tội?” Niềm tin của tôi đã được xác định: tôi phải thủ dâm cho đến khi một người đàn bà xuất hiện và lôi tôi ra khỏi nỗi cô đơn như Senta trong *Con tàu ma*^[49], một vở opera bắt đầu với nốt rê thứ và kết thúc với nốt rê trưởng, thầy Laloux nhắc tôi chú ý điểm này khi cho tôi mượn hộp đĩa ghi âm mà nữ danh ca Astrid Varnay hát vai chính. Vậy là khi góa vợ thì người ta đành phải thủ dâm vậy chứ biết làm sao. Còn tôi, tôi sẽ phải sống suốt đời với một người đàn bà chắc chắn là thọ hơn tôi và làm cho tôi

cương cứng đến chết cho tới khi tôi chết thật mới thôi. Hồi ấy, tôi chưa nhận thấy là mọi cặp vợ chồng đều mệt mỏi và sồn lòng như những tấm thảm sồn cũ, họ ở lại với nhau như khách, những vị khách không hiểu sao lại cứ ì ra, trong nhà anh, làm phiền anh mà không biết là đã đến lúc phải cáo từ. Tôi cũng không ngờ rằng, một ngày nào đó, một người đàn bà đa tình sẽ khuyên tôi thủ dâm trong lúc bà ta thủ thủ với tôi trong điện thoại, rằng một số khác lại thích tôi làm việc này trong lúc đọc thư của họ. Tôi sẽ kể về một người đàn ông quen sống về đêm nên không còn muốn đánh thức vợ dậy nữa, do đó ông ta cứ phải vừa thủ dâm vào lúc ba giờ sáng vừa gọi điện đến các máy trả lời tự động để tìm kiếm âm điệu chùn chụt như người đang mút, hỗn hển đứt quãng như người đang gắng sức tận hưởng khoái lạc, đánh thép hùng hồn như người quen ra lệnh, toàn giọng đàn bà gần giống như của vợ mình, dù chúng có ề à các câu văn ghi âm sẵn mà ông ta viết lại được một cách dễ dàng, ngay cả khi vợ ông ta có khả năng tìm những câu nói hiệu quả hơn gấp một nghìn lần để cho ông ta cương lên, việc mà bà vợ đã làm không biết bao nhiêu lần rồi.

Thôi, chúng ta hãy trở lại với bản tóm tắt cuốn tiểu thuyết của tôi. Vậy là, một người đàn ông đang ở trạng thái cực kỳ hoang mang, đồng thời là một người thủ dâm hăng hơn tôi nhiều. Ông ta có biết rằng, nhân vật của tôi ấy, rằng mình phải tính trước những điều bất ngờ, những cuộc đụng độ khó chịu khi mình mạo hiểm vào những chỗ sâu kín nhất mà mình giấu kỹ bên trong bản thân không? Ông ta có đoán trước được mọi việc không, cả việc lành lẫn việc dữ, mà nói chính xác hơn là lành ít dữ nhiều? Tất nhiên. Chẳng gì thì cậu bé to xác của chúng ta cũng đã năm mươi tuổi rồi. Cũng có lần ông ta được thỏa mãn, mặc dù không phải thường nhật. Tôi muốn nhắc khéo ông ta: cuộc đời không đáng để ông cứ phải nghĩ ngợi liên miên về nó như vậy. Ông có phân tích rượu bã nho của Ý mà tôi thấy ông uống không? Ông uống ừng ực và sau đó ông ngủ tít đi, có thể thôi.

Tôi chẳng muốn nhớ hết các cuốn tiểu thuyết của mình làm gì. Cả những cuốn trước lẫn những cuốn sau này. Tôi nhận được thư của những sinh viên đang viết luận văn về tôi và xin tôi đến cứu giúp. Tôi từ chối gặp mặt tất cả những sinh viên và giáo viên có ý định để tôi làm việc thay họ, chỉ trừ một lần. Cô ta tên là Cordula, cô ta từ Munich đến. Cô ta đã lừa được tôi chỉ vì cái tên ấy. Lên tầng hai quán Flore, tôi nhìn thấy ngay một cô gái xứ Ba-vi-e rất xinh, một nhà giáo tương lai. Cô ta giở ra ngay trước

mặt tôi toàn bộ sách của tôi, theo thứ tự năm xuất bản, hầu như trang nào cũng chi chít mũi tên đánh dấu không thương tiếc xung động dục tình của tác giả. Những cuốn sách ấy, tôi đã cố tình gọi một chai rượu để che bớt đi nhưng hầu như không che nổi, tôi chỉ muốn chúng biến mất ngay tức khắc thôi. Thấy chúng ở đó, tôi ngượng lấm. Tôi còn tự nhủ, may mà mình không xuất bản thêm.

- Thưa ông Weyergraf! Nhà phân tích tâm lý Melanie Klein đã chứng minh, những ức chế ở tuổi trưởng thành xuất phát từ ý muốn rất trẻ con là ngăn cản và phá bỏ khả năng sinh sản của người mẹ. Ông nghĩ sao về vấn đề này?

Đề tài luận văn của cô ta là *Sự có mặt và vắng mặt của nhân vật bà mẹ trong tiểu thuyết của François Weyergraf*. Cô ta còn muốn khai thác xem tiểu thuyết tiếp theo của tôi sẽ bàn về vấn đề gì, tôi phải nói lảng sang tiểu sử Charlemagne. Cô ta tưởng mình là thám tử tư chắc. Giả sử như cô ta có hỏi xin thù lao và tiền chi phí tạm ứng, tôi cũng thấy chẳng có gì bất ngờ cả. Nhưng không, cô ta lại yêu cầu: “Xin ông kể cho tôi nghe tất cả mọi việc, từ lúc ông còn nhỏ đến giờ.” Tôi định nói với cô ta rằng hồi bé tôi được cái may là rất say mê hai cảnh tượng: nhà thờ và rạp xiếc. Nhưng cô ấy có để ý nghe tôi kể đâu, nếu không tôi đã có thể nói bằng tiếng Đức: “*In meiner Kindheit hatte ich das Glück, serh oft in den Zirkus und zum Gottesdienst zu gehen*”^[50].” Tôi chỉ muốn kể chuyện này chứ đâu có phải về mẹ tôi. Nhưng rồi cuối cùng thế nào tôi cũng sẽ đề cập đến mẹ tôi, nhưng chỉ là việc bà hay đưa tôi đi xem xiếc và dự lễ ở nhà thờ thôi. Tôi còn nhớ, giữa khung cảnh mùa đông rét mướt, hai mẹ con vội vã ra khỏi nhà trong khi cả gia đình vẫn còn yên giấc để kịp buổi cầu nguyện bảy giờ sáng vì tôi phải hầu lễ. Đến lúc làm lễ ban thánh thể, ông linh mục vừa lấy bánh thánh ra khỏi bình, tôi đã đặt ngay đĩa dâng dưới cằm mẹ tôi, rồi bà há miệng và nhắm mắt chờ đợi. Bây giờ bà không còn coi trọng những việc ấy nữa nhưng dù sao thì đó cũng là kỷ niệm mà chỉ hai mẹ con chúng tôi biết với nhau. Còn về rạp xiếc, gần đây bà có nhắc nhở tôi: “Con nhớ đừng đưa hề rạp xiếc vào cuốn sách tiếp theo đấy, con mà làm như vậy thì chỉ tổ để cho người ta bảo con là thiếu nghiêm túc thôi.” Mẹ ơi, chuyện mà con muốn viết lại là ngày thứ Sáu đặc biệt ấy cơ, mẹ còn nhớ không? Năm đó, hình như lễ Phục sinh tới muộn thì phải, vì vậy trời khá nóng, nếu cần con có thể xem lại ngày

tháng, con khoảng mười tuổi gì đó. Chị em con đã ra biển ở chơi nhà bạn bè. Con tong tong đi trước, còn Cha và Mẹ sẽ đi sau và gặp con ở nhà thờ. Trên đường đi, con gặp một chiếc xe bán kem lưu động trang trí sắc sỡ rất vui mắt. Ngày kỷ niệm cái chết của Chúa Cứu thế, con có chiến thắng được kiểu dụ dỗ phạm tội tham ăn ấy không? Với số tiền mà mẹ vừa giao cho con để bỏ vào thùng quyên góp, con đã mua một cái bánh quế hình ốc trong đó có hai viên kem, một viên nhân đào lạc và một viên dâu. Con chỉ cần bỏ ra thêm một chút tiền túi nữa là sẽ mua được ba viên, nhưng dù sao thì cũng là thứ Sáu trước lễ Phục sinh, ngày nhịn ăn nghiêm ngặt nhất. Trước khi đẩy cánh cửa xoay vào nhà thờ, con đã gặm được một phần vỏ ốc quế, kem bắt đầu chảy cho nên con phải chú ý không để mất một giọt nào. Đúng lúc ấy, con nhìn thấy Cha và Mẹ xuất hiện. Con đã mắc tội, theo ý con thì là tội vi phạm điều kiêng kỵ, còn theo ý cha mẹ thì là tội tày đình. Cha không thêm nói chuyện với con trong nhiều ngày và hủy bỏ hợp đồng đặt mua tờ báo *Tintin* cho con nữa. Thế là, cứ đến thứ Năm, con chưa mở miệng xin, mẹ đã dúm tiền vào tay con để mua lẻ một số báo *Tintin*. Sau đó rất lâu, khi con tìm thấy từ “xérophagies”^[51] trong một cuốn sách của Cha, từ này có nghĩa là sáu ngày nhịn ăn trong Tuần lễ thánh mà người ta chỉ được cầm hơi bằng bánh mì, muối và nước lã, con mới hiểu rằng vụ kem ốc quế của đứa con trai đã làm tinh thần cha bị tổn thương như thế nào.

Nếu tôi đi gặp một nhà phân tích tâm lý, nếu tôi quyết định tìm một vị để hỏi ý kiến – việc này sẽ không thành hiện thực, nếu thành thì đã thành rồi -, nếu tôi lại đắm chìm trong thế giới đó, thế giới mà một nửa là cảnh Ngày tận thế, một nửa là Hội chợ Trône^[52], thế giới mà tôi biết khá rõ hồi tôi mới hơn hai mươi tuổi một chút và vẫn còn đủ cả răng, nếu tôi lại sa vào thói hư mà mọi người gọi là “ăn chơi xả láng một chút”^[53], như các bà chủ nhà vẫn thường động viên chồng con cố ăn nốt cái đùi cừu cho hết, “một lát nhỏ nữa thôi”, thì đây là những gì không ít thì nhiều tôi sẽ trình bày với vị bác sĩ ấy, những gì tôi tin rằng mình sẽ trình bày, mặc dù đã giữ gìn ý tứ nhưng hầu như không thể dự kiến được điều mình sẽ nói ra lần việc rắc rối nào đang rình rập mình trong một buổi phân tích tâm lý... Tôi sẽ mở đầu bằng cách nói gì nhỉ? Tôi sẽ nhắc đến việc mình không xuất bản được nhiều sách lắm. Chúng thần kinh bị ức chế, việc này thì họ hiểu quá đi rồi. Léonard de Vinci là một điển hình đấy thôi... Tôi muốn được một người

đàn bà trẻ hơn mình phân tích tâm lý, như trong *Lovesick*, một bộ phim bị lãng quên mà Marshall Brickman làm đạo diễn, và ông cũng là đồng tác giả kịch bản *Annie Hall* (khi *Annie Hall* ra mắt, một số bạn bè đã nhận xét, bộ phim làm họ nhớ đến cuốn tiểu thuyết đầu tay của tôi phát hành mấy năm trước), phải, một nữ bác sĩ phân tích tâm lý phải lòng tôi như trong *Lovesick* mà nội dung là một bác sĩ phân tích tâm lý đâm ra si mê nữ bệnh nhân của mình, trường hợp của tôi thì ngược lại, tôi chỉ mong bác sĩ phân tích tâm lý tương lai của tôi giống nữ diễn viên đóng vai người bệnh trong *Lovesick*, cô Elizabeth McGovern đẹp mê hồn, dù rằng cô ta hoàn toàn không phải kiểu người tôi thích, một bộ phim mà hồn ma của Freud do Alec Guinness đóng và John Huston xuất hiện trong vai bác sĩ phân tích tâm lý vỡ mộng để báo hiệu những mối nguy cơ của một love affair with a patient, một bộ phim mà bác sĩ phân tích tâm lý và bệnh nhân promptly go to bed^[54] sau một cảnh tắm vòi hương sen đã trở nên mờ nhạt trong ký ức tôi, nhưng tôi, tôi sẽ không khách sáo mà nói luôn với nữ bác sĩ phân tích tâm lý tương lai của mình rằng tôi thích vòi hương sen hơn đi-văng.

Tôi thức dậy vào lúc nửa đêm, thế mà tôi cứ tưởng là bảy giờ sáng. Tôi lắng nghe một vở opera của Donizetti^[55], *Maria Stuarda*. Tôi mà quen ông có phải hay không, Gaetano Donizetti! Chúng ta có thể gặp nhau ở Paris, nơi ông từng quản lý một rạp hát. Ông có nhờ tôi viết một kịch bản opera không? Trên đường phố Bergame, thành phố quê hương ông, nơi mà thị dân địa phương cho là ông không được bình thường lắm (trên một túi bao đĩa, tôi đã thấy dòng chữ: “mắc bệnh tâm thần”), khách dạo chơi đều nghiêng người cúi chào khi ông đi qua. Tôi sẽ đến đó với ông. Tôi sẽ đi bằng tàu hỏa. Ông cứ nhất định đòi ra ga đón tôi, thế là chúng ta lên một chiếc xe ngựa thuê. Ông đội cái mũ bằng lụa, và mỗi lần tôi giới thiệu tên những người vỗ tay chào mừng ông dọc đường, ông lại nhắc lên đáp lễ: “Thế còn cô kia, cô có khuôn mặt bầu bĩnh ấy, tên cô ta là gì?”

- Đó là cô chủ trang trại trong vở *Bùa yêu* của ông, cô Adina.

- À phải rồi, Adina. Cô ấy vẫn còn sống sao? Sao ông kia cứ nhìn tôi chằm chằm thế?

- Ngài Henry Ashton de Lammermoor đấy.

- Thật không? Tôi tưởng ông ta ở Ai-len chứ. Này ông Francesco, đừng có lừa tôi đấy. Không phải Ngài Ashton mà là ông dược sĩ vẫn bán thuốc cho tôi đấy chứ, nhà thuốc của ông ta ở phía sau Piazza Vecchia ấy. Ông giễu tôi. Thế nào, ông mà cũng tưởng tôi khùng sao? À mà ông nói phải, đúng là Ngài Ashton rồi. Chúng ta chào đáp lễ ông ta đi. Greetings! Greetings! ^[56] Tôi đã soạn không biết bao nhiêu vở opera rồi mà... Ba hay bốn vở một năm. Tôi làm sao nhớ hết các nhân vật được. Greetings, my Lord!

- Thừa nhà soạn nhạc bậc thầy Donizetti, tôi thấy ông thật tuyệt khi được biết, ông đã nói gì về người bạn đồng nghiệp Rossini ^[57] mà người ta coi là kẻ nói dối không biết ngượng mồm bởi vì ông ta thề mình đã soạn vở *Người thợ cạo thành Séville* chỉ mất vắn vẹn có mười ba ngày. Ông đã trả lời: “Mười ba ngày cơ à? Có thể lắm chứ. Ông ấy khá lười nhác mà.”

Relax! I play my mambo! Đó là đĩa hát mà tôi đang nghe. Một lần nữa, tôi lại bắt buộc phải bật nhạc của mình để khỏi phải nghe của người khác. Đêm đã khuya, hai giờ hai mươi phút sang rồi, thế mà nhà hàng xóm cùng tầng vẫn tiếp khách. Sáng nay, họ đã dán băng băng dính trong trên cửa thang máy một tờ giấy mà cách trình bày lịch sự bằng máy tính lại đối nghịch hẳn với lời lẽ xấc xược ngạo mạn trong nội dung: “Ê này, ê này, các vị hàng xóm thân mến! Tôi thứ Bảy tuần này, nhà chúng tôi có tiệc, vì vậy thế nào cũng làm âm ỉ trong tòa nhà thân yêu của chúng ta, và chắc cuộc vui sẽ kéo dài đến khuya. Xin các vị bỏ qua cho vì chúng tôi sẽ làm phiền mọi người. Nhưng chúng tôi vẫn xin chúc các vị một buổi tối dễ chịu. Tissot and C^o [58], căn hộ thứ tư chái bên phải.”

Khi Lễ hội Âm nhạc được phát động, tôi đã viết một bài báo: “Sự dừng cảm thực sự trong hoạt động chính trị là tạo ra một Lễ hội Im lặng.” Đáng lẽ tôi nên nói: “Không hội hè gì hết vẫn hơn.” Ê này! Tôi đã sưu tập được cả một lô những từ như vậy. Tôi bóc được vô khối ở lối đi vào tòa nhà và cất giữ trong một cặp bìa màu xanh lục nhạt mà tôi gọi là “Tiếng ồn đủ mọi mức độ”, lẫn với vô số ghi chép khác về tất cả những gì quấy rối người ta ngủ và làm việc, chẳng hạn như về con vẹt hay quang quác hơn là hay nói mà mùa hè năm ngoái ông gác cổng đã đem về nuôi. Không giấu nổi niềm vui lộ lộ trên nét mặt như một người chơi tem vừa tìm mua được một con hiếm có, ông ta khoe với tôi: “Vẹt lo-ri ở hải đảo Tân Ghi-nê đấy, ông ạ.” Ông gác cổng hiền lành dễ thương ấy, một cựu giáo viên thể dục ở Sarajevo, một người có cái cổ to bạnh như cổ bò tót, lúc nào cũng chỉ có một ý nghĩ trong đầu, đó là làm thế nào dạy cho con vẹt lo-ri học thuộc *Que je t’aime*, ca khúc của Johnny Halliday, một cái đĩa mà tôi đã tặng ông ta khi ông ta bảo với tôi rằng Johnny là ca sĩ yêu thích nhất của mình, một hành động đại dột mà tôi không ngờ lại có hậu quả tai hại đến thế. Mọi bài học mà cuộc sống dạy anh đều đau đớn nhớ đời cả, tôi đã học được một điều là không nên tặng đĩa hát cho người gác cổng. Sáng sớm, khi xách thùng rác ra đường, ông ta cũng hát làm rầm *Khi đến lượt anh nói*

không, khi đến lượt em nói có, thế là mới có sáu giờ kém mười lăm, đầu vắt vào trong lồng treo giữa sân chung, con vẹt cũng cao hứng và véo von tiếp Anh yêu em biết bao! Anh yêu em biết bao!

Ê này, ê này, tôi sẽ không còn phải điếc tai vì chú vẹt châu Đại Dương ấy nữa, chú vẹt không được gọi là Loulou như con của Flaubert: “Nó tên là Loulou. Thân nó màu xanh lục, đầu cánh màu hồng, trán xanh lơ, và cổ vàng óng.” Bệnh vi-rút vẹt đã thắng được tính lảm mồm của nó. Trong nhiều ngày liền, một ông gác cổng sâu nảo xách thùng rác ra đường, dáng vẻ không còn hăng hái như trước nữa. Tôi có một ông bạn mà con mèo cưng bị chết ở tuổi mười tám, thế mà theo thói quen mỗi khi đến hiệu Franprix, ông ta vẫn mua hộp thức ăn cho nó. Một bà bạn dặn dò tôi: “Nếu tôi chết trước con chó cưng của mình, xin ông hứa trộn tro của tôi vào thức ăn của nó để tôi được sống phần nào trong lòng nó.” Tôi nói thẳng luôn là bà đâm ra lẩn thẩn rồi. Cách đây không lâu, tôi có làm thân với một chú chó giống ca-lin còn non, con Jojo, nhưng tôi đặt biệt danh là “Patapouf nhỏ xinh”, nó có vẻ thích tên mới lắm.

Gấu vừa qua đời. Ngoài Acuto ra, Gấu, một chú bec-giê giống Gro-en-lăng lông đen nhánh, là con chó duy nhất mà tôi yêu quý. Trong ngôi nhà ở Avignon mà nó hay sủa vang mỗi khi đứng trước những sắc độ chói mắt trong một bức tranh màu nước của Miró treo trên tường phòng ngủ dành cho bạn bè, Gấu cũng có thói quen liếm má để đánh thức tôi dậy. Gấu đã chết vào một ngày tháng Chín, ở một nơi nhìn xuống thung lũng Chamonix. Sườn núi đã phủ tuyết, trông khá gần, có lẽ chỉ trên độ cao ba trăm mét thôi, như vậy là khá sớm vì mới giữa tháng Chín. Trong cơn hấp hối, hai tai nó dựng đứng, nó đưa lưỡi liếm răng lợi, thè ra thụt vào giật giật từng hồi, như những lúc nó hài lòng. Đúng lúc tôi cũng có mặt ở đó. Lúc chúng tôi chôn nó, một tia nắng cuối cùng lướt qua cây mận mà dưới gốc là nơi “nó ngủ”, Alenxandre, ... của nó đã nói như vậy. Gì của nó cơ chứ? Người ta có làm chủ được một

con chó không? Một đàn bò tiến lại gần ngôi mộ. Trong không khí yên tĩnh buổi hoàng hôn, lục lạc ở cổ chúng kêu leng keng nghe như tiếng chuông báo tử. Anh bạn Alexandre vừa gửi thư cho tôi, trong đó có hình vẽ con Gấu. Anh lại nhắc đến đàn bò: “Chúng hay đến đó lắm. Gấu được yên nghỉ ở một vị trí tốt nhất dưới thung lũng, nơi mà quang cảnh có vẻ đón chào và

cỏ mọc xanh mướt. Sáng nay, tôi đã đến thăm mộ nó. Một con bò đen đang nằm gần đó. Một vài quả mận đã rụng. Người ta bảo, năm nay mận làm rượu rất ngon.” Tôi đọc lá thư này cho Delphine nghe, tôi còn đưa cho bà ấy xem bức họa nữa. Bà ấy bảo: “Còn ông, ông chẳng chịu viết về cái chết của con Pruneau nhà mình gì cả. Ít ra thì nó cũng xứng đáng được ông làm một bài thơ chứ, một chú mèo trung thành lâu năm đến thế, lúc nào cũng nằm dưới cái đèn bên cạnh bàn máy chữ, có mặt trong lúc ông viết toàn bộ các tác phẩm của ông.” Không những thế, mỗi khi tôi mơ mộng thay vì đánh máy, nó còn đập chân vào phím để nhắc nhở tôi nữa. Con Pruneau rất thích các bài thơ của thi sĩ Guillaume Apollinaire. Tôi đọc cho nó nghe, và khi đến câu *Ngày tháng trôi đi, ta vẫn còn đây* thì nó liền nhắm mắt lại.

Tôi đã từng thuần hóa một lô thần lẩn, một con nhím non nhỏ xíu mà tôi mang về sau một chuyến du lịch do nhà trường tổ chức và một con dơi mà suốt mùa hè tôi phải giấu trong ngăn kéo bàn đầu giường, hồi tôi lên tám hay chín gì đó. Các chị em tôi kéo nhau vào ngắm nghía nó và cho tôi mượn mấy cái bình sữa búp bê để tôi cho nó bú. Chúng tôi đã bàn nhau đặt tên cho nó là Hạt Phi vì nó rất nhỏ bé và màu lông của nó lại nâu nâu. Khi mẹ tôi phát hiện ra, bà liền bọc trong một cái khăn lau và trả lại tự do cho nó, nhưng không hiểu là tự do như thế nào mà ngay đêm hôm ấy Hạt Phi đã trở lại phòng tôi qua khung cửa sổ tôi cố tình để mở toang, mặc cho lũ muỗi và bướm đêm tha hồ bay vào. Loài dơi mang những cái tên bằng tiếng Latinh hay nhất, những cái tên khiến người ta nghĩ đến màn đêm buông xuống và các vì sao. Để nói về đêm tối, tiếng La-tinh có một kho từ vựng tinh tế hơn các ngôn ngữ phương Tây hiện thời nhiều. Tôi vẫn không bao giờ quên tính từ *noctivagus*, “lang thang ban đêm”, và cả giấc ngủ được gọi là *noctivagus deus*, vị thần lang thang vào ban đêm.

Tối hôm qua, tại một phố Paris nằm ở phía sau khu vườn thuộc Palais Royal, thông sang đường Opera cây cối tươi tốt và khu Đại Lộ Lớn - đó là lộ trình dạo mát ưa thích nhất của Delphine mà hai vợ chồng tôi thường đi cùng nhau - người ta đã có thể bắt gặp tôi nói lớn tiếng một mình như những khách bộ hành hay gây rối hoặc giàu trí tưởng tượng ngày một tăng

ở các thành phố, lúc nào cũng bất mãn với số phận hoặc la hét đe dọa thiên hạ. Khi gặp họ ngoài đường, chúng tôi thấy họ cũng đáng chú ý thật, nhưng Delphine lại chép miệng: “Buồn thật, không biết họ gặp phải chuyện gì.” Mỗi lần chúng tôi dừng chân bên bể phun tia ở đài nước Molière, tôi lại nhắc cho bà ấy nhớ rằng hai nàng thơ là tác phẩm của Pradier, một nhà điêu khắc mà Baudelaire rất ác cảm, và tôi lại tiếc là mình chưa viết gì về Baudelaire. Chúng tôi tới Palais Royal: “Bà có biết, lúc đầu nó được gọi là Palais-Cardinal, rồi sau thành Palais-Égalité không?”

- Không biết làm sao được, ông chẳng đã nói với tôi hàng trăm lần rồi là gì!”

Nếu Delphine nhìn thấy tôi tối hôm qua ở phố Moulines, nơi có nhà thổ mà họa sĩ Toulouse-Lautree là khách quen, và một tiếng sau thì ở phố Colonne, nơi luôn làm tôi nhớ đến vùng Bắc Ý, bà ấy có cảm thấy buồn khi nghe được tôi nói lớn tiếng: “Tôi là một người đàn ông bị dồn đến chân tường rồi” không?

Bà ấy có thể bắt gặp tôi dừng bước trước một trong những tủ kính hiệu thuốc bày đầy ảnh đàn bà hầu như khỏa thân, khiến cho chúng giống như lối vào cửa hàng dục giới. “Ê, em kia, phải, chính em đó, hãy giúp tôi với!” tôi hướng về phía bức ảnh một cô gái trẻ trung, tươi cười, mặc áo tắm hai mảnh, kích thích y như người thật và gọi. Delphine sẽ nghĩ thế nào về người đàn ông mất tâm quàng và sừng húp, về mặt nhón nhác, đang nói chuyện với tấm ảnh một cô gái da dẻ hồng hào nhẵn thín hơn cảm ông ta nhiều? Thỉnh thoảng, mỗi khi chúng tôi gặp một hạng người như vậy, tôi lại thì thầm vào tai Delphine: “Tội nghiệp, hẳn đang lên cơn loạn tâm thần phản ứng đấy! Phản ứng với cái gì, ai mà biết được.” Tôi chẩn đoán như vậy chỉ là nói mò thôi, tất nhiên rồi, nhưng bản thân tôi có cần phải đến bác sĩ để được điều trị không? Ít ra thì tôi cũng nên cạo râu cho nhẵn nhụi chứ. Trong tủ kính hiệu thuốc, nhà sản xuất dao cạo Shave & Shape chẳng đã lưu ý phải cạo râu kỹ càng thì mới có vẻ cạo râu qua loa là gì.

Từ nhiều ngày nay, tôi sinh tật hay quên, không còn biết mình vừa đặt một chiếc bút máy, một lá thư, một quyển sách ở đâu. Tôi mà đi hỏi thầy thuốc, thế nào ông ta cũng sẽ bảo tôi không nên lo lắng cho mà xem: “Triệu chứng stress, mệt mỏi... đấy mà.” Nhưng nếu chẳng may lại là một cánh

cửa hé mở dẫn đến chúng sa sút trí tuệ thì sao? Kẻ sa sút trí tuệ thường cam chịu lỗ hổng trí nhớ, nhưng tôi thì không, như vậy là yên tâm rồi. Kẻ sa sút trí nhớ không còn phần nộ nữa, không còn nổi loạn nữa. Tôi thì còn lâu mới đến nước ấy. Phía họ hàng đằng mẹ tôi có một phù thủy năm 1919 đã bắt tuân thượng lệnh, từ chối bắn đại bác chống lại nước cộng hòa của giai cấp công nhân ở bán đảo Criméc. Chuyện chỉ có thể, nhưng những cuộc nổi dậy của hải quân Pháp ở Biển Đen thì mọi người trong gia đình tôi đều biết rõ, rõ hơn cả thầy cô giáo trong các trường trung học.

Độp một cái, trong lúc chúng tôi để cho trà hãm đủ độ, Delphine hỏi tôi: “Ông viết đến đâu rồi, cuốn tiểu thuyết của ông ấy?” Một số câu hỏi thường dồn người ta vào sát chân tường. Chúng có thể do bất cứ ai đặt ra, một kẻ vô tình ngồi cạnh anh trong quán rượu hay trên máy bay, một ông bạn quen từ lâu, mẹ anh, người đàn bà mà anh đã sống chung hơn ba mươi năm. Cũng có lúc những câu hỏi như vậy, anh tự đặt cho mình. Rồi một lúc nào đó trong đời anh, thế nào chúng cũng sẽ bật ra, không báo trước, chỉ là vấn đề sớm hay muộn mà thôi. Chúng sẽ bắt anh phải đối mặt, và lúc đó cách giải quyết tốt nhất là anh dám nhìn thẳng vào thực tế. Anh cứ tưởng mình đã yên ổn, nhưng hóa ra lại không phải. Một giây lát thật khó xử.

Câu hỏi của Delphine gợi cho tôi nhớ đến câu của mẹ tôi. Lần gần đây nhất lên Paris, Mẹ muốn tôi đưa vào xem phòng làm việc, và chỉ có một mình bà mới dám hỏi tôi câu này: “Con cho mẹ xem tiểu thuyết của con nào? Con để ở đâu?” Ý bà muốn hỏi tập bản thảo viết tay hay đánh máy, nói lại là bản thảo. Cử chỉ hơi vụng về và bối rối, tôi đành chỉ cho bà xem những tờ giấy nằm la liệt khắp nơi, ngay cả dưới đất nữa. Chỉ cần một phần tư giây, bà đã hiểu ngay rằng cuốn tiểu thuyết chưa tiến triển được mấy, khác xa với lời khẳng định của ông con. Tôi vội thanh minh: “Con đang đến đoạn bí, chưa xong được đâu. – Nhưng ít nhất con cũng đã bắt đầu rồi chứ?”

Chính trong căn phòng này, tôi đã đề tựa nhiều cuốn sách nghệ thuật, tôi đã viết một bài khá dài về Le Caravage^[59] kể về việc tôi đã phát hiện ra tác phẩm “Bacchus” của ông tại Florence vào một ngày nóng nực, về việc tôi xốn xang khó tả như thế nào trong lúc đứng rất lâu trước bức tranh, trong đó thể hiện rõ, không ngượng ngùng gì cả, lòng mong muốn được khẳng định

mình, được nói: “Đó, tôi là thế, thích thì thích, không thích thì thôi.” Tôi cũng đã viết một bài về James Ensor^[60], một kẻ cứng đầu cứng cổ khác đã cho tôi những bài học bổ ích về cách nhạo đời. Để hoàn thành bài viết đó, tôi phải đến thành phố Ostende và trên đường về rẽ vào Bruxelles, tôi đã gặp Katlijne Moonen, người tự giới thiệu là Amstellodamiene^[61] nhưng tôi lại thích gọi cô ta là “Cô Amstellodamoise thân mến” hơn. Mấy tháng trước, cô ta đã chủ động viết thư cho tôi mong được phỏng vấn tôi trong một buổi phát hình sẽ được một kênh Hà Lan và BRT^[62] đồng sản xuất, đề tài là Thế hệ Mới^[63], tôi sẽ kể cho cô ta nghe những kỉ niệm mà tôi còn nhớ được về Jacques Demy hay François Truffaut, về việc những bộ phim của Thế hệ Mới đã trở nên nổi tiếng ấy được công chúng đón nhận như thế nào, *Sống bờ bãi*, *Những chiếc ô ở Cherbourg*, *Jules và Jim*, *Khinh miệt*. Tôi đã ghi số điện thoại của cô Moonen – thư cô ta viết diễn đạt rất khéo – và hẹn cô ta ngay tối hôm đó ở tầng trên La Chaloupe d’Or, một trong những quán cà-phê tại quảng trường Grand-Place. Tôi hơi bất ngờ khi thấy người đến chỗ hẹn là một cô gái xinh đẹp, tóc vàng óng, mắt xanh biếc, rất hay chuyện mà chỉ sau năm tiếng đồng hồ, cũng là sau năm quán rượu liên tiếp, trong một căn hộ trống trơn bởi vì cô ta vừa dọn đồ đi nhưng chưa trả lại chìa khóa, đã nhìn thẳng vào mắt tôi và thông báo, cô ta có một câu cần hỏi. Thế nào cô ta cũng sắp đề nghị lại một lần nữa mong tôi chấp nhận buổi phỏng vấn trên truyền hình cho mà xem! Tôi chẳng thiết, việc lên truyền hình ấy. Tôi tưởng mình đã nói rõ rồi chứ.

- Ông François, ông sẽ lấy em chứ?

Thay vì phải bỏ của chạy lấy người, tôi lại sấn ngay đến gần, và thế là hai chúng tôi bắt đầu ôm hôn nhau. Mỗi ngày, chúng tôi làm tình năm hay sáu lần, trong suốt một tuần liền. Tôi đã báo trước với cô ta là tôi mất thói quen rồi, nhưng cô ta lại đáp: “Không đến nỗi như vậy đâu!”

Trước khi quay về Paris, tôi hứa với cô ta là tôi sẽ trở lại trong thời gian sớm nhất. Thế mà đến bây giờ quan hệ giữa tôi với Katlijne đã kết thúc được hai năm rồi, và tôi tin rằng, chuyện này mà được đưa vào cuốn sách kể về bà mẹ thì chắc cũng thêm được một chút mắm muối. Cô ta đã đề nghị ngay với tôi: “Em muốn ngủ với những người đàn ông khác để được cùng

ông đạt đến đỉnh cao nhất của khoái cảm bằng cách kể lại cho ông nghe.” Nhờ những lá thư của cô ta, có lẽ tôi sẽ xây dựng được một chương khiến khối người chóng mày chóng mặt cho mà xem. Dần dần tôi đã tới nước phải nói với cô ta: “Em lừa dối tôi đi, nếu không tôi bỏ em đây, - Em có lừa dối ông hay không, ông cũng sẽ không bao giờ bỏ em đâu. Nhưng dù sao thì em cũng sẽ lừa dối ông, ông đừng bận tâm.” Tôi áp dương vật cương cứng vào vú cô ta và quẹt đi quẹt lại, cô ta thăm thì: “Em muốn những người khác cũng làm như thế này với em.” Cô ta còn muốn xem tôi thủ dâm cho cô ta xem nữa. “Trong khi tiến dần đến cơn cực khoái, ông cứ nghĩ đến việc em đang nằm trong vòng tay một người đàn ông khác vừa làm cho em thỏa mãn tốt độ.” Thế là tôi được hưởng cơn cực khoái. Sao mình không viết ngay chương này đi nhỉ?” Hành động mau lẹ thì chỉ có thắng”, đó là phát biểu của một người Trung Hoa thông thái được viện dẫn bởi một người Nhật bản cũng thông thái không kém, tác giả cuốn *Tsurezure-gusa*^[64] mà người ta đã dịch là *Những lúc rỗi rãi* hay *Tập văn viết trong lúc buồn chán*, mà dịch giả tiếng Pháp đầu tiên phát biểu là “một mớ tạp nhạp những nhận xét, giai thoại và châm ngôn chẳng đâu vào đâu viết bừa lên giấy trong thời gian năm hay mười năm”. Hành động mau lẹ thì chỉ có thắng. Tuy đáng đời thật, nhưng tôi không còn muốn bị thiên hạ nói thẳng vào mặt: “Ông là một kẻ rất dễ dàng đổ trách nhiệm về việc mình không còn viết được cho người khác” nữa.

Tôi đã có ba chương câu chuyện mà nhân vật là bà mẹ rồi, tuy bà mới chỉ được đề cập đến một cách sơ bộ thôi. Nhưng tôi đã nghĩ đến trang in tên sách rồi. Người ta có in “Ba ngày ở nhà mẹ, tác giả: François Weyergraf” không hay lại trình bày một cách cổ điển, tên tôi và ở dưới là tên sách với cỡ chữ lớn hơn?

FRANÇOIS WEYERGRAF

Ba ngày ở nhà mẹ

Tiểu thuyết

CHƯƠNG I

Khởi hành lúc 14 giờ 24 phút

Khi lấy lại thẻ tín dụng từ máy bán hàng tự động tại nhà ga Lyon và nhận một vé khứ hồi đi Grenoble, một thành phố mà ông hầu như không biết rõ lắm, François Graffenberg không hề đoán được mình sẽ gặp chuyện gì ở đó. Đối với ông, Grenoble không gợi lên một kỷ niệm sâu sắc nào cả. Đó chỉ là thành phố quê hương của Stendhal, nhưng nhà văn đã bỏ ra đi từ rất sớm, từ lúc mới có mười sáu, và đến tuổi năm mươi ông vẫn còn viết: “Tôi rất ghét Grenoble.” Làm sao ông François ngờ được rằng hai tháng sau, vào cuối mùa hè, ông sẽ trở thành khách quen ở Nhà trọ Napoléon, quán Lão Béo – món khoai tây nấu với sữa, trứng và pho mát ở đó thì ngon không chê vào đâu được! – quán Berlioz và vài hiệu ăn Ý? Làm sao ông ngờ được rằng mình sẽ biết tất cả những hiệu sách ở Grenoble và phần lớn các nhà bán đồ cổ trong khu phố cũ, rằng ông sẽ tặng cho một thiếu phụ đáng tuổi con mình không chỉ có hoa và vòng cổ mà còn cả áo nịt và tất lưới mua tại Boutique Frisson và Atout charme nữa? Rằng ông sẽ đưa cô bé tới Lapin vert, một cửa hàng bán đồ dục giới mà khi rời khỏi đó, họ sẽ mang theo một lô viên geisha^[65] và dương vật giả? Rằng ông sẽ gặp cha cô bé, một tiến sĩ khoa học, kỹ sư về tập hợp các phương pháp thí nghiệm và nghiên cứu nguyên tử, một người còn trẻ hơn ông vài tuổi?

Tối hôm ấy, tại Trung tâm Quốc gia nghệ thuật hiện đại Grenoble, số 155 đường Berriat – tên người chủ ngôi nhà, nơi chàng trai Stendhal khiêu vũ suốt đêm trong hội carnaval chẳng? – ông sẽ đến dự buổi giới thiệu phòng triển lãm ảnh chụp của ông bạn lâu năm Lütfi Ozkök, một người Hy Lạp ở Istanbul, một ông già nhỏ bé, cường tráng hiểu khách và cởi mở, có học thức, đến bây giờ vẫn chưa hiểu mình được sinh ra vào cuối triều đại vị vua Thổ Nhĩ Kỳ cuối cùng hay thời kỳ đầu của nước Cộng hòa mà Mustafa Kemal làm tổng thống. Lần nào nói tếu rằng mình sắp đến tuổi “gần tám mươi”, ông Lütfi Ozkök cũng bật cười khanh khách. Ông đã cưới Anne-Marie, một người Thụy Điển mà ông gặp năm 1949 tại vườn Luxembourg.

Hồi đó, cả hai đều đến Paris để theo học một khóa về văn minh Pháp ở trường đại học Sorbonne. Sau đó, ông đã sang Thụy Điển sống với vợ. Ông sáng tác thơ, đồng thời dịch tác phẩm của các thi nhân Thụy Điển sang tiếng Thổ, nhưng nhà xuất bản nào ở Istanbul cũng một mực yêu cầu chân dung tác giả cho nên ông phải tự mình mày mò học cách chụp hình, và thế là ông trở thành nhiếp ảnh gia. Ông chỉ nhận chụp cho các nhà văn thôi. Khi tạp chí *Life* muốn xin chân dung mới nhất của Samuel Beckett, người vừa được giải Nobel, Beckett đã trả lời họ như sau: “Có một người Thổ Nhĩ Kỳ ở Stockholm đấy, ông ta đã có sẵn những bức ảnh chụp tôi rất nét.” Ông François đã đưa những giai thoại ấy vào lời tựa mà ông viết cho cuốn danh mục triển lãm.

Ông đã định về ngay hôm sau buổi dạ hội, nhưng vẫn cứ nhét độ chục cuốn sách vào chiếc túi du lịch được thiết kế cho người ham thích trò chơi trượt ván có bánh xe thì hợp hơn. Ông còn mang theo cả một cặp bìa đựng những trang đầu cuốn tiểu thuyết sắp tới để tranh thủ chữa vào ban đêm, trong phòng khách sạn.

Ông chỉ nhớ mang máng, thành phố Grenoble là nơi mà ông đã nghỉ lại một đêm cùng với bà Daphné trong một khách sạn đối diện nhà ga, khoảng mười năm trước. Kế hoạch của họ là buổi sáng hôm sau đáp xe lửa đi thăm mẹ ông François sống trong ngôi nhà ở Haute Provence. Hai người mới tới Grenoble, sau khi đã chung sống suốt tháng Bảy trong một căn hộ ở Lausanne mà người ta cho mượn. Một buổi sáng, họ lại lên tàu hỏa đi Blonay, Yverdon hoặc Morges, họ rủ nhau đi ngắm hết cảnh này đến cảnh khác, và cuối ngày, trên đường về, nếu còn đủ sức, họ lại đi bộ một đoạn dọc theo hồ Léman. Những ngày cảm thấy mệt mỏi, họ đáp tàu thủy hơi nước ở bến Lausanna-Ouchy đi Vevey hoặc Montreux. Sau bữa trưa, họ đọc sách và chuyện trò cho đến chiều dưới bóng mát cây dù, trên sân thượng một khách sạn nhìn ra hồ Léman hoặc bơi thuyền trên hồ Neuchâtel, Yverdon ở Estavayer-lac rồi lại quay về nơi xuất phát. Buổi tối, trước khi về căn hộ, họ mua một chai rượu vang trắng hảo hạng của Thụy Sĩ. Mỗi người uống một cốc, rồi họ làm tình, và sau đó thì làm nốt chai rượu.

14 giờ 24 phút, tàu hỏa đi Grenoble mới chuyển bánh, nhưng ông muốn đến sớm một chút để được hưởng cái thú ngồi trước một tách cà-phê expresso đúp, ngả người thoải mái trên một chiếc ghế bành bọc da cũ kỹ mà ông vẫn thích từ nhiều năm nay tại quán *Train Bleu*, một trong những nơi vẫn giữ được khung cảnh sang trọng nhất ở Paris, ngay cả khi diện tích dành cho quầy rượu đã bị thu hẹp. Nhưng ông không sao tìm lại được cái bàn thấp gần khung kính cao rộng mênh mông cuối dãy, nếu đi vào qua cửa xoay thì là bên trái, phía trong cùng quán, “bàn của ông” hồi xa xưa, khi ông bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên và thường đến *Big Ben Bar* (trong nhà ga thì đó là một cách đặt tên kỳ cục, và vừa nghe người ta đã nghĩ ngay đến Địa Trung Hải) để ghi chép lặt vặt và đọc báo nước ngoài vào lúc sớm tinh sương, trước khi về ngủ, trong khi từng đoàn tàu rời Florence và Venise tới hôm trước đang lần lượt vào ga. Ba mươi năm trước, ông đã ghi vào sổ tay câu này: “Không những chỉ các đoàn tàu đêm mà cả các nữ hành khách nhan sắc mỹ miều, những cô nàng mặt mũi sáng ngời, được một đêm một mối và say đắm vì tình trong toa nằm giữa Venezia-Santa-Lucia và Paris-Ga Lyon làm cho đẹp rạng rỡ hẳn lên.”

Ông sắp sáu mươi rồi, và từ lâu đã thôi không buồn ghi chép về những người đàn bà gặp gỡ tình cờ trong các quán rượu nữa. Trong bao nhiêu năm rông. Ông đã viết kín không biết bao nhiêu sổ tay để tả tóc tai, khuôn mặt, váy áo khoét ngực sâu nông, cử chỉ duyên dáng, lấy có là để sử dụng cho việc viết lách sau này, nhưng lần nào đọc lại, ông cũng chỉ thấy thất vọng ê chề. Chưa xem lại những điều ghi chép ấy thì ông còn tin tưởng là chúng có ích, nhưng cứ mỗi khi ông muốn tìm ở đó một chút cảm hứng là lập tức lại có cảm giác như bị dội một gáo nước lạnh. Chúng không bao giờ làm sống lại cảm giác rung động đã từng dạt dào trong lòng ông và đối tượng khơi gợi lên cảm giác rung động ấy thì lại càng không làm được: một người đàn bà còn sống trên đời mà ông tưởng lầm trong chốc lát ngắn ngủi là mình đã kéo ra khỏi cảnh bị lãng quên. Vả lại, phần ghi chép cuối cùng của ông chỉ liên quan đến những gì xảy ra ở bệnh viện, những vụ tự tử, những đám tang. Cái mà ông thiếu chỉ là lòng can đảm đưa những ghi chép ấy vào tác phẩm.

Ông đã từng mời rất nhiều đàn bà tới quán *Train Bleu*. Như Louise chẳng hạn, đáng lẽ phải ăn tối thì cô ta lại rủ ông vào một trong những khách sạn quanh khu vực nhà ga và còn giục rồi rít: “Khách sạn nào cũng được, khách sạn đầu tiên chúng ta gặp ấy!” Cô ta biết tính ông lắm: cô mà

để ông lựa chọn thì ông sẽ ngập ngừng đắn đo suốt một tiếng đồng hồ ngoài đường, không sao quyết định được nên vào khách sạn nào. Ông mê cô ta từ lâu, thế mà mãi mới dám ngỏ lời: “Bao giờ thì em chịu làm người tình của tôi?” Hai người đã qua đêm đầu tiên tại khách sạn Washington Opéra ở phố Richelieu, không xa nhà cô ta lắm. Trong lúc mới được ông vuốt ve đến phần mông, Louise đã tranh thủ gọi điện cho cô gái trông trẻ thuê để hỏi xem hai cậu bé đã ngủ chưa, đồ chúng có khô không. Sớm tinh mơ hôm sau – cô ta phải về trước khi các con thức dậy - vừa mặc váy, cô ta vừa nói: “Có lẽ đêm qua là một dấu dẫn nhịp rồi.” Một đêm dẫn nhịp! Cứ nói thẳng ra là dấu chấm hết cho xong. Nhưng “dấu dẫn nhịp” cũng có thể hiểu là “thành công rực rỡ”, một ý nghĩa mà ông François cho là có giá trị hơn nhiều. Hai người chỉ ngủ với nhau độ chục lần, và lúc này ngồi trước tách cà-phê espresso đúp đang nguội dần, ông cảm thấy lạ là sao mình lại nhớ rõ cái thân hình đàn bà ấy đến thế, thân hình mà mình được nhìn ngắm rất ít nhưng có lẽ mê mẩn rất nhiều.

Ông còn đủ thời gian gọi một cốc rượu trước khi tàu chạy không? Từ khi người ta phát hiện tỷ lệ men chuyển hóa a-min trong máu của ông cao một cách bất thường, ông không dám động đến một giọt whisky nào nữa. Bác sĩ lấy làm lạ: “Ông dùng chất gây nghiện phải không? Ông chưa bao giờ dùng ông tiêm đã qua sử dụng đấy chứ?” Chất gây nghiện thì ông François chỉ dùng có thuốc an thần thôi. Valium liều cao hoặc méprobamate cộng chlorpromazine và cộng gì nữa thì chỉ có trời mới biết được thôi, nhưng cách đây đã lâu rồi. Ông đáp: “Thưa bác sĩ, chất ma túy mà tôi thích thú nhất chỉ có tác phẩm *Thiên đường giả tạo* thôi!” Ông có khả năng phân biệt các loại whiskey vùng Kentucky thơm mùi va-ni và vùng Tennessee được lọc qua than củi gỗ thích, nhưng chịu không biết gì về sự khác nhau giữa cây gai dầu và marijuana, giữa moóc-phin và he-rô-in. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, ông đã cai hẳn rượu, thay vào đó ông uống rất nhiều sinh tố rau và trà, không biết bao nhiêu lít mà kể. Ông sụt đi được vài cân, nhưng bù lại ông đã trở thành một tay rất sành về các loại trà xanh Trung Hoa, các loại trà búp và lá trà cuộn hoặc xoắn. Trà Đông Đỉnh Ô Long và Trân Châu là hai loại ông ưa thích nhất. Để động viên cha, hai cô con gái ông, Chloé và Sieglinde, đã mua tặng ông hai ấm trà đỏ tía và một bộ ống điều cổ bằng sứ màu trắng phon phốt xanh da trời rất đẹp.

Nhưng một cuộc xét nghiệm mới vừa cho thấy tỷ lệ men chuyển hóa amin đã giảm xuống bình thường, ông François đã vội cắt biến bộ âm chén quý giá ấy đi, đồng thời từ bỏ luôn cả trà xanh và trở lại với thói quen dùng rượu vang, vừa uống vừa dẫn một câu nói của John Huston lúc cuối đời: “Tôi chỉ tiếc một điều, đáng lẽ nên uống rượu vang thì tôi lại đi uống whisky.” Một câu thật hợp ý ông François.

“John Huston mà đã nói thế thì...”, Daphné giễu cợt.

Ông François ngồi lún sâu trong chiếc ghế bành bọc da sòn cũ, và khi anh hầu bàn bung đồ uống mà ông gọi đến, một cốc Laphroaig 10 năm tuổi, ông liền uống cạn một hơi để tưởng nhớ đến John Huston, đạo diễn *Fat City*, một phim được thu bằng cát-xét mà ông rất hay xem lại. Ông còn nghĩ đến Susan Tyrrell, vai Oma cô đóng trong *Fat City* rất tuyệt. Vị mạch nha nguyên chất trong rượu thể nào ấy, ông không thích chút nào cả. Bây giờ mà gọi một cốc rượu vang thì quá muộn rồi, giờ khởi hành sắp tới và ông chưa kiểm tra xem tuyến đường sắt TGV đi Grenoble có đỗ ở tầng dưới ngay trước hiệu ăn không, hay ông lại phải đi xuyên qua nhà ga và chạy vào cầu hành lang trang trí toàn tranh tường nhưng đã bị các ô cửa bán vé và quán hàng làm xấu đi rất nhiều. Ông không thể lỡ chuyến này được. Ba giờ nữa mới có chuyến tiếp, và Lütfi đã hẹn ra ga đón ông. Ông tưởng như đang nghe thấy giọng nói của Lütfi: “Ông bạn François của tôi đây rồi! *Ey, dostum!* Cuối cùng thì ông cũng đã đến! *Ne var ne yok?* ^[66]. Ông ta có ra ga cùng với người tổ chức cuộc triển lãm, cô Juliette Chavioz, không nhỉ? Nghe qua điện thoại thì thấy giọng cô ta khá êm tai.

Ông vừa ngồi yên chỗ trong toa của mình, một toa hầu như không có người, thì người ta thông báo đóng cửa vào sân ga. Được đi như thế này, ông cảm thấy rất sung sướng, từ nhiều tháng nay ông đã không rời khỏi Paris, đêm nào ông cũng phải vò vố một mình trước bàn làm việc, phần lớn thời gian bị mối hoài nghi và những cơn ức chế hành hạ khổ sở, không nói chuyện với ai cả. Làm bạn với ông chỉ có tiếng người trong máy ghi âm. Đêm nào cũng chỉ có nhạc sĩ nhạc jazz Nat King Cole và các tu sĩ thiền tông ở ngôi chùa Nhật Bản Myoshin-ji! Cả nhà thông thái Jasraj ^[67], ca sĩ Oum Kalsoum, nàng Isolde và nhạc kịch la Tosca nữa. Cả Portia Nelson, Irene Kral, Felicia Sanders, Julie Wilson, Jeri Southern nữa, toàn nữ ca sĩ

mà ông biết trong *Đêm sâu kín*, một cuốn sách nói về các hộp đêm ở New York mà tác giả đề “tặng cha mẹ tôi, hai người chưa bao giờ đặt chân đến một hộp đêm nào”. Khi đã chán tiếng người, ông lại nghe piano.

CHƯƠNG II

Một Đêm và Nghìn Đêm

Ông Lütffi ra ga Grenoble đón tôi và tỏ ý tiếc bà Daphné không đến. Ông ta đã mang một bó hoa ra định tặng Daphné, nhưng cuối cùng lại là Juliette Chavoz được hưởng, Juliette ngồi chờ họ trong xe của cô, giữa một rừng xe đậu theo hai hàng nối đuôi nhau san sát. Khi trông thấy cô ta, ông François cảm thấy hơi cụt hứng một chút. Ông mong chờ điều gì cơ chứ?

Mong chờ được gặp một Playmate^[68] ư? Được ngôi sao điện ảnh Demi Moore trang điểm thật đẹp và xúc nước hoa thơm phức chỉ vì mục đích đón ông ô-m-hôn-ư? Ba người về đến *Kho* – cái tên nghe có vẻ “nghệ thuật khiêm tốn” của một xưởng máy từ nay được dành cho nghệ thuật hiện đại-, nơi ông François có nhiệm vụ giới thiệu Lütffi Ozkök với công chúng bằng câu mở đầu sau đây: “Đây là người đã dịch Arthur Rimbaud sang tiếng Thổ khi mới mười lăm tuổi.”

Sau buổi tiếp là một bữa tiệc tại Château de la Commanderie, khách sạn ba sao mà Juliette ca ngợi là khá “classy”^[69] và cũng chính là nơi người ta đặt phòng cho khách mời, có vườn rộng bao quanh, cách Grenoble mười phút đi xe. Ông François thích một khách sạn ở trung tâm thành phố hơn. Ông muốn bất cứ lúc nào cũng có thể rời phòng để đi loanh quanh ngoài phố, ngay cả khi tủ kính cửa hàng cửa hiệu đã tắt hết đèn đóm, tối một chút nhưng ông lại thấy thú vị hơn vườn cây cỏ thụ thuộc một khách sạn ba sao.

Trước khi gặp lại các vị khách khác ở tiệm ăn, ông tranh thủ lên phòng đặt tập bản thảo viết tay ở một vị trí dễ thấy, ngay trên mặt một chiếc bàn trống, khác xa với chiếc ở nhà lúc nào cũng chất đống lộn xộn khiến ông không còn biết đâu mà lần. Ông quyết tâm ăn tối xong là lên làm việc ngay. Ông còn nán lại gọi vài ba cú điện thoại. Daphné thì đang chuẩn bị đi xem phim với một bà bạn và hẹn ông gọi lại sau nửa đêm. Mẹ ông thì nói cho

ông nghe, ngày xưa, cách đây khoảng sáu mươi năm, bà đã thi tú tài ở Grenoble. Đúng là ông biết không nhiều lắm về cuộc đời bà. Còn ở nhà các con gái ông thì như thường lệ điện thoại vẫn bận liên tục.

Khi xuống tiệm ăn, ông đã khắp khởi mừng thầm tưởng mình sẽ may mắn vớ được ghế đối diện với Juliette Chavoz – trong quá trình diễn ra buổi tiếp, cô ta đã dần dần chiếm được vị trí của Demi Moore trong lòng ông – nhưng một lúc sau ông mới vỡ lẽ, chính cô ta đã lập danh sách khách mời từng bàn. Viên quản lý đến gần hỏi ông gọi món gì, ông chỉ Juliette: “Tôi sẽ dùng món theo như quý cô đây.” Đó là phản xạ của kẻ chuyên quyền rũ đàn bà con gái. Ông biết rõ câu trả lời như vậy nhất định gây được ấn tượng Juliette chủ động gọi ông bằng tên riêng, theo phong cách Mỹ. Phải chăng cô ta cảm thấy tên riêng là gót chân Achille của ông? Mỗi khi có một người đàn bà gọi ông là “François”, ông lại thấy mình bồi hồi, ông lại trở nên dễ mềm lòng. Ngồi trước mặt cô ta, ông mới có dịp ngắm kỹ, tóc đen nhánh cắt ngắn, chải xuôi xuống thành mấy món rủ trước trán, kể ra cô ta cũng khá xinh, đâu đến nỗi nào, Juliette rất hay chuyện, ba năm vừa rồi cô đã sống ở Hoa Kỳ, cô đã trải qua mấy đợt tập sự tại các viện bảo tàng ở Milwaukee, Colorado, Illinois, cô vừa về Grenoble hồi tháng Mười hai năm ngoái. Hồi ở Boston, cô đã có dịp tham gia một cuộc triển lãm ảnh thời trang những năm sáu mươi. Ông François thì khỏe, ông biết khá rõ một vài nhà nhiếp ảnh thời đó và một lô người mẫu của họ, đám này thì ông còn biết rõ hơn. Cuối bữa ăn, khi các vị khách khác đứng lên, Juliette ngó ý muốn đưa ông đi ngắm cảnh Grenoble by night.

Cô ta dẫn ông tới một bar mà cô ta là khách thường xuyên. Ông gọi một chai *Một đêm và nghìn đêm*, một loại rượu vang có ta-nanh và độ nồng khá cao sản xuất tại Saint-Chinian mà ông đã uống thử ở Paris. Vừa thử tính nhằm xem một nghìn đêm là bao nhiêu tháng, ông vừa nghĩ bụng không biết “một đêm” mà ông được sống lúc này sẽ kết thúc ra sao. Một nghìn đêm với Juliette có lẽ là đòi hỏi quá đáng, nhưng một thì tại sao lại không, ngay tại đây, ngay bây giờ?

Hồi ở Colorado, Juliette đã sống chung với một tay đầu bếp Pháp thích nghĩ ra hết món này đến món khác cho cô, và trước khi đi làm ở quán ăn, anh ta còn nấu những bữa tối rất đặc biệt cho cô thưởng thức. “Em thích đàn ông nấu nướng cho mình ăn lắm. Ông François, ông có thích nấu nướng

không?” Ông đáp, nói về việc bếp núc thì khả năng của ông chỉ giới hạn ở mức biết chọn hiệu ăn. Ông còn nói thêm rằng, để bù cho điểm yếu kém ấy ông lại đi chợ rất thạo:

- Cô biết ảnh chụp ớt ngọt của nghệ sĩ Edward Weston chứ?

- Vâng, tất nhiên là em biết bộ ảnh Peppers nổi tiếng hồi những năm ba mươi.

- Các bạn của Weston nhận xét, những quả ớt ngọt ấy trông có vẻ gợi dục lắm, trong khi ông cứ nhất định giữ nguyên ý kiến rằng những bức ảnh ấy là tất cả những gì trừu tượng nhất.

- Em thì lại thấy chúng còn gợi dục hơn cả các bức ảnh khỏa thân của ông ta.

- Khi mua ớt ngọt, tôi chỉ chọn toàn những quả đẹp nhất, chắc nhất, như thể chúng sẽ là mẫu tĩnh vật cho Weston chụp. Tôi nghĩ rằng, càng có văn hóa, người ta càng hứng thú khi đi mua đồ. Tôi chọn lựa khoai tây để tỏ lòng tôn kính Van Gogh^[70], rau xà lách để nhớ đến một câu mà Rabelais đã viết: “Thượng đế không tạo ra mùa chay mà là rau xà lách.” Tôi nghĩ đến Diogène tặng vả cho Platon^[71], đến La Rochefoucauld^[72] gửi một số câu Châm ngôn chưa xuất bản cho một bà bạn, nhưng không vì thế mà ông thấy mình đáng được ăn món canh cà rốt. Mỗi lần không kiếm được nắm củ theo yêu cầu của bà bạn, ông ta lại gửi tặng một vài câu Châm ngôn để thay thế và còn xin lỗi vì châm ngôn không có giá trị bằng nắm củ. Chúng ta mà còn có dịp gặp lại nhau, tôi sẽ đọc cho em nghe những lá thư là La Rochefoucauld viết cho người đàn bà đó, Nữ Hầu tước de Sablé.

François Graffenberg mà ra tay tán thì phải biết!

- Ông cũng đọc Châm ngôn cho em nghe chứ? Ông François, ông có viết tặng em không?

Thời tương lai vừa được đưa vào câu chuyện một cách ý nhị. Dấu hiệu tốt đấy nhưng thời tương lai lại không có thật, hay nói đúng hơn là thời

tương lai có điều kiện mà điều kiện lại không được đặt ra rõ ràng. Trong những điều kiện nào – hay với những điều kiện nào – ông sẽ viết tặng cô ta?

- Juliette thân mến, đó là một mong muốn mà việc thực hiện không được chắc chắn cho lắm, cô xem Bescherelle^[73] thì sẽ rõ.

Quán bar đã đến giờ đóng cửa mà hai người lại chưa muốn chia tay nhau chút nào. Juliette sức nhớ đến một nơi mà cô nàng lui tới trước khi sang Hoa Kỳ. Họ sánh vai nhau đi trên những đường phố vắng tanh trong hai mươi phút rồi đến một cánh cửa rèm sắt có dán tấm áp phích nhái theo mẫu của nghệ sĩ Keith Haring. Ông đánh bạo nắm lấy cánh tay Juliette. Cô ta cứ để mặc như hai người đi bên nhau, khoác tay nhau là chuyện bình thường. Thời tiết tháng Sáu rất dễ chịu. Ông François không nói gì cả, ông biết là sự im lặng giữa một người đàn ông và một người đàn bà mới quen nhau tạo ra một sự thỏa thuận ngầm kêu gọi hơn cả lời nói. Ông nhất định kiên nhẫn chờ cho đến khi cô ta cất tiếng nói trước: “Ông đang nghĩ gì thế?”

Hai người vừa đi qua một khách sạn thuộc loại tàng tàng. Sang trọng hay tiện nghi, miễn là có một phòng trống. Ngay từ lúc ở hiệu ăn, chỉ mới nhìn Juliette và tưởng tượng cô ta đang thủ dâm cho mình, ông đã ngứa tay ngứa chân lắm rồi. Trong buổi tiếp tân, ông đã để ý đến một cô gái đứng ngắm bức ảnh chụp chân dung nhà văn Nhật Kawabata. Cô bé mặc quần soóc ngắn cũn cỡn đến mức không thể ngắn hơn được nữa, và chắc giờ này đã có một người khác chứ không phải ông đã lột ra rồi. Ông chưa kịp lại gần bắt chuyện, cô ta đã đi mất. Giả sử như bây giờ Juliette bất chợt nảy ra sáng kiến đẩy ông vào một vòm công và chơi trò liếm mút, ông có nghĩ đến cô bé mà xuất tinh được không?

- Ông François, ông đang nghĩ gì thế?

- Tôi đang nghĩ (ông vẫn nắm tay cô ta), nếu cô và tôi yêu nhau thì cuộc dạo chơi của chúng ta sẽ vui thú hơn nhiều.

Juliette rủ ông đến một câu lạc bộ nghe đĩa và nhảy cho đến hết đêm.

- Ô không, tôi làm sao nghe được tiếng cô nói chuyện nữa!

- Thế thì ông đi với em, em có một ý này hay lắm.

Cô ta giục ông rảo bước. Hai người vượt qua một cây cầu, đi dọc theo kè sông và dừng lại trước tòa nhà mà cô ta vừa chuyển đến. Juliette bảo ông chờ dưới đường, cô chỉ lên đó trong chốc lát. Bạn trai cô rất hay ghen – thế ra cô nàng sống chung với một người! -, chắc chắn anh ta sẽ không vui nếu giữa đêm cô đưa một người đàn ông lạ về nhà. Ông tự nhủ: “Nếu chưa ngủ, thế nào hắn cũng xuống tổng cho mình một quả vào giữa mặt.” Cẩn thận vẫn hơn, ông bèn lảng ra xa độ vài mét. Một chiếc taxi vừa đến gần và đi chậm lại xem có đón được khách không, đáng lẽ ông nên gọi nó lại, ông nên về khách sạn và bắt tay vào việc còn hơn đêm hôm khuya khoắt cứ đứng lóng nhóng ở đây như một thằng ngốc để chờ một người đàn bà hai mươi chín mà nếu có tí chút khôn ngoan thì chắc cô ta sẽ không xuống nữa. Ông can dự vào cuộc đời cô ta làm gì nhỉ? Ông không để cô ta yên được sao? Cô ta đã kể cho ông nghe một phần tuổi thơ của mình, chỉ còn thiếu vài năm gần đây thôi. Phải nhẫn nại nghe chuyện thời thơ ấu của một người đàn bà mà mình chỉ nhằm nghe muốn đề ra là một thủ tục bắt buộc để vượt qua cửa ải, theo nghĩa “ai cũng phải trải qua cả”. Đúng là phải vất vả qua sông thì mới đến bên được.

Ông François sốt ruột lắm rồi. Ông đã quên khuấy mất không gọi điện lại cho bà Daphné và còn sai hẹn với Lütfi nữa. Lát nữa, Lütfi sẽ phải ủng công chờ ông trên sân thượng trước bể bơi để ăn sáng cùng. Với lại, ông còn có một cuốn sách phải viết tiếp nữa. Trong cuộc triển lãm, chân dung một số đồng nghiệp treo lên tường đã làm ông nhớ đến cảnh Ngày Phán quyết cuối cùng của Chúa. Tất cả các nhà văn đó đều viết nhiều hơn ông, và họ nhìn theo ông với ánh mắt chê trách, ý muốn nói thẳng vào mặt: “Tại sao anh bạn lại rời khỏi bàn làm việc? Tại sao anh bạn lại mất thời giờ viết mãi đề tựa thế? Anh bạn làm cái quái gì ở đây thế? Đừng lồi thối với cô ta nữa.”

Juliette đã xuống đường, cầm theo một chai sâm banh và hai cái cốc cao. Lúc này, đứng từ xa ngắm Juliette tiến về phía mình, ông mới nhận thấy cô ta đẹp. Ông thích thú mỗi khi cô ta nói nhỏ nhẻ với mình. Cô ta có cặp mông tròn trịa chắc nịch vừa khít với chiếc quần bò cắt may rất khéo.

Còn vú cô ta thì thế nào nhỉ? Ông François ước ao được vuốt ve chúng, được ngọam lọt thỏm vào miệng lần lượt từng bên.

Juliette dẫn ông tới căn hộ cô ta vừa dọn đồ nhưng chưa trả lại chìa khóa. Điện đã bị cắt. Ngồi xếp ngay dưới sàn, trong ánh sáng mờ nhạt mà cây đèn đường hắt vào, họ cùng nhau uống sâm banh đã mất hết hơi lạnh. Lúc rạng đông, họ mới ngừng chuyện trò để nghe lũ chim chóc quen đây sớm hót líu lo. Ông François mệt bã cả người. Ông đã nhủ thầm, đừng hy vọng nữa, chắc chẳng có chuyện gì xảy ra giữa cô ta và mình đâu. Đây một bụng thịt rượu vang đỏ vớ vẩn và sâm banh dở ẹc ấy rồi mà... Ông đã định đứng dậy và xin phép cáo lui trước thì vào khoảng sáu giờ sáng Juliette Chavoz hai tháng sau sẽ phát biểu: “Em tiếc là đã gặp ông”, bỗng lên tiếng hỏi ông một câu, giọng lửng lơ như không: “Ông có lấy em không?”

Đáng lẽ phải bật cười và nhảy bổ vào cô ta, đáng lẽ phải bỏ chạy, ông lại buột miệng đáp: “Về mặt pháp lý, việc này không phải là không thể được vì tôi đã ly hôn từ lâu rồi.” Ông đã bám riết cô ta suốt cả buổi tối mà trong thâm tâm không tin là mình sẽ thành công, chẳng qua chỉ là phản xạ thôi. Cô ta cũng không chịu bỏ lỡ cơ hội mỗi chài ông, và bây giờ thì hai người đã đến giai đoạn nói chuyện cưới xin rồi! Ông ngạc nhiên quá đến nỗi tự nhiên xiu lơ nhũn nhũn. Trước mặt cô ta, ông cảm thấy sức lực mình cạn kiệt hơn cả những lúc ngồi trước chiếc máy chữ ở nhà cho đến khi cô ra tháo nịt vú và đến nằm đè lên người ông. Cô ta không cho phép ông cởi hộ quần bò. Đã lâu lắm rồi, ông không được làm tình, và lúc này, ngực trần, áo vét và sơ-mi vo tròn lẫn lóc ở đâu đó – ông chỉ mang có mỗi một bộ và buổi trưa sẽ được phông vắn trên truyền hình địa phương – hai người lẫn lóc trên sàn từ đầu đến cuối phòng, và quắp lấy nhau. Ông đã bị kích thích rất mạnh không kìm được nữa. Chợt Juliette bật dậy, ông đã tưởng cô ta muốn cởi hết mọi thứ trên người, nhưng khi thấy cô ta lao vào buồng tắm, ông mới hiểu ra, hiện tượng mà ông cứ ngỡ là cơn co cứng khoái cảm thực chất chỉ là cách cố gắng nhịn trong mấy phút vừa rồi để không nôn ọe ngay tại chỗ. Cô ta quay ra, mặt mũi biến dạng, bơ phờ, tái mét, nhưng vẫn còn đủ sức để mỉm cười và nói đùa một câu: “Thế là xong một thiên điểm tình!”

Hai người mặc lại quần áo rồi xuống một quán vừa mở cửa uống liền mấy tách cà phê. Cô ta thấy người mình nhóp nhép và muốn về nhà.

Cuối buổi chiều, sau khi đã phát cáu vì mất bao nhiêu thời gian mới tìm được một nơi bán thẻ điện thoại, ông vào một ca-bin công cộng gọi cho Juliette. Cô kể cho ông nghe cô đang cãi nhau với anh bạn trai và có lẽ hai người sẽ phải cắt đứt quan hệ. Anh chàng giận phát điên và không chấp nhận cho cô đi cả đêm đến bảy giờ sáng mới mò về nhà. Anh ta còn đánh cô nữa. Anh ta đã thức suốt đêm nhắn tin cho cô vào điện thoại di động, mà bình thường cô không bao giờ tắt máy cả. Cô đã cố thanh minh là cô không ngủ với ai hết nhưng vô ích, anh ta không tin cô. Anh ta không thể chấp nhận để cho cô đi suốt đêm với một người đàn ông khác. Lại thêm một tình tiết tăng nặng tội nữa, mặt mũi và cổ cô đỏ ửng vì bị ông François hôn tới tấp. “Lần sau, ông làm ơn cạo râu nhẵn nhụi hơn một chút cho em nhờ!” Cô ta muốn gặp lại ông và bắt ông phải hứa mua máy điện thoại di động, cô ta không muốn gọi đến nhà ông mà lại vợ phải bà Daphné.

CHƯƠNG III

“Những chuyện lằng nhằng điên rồ của ông”

Vừa đặt mình ngồi xuống ghế trên tàu – toa 11, chỗ biệt lập, dành riêng cho người hút thuốc -, ông mới nhận thấy mình kiệt sức đến mức nào và tiếc là mình đã không bảo taxi dừng lại trước một khách sạn gần ga, khách sạn Alpes hay Termunus chẳng hạn, bất cứ đâu cũng được. Ông sẽ để nguyên cả quần áo mà nằm ngang giường đánh một giấc, không đủ sức cả nhắc điện thoại gọi một cuộc lần mở túi du lịch lấy hộp bàn chải răng và dao cạo râu. Ông đã bắt công đi cả một chặng đường dài để gặp ông bạn Lütfti, thế mà cuối cùng có gặp ông ta mấy đâu, lại còn phải quay về trong tình trạng mệt rũ rời nữa. Mất toi hai, ba ngày làm việc. Người khác thì sẽ coi trọng công việc hơn tình bạn, còn ông thì không, nhưng đó có phải là tình bạn thật không? Ông có rời Paris không, nếu trong quá trình chuẩn bị danh mục triển lãm Juliette Chavoz không gọi điện thoại trao đổi với ông, khiến ông nổi hứng muốn biết mặt cô ta?

Tàu đã đi xa Grenoble. Khi giờ mấy tờ báo ra xem, ông chợt liếc qua cửa sổ và nhìn thấy một khối núi đồ sộ mà hai lớp kính phản chiếu ánh sáng đèn trong toa khiến ông không sao quan sát được thoải mái. Đây là tỉnh Savoie hay vùng Piémont? Ông ngạc nhiên vì không thấy tuyết vĩnh cửu. “Tất cả chúng tôi, những người leo lên đến đỉnh Everest, đã có nhiều kỷ niệm không bao giờ phai mờ”, John Hunt^[74] đã trả lời như vậy khi nhận được thư cậu bé François chúc mừng về thành tích chinh phục đỉnh núi Everest. Suốt cả một tuần, cậu bé chỉ ăn uống “như những người chiến thắng đỉnh Everest trong lều bạt”, cậu tuyên bố như vậy, tức là sữa đặc đóng hộp, mơ sấy và bánh lương khô Yến mạch Quaker, khiến cho mẹ cậu lo lắng. Kèm theo lá thư của ngài John Hunt là một vài tấm ảnh chụp trên độ cao sáu nghìn mét so với căn cứ tiền trạm. Cậu bé François đã gắn tất cả bằng đinh rập lên tường phòng riêng.

Ông đã quên lá thư ấy từ nhiều năm nay. Ông nghi ngờ cô vợ cũ Isabella đã giấu biệt vào tài liệu lưu trữ riêng của mình cùng với mọi giấy tờ và sách vở khác thuộc về ông. Ông nói thế nào, bà cũng không chịu trả lại. Họ ly hôn đã lâu, và bây giờ việc đặt vấn đề tranh cãi hay kiện cáo không còn hiệu lực nữa. Từ tuổi lên mười đến mười tám, ông đã viết thư cho tất cả những người mà ông ngưỡng mộ, và hầu hết họ đều phúc đáp, nhóm tác giả bộ sưu tập “Dấu hiệu vòng đua” và bộ sưu tập “Khoa học ngày nay”, các vận động viên đua xe đạp, nghệ sĩ dương cầm mà ông nghe qua đài phát thanh, nhà bác học, nhà thơ, diễn viên. Ông không bao giờ vứt một lá thư nào đi cả. Đâu rồi, thư của Ngài Edmund Hillary, của vị thủ lĩnh hướng dẫn viên leo núi Norgay Tenzing, của Charly Gaul, của Kűbler, của Koblet, của Graham Greene, của Raymond Queneau, thị trưởng thành phố Florence, của Giorgio La Pira, chính khách đầu tiên gây cho ông ấn tượng sâu sắc? Còn lá thư của Jean Renoir? Còn lá thư của Vladimir Horowitz, nhạc sĩ mà ông ngưỡng mộ bởi vì người ta đã đặt biệt danh cho ông là Quỷ Xa-tăng chơi đàn piano, một nhân tài trăm uất mà một năm sau mới trả lời ông trên giấy chép nhạc bằng cách ghi lại vài khuôn nhịp của Chopin? Còn bức tranh chính tay Hergé vẽ lạc đâu mất rồi? Cả ảnh chân dung có đề tặng của Sydney Bechet và Gary Cooper^[75] nữa?

Lá thư của John Hunt được đánh máy với nhiều lỗi kỹ thuật, chứng tỏ ông tự gõ lấy chứ không phải đọc cho một cô thư ký. Ngài John Hunt có đích thân trả lời hàng nghìn lá thư không hay ông chỉ chú ý đến lá của cậu bé François, và ông thấy cậu xứng đáng được phúc đáp theo đường bưu điện, đặc biệt còn gửi kèm theo cả một số ảnh nữa? Ông François rất tiếc là đã để thất lạc lá thư của John Hunt, nhưng ông cũng tiếc không kém vì đã không giữ được bản nháp lá thư của mình. Tại sao ông lại viết thư cho nhóm chinh phục đỉnh Everest? Để góp phần vào những cố gắng của họ mặc dù việc đã xong rồi chẳng? Để thoát khỏi ảnh hưởng của gia đình mình chẳng? Để được nhận thư chẳng?

Đoàn tàu chạy băng băng dọc theo vách đá dựng đứng và những quả đồi cao phủ rừng cây bạt ngàn mà ông François vừa ngắm chúng lướt qua vừa tưởng tượng những con suối uốn lượn, những dòng thác đổ ào ào, những

khe núi hiểm trở nằm sâu trong đó. Giá mà được nằm duỗi dài thoải mái trong bãi lau sậy bên bờ một hồ nhỏ lọt thỏm trong núi hay một dòng suối chảy xiết thì ông sẽ dễ chịu biết bao! Một hồ nước sâu và lạnh, một dòng thác reo vang mà đáy lởn nhón sỏi đá. Trong làn nước, trong vất, ông sẽ nhìn thấy cá bơi lội, cá chép vẩy bạc, cá gì đó là lạ mà lưng màu xanh lục thẫm, lại có cả cá chó mà ông sẽ nhầm là cá hồi sông nữa, hay ngược lại, nhưng ở một vùng đã bị nhượng bán cho ngành du lịch thì làm gì còn hồ nào yên tĩnh, không có quầy cho thuê thuyền xe đạp, không có cầu trượt nước? Làm gì còn những đoàn tàu êm ru, không có tiếng lép bép của máy walkman, không có doanh nhân bám chặt vào điện thoại di động, bắt mọi người phải khỏ tai nghe chi tiết kế hoạch làm việc trong tuần của họ?

Vừa chiêm một điều trong cái toa tàu sặc mùi hôi lưu cữu của thuốc lá, ông vừa tưởng tượng mình đang ở trên đó, vươn vai thoải mái và căng lồng ngực hít thật sâu bầu không khí trong lành ở đỉnh núi. Ông mơ mộng quá đi mất! Vàng dương trang điểm cho những ngọn núi nhấp nhô xa xa một lớp phấn đủ mọi sắc màu, ông tự nhủ, nơi đó các kẽ nứt và nạn tuyết lở sẽ làm cho ông rất dễ gặp hiểm nguy, nhưng dù sao thì cũng chưa thấm vào đâu so với lúc ông ngồi trước máy chữ. Ông ghé sát vào cửa kính và nhìn thấy một hình ảnh in chồng nhiều lớp mờ mờ ảo ảo, lửng lơ giữa một cảnh toàn bụi rậm, một khuôn mặt tái mét và nhẵn nhúm, chính khuôn mặt của mình, với cái trán rất dễ nhận ra, vừa cao vừa hói, mí mắt sưng húp và cái miệng với cặp môi mỏng dính. Ông muốn nói với bóng mình trong kính: “Tớ có thể làm gì để giúp cậu được?” Tự nhiên ông lại thấy mình có cảm tình với khuôn mặt ghé sát gần ấy. Ông đã có dịp bắt gặp bóng dáng mình hàng nghìn lần trong tủ kính bày hàng hay gương soi, và ngay cả khi chưa nhận ra đó là mình, ông đã cảm thấy một mối thiện cảm bột phát trong lòng đối với người lạ đó. Tuy ông có khá nhiều vấn đề rắc rối – “con mà không có vấn đề rắc rối gì thì con đâu còn là con nữa”, mới đây mẹ ông đã nói với ông như vậy, nhưng ông lại không hề có đối với sơ đồ cơ thể mình, một từ ngữ mà ông ghét cay ghét đắng từ khi một bác sĩ phẫu thuật, ngay trước mặt ông, đã nói xằng với một người đàn bà vừa phàn nàn là vết sẹo dài rộng ở chân làm mình mất dáng: “Bà hãy học cách chịu đựng sơ đồ cơ thể của mình đi!”

Trong sân ga, ông vô tình nhặt trên quầy báo một lô tờ quảng cáo do tỉnh Isère phát hành, vì thế ông mới biết là ở đó người ta nuôi đà điểu

(www.dadieau.net). Không biết sắp tới từng đàn đà điểu có tràn ngập mọi khu thể thao mùa đông không, có làm tắc nghẽn mọi đường đua trước khi xâm chiếm tất cả các toa cáp treo để áp trứng không? Đà điểu trượt tuyết sẽ hấp dẫn khách du lịch: sau khi lượn xuôi theo móc đẹp mắt không chệ vào đâu được, chúng sẽ nuốt chửng máy ảnh của khán giả. Ông François nảy ra ý tưởng so sánh bộ não của mình với dạ dày đà điểu, chúng phải nuốt bất cứ thứ gì, sỏi đá hay kim loại, để tiêu hoá thức ăn dễ dàng hơn. Còn ông, bộ não đòi hỏi những thông tin đa dạng, gây bất an và dễ mất đi để tiêu hoá được cái thế giới thật khó tiêu hiện nay.

Tỉnh Isère đưa về nuôi không chỉ có đà điểu mà còn cả hai mươi bảy giống chuồn chuồn cùng tồn tại bên bờ cùng một khu đầm than bùn mà hoa lan chồi lên khỏi mặt nước khá tốt tươi. Ngày nay, người ta không dùng từ “đầm” nữa mà là “khoảng trống tự nhiên mà môi trường dễ bị ảnh hưởng”. Người ta không bảo trẻ con trèo lên cây nữa, người ta gọi là trò chơi leo bám cành. Một cuốn sách mỏng giới thiệu các viện bảo tàng trong vùng thì nhiều hơn cả số chuồn chuồn và đà điểu cộng lại. Khi lên đường tới Grenoble, ông François đã có ý định rủ ông bạn Lütfi đi thăm viện bảo tàng Stendhal, nhưng ông không đoán trước được mình sẽ thức trắng một đêm với một thiếu phụ mà ông đã lớn tiếng tuyên bố, không chút đắn đo: “Từ nay trở đi, trong mắt tôi, thành phố quê hương của Stendhal sẽ là thành phố quê hương của Juliette Chavoz.” Viện bảo tàng Stendhal nằm ở phố Hector-

Berlioz, một địa điểm không xứng với tiếng tăm của ông lắm vì Berlioz [76] thuộc lớp đàn em sau ông những hai mươi năm, thậm chí còn xa hơn nữa. Ít ra thì ở Grenoble cũng phải có một phố thật đẹp mang tên Stendhal chứ? Ông François có khoảng hai mươi bản in khác nhau của tác phẩm *Tu viện Parme* – ông đã tặng hai bản quý hiếm nhất đóng kiều thời bấy giờ cho các con gái. Ông đọc *Tu viện Parme* lần đầu tiên trên sân thượng ngôi nhà của gia đình ở xứ Provence, đúng giữa mùa hè, ngòi tựa lưng vào bức tường thấp bằng đá âm ảm nắng mặt trời, ngay trước ngày lên đường đi học ở Viện nghiên cứu điện ảnh cao cấp. “Tôi bị đuổi ngay từ đầu học kỳ thứ ba, người ta viện cớ tôi đã quay một bộ phim ngắn trong kỳ nghỉ Phục sinh và sinh viên không được quyền hoạt động nghề nghiệp trước khi ra trường”, ông kể cho Juliette nghe khi cô thắc mắc tại sao ông lại thôi không làm phim nữa – cô đã đọc tiểu sử tóm tắt của ông trong danh mục giới thiệu triển lãm của Lütfi, tiểu sử mà y như một tờ phiếu trong hồ sơ của cảnh sát:

“Sinh năm 1942 tại Saint-Jean-de-Luz, từng đạo diễn vở opera *Salomé* của Richard Strauss tại London, dựng năm phim và xuất bản mười tiểu thuyết.”

Theo như các tờ phụ trương gấp, khắp tỉnh Isère đâu đâu cũng nhan nhản tường để chơi trò leo trèo, sân trượt băng, sân ten-nít có mái che, bể bơi đạt tiêu chuẩn thể vận hội. Ngôi làng nhỏ nhất cũng tổ chức lễ khai trương cho người lần đầu nhảy dù từ trên đỉnh dốc xuống, những cuộc đi chơi xa gọi tắt là “rando”, những cuộc hành trình ban đêm bằng VTT [77] với đèn pin đeo trên trán, những kỳ nghỉ cuối tuần mang tên “Khám phá sinh hoạt của người chăn mục súc” mà chỗ trú là bãi chăn thả trên núi cao: “Sau một kỳ nghỉ cuối tuần như vậy, sinh hoạt của người chăn mục súc không còn gì bí ẩn đối với bạn nữa.” A, đúng là điều ông cần đây! Sống trong bầu không khí mát lành ở các bãi chăn thả, làm bạn với lũ dê cừu. Đêm đêm, khi cả đàn gia súc đã ngủ, ông sẽ viết dưới ánh nến. Không ai đến quấy rầy ông, khách của ông sẽ chỉ là lũ đại bàng và sơn dương. Và đến cuối tuần, Juliette Chavoz hoặc người đẹp mặc quần soóc cực ngắn, trang bị dây thừng và cuộc chim, sẽ leo lên núi để ông đỡ cô đơn. Và rồi một ngày nào đó, ông sẽ lạng lẽ rời khỏi bãi chăn thả, ông sẽ biến mất trên độ cao hơn ba nghìn mét, trong dãy Vanoise trùng trùng điệp điệp, nơi ông sẽ tìm được cội Bảo Vân Sơn của mình. Thở ra hết không khí lưu cữu trong phổi, rồi hít một luồng mới trong lành vào, ông sẽ sống trong một hang đá và tự làm lấy mực viết bằng cách trộn muối khoáng với mật ong. Ông sẽ viết sách với bút lông làm bằng tóc trẻ sơ sinh, bằng râu hùm, và cuối cùng thì bằng lông mi của mình.

Khi một nhà hiền triết đạo Lão mỗi một trăm năm xuống trần hai lần sắp tiết lộ cho ông biết bí mật của sự lưu danh muôn thuở thì nhân viên kiểm soát đến đề nghị ông cho xem vé, ông đang móc túi trong áo vét lấy ra thì bỗng cảm thấy đau nhói ở cánh tay, hậu quả của cuộc vật lộn hăng hái trên sàn nhà đêm hôm trước. Khi về soi gương trong buồng tắm khách sạn, ông đã phát hiện ra mình còn bị sây sát ở khuỷu tay và bầm tím ở lưng. Bây giờ vấn đề là ở chỗ, ông không được để ngực trần lượn lờ trước mắt bà Daphné. Ông sẽ bịa chuyện gì được nhỉ? Bịa là mình tình cờ lạc vào giữa một đám cầu thủ bóng bầu dục hăng máu chăng?

Tàu sắp đến thành phố Lyon. Ông có thể cắt mấy tờ quảng cáo đi được rồi. Còn lâu ông mới có dịp trở lại tỉnh Isère. Chính tại Lyon, thời trung cổ, hội nghị giám mục toàn thế giới đã quyết định danh sách bảy thánh lễ. Bắt đầu từ lễ đặt tên thánh cho đến lễ cưới, ông François đã được nhận gần đủ rồi. Và lễ xức dầu cuối cùng đang chờ đến lượt mình, lúc mà cái chết càng ngày càng thúc bách – năm mươi năm sau, ông vẫn còn nghe văng vẳng tiếng ông giáo giảng Kinh Thánh, Cha Dumont, người đã trở thành bậc thầy về nghệ thuật làm cho cả lớp khiếp vía: *cái chết giuuuục giããã và deèèè nặặặng...* Chắc là ông đã mệt mỏi lắm cho nên những giáo lý khô khan của đạo Thiên Chúa bám chặt lắm, ám ảnh lắm, cậu không vứt bỏ được như một chiếc áo cũ đâu”, Bác sĩ Zschamack đã cảnh báo khi chàng thanh niên François đến khám để bắt đầu một đợt điều trị phân tích tâm lý hồi đầu những năm sáu mươi. Zschamack đã kiên nhẫn chờ mấy tháng mới hỏi cậu một câu: “Hay là cậu nói cho tôi nghe về bà cụ thân sinh đi?” Có lẽ ông ta đã phải nghe chi tiết những chuyện ăn nằm lang chạ của bệnh nhân đến phát chán không thể chịu nổi nữa. François chỉ trả lời ngắn gọn: “Mẹ tôi cư xử rất đúng mực”, nhưng câu này không đáp ứng được yêu cầu của nhà phân tích tâm lý: “Ngoài cách cư xử đúng mực ra, bà còn có những đức tính nào nữa?” François giữ im lặng cho đến hết buổi điều trị.

Tựa hồ như ông đang tháo một cuộn băng video, kỷ niệm trong quá khứ lần lượt hiện về nối tiếp nhau theo chiều ngược thời gian với tốc độ mà nếu đem so sánh thì giống như tàu tốc hành TGV biến thành tàu chợ chạy rì rì và ngoằn ngoèo. Khuôn mặt cô Kim, một nghệ sĩ vi-ô-lông-xen người Úc sang Nhật Bản làm một tua trình diễn, hiện ra thay thế hình ảnh mẹ ông. Tình cờ cô ta và ông lại thuê phòng trong cùng một khách sạn ở Osaka và ông cứ đứng từ xa ngắm người đàn bà trẻ tuyệt mỹ cao một mét tám mươi sáu bước qua sảnh mà không nhìn một ai. Cô mặc một chiếc áo khoác chần sợi vàng làm nổi bật chiếc hộp vi-ô-lông-xen màu đen lấp lánh trông y như xe hàng dành cho khách dùng ở siêu thị do một người Nhật không cao hơn cây đàn là mấy đẩy đi bên cạnh. Cô đã vào khuất trong thang máy, ông vẫn còn tiếc rẻ: “Mình sẵn sàng chấp nhận mọi thứ để được ngủ với cô ta một lần.” Cũng trong ngày hôm đó nhưng đã gần đến nửa đêm, ông vừa định rời khỏi quán bar trên tầng ba mươi khách sạn Royal thì run rủi thế nào mà cô ta lại xuất hiện ở cửa, lần này chỉ mặc váy và áo len dệt giản dị, phấn son đã tẩy sạch, lẻ loi một mình, nét mặt mệt mỏi. Kết quả là hôm sau, ông

đổi vé máy bay để đi cùng cô ta đến những địa điểm trình diễn tiếp theo. Nàng Kim của ông, mái tóc dài màu hung đỏ mà cô uốn xoắn bằng cuộn lô trước các buổi hoà nhạc, tình yêu đối với âm nhạc Pháp, cây đàn vi-ô-lông-xen bao giờ cũng chiếm riêng một trong hai chiếc giường giống nhau như hệt trong phòng ngủ, một cây đàn do chính nghệ nhân Bergonzi làm mà ông bà cô, hai nhà chăn nuôi cừu mê-ri-nốt, mua tặng... Ông François nhớ lại

cảnh mình ngồi trong “*Green Car*”^[78] từ Osaka tới Tokyo cùng với cô ta. Suốt ba tiếng đồng hồ trong cuộc hành trình, nhân viên phục vụ liên tục bung rượu sakê nóng đến tận chỗ ngồi mời họ. Vừa nhấm nháp, Kim vừa hát khe khẽ vào tai ông bài *You and the Night and the Music*. Hồi đó, ông vẫn còn là đạo diễn điện ảnh, và ông đang định làm phim tài liệu về cô ta. Một năm sau, ông đáp tàu đêm đi Munich. Buổi tối hôm đó, cô Kim trình diễn một bản concerto của Schumann, và sáng sớm hôm sau họ lại có dịp gặp nhau trong một phòng khách sạn. Đúng lúc ông sắp đi được vào trong Kim thì cô ta báo cho ông biết cô ta đang mang thai. Thế là ông lập tức

mềm nhũn. Cô trách ông *emotional*^[79] quá. “Nếu người ta cũng giải thoát được cho mình khỏi những kỷ niệm khó chịu một cách dễ dàng như mỗi thứ Hai mang phim video thuê để xem trong kỳ nghỉ cuối tuần đi trả thì...”, ông thầm nhủ. Tuổi tác của ông lộ rõ chính ở điểm này. Ông là một trong số những người đầu tiên mua máy ghi hình từ, thế mà đến bây giờ vẫn chưa có đầu từ đọc DVD. Sách ông mà xuất bản, nhất định ông phải đến một cửa hàng thuộc hệ thống Fnac hoặc hãng Darty kiếm một cái mới được. Tất cả những việc mà ông biết thừa là mình sẽ không làm sau khi sách của ông được xuất bản! Chẳng hạn như ông sẽ thu dọn phòng làm việc để lắp đặt một máy chèo thuyền và mỗi sáng sẽ tập thể dục một giờ, ông sẽ cai thuốc, ông sẽ về thăm mẹ sau bao nhiêu tháng chỉ bằng lòng với việc gọi điện hỏi thăm và ông sẽ đưa bà đi du lịch ở Venise, nơi bà đã nhiều lần được ông chồng – nhà phê bình điện ảnh như François, người con trai được cha truyền cho lòng say mê – đưa đến dự liên hoan phim, ông sẽ lên đường khám phá Trung Mỹ và Nam Mỹ, hoặc ông sẽ sang Trung Hoa, thế thì thú vị hơn nhiều, ông sẽ thăm lại các thành phố châu Âu mà ông ưa thích, Lisbonne, Praha, Dresde, Thessalonique, ông cũng sẽ gặp lại bạn bè – lâu nay họ không dám gọi điện cho ông vì ngại làm phiền -, ông sẽ nghe tất cả những bản xô-nát dành cho piano của Haydn với bản đàn bè có sẵn trong tay, ông sẽ tạo một trang Internet để cung cấp thông tin, có thể thì thông tin về phim và sách của ông mới có thể chính xác được, ông sẽ tậu một ngôi

nhà ở vùng đồng quê để được viết thật nhiều sách mà ông còn muốn viết trong khung cảnh yên tĩnh, và cuối cùng, để cho kết thúc có hậu, ông sẽ cưới bà Daphné, nhưng bà Daphné lại không muốn cưới, và thật ra thì cả ông cũng vậy, rằng đêm vừa qua ông đã không giật mình và nhảy dựng lên khi một nàng Lọ Lem ở Grenoble tưởng nhầm ông là Hoàng tử đẹp trai.

“Ông có lấy em không?” Juliette hỏi người đàn ông mà cô ta chỉ quen biết mới có mấy giờ trước. Đó là lần đầu tiên trong đời người ta hỏi ông một câu như vậy – một mẫu câu hỏi thẳng tuột khá hay. Khi đã ngồi trong tàu rồi, khi đã quá muộn rồi, ông mới nhớ đến chuyện nàng tiên Mélusine hứa hẹn giàu sang phú quý và hạnh phúc muôn đời với một hiệp sĩ mà nàng vừa mới gặp, nhưng lại ra điều kiện: “Chàng phải lấy em trước đã!” Đáng lẽ đêm qua ông phải trả lời Juliette Chavoz: “Cô tưởng mình là nàng tiên Mélusine chắc?” thì ông lại ấp úng là mình đã ly hôn.

- Ông có lấy em không?

Ông mà đáp là không thì chắc gì cô ta đã cho ông ôm hôn. Lấy em ư, cô em thân mến, tại sao lại không, miễn là bây giờ chúng ta ngủ với nhau ngay! Ông đâu có ngờ rằng một tháng sau cô ta sẽ đẩy ông đến Toà Thị chính thành phố Grenoble để tìm một văn phòng, nơi một viên chức sẽ nói cho họ hay thủ tục kết hôn theo pháp luật.

Tối nay, bà Daphné đã hẹn cả hai con gái, Chloé là tổ trưởng tổ dựng phim và Sieglinde là diễn viên hài kịch, về nhà ăn một bữa với cha mẹ vì hôm sau Chloé sẽ đi Montréal dựng những hồi đầu của một tác phẩm điện ảnh do thành phố Quebec và Pháp hợp tác sản xuất trên phần mềm Avid – một công nghệ mà ông mù tịt, ông vẫn chỉ biết có mỗi bản xử lý phim Moritane của Pháp thôi. Còn Sieglinde thì sẽ ở lại Paris suốt mùa hè để tập những tác phẩm chọn lọc của Strindberg cho kịp mùa công diễn cuối tháng Chín ở Montpellier. Quả là ông già ghét đàn bà Strindberg ấy vẫn tiếp tục hấp dẫn được các cô diễn viên kịch trẻ trung.

Ông François thì lại thích mở một hộp cá xac-đin trong bếp và đứng ngay trước bồn rửa chén đĩa ăn bốc cho nhanh gọn. Một bữa tiệc với khăn trải bàn và đĩa chén thì hình như vượt quá sức chịu đựng của ông nhưng gặp hai con gái thì ông sẽ phấn chấn lên.

Ông tìm cặp hồ sơ bọc các-tông mà ông đã dùng bút dạ đỏ viết hoa đầu đề cuốn tiểu thuyết của mình, *Ba ngày ở nhà mẹ*, giữa các cuốn sách trong túi cầm tay – Northop Frye, Edmund Husserl, Emmanuel Kant, ông không bao giờ đi du lịch với bất cứ một kẻ vô danh tiểu tốt nào cả -, rồi bấm cho lưng ghế dựng thẳng lên. Ông rút một cái bút Pilot Hi-Tecpoint V5 mực đen từ trong túi ra – ông bao giờ cũng mua cả hộp mười chiếc - đặt lên chiếc bàn xếp trước mặt, giãn dây chun ở cặp hồ sơ và lật trang bìa, thế là trước mắt ông là khoảng năm mươi trang đánh máy lem nhem chỗ sửa viết bằng tay và chỉ chít nét gạch xóa mà vừa nhìn thấy, chắc một thợ in sẽ lắc đầu lè lưỡi và một nhà tâm lý học sẽ bị cuốn hút. Toàn những trang giấy mà các nghệ sĩ như Beuys hay Cy Twombly^[80] sẽ coi là xứng đáng với mình. Thà ông cứ cho đóng khung và đem bán còn hơn lúc nào cũng vẫn muốn sửa tiếp.

Sau trang đề tên cuốn tiểu thuyết, ông đã chép lại một số câu đề ghi ở đầu sách hoặc đầu chương. Ông rất thích thú câu “*Người điên giống như một con khỉ hung dữ.*” (Swami Sivananda^[81]) và “*Cá bơi trong nôi*”, một thành ngữ Trung Hoa mà độc giả Pháp rất dễ nhầm với “sung sướng như cá gặp nước” trong khi nghĩa của nó lại là rơi vào một hoàn cảnh tuyệt vọng. Còn có lời dẫn của một người Đức ở thế kỷ XIV, đích thị miệng Thầy Eckhart^[82] nói ra: “*Người ta có phạm một nghìn lỗi lầm cũng không nên hối hận và mong ước mình chưa phạm gì cả*”, một câu làm người ta vững lòng nhưng ngay sau đó đã bị Jean XXII, vị giáo hoàng thứ hai ở Avignon, lên án với lời lẽ như sau: “Chúng tôi vô cùng đau đớn tuyên bố, một người Đức tên là Eckhart đã tỏ ra ham hiểu biết quá mức cần thiết.” Ông François đang có những câu ghi chép ấy ngay trước mắt.

Người kể chuyện trong cuốn tiểu thuyết của ông tên là Weyerstein, François Weyerstein. Ông cho nhân vật này làm nhà văn như mình. *Ba ngày ở nhà mẹ* sẽ kể về những chuyện xảy ra và nỗi gian truân của Weyerstein,

người đàn ông tự nhiên lại cảm thấy rất hoang mang vào đúng ngày sinh nhật lần thứ năm mươi của mình nên đã dùng một cái huỷ bỏ tất cả các cuộc hẹn và quyết định về nhà mẹ vài ngày để xả hơi và điềm lại tình hình. Chờ cho bà mẹ ngủ say, Weyerstein mới bắt đầu đi lang thang trong nhà, ông lò mò suốt đêm, ông mở toàn bộ tủ lớn tủ bé, lục lọi ngăn kéo toàn bộ com-mốt, rồi khi xuống tầng hầm thì ông tìm thấy chiếc đài ga-len cũ của mình, bộ đồ chơi Meccano của mình, và đủ mọi thứ linh tinh khác mua dần dần từ năm này sang năm khác tại các cửa hàng bán đồ cũ trong vùng mà ông không bao giờ mang theo lên Paris.

“Nhân vật của ông mà lò mò suốt đêm trong nhà thì ông nên đặt tên cuốn truyện là *Ba ngày ở nhà mẹ*”, tối hôm trước Juliette đã gợi ý với ông như vậy. Ai mà đại dốt đem dự định của mình ra kể cho người khác nghe thì thể nào họ cũng tưởng họ có ý tưởng hay hơn mình cho mà xem. Ông François dự định kể chủ yếu về ngôi nhà chứ không phải về mẹ mình, ngôi nhà mà cha mẹ ông đã cùng nhau tu sửa từ khi mới dọn vào ở cho đến một buổi gần trưa mùa đông, khi trái tim cha ông ngừng đập, người ông mà hai cháu nội Chloé và Sieglinde hầu như không được biết. Hai cô bé không còn nhớ cả việc chúng đã từng giúp ông nội dọn phá bụi rậm trong vườn lẫn việc chúng đã chạy lại nép vào vòng tay ông khi trông thấy lũ bọ cạp và nhện bò lổm ngổm.

Đêm đầu tiên ở nhà mẹ, ông Weyerstein tìm lại được những lá thư tình ô vàng mà ông đã để quên tận đáy một chiếc hộp bìa dưới tầng hầm. Ông quyết định đốt hết – một việc mà không đời nào François Graffenberg chịu làm cả. Ông bèn chụm một ít cành nhỏ để nhóm lửa trong lò sưởi, thậm mong ống khói đã được cạo sạch. Tập thư cháy chậm quá, ông phải xé vụn ra. Và mặc dù không muốn, ông vẫn đọc được một vài mẫu câu sắp biến mất mãi mãi nhưng trước kia đã từng làm trái tim ông rung động. Ông lấy một nồi nước đổ vào đồng tro rồi đi một mạch xuống cuối vườn, bước đến đâu lại soi đèn pin đến đấy vào thân mấy cây tổng quán sủ bóng loáng và cây hạnh già đã chết khô mà hồi còn nhỏ ông vẫn hay mang cung tên leo trèo lên. Ông đặt mình nằm xuống bãi cỏ gần con suối khô cạn ngăn cách khu vườn của mẹ ông với một cánh đồng húng tây thuộc về chính quyền xã,

trong lòng lâng lâng niềm vui khi cảm thấy hơi ấm vẫn bốc lên từ lòng đất. Ban ngày hôm ấy thật ấm áp và nắng ráo, và buổi chiều, sân thượng nóng hơn ba mươi độ. Ông chợt nhìn thấy một ngôi sao đôi ngôi, hay đó chỉ là một vệ tinh nhân tạo? Ông cố nhớ tên các chòm sao và căng mắt nhìn xem có nhận ra không, chòm Tiểu mã, Thiên Long, Hải Đồn. Ông mơ màng nghĩ đến năm ánh sáng, tinh vân, lỗ đen, thiên hà. Ông nhìn đắm đắm vào một ngôi sao mờ mờ, hầu như khó thấy bằng mắt thường nhưng có thể lớn hơn mặt trời khoảng tám trăm lần. Nằm hoàn toàn bất động, ông thả lỏng người theo vòng quay của trái đất. Ông nghĩ đến hàng tỷ người mà đêm tối và các vì sao đã làm vơi bớt mọi nỗi khổ đau buồn phiền, tất cả những kẻ phải đeo rìu trong đá lửa và đá vỏ chai, tất cả những kẻ phải ở trong lều lán, tất cả những cặp tình nhân sống ở thời tiền sử biết rằng mọi hành tinh đều ngăm nhìn họ, và cả các thợ săn, thủy thủ, mục đồng du cư... dân quê, nhà địa lý học Bồ Đào Nha, nhà thiên văn học A-rập, thi sĩ, họa sĩ nữa. Ông nhất định không chịu nhắm mắt. Ông muốn mắt mình phản chiếu cả bầu trời. Ông cởi hết quần áo ra. Trên người không còn mảnh vải, ông lặn trên thảm cỏ vẫn còn giữ được chút hơi ấm ban ngày, rồi ông nằm im và tự nhủ mình chỉ là một khối vật chất nhỏ li ti. Cơ thể ông không tồn tại nữa. Ông trở thành một thiên thể. Ông lấp lánh như một vàng mặt trời lùn tít cách cuộc sống của chính mình hàng bao nhiêu năm ánh sáng. Ung dung tự tại và được giải toả khỏi mọi vướng mắc và trói buộc, ông sáp hoà mình vào thiên nhiên, vào đám lá tầm xuân màu tía xung quanh mình, vào những chòm sao, nơi ông sẽ đi qua mà không ai thấy, vào hơi nóng của trái đất. Ông đang quên hết những gì mình hiểu biết. Ông không còn kỷ niệm nữa.

Trạng thái ngây ngất là một mục tiêu mà người ta luôn luôn nhằm tới, còn khoảnh khắc khoái cảm cực độ chỉ là một sự lặp lại chập chờn và nhạt nhẽo của trạng thái ấy mà thôi, ông, François Graffenberg nghĩ thầm khi đọc lại những câu ghi chép của mình về nghĩa từ “ekstasis” trong tiếng Hy Lạp. Để tả trạng thái ngây ngất mê li của nhân vật Weyerstein lúc ở ngoài vườn, ông định dựa vào một kinh nghiệm có thực mà ông từng trải qua tại Eihei-ji, một ngôi đền thiên tông ông đã lưu lại một đêm, khi chuyến du lịch lần đầu đến Nhật Bản tháng Năm năm 1970 của ông sắp kết thúc, nơi cuộc đời ông bắt đầu thay đổi nhờ một vị cao tăng hóm hỉnh mà ông không thông dịch nổi tên – đó là một phòng tham thiền nhập định chứ có phải là nơi người ta trao đổi danh thiếp đâu. Đầu tiên, nhà sư mời ông nằm xuống một cái chiếu rơm, và vừa giậm chân lên lưng ông vừa nói cho ông rõ, bằng một

thứ tiếng Anh có lẽ là học được từ thời quân Mỹ chiếm đóng, rằng xem binh tình này thì ông có vẻ không được khoẻ lắm và trong một thời gian quá ngắn ngủi như vậy thì khó có thể giúp ông được. Thấy ông François có vẻ không vui, vị cao tăng nọ liền bảo ông ngồi quay mặt vào tường, hai chân cố gắng gập gọn lại như ngồi trên toà sen, bàn chân bên này kẹp vào khoeo bên kia. “Ông cố giữ cho cột sống thẳng đứng như vách đá vực thẳm nhé”, nhà sư vừa nhắc nhở vừa ôm ngang lưng ông, buộc ông phải chống đầu gối xuống đất, rút cằm, hõm khung chậu. Ông bắt đầu ngồi thiền, mắt khép hờ, cố gắng không nghĩ ngợi gì. Ông mà cử động, dù chỉ là một chiếc lông mi, ông mà nghĩ đến bất cứ chuyện lông bông nào, nhà sư sẽ nhận thấy ngay và ông sẽ phải nhận một vài cái quạt bằng kyosaku khá mạnh. Biết được sự tồn tại của chiếc gậy ấy trong sách vở là một chuyện, bị hai hay ba cú trời giáng vào cả hai bên vai lại là chuyện khác, đau thì có đau thật nhưng được cái sẵn chắc da.

Ông François Graffenberg đang giữ được tư thế đứng như nhà sư hướng dẫn một lúc khá lâu thì bỗng nhiên, trong một vài giây, ông tưởng rằng mình đã hiểu thấu được những gì mà các thầy thiền tông chỉ dạy, rằng sự trống vắng vơi vơi là sự đủ đầy ấm áp, rằng người ta nhìn thấy phương Bắc rõ hơn nếu quay mình về phương Nam. Tất cả những gì mà từ xưa tới nay ông coi là quan trọng như việc viết lách, quay phim chụp ảnh, yêu đương, đi du lịch và cả làm tình lúc này không còn ý nghĩa gì đối với ông nữa. Ngay cả ý nghĩ ham muốn sắc dục cũng đã biến hẳn khỏi đầu óc ông. Tâm hồn ông trở nên trong trẻo và thanh thản. Ông có thể ngồi mãi, ngồi cả ngày lẫn đêm trước bức tường này chỉ ăn cảm hơi một chút cơm và không làm gì cả cho đến hết đời. Ông khát khao trở thành một trong số các vị sư kia, họ cứ ngồi thiền mãi rồi thì đến một lúc nào đó cũng có được cảm giác thoả mãn về tinh thần mãnh liệt hơn vì họ có thể chay tịnh, không cần phải phí sức tìm kiếm cảm giác thoả mãn về xác thịt nữa, nhưng rồi khuôn mặt xinh xắn của cô bán hàng mà ông đã tán mấy hôm trước trong một cửa hàng bán giấy bút ở Tokyo tự nhiên lại len lỏi vào ý nghĩ ông và chấm dứt trạng thái ngây ngất trong lòng ông. Cô ta đã hứa dẫn ông đến Viện Bảo tàng Giấy. Lại mất tập trung rồi! Vị cao tăng nhận thấy ngay hiện tượng này và nên cho ông hai gậy khá thẳng tay rồi bảo ông nằm ngửa, còn bản thân mình thì vẫn đứng im bên chân ông, hai tay bắt chéo, mắt không rời khỏi ông, tráng kiện, lưng lừng, trông như một tảng đá. Ông François lo lắng không biết tiếp theo chuyện gì sẽ diễn ra với mình. Gian bên cạnh, các nhà sư đang tụng kinh

trước bữa ăn, “*Kai-i-gu jo-bu-tsu-do...*”, ông nhận ra ngay vì đã nghe khá nhiều lần, đó là một mặt đĩa *The Way of Eihei-ji*, loại 33 vòng nhập khẩu mà năm 1960 ông tìm được tại Cado-Radio ở Bruxelles. Ông đã mời mọi người thưởng thức, cha mẹ, chị em, bạn bè, bà Isabella, bà Daphné, và sau này cả hai con gái ông nữa, khi chúng còn nhỏ. Mới lên bốn hay năm tuổi, Chloé, rồi sau đến lượt Sieglinde, đã trở thành hai thính giả rất thích thú những đĩa ấy, chúng luôn miệng đòi nghe các nhà sư hát như thể rặn ị. Hai đứa cũng thích tiếng gõ và thuộc hết, thuộc hơn cả tên Bảy Chú Lùn, đâu là tiếng chũm chọe, đâu là tiếng chuông và tiếng trống trong các nghi lễ Phật giáo: *naiko, hansho, hachi, o bon sho*, chúng phát âm khá chuẩn để bắt chước giọng nhà sư giới thiệu từng nhạc cụ trong đĩa hát. Khi đã sành điệu về âm nhạc Nhật Bản rồi, hai cô bé lại đam chán các nhà sư ở đền Eihei-ji để quay sang hâm mộ các ca sĩ bunraku ^[83], những người này còn rít to hơn ở đủ mọi mức độ, cao thấp, mạnh yếu.

Vị cao tăng bỗng hét lên một tiếng chói tai, đồng thời gập mình lại và vặn ngón chân cái bên trái của ông François một cái thật mạnh, khiến người ông bật lên mấy xăng-ti-mét rồi rơi phịch xuống cách chỗ cũ một chút. Ông François không làm sao thở được nữa, ngực ông nóng rất như bị bỏng, tay ông tím bầm và lạnh cóng. Ông tưởng mình sắp chết. Rồi đột nhiên, nỗi sợ hãi mà ông vừa cảm thấy chuyển sang tâm trạng khoan khoái. Thay vì phải từ bỏ những thú vui trần tục, ông lại thấy mình có thể đương đầu với chúng, chịu đựng được chúng, yêu thích hay chối bỏ chúng. Khi đứng dậy, ông chợt nhận ra một điều: từ nay mình sẽ không bao giờ cần uống thuốc an thần nữa. Vừa ra khỏi ngôi đền, ông đã ném ống Valium đi, thứ thuốc an thần mà mới sáng nay thôi, có các toàn bộ vàng trên thế giới ông cũng không bao giờ chịu rời ra cả. Chỉ cần có một nhà sư vặn ngón chân cái của ông một cái, thế là chào vĩnh viễn mọi thứ thuốc an thần! Tài tình hơn cả bác sĩ Zscharnack!

Trước khi để ông đi, nhà sư còn đắp cho ông mấy cái *moksha* ^[84]. Đầu tiên, nhà sư dùng đầu bút chì dò khắp người ông François tìm hai điểm đối xứng, và cây bút dừng lại dưới đầu gối ông một chút. Nhà sư đốt hai núm bông dày màu xám và áp mạnh vào hai vị trí vừa được xác định. Lập tức, ông thấy khắp lưng, rồi đến hai bả vai, dễ chịu hẳn. Ông được nhận thêm một cái túi con đựng thứ bông đã ngâm tẩm sẵn ấy, trông như một túi thom

đựng hoa oải hương khô. Nhà sư dặn, khi nào hết số bông ấy thì ông dùng que hương thay thế cũng được. Trờ về Paris, ông mới nhận thấy từ lâu người châu Âu đã biết dùng *moksha*, và nhà văn Tolstoi đã từng đề cập đến trong tiểu thuyết của mình. Trong từ điển thì người ta lại viết là “moxa” nhưng ông vẫn muốn giữ cách phát âm và cách viết của Nhật Bản. Ông sẽ đắp *moksha* trong vài tháng, nhưng tâm trạng lúc nào cũng nơm nớp chỉ lo mình làm tổn thương co duỗi ngón chân: chẳng phải nhà sư ấy đã phát hiện não bộ ông nằm trong ngón chân sao? Mỗi lần gi que hương nóng đỏ vào những vết thương đã mưng mủ, ông lại thấy phấn chấn hơn. Nếu ông có hện vào mười giờ sáng mà hôm trước lại không ngủ thì một vết bỏng ở mỗi bên chân sẽ thay thế được một đêm ngon giấc.

Bây giờ, một phần tư thế kỷ đã trôi qua, thế mà mỗi khi nhìn kỹ, ông vẫn tìm lại được hai vết sẹo nhỏ xíu ấy. Nếu mang theo hương trong túi du lịch, ông sẽ vào phòng vệ sinh trên tàu TGV làm *moksha* dưới đầu gối, và thế nào bà Daphné và hai đứa con gái cũng sẽ thấy ông xuống ga với vẻ mặt tươi rói. Bà Daphné có nghĩ đến việc chuẩn bị sẵn cho ông một bình rượu vang ngon không? Đáng lẽ ông phải dặn bà Daphné lấy một chai trong thùng rượu corton đỏ mà các chị em ông tặng nhân kỷ niệm ngày sinh lần thứ bốn mươi của ông mới phải, thậm thoạt đã qua bao nhiêu năm rồi – họ đã góp tiền mua thứ rượu vang quý được ủ trong hầm rất lâu ấy, kể ra thì cũng đáng đồng tiền thật nhưng đắt quá. Ông làm thế nào mà giữ được thùng rượu ấy lâu đến thế?

Một giờ nữa, tàu sẽ đến Paris. Ông muốn cuộc hành trình sẽ kéo dài hàng tuần, nếu cần thì hàng tháng cũng được, để ông viết cho xong cuốn *Ba ngày ở nhà mẹ*, tại đây, ngồi ở chiếc ghế cách biệt này, trong toa tàu hạng nhất này. Khi nào hết giấy, ông sẽ tiếp tục viết vào các trang trắng, sau đó thì vào lề những cuốn sách mà ông đã có sáng kiến mang theo. Ông châm một điếu thuốc. Sắp tới sẽ không còn toa dành cho người hút thuốc nữa. Và biết đâu đến một ngày nào đó, khi tái bản tiểu thuyết của thế kỷ XX, người ta phải chú thích cả những từ như điếu thuốc và gạt tàn mắt.

Trước tiên, ông phải đọc lại những gì mình đã viết. Ông phải tiến xa hơn trang đề tên sách và phần lời nói đầu, lời dẫn mà ông ghi riêng. Ông phải có gan lấy các trang khác ra khỏi cặp hồ sơ Exacompta. Tại sao ông lại cất giấu các trang sách và hy vọng của mình vào đồ dùng văn phòng? Ông có

những cặp hồ sơ kiểu cổ rất đẹp, sản xuất từ hồi những năm ba mươi, mà ông đã phát hiện khi lục lọi trong các kho dự trữ của cửa hàng giấy bồi Pietrobon ở Venise. Nhưng quan trọng nhất vẫn là bản thảo. Hôm qua, mẹ ông đã nói qua điện thoại là bà rất mừng vì lại sắp được đọc một tiểu thuyết mới của con trai.

Chương một. “Mẹ đã bao giờ ăn mặc thanh lịch hơn hôm dạ tiệc mừng đám cưới của tôi chưa, khi hai mẹ con nhảy van tại tư gia của cha mẹ vợ tôi, giữa phòng khách mà cửa sổ nào cũng trở sát mặt đất ra một khu vườn trên cao nhìn xuống thành phố Stuttgart ấy? Không những bà khiêu vũ điêu luyện hơn tôi nhiều mà còn dẫn tôi nữa. Chúng tôi lướt nhẹ trước những mặt gương, trong đó áo váy bà lấp lánh, nổi bật trên nền cây cảnh mà toàn bộ lá đều có vân trắng. Về sau này, cách đó rất lâu, tôi mới biết là bà đã bán một trong những chiếc nhẫn của mình đi để mua bộ váy áo ấy. Còn tôi thì phải đi thuê một bộ lễ phục và tôi vừa tròn hai mươi tuổi. Hai mẹ con lướt đi trên mặt sàn lát ván, giữa vòng trong vòng ngoài các cặp nhảy khác đã nhường chỗ cho chúng tôi. Chính sáng hôm đó, cha mẹ vợ tôi, một gia đình chủ nhà máy ở vùng Bude-Wurtemberg, đã tặng cho cặp vợ chồng mới cưới một chiếc xe thể thao mà một năm sau tôi đã làm hỏng khi đưa một cô khác chứ không phải con gái họ đi chơi. Ông bà nhấc tôi còn chỉ một số tiền khá lớn để mời các nhạc công thuộc Wiener Philharmoniker đến biểu diễn nữa. Sau bữa tiệc đó, họ đã trình diễn rất hăng say một chương trình hỗn hợp gồm nhiều điệu van thành Vienne mà các nhà soạn nhạc, rất lâu trước khi máy bay được sáng chế, đã tiên đoán được niềm hân hoan trước cảnh cất cánh và tình trạng nôn nao khi rơi vào lỗ trống trong không khí. Chúng tôi xoay tròn trong khung cảnh thể hiện rõ lối sống đế vương với gỗ sồi lát tường cao đến tận trần, ngậy ngất vì ly sâm banh chúng tôi vừa uống trong một phòng khách khác mà tường lại được bọc da có nếp gợn bằng vàng, mà nhiều chùm đèn pha lê chiếu sáng rực... tất cả những thứ mà vợ tôi vui mừng bỏ lại. Sau những nhịp cuối cùng của một điệu van được sáng tác tại Vienne chỉ để phục vụ cho đám cưới vương giả Nữ hoàng Sissi và sau đó không bao giờ được trình diễn lại nữa, các nhạc công nhất loạt kéo cây vĩ vài lần để tỏ ý tán thưởng Mẹ. Tôi bèn đứng xích ra và lùi cách bà mấy bước để được vỗ tay khen ngợi cùng với họ. Mẹ đứng một mình giữa phòng

khách rộng mênh mông tường lát gỗ ấy, duyên dáng, nét mặt ngời ngời hạnh phúc được là mẹ của con trai mình, đồng thời, trong chốc lát, được là nữ hoàng buổi dạ hội.”

Còn François Graffenberg cưới vợ lại không mặc lễ phục đuôi tôm mà là bộ quần áo dạ tiệc, một bộ smoking may đo tại hiệu Butch, phố l'Écuyer ở Bruxelles. Cô dâu Isabella, một cô gái Ý trẻ trung, xinh đẹp, mái tóc và cặp mắt đen nhánh như hạt huyền, nàng Isabella của cậu, không phải con gái một ông chủ nhà máy người Đức giàu có tầm thường mà là một ông chủ nhà máy ở thành phố Milan còn giàu có hơn gấp nhiều lần mà cô con gái độc nhất muốn trêu tức bằng cách nhất định đòi khoác tay một chàng trai diện smoking ra khỏi nhà thờ, trong khi cha cô dâu lại mặc áo ja-két đen và quần kẻ sọc rất nghiêm chỉnh, còn chiếc mũ cao thành thì cầm ở tay. Thời kỳ đầu thập kỷ sáu mươi, người ta không bao giờ đùa với lễ nghi. Bắt ép được một gia đình đại tư sản chịu để cho con rể mặc smoking đến đám cưới là cả một chuyện phi thường. Ông François còn giữ dáng người mảnh khảnh như thời hai mươi tuổi khá lâu cho nên vẫn sử dụng được bộ smoking ấy thêm nhiều năm nữa, kể cả sau khi đã ly hôn. Ở Venise, tối nào ông cũng mặc bộ ấy để đi dự liên hoan phim, ở Cannes cũng vậy. Trước khi một con nhậy kịp cắn ve áo bằng xa tanh màu xanh tối, bộ smoking ấy đã được một cô gái Na Uy có đầu óc hơi thần bí, có bộ ngực nở nang tên là Greta Ekeland vuốt ve. Cô thường vẽ biểu tượng âm dương phía trên mỗi lá thư mà mình viết và làm việc cho hãng Norsk Film – cô ta đã vận động để đưa bộ phim dài đầu tiên của ông vào chương trình *Film Club* ở Oslo, một phòng chiếu chứa được một trăm hai mươi ghế. Hai người gặp nhau trong một buổi dạ hội ở Paris, lúc kết thúc cuộc họp báo giới thiệu một bộ phim Pháp không có gì hấp dẫn, và họ đã uống nhiều đến nỗi sáng hôm sau thức dậy thấy mình nằm bên cô ta, ông ngăn cả người không hiểu thiếu nữ xinh đẹp trần như nhộng mà ngay cả tên tuổi ông cũng không biết là ai. Cả hai người đều không nhớ họ có làm tình với nhau hay không, thế là Greta bèn đề xuất: “Vậy chúng ta cứ làm ngay bây giờ đi, có thể mới nhớ được.” Chỉ cần nhìn thẳng vào mắt cô ta, ông đã cương cứng, mặc dù đang đau đầu như búa bổ.

Liisa Peltomaa, một nữ diễn viên Phần Lan mà ông đã cùng đi chơi cả một ngày đẹp nhất đời mình, lại nói với ông như thế này: “Tối nào anh cũng nên mặc smoking, trông tuyệt lắm.” Buổi tối cuối cùng ở liên hoan phim Venise, năm mà đạo diễn Ý Antonioni giành được giải Sư tử Vàng, hai người hẹn nhau tại quán Chizzolin ở gần bến tàu thủy Lido. Họ ngồi sát vào nhau, ôm hôn nhau trên một chiếc ghế xích đu ngoài sân thượng. Họ đã đáp chuyến tàu cuối cùng đến quảng trường Saint-Marc và đi tìm một phòng khách sạn. Đang là đầu tháng Chín, lại là thời gian liên hoan phim hai năm một lần cho nên khách sạn nào cũng hết sạch phòng. Còn ở khách sạn Lido, cả hai người đều có phòng, nhưng phòng Liisa thì một cô bạn đang ngủ nhờ, còn phòng ông thì lại có Isabella, cô vợ trẻ đã đường đường là bà François Graffenberg đang lo lắng hoặc đang hốt hoảng không biết anh chồng mới cưới biến đi đâu mất. Nếu có người nói với Isabella rằng, ba mươi năm sau chồng cô sẽ thử tả lại cái đêm yêu đương vụng trộm ấy để đưa vào một cuốn tiểu thuyết thì chắc cô sẽ ngạc nhiên lắm.

Ông François Graffenberg đã phác những nét chính về đêm hôm đó kín cả một trang: “Liisa thì váy áo bằng nhung và lụa mu-xơ-lin dài kín chân, còn François Weyerstein thì mặc smoking. Họ đi lang thang suốt đêm trong thành phố Venise. Phố xá vắng tanh. Cứ mười bước, hai người lại dừng bước để ôm hôn nhau. Đó là lần thứ năm anh tới Venise, còn Liisa thì đến từ ngày hôm kia, và đêm ấy cô đã khám phá thành phố cùng với anh. Những khách sạn mà anh biết như Bonvecchiati, San Frantin, Ala, và cả các khách sạn ở đường Riva degli Schiavoni nữa, và ngay cả Danich, nơi mà tổ tiên của họ không chịu nổi giá thuê phòng, tất cả đều đóng cửa. Họ bấm chuông ở đâu, người ta cũng bảo hết sạch phòng. Họ phải đi bộ mãi. Cuối cùng, Liisa cởi phăng đôi giày cao gót nhọn hoắt. Trên quảng trường Plazzetta, ghế bày ngoài thêm các quán cà phê vẫn chưa bị thu về. Liisa ngồi trên lòng Weyerstein để hôn vào môi. Rồi hai người lại đi tiếp. Đến một *campiello*^[85], ôm hôn, đến một *sottoportica*^[86], lại ôm hôn, rồi cứ thế, họ vượt qua không biết bao nhiêu sông đào và cây cầu. Cùng một campo mà họ đi qua đi lại đến mười lần. Liisa để vai trần, đôi vai tròn lẳn, thậm chí hơi u và núng nính, mềm mại ngon lành khiến người ta dễ so sánh với một vài thứ mứt phương đông trong một thành phố trông cũng giống như một thành phố phương đông, đôi vai mịn màng sáng bóng mà người kể chuyện ra sức ngầu ngiên, vuốt ve, hôn hít say sưa như một thiếu niên mười lăm tuổi – trong khi anh đã hai mươi ba. Liisa thủ dâm cho anh. Tay

cô nhoe nhoét tinh dịch. Cô cười rúc rích và thè lưỡi ra liếm. Quỳ gối trước mặt cô, anh vén váy, kéo quần lót xuống, cô giẫy nẩy: “Không, ở đây bất tiện lắm!” Nhưng chiếc váy dài của Liisa đã trùm kín người anh rồi. Anh đã mê mẩn với mùi vị chỗ kín của cô. Thế rồi người anh run lẩy bẩy không sao kìm hãm được, cô đạt đến đỉnh cao khoái cảm. Cô khuyu xuống đè lên người anh. Cả hai ôm nhau lăn ra đất. Quần áo họ vừa nhàu vừa bẩn. Ngày đã rạng. Họ đến một khu chợ nằm ở chân dốc cây cầu Rialto. Cặp trai gái mặc quần áo dạ hội trông thật lạc lõng giữa đám đông kẻ bán người mua đi chợ sớm, giữa đám cá mú. Quảng trường Saint-Marc, nhà thờ lớn vừa mở cửa. Lại thêm một hình ảnh tương phản nữa, một bên là các tín đồ tới dự buổi lễ sáng, một bên là cặp tình nhân mà người ta nhận thấy ngay là đêm vừa qua đã được thoả mãn nhiều lần. Liisa đi giày cao gót vào và bước cồm cộp trên nền lát đá tuyệt đẹp trong nhà thờ. Đôi mắt xanh lục của Liisa được đèn nền chiếu sáng rực! Cô là diễn viên điện ảnh, cô hiểu hiệu quả ánh sáng. Weyerstein mò về đến khách sạn thì thấy vợ nước mắt đầm đìa, phát điên phát rồ vì tức giận và lo lắng. Cô đã chạy ngược chạy xuôi tìm anh suốt đêm, cô còn đến cả bệnh viện Lido nữa. Anh viện cớ phải làm việc với một nhà sản xuất phim ở Venise, phải chờ chuyển tàu sớm nhất để về. “Chuyến sớm nhất ư? Chuyến sớm nhất đến trưa mới cập bến Lido cơ mà. Thằng đều, anh là một thằng đều! Thế còn mùi nước hoa? Người ngộm anh sặc sụa mùi nước hoa! Đồ đều! Đồ đều!”

Kim, Greta, Liisa, rồi đến Kimiko, cô gái bán giấy bút ở Tokyo từng dọa, ông mà ngủ với một người đàn bà Nhật nào khác thì cô sẽ đâm cho vài nhát dao... nàng Togawa Kimiko, một nghệ sĩ uốn dẻo trên giường rất tài ba lúc nào cũng để sẵn một bộ sưu tập roi ngựa để quất ông trước khi vào cuộc. Ông không bao giờ ngờ cảm giác được một cô gái quất lại kích thích đến thế, kể ra roi quất thay thế cho gậy phang mà ông đã phải chịu trước đó tám ngày trong ngôi đền thiên tông cũng là một kinh nghiệm hay, nhưng thật ra hai kiểu hành hạ thân xác ấy có khác nhau đến thế không? Mấy người đàn bà ngoại quốc ấy nhảy vào cuộc đời ông làm gì cơ chứ? Ông chỉ trao đổi với họ những câu ước chừng đại khái và buộc mình phải nói bằng một thứ tiếng Anh dở kinh khủng, tiếng Phần Lan ngớ nga ngớ ngẩn như trong ca kịch, tiếng Na Uy ở trình độ sơ cấp. *Greta, jeg savner deg veldig.*

Sjarmerende Greta^[87]! Khi ông thổ lộ những điều sâu kín ấy, Bác sĩ Zscharnack đã liên tưởng ngay đến tâm lý sợ hãi không muốn nói tiếng mẹ đẻ: “Cậu có tìm cách thoát khỏi ảnh hưởng của người mẹ bằng cách buông lời tán tỉnh mấy cô gái lẳng lơ người nước ngoài ấy không? May mà cậu làm phim đấy! Cậu mà là nhà văn thì...” Bác sĩ ạ, ông nói đúng đấy. Từ khi viết văn, tình trạng của tôi còn tồi tệ hơn nhiều. *Madamina, il catalogo e questo*...^[88]

Tại sao ông lại nhớ đến những chuyện xa xưa ấy? Cuộc đời hiện tại không làm ông hài lòng và ông phải tìm cách lẩn tránh trong việc gọi lại những hoàn cảnh xa xưa, khi mà mọi nhu cầu và khát khao của ông đều được thỏa mãn. “Cuộc sống của mình vẻ vang đấy chứ”, ông tự nhủ. Nhưng bây giờ thì tất cả đã hết rồi. Tối nay, ông sẽ nghe lại Astrid Varnay ca ngợi cái chết của nàng Isolde, Lisa Ekdahl trong bài *Plaintive Rumba* – hai giọng hát đều bằng tiếng Scandinave. Ông có nên viết tên thật của Greta và Liisa trong sách của mình không? Không biết chừng bây giờ Liisa đã có cháu nội, ngoại rồi cũng nên. Bà ấy có bỏ nghề diễn viên không? Bà ấy có tiếp tục quan tâm đến văn chương Pháp không? Bà ấy có biết rằng, chàng trai trẻ làm phim ngày xưa từng hôn tới tấp vào vú bà trong khu phố buôn bán Merceria và trên cầu Rialto nay đã trở thành tác giả hơn một chục cuốn tiểu thuyết không? Khi gặp lại nhau ở Paris, vài tháng sau liên hoan phim Venise, họ đã la cà hàng giờ trong hiệu sách nhỏ của Bà Tschann và cửa hàng Hune. Có đúng là Greta đã biến mất giữa vùng Nam Ấn Độ như bà ấy thông báo trong một lá thư đóng dấu bưu điện ở thành phố Bénarès không? Bà ấy có nói thông thạo tiếng tamil không? Nếu không trở thành tiểu thuyết gia, ông có nhớ đến tất cả những thiếu phụ ấy một cách chính xác đến thế không, có thêm thắt về họ đến thế không? Dù sao thì ông cũng có biết gì nhiều về họ đâu. Ông chỉ bịa ra một phương châm để tuân theo: “Điều mà tôi đòi hỏi ở những người đàn bà mà tôi gặp gỡ là làm thế nào tạo hứng viết văn cho tôi.” Mười năm nữa, ông có còn nhớ đến Juliette Chavoz không, đến cái đêm ở Grenoble tuy không dữ dội như sấm chớp bằng cái đêm ở Venise cùng với Liisa Peltomaa nhưng lại dờ dang hơn không – biết đâu chỉ vì vấn đề khung cảnh không thích hợp thôi – và ông có nên nêu chuyện đó trong một cuốn tiểu thuyết không? Nhưng mười năm nữa, ông có còn viết tiểu thuyết nữa không?

Ông mà cho nhân vật Weyerstein là một kẻ giết người hàng loạt thì bây giờ đâu đến nỗi phải sử dụng thói thoả mãn tai ác trước nỗi đau của người khác để làm cho chính mình đau, ông sẽ nhằm vào người đọc làm cho họ đau bằng cách mô tả những cảnh giết chóc mà ông chẳng thích thú chút nào, những cảnh mà xương sọ bị máy khoan xuyên thủng, mà óc bị cho vào máy xay, mà tuỷ sống rỉ nước bị trát lên tường, mà hành não bị nuốt trửng như con hào người ta ăn gỏi. Mặc dù quan hệ giữa một kẻ giết người hàng loạt và người mẹ sinh ra hắn là đề tài phong phú về mặt tâm lý để làm người đọc bối rối, nhưng đó cũng không phải là những gì ông muốn bàn đến trong cuốn *Ba ngày ở nhà mẹ*.

Việc chấp nhận mình đúng theo bản tính trời sinh, ông nhủ thầm, đòi hỏi một sự nhún nhường gần đúng như lời dạy trong Sách Phúc âm, và nếu ông đã học được ở các cha dòng Tên rằng tính nhún nhường chính là ở chỗ nhận thức được khoảng cách vô tận chia cắt triệt để chúng ta với Chúa, thì việc sáng tác cuốn tiểu thuyết này khiến ông cay đắng nhận thức được khoảng cách chia cắt ông với chính bản thân mình. Ông đâu còn là nhà văn tập tọng viết cuốn sách đầu tiên. Đáng lẽ ông phải hiểu, nói về những gì mình biết rõ còn khó hơn nói về tất cả những gì còn lại. Phải chăng Weyerstein là người giờ đầu chịu báng thay ông hay là người phát ngôn của ông?

Thay vì bắt đầu cuốn tiểu thuyết bằng cảnh nhảy van trong một phòng khách nhà tư sản, ông có thể lấy cảm hứng từ chuyến du lịch mà ông đã đi cùng với mẹ tới Canada cuối những năm tám mươi. Những lần phân vân do dự liên tục ấy khiến cho việc viết lách của ông cứ bị chậm trễ mãi và làm cho ông rất sốt ruột, mặc dù kinh nghiệm đã dạy cho ông biết rằng những ý tưởng nảy sinh đầu tiên hiếm khi được coi là hay nhất. “Chỉ có phút chót mới làm mình hưng phấn, còn những phút khác chỉ có nhiệm vụ chuẩn bị cho phút chót thôi”, ông tự nhủ - một cách nhìn cuộc đời tạo khoái cảm cực độ. Ông không muốn kết thúc như con lừa của Buridan^[89] chết vì đói khát giữa một xô nước và một bó cỏ khô. Ông chỉ cần mở đầu cuốn tiểu thuyết với cảnh Weyerstein và bà mẹ đi tàu xuyên suốt từ Canada. Từ Montréal-Ottawa, tàu đã chậm mất một giờ. Sau khi vượt qua suốt chiều dài hồ Supérieur, họ đi hết ngày này sang ngày khác, hết cánh đồng lúa mì dài hàng cây số, cảnh nào cũng đều xa quá tầm nhìn. Khi tàu dừng lại tại một ga xếp thuộc tỉnh Lanitoba, một ban nhạc truyền thống klezmer của người

Do Thái Đông Âu đang biểu diễn, họ liền xuống sân ga nhảy cùng với nhau bằng thứ tiếng yiddish. Mẹ ông có vẻ cảm tình với người thổi cla-ri-net. Ông mở đầu cuốn tiểu thuyết như vậy cũng đâu đến nỗi nào. Ông cầm tập giấy đầy nét gạch xóa lem nhem giờ ra trước mặt, chúng như lùi ra xa rồi nhòe đi, ông cố giữ cho mắt khỏi khép lại nhưng vô hiệu, ông ước ao mình có mí mắt thứ ba như một con chim ăn đêm, một câu tiếng La-tinh hiện lên trong ký ức ông, *in mente est mihi dormire*^[90]... Ông không bao giờ chịu nủ trên tàu cả, ông sợ mình mà ngủ thì sẽ ngáy, sẽ rên rỉ hoặc bật ra tiếng thét kinh hoàng.

Ông trở về Paris, sau khi đã từ chối mọi lời mời của bạn bè đi chơi tám ngày ở Ibiza, mười ngày ở Toscane, mười lăm ngày ở Tyrol chỉ vì thích ba ngày ở nhà mẹ hơn! Ông cảm thấy bụng bắt đầu đau lâm râm. Ruột ông sôi ùng ục. Đáng lẽ ông không nên ăn cái món “thịt lợn hổ lốn” ấy – một cách nấu nướng từ thời trung cổ, đây là lời giới thiệu của tay đầu bếp – cùng với mấy tay chủ hiệu sách ở Grenoble, nhóm người đã mời ông dùng bữa trưa. Vừa cố chống chọi với cơn buồn ngủ, ông vừa nhớ đến những chuyện rầm rít đã khiến ông hiểu ra nhiều điều mới mẻ mà ông đã đọc trong sách vở về đạo Phật. Nếu chẳng may cá nhà sư có nhỏ đánh một phát rắm trong lúc đang nghe giảng kinh, họ sẽ lấy việc đó làm đề tài ngẫm nghĩ về kiếp phù sinh và thoáng qua thay vì bịch mũi. Hôm nghỉ lại đền Eiheiji, ông đã ngủ trong một *guest room*, xung quanh toàn là người hành hương Nhật Bản nằm la liệt, và họ cứ mạnh ai nấy ngáy như sấm và đánh rầm bùm bụp mà không ngưng gì cả. Đang giữa đêm, trong ánh sáng đỏ mờ mờ từ một lò than hắt ra, ông tưởng như mình nằm mê khi thấy bộ mặt con quỷ trong kịch nó xanh lè lè, trong khi đó chỉ là một nhà sư được giao việc trông nom khách qua đường đến lay ông để mời một bát cơm: “*On your feet, on your feet!*”. Từ bao thế kỷ nay, người ta vẫn đánh chuông và gõ công đánh thức khách hành hương nghỉ lại đền Eiheji.

Ông giật mình choàng dậy, nhưng không phải do tiếng vang của chuông công mà do tiếng loa truyền thanh trong loa. Ông François vừa kịp tỉnh hẳn, tàu đã vào ga Lyon. Hành khách đã đứng lên và dồn hết về phía cửa toa như các tay đua xe Công thức 1, người nào người nấy tay cặp tài liệu, tay điện thoại di động, tư thế sẵn sàng chiến đấu để tranh thủ được một vài giây trong cuộc chạy đua về phía bên taxi. Đặt chân xuống sân ga, ông mới nhận

thấy nơi này thiếu cái gì. Thiếu tác phẩm điêu khắc. Phải đặt tượng ở khắp nơi, bằng cẩm thạch, bằng đồng, tượng người cười ngửa, tượng sư tử bị thương, tượng đàn bà khỏa thân. Các bức tượng im phăng phắc sẽ tương phản với cảnh đi lại náo nhiệt xung quanh. Chỉ cần vào các kho tác phẩm nghệ thuật của viện bảo tàng Orsay là có ngay. Ít ra thì người ta cũng được ngắm chúng và sân ga sẽ không còn là một nơi mà người ta muốn tổng khứ hành khách đi càng nhanh càng tốt bằng cách niêm yết giờ tàu chạy hoặc gần biển hướng dẫn lối ra. Một đề tài viết báo hay đáng để. Túi du lịch của ông có vẻ nặng hơn ở ga Grenoble. Ông phải về ngay để gặp bà Daphné. Đêm qua, ông có phản bội bà ấy không? Một lần, bà đã thổ lộ tâm sự với ông “Chúng ta sống chung với nhau lâu đến thế là nhờ những chuyện lãng nhăng điên rồ của ông đấy. Ông chỉ yêu mỗi một mình tôi thì quan hệ của chúng ta đâu có bền đến thế được. Một tình yêu nồng nàn quá mức sẽ gây áp lực cho tôi, khiến tôi nghẹt thở mất. Nhưng ông đừng tưởng như thế là tôi đã hạnh phúc nhé, rắc rối là ở chỗ ấy đấy”. Bà Daphné muốn nói gì thì nói, nhưng nếu ông dành bao nhiêu công sức đã bị mất và phí hoài vào những chuyện tình vờ vịt từ ba mươi năm nay chỉ để yêu một mình bà Daphné thì bây giờ cả hai có hạnh phúc hơn không? Ngồi trong chiếc taxi vừa chạy ngang qua quảng trường Bastille và đang đi vào phố Saint-Antoine, ông nghĩ bà Daphné tươi tắn mãi nguyện như thế là nhờ có ông, nhưng rồi ông lại tự trách mình quá tự phụ. Cứ làm như hạnh phúc của ai đó phụ thuộc vào một người duy nhất ấy! Ông có phản bội bà Daphné không? Ông có ngủ với ai ở Grenoble đâu, ông chỉ mới vuốt ve và hôn hít vú Juliette thôi đấy chứ, cô nàng bạo thật, dám hỏi ông có thấy vú mình to quá không! “Đến Lễ Giáng sinh, em sẽ tặng cho mình một cặp khác đẹp hơn, em đã có tên trong sổ hẹn của một bác sĩ ngoại rồi.” Một cô gái mảnh khảnh nhưng vai rộng như con trai và vú rất to, làm phẫu thuật và biến mình thành tầm thường vô vị là tùy cô ta thôi – một cô gái mà dù sao ông cũng sẽ quên trong vài ngày tới.

Gần mười hai giờ rưỡi đêm. Chloé đứng lên chào cha mẹ, đã đến lúc cô phải về. Chỉ còn mấy tiếng nữa máy bay của cô sẽ cất cánh. Cô đi xa hai tháng, thế mà đến giờ vẫn chưa sửa soạn và li gì cả. Thôi được, cô sẽ ngủ bù trên máy bay vậy. Hai chị em cùng nhau ra khỏi căn hộ của cha mẹ. Mặc

dù khá mệt, ông François vẫn xuống đường cùng với các con, tiễn họ đến bến taxi và lấy bao thuốc lá ra ghi biển số của cả hai xe, ông có một thói quen này từ hồi hai con gái còn trẻ, và sau đó nhất định ông sẽ gọi điện thoại kiểm tra xem họ đã về đến nhà an toàn chưa.

Ông thì lại hay đi Québec vào mùa đông. Bán đảo Labrador và vùng phía bắc Québec rộng bao la phủ tuyết trắng xóa, ông đã nhiều lần bay qua và mãi mê quan sát cho đến khi băng bám vào ô cửa kính dày đặc và viên chỉ huy phi hành đoàn thông báo máy bay sắp hạ cánh xuống Montréal mới thôi, ông vẫn chưa tưởng tượng được cảnh tượng ấy vào giữa tháng Sáu sẽ như thế nào. Khi ông về đến nhà, bà Daphné đã lên giường. Ông thay một cái áo dệt ngắn tay để che giấu những vết bầm tím rồi lăn ra giường bên cạnh bà.

Hôm sau, máy điện thoại trả lời tự động dành riêng cho ông trong căn hộ (bà Daphné có một đường dây khác) báo có tin nhắn. Ông nghe thấy tiếng Juliette Chavoz : “Em mong là người đáng tin cậy như ông đã mua một chiếc điện thoại di động. “Câu hài lòng với máy tính của mình chứ? Ông hỏi người bán hàng, thế thì cho tôi mua một máy giống như của cậu.” Ông bắt đầu khám phá thế giới tin nhắn bằng chữ, tin nhắn điện tử hay tin nhắn truyền hình – không ai tìm được tên gọi ra hồn cả - texto hay S.m.s^[91]. Juliette còn nghĩ ra động từ “bấm nhấn” và tin “bấm nhấn” đầu tiên của cô ta là: “Ông hãy thuộc về em!” Ông khuyên cô mua một cái máy fax, theo ý ông, phương tiện thông tin liên lạc này tế nhị hơn và ngay cả máy tính và e-mail ông cũng không tin lắm (mà ở Québec, người ta gọi là emile, Chloé đã nói cho ông biết như vậy), hướng chỉ điện thoại di động. Nhưng rồi cuối cùng, mấy tháng tiếp sau đó, ông vẫn phải sử dụng điện thoại di động, thậm chí còn lạm dụng nữa.

Nội dung bản fax đầu tiên của Juliette chỉ toàn chuyện ham muốn tình dục, trong đó cô khẳng định lòng mình đã quyết yêu ông và được ông yêu, cô kể về những ảo giác, về cái thú thủ dâm nhưng lại dùng cụm từ “tự vuốt ve mình” mà cả ông François lẫn Viện Hàn lâm Pháp đều không chấp nhận. “Còn những người không bao giờ vuốt ve nhau thì em thấy khó mà tin tưởng được.” Cuối bản fax là dòng chữ : “Ông Graffenberg, ông cứ nhìn đàn bà con gái và cùng lên đi.” Trong tám ngày liền, họ đã gửi cho nhau

không biết bao nhiêu tin nhắn trên điện thoại di động, vì thế nỗi khát khao làm tình càng lúc càng mãnh liệt hơn cả hai phía, thế là ông François không thể kìm lòng được nữa và lại lên tàu đi Grenoble. Khi xuống tàu, ông mua một vài chai whisky mini – lại một từ mà ông rất ghét. Juliette đã chờ ông trên sân ga, và hai người vừa mới ra ngoài phố, ông đã cuống quýt luôn tay vào váy vuốt ve mông cô, còn cô thì phản đối bằng cách dọa mở khóa kéo cửa quần ông và lôi đuôi ông ra trước mặt người đi đường. Căn hộ vắng lặng, không thấy bóng dáng boyfriend của cô đâu nữa, Juliette lôi tuột vào phòng ngủ: “Chúng ta khai trương tấm nệm mới nào, người giao hàng vừa mang đến sáng nay. Nghe nói, nó có tính đàn hồi tốt lắm, dù mình có cựa quậy mạnh đến đâu, nó vẫn kết thành một khối với cơ thể mình. Quà của cha em đấy.” Quái lạ, sao cô nàng thích từ kết thế không biết, kết hôn, kết duyên... Giát lò xo thì giống như chiếc thảm bay, còn nệm thì có tên là Mê hồn, chỉ có một người cha đang tìm kiếm con rể mới bỏ ra một gia tài để sắm sửa như vậy. Cô có chắc là không còn ai khác cầm chìa khóa nhà không? Ông François chợt lo ngại hỏi Juliette. “Ông yên tâm, bỏ em đã bỏ đi thật rồi, nhưng không phải em không tìm cách níu kéo hắn một chút đâu đấy nhé.”

Sáng hôm sau, đang nằm trần truồng trên tràng kỷ, Juliette bảo ông ngồi xuống chiếc ghế cách đó hai mét và thủ dâm cho cô xem. Hai người nhìn thẳng vào mắt nhau một lúc khá lâu, sau đó ông François lên tiếng hỏi trước: “Cô đang nghĩ gì thế?” – Không nghĩ đến ông đâu, - Cô quên tôi rồi sao? – Quên từ lâu rồi. Em đang nghĩ đến một người đàn ông khác chứ không phải ông. Em thêm muốn anh ta ngay từ khi vô tình gặp ngoài phố chiều hôm qua.” Ông François lập tức xuất tinh. Cô vừa đưa ông vào thế giới ảo giác, và việc này làm cả hai người hưng phấn cao độ trong mấy tháng liền. Cô ta sẽ làm tình với những người đàn ông khác rồi về kể cho ông nghe, với điều kiện ông phải tuyệt đối chung tình: “Em sẽ xin phép ông hẵn hoi. Làm tình với người khác mà biết rằng ông chấp nhận, và cả nghĩ lại cả chuyện ấy khi hưởng lạc với ông nữa, sẽ khiến em đạt được khoái cảm gấp bội.”

Sau bốn ngày không bước chân ra khỏi căn hộ và hầu như không mấy khi xa rời cái đệm, chỉ trừ những lúc mở đồ hộp hay cùng nhau vào buồng tắm, ông François phải trở về Paris. Ông về gặp một nhà xuất bản để đòi họ ứng trước một số tiền nữa, vả lại, ông còn có một buổi hẹn làm việc không

thể trì hoãn được ở Kho bạc quận nhà. Viên kế toán Kho bạc mời ông có mặt tại văn phòng ông ta để giải quyết vấn đề sau: nghiên cứu hồ sơ liên quan đến việc nộp thuế thu nhập của ông trong ba năm vừa qua”. Xong việc một cái là ông sẽ quay lại Grenoble ngay. Trên đường ra ga, ông dỗ khéo Juliette rằng cô có cặp mông xinh xinh dễ thương làm ông mê mẩn, cô đáp gọn lỏn: “Thế thì hay quá, ông sẽ không được biết cặp nào khác nữa đâu.”

Ông không có hành lý, vì vậy vừa xuống ga Lyon, ông đã lên tàu điện ngầm để đến quán Montalembert đúng hẹn, vào ở đó ông sẽ bàn chuyện tiền nong với một nữ nhân viên nhà xuất bản đang có ý định mời ông viết một cuốn sách để góp vào bộ sưu tập cô vừa tạo lập. Đúng lúc ông vừa nghĩ ra được một chủ đề khả dĩ chấp nhận được cho cuốn sách ấy – ông đề xuất tên “Cuộc Gặp gỡ” – thì điện thoại di động rung trong túi áo vét. Đó là một tin nhắn của Juliette: “Em vừa dốc cạn chai whisky mini cuối cùng, nhưng em thích hương vị tinh dịch của ông hơn.” Ông đang đưa ra một con số, bao nhiêu frăng thì thành bao nhiêu ơ-rô, nhận ngay lập tức là bao nhiêu, khi bàn giao bản thảo là bao nhiêu, thì lại có thêm ba tin nhắn nữa: “Ông tới khoan thủng cửa em đi, lấp miệng em bằng mọi cách đi. Ông đóng cọc vào em đi, cày xới với em đi, em thèm muốn ông đến phát điên rồi”. “Chúng ta vừa cười vừa làm tình nhé, làm một cách say đắm, chậm rãi, mãnh liệt. Thân hình ông, môi ông, em yêu ông” và “Ông nói em là vợ ông đi. Em mê mút đuôi ông lắm.”^[92]

Mồng 4 tháng Ba năm 2003, Mardi gras, Thứ Ba ăn mặn, ngày cuối cùng của lễ hội các-na-van, nhưng hội các-na-van có còn như trước không? “Mardi gras”, có phải tên một nhóm nhạc pop của Anh hồi đầu thập kỷ bảy mươi không? Hình như tôi cũng có một cái đĩa 45 của họ, nếu không phải thì có lẽ là tên bài hát chẳng? Tôi có nhiều thứ đồ linh tinh quá, thành ra không sao nhớ được mình cất ở đâu nữa. Chỉ có trong trí nhớ là đồ gì cũng được cất giữ kỹ nhất, những thứ đồ biến thành câu, chẳng hạn như: “Mấy lễ hội các-na-van cuối cùng không còn náo nhiệt như xưa.”

Thỉnh thoảng, tôi lại có cảm giác như mình đóng vai nhân vật nghĩ một cách không được bình thường lắm về nhóm nhieć, nhạc nhieć mà tâm lý học xã hội gọi là một người kỳ quặc. Thế mà những gì tôi làm không theo các tập quán mà mình tiếp thu có nhiều nhận gì cho cam.

Tôi muốn chết càng muộn càng tốt, khi sức lực còn sung mãn. Tôi nói đến cái chết bởi vì một cuốn sách mà không nói đến cái chết thì ít được coi trọng hơn. Các tác giả viết tự truyện đều được hưởng đặc quyền: bao giờ họ cũng có nhiều cái chết để kể. Viết về người chết thì có ích gì cơ chứ? Chẳng phải như vậy là chôn cất họ lần thứ hai sao? Cái chết của người khác làm cho chúng ta yên trí rằng sự sống của mình thật là quý báu, quan trọng, cần thiết và duy nhất. Những người đã chết làm cho cuộc sống của chúng ta có giá trị hơn nhiều. Chúng ta được sống lâu hơn họ, đổi lại, chúng ta chỉ cần hứa mãi mãi nhớ đến họ, như vậy thì đâu phải là một cái giá quá đắt nếu tính tới món quà mà họ tặng chúng ta tức là cho phép chúng ta sống lâu hơn họ. Tất nhiên, trên đường từ nghĩa trang về, chúng ta cũng tự trách mình đã mừng thầm là lần này chưa đến lượt mình. Từ lâu, tôi đã thiết tha mong ước được mặc pi-gia-ma đi dạo phố. Trước kia, khi có pi-gia-ma thì tôi lại không dám thực hiện mong ước đó, còn bây giờ thì tôi không mặc pi-gi-ma nữa. Tôi muốn các hiệu đồ cổ mà tôi đến ngắm một cái bàn hay một cái ghế bành tự nguyện tặng tôi, và nếu họ còn nói thêm là họ rất thích sách của tôi nữa thì tôi sẽ sung sướng hơn nhiều. Tôi muốn bỏ tiền ra thuê cả năm một loạt phòng liền ngay trong độ hai chục khách sạn sang trọng rải rác ở khắp

nơi trên thế giới, có sân thượng riêng nhìn ra một cái hồ, một đại dương, một dãy núi, một đường lớn náo nhiệt hai bên trồng cây xanh, ở thành phố Zanzibar, Madrid, London, Lugano, tại Akasaka Prince Hotel ở Tokyo, Métropole ở Bruxelles, Hôtel de Russie ở Roma, Duchessa Isabella ở Ferrare, Bosphorus Pasha ở Istanbul, Vier Jahreszeiten ở Hambourg, tại Cung điện Lausanne, khách sạn ở Elephant ở Weimar, Mexico, New York, Bombay, Madras, khắp nơi, khắp chốn. Tôi muốn những người đàn bà ngoài đường mà tôi thấy hấp dẫn lao đến với tôi, nhưng không được bất ngờ lắm để tôi khỏi giật mình hoảng hốt, rồi, bỏ mặc ý trung nhân hoặc xe nôl đẩy, rồi hẫch chiếc ô-tô nằm giữa một ngã tư, để cho đồ đông lạnh tan chảy trên xe đẩy hàng, họ hôn tôi tới tấp, say đắm, mãnh liệt, và nói với tôi rằng... nhưng họ đâu cần tôi dạy nên làm thế này hoặc thế kia. Cho đến nay, họ vẫn biết cách xoay xở trong quan hệ với tôi, bằng cách này hay cách khác, chẳng hạn như cô gái điếm xinh đẹp và ăn mặc khá tiết kiệm vải đã bắt chuyện với tôi trên đường vào quảng trường Champs-Élysées : “Anh yêu, anh có đi với em không?” mà tôi đã mỉm cười khi lượn qua lượn lại trước mặt, trong lòng thì thêm đi với cô ta đến chết đi được nhưng lại cứ đắn đo, ngại ngần không biết mình có đủ tiền trả cô ta không. Một tiếng sau, tôi lại gặp cô ta trong một lối đi dưới ga tàu điện ngầm ở Franklin-Roosevelt. Cô ta đã nghỉ việc, cô ta đi giày đế bằng và mặc áo mưa, cô ta nhận ra tôi và, vẻ mặt khinh khỉnh, buông xõng một câu : “Đồ ngốc!” Hồi ấy tôi mười chín, đôi mươi gì đó, có lẽ cô ta cũng chỉ khoảng ấy. Từ đó trở đi, mỗi khi có gái điếm mời chào, tôi đều dừng lại nói chuyện đàng hoàng với họ.

Hôm nay, thứ Hai mồng 4 tháng Tám năm 2003, sinh nhật tôi. Tôi ra đòi vào ngày lễ thánh cha xứ làng Ars. Bốn mươi tám tiếng sau là Lễ biến thân của Đức Chúa Jesus, một ngày hội được xếp hạng khác hẳn. Đáng lẽ tôi phải xoay xở để ra đòi đúng vào ngày hôm ấy. Chúng tôi có quan tâm đến việc hơn kém hai ngày đâu, mẹ tôi và tôi ấy. Mẹ tôi nằm trên bàn để suốt một ngày, và đến mười chín giờ tôi mới chịu ra. Bác sĩ đỡ đẻ phải dùng cặp thai lôi tôi ra, một dụng cụ mà khi mười lăm tuổi tôi sẽ tìm được tên bằng tiếng La-tinh trong quá trình dịch Virgile, đúng năm tôi được Mẹ dẫn đi xem phim của đạo diễn Đức Helmut Kautner kể về vua Louis II xứ

Bavière, một cuốn phim làm tôi bối rối bởi bệnh điên của nhân vật đức vua do O.W.Fischer đóng rất nhập vai thì ít, bởi cảnh tượng quay quá gần một người đàn bà nằm ngửa trên giường mà tôi lờ mờ đoán thấy vú thì nhiều – hai bầu vú phập phồng theo nhịp thở gấp! - một cảnh tượng không sao quên được vì tôi đã không quên được, và tôi cũng không quên được một điều nữa: tôi sợ người đàn bà ngồi bên cạnh nhận thấy hình ảnh ấy đã làm tôi choáng đến thế nào. Tôi vẫn muốn biết nữ diễn viên ấy là ai. Tuần trước, mẹ tôi gọi điện báo tin Katharine Hepburn đã mất, bà quả là một trong những người đàn bà đẹp nhất và tài hoa nhất trong lịch sử điện ảnh. Bà thọ chín mươi sau tuổi. Nhân tiện, Mẹ cũng nhắc tôi bà đã sắp chín mươi.

Mấy năm gần đây, bà đã bị mổ cả hai bên đầu gối. Lốp sụn ở chỗ ấy càng ngày càng mỏng đi vì đi lại bao nhiêu năm đã mòn. Đó là một sụn khớp. Từ khi được biết, tuổi càng cao thì lốp sụn ở một số ít chỗ khác như tai, mũi càng phì đại, tôi nhìn mình trong gương thấy là lạ thế nào ấy. Cả hai lần mẹ tôi phải làm phẫu thuật, tôi đều về thăm, tôi nhìn thấy bà bị luôn ống thông vào đùi, và mỗi lần y tá làm vệ sinh, cả mẹ lẫn con đều lo ngay ngáy chỉ sợ tuột. Bà phàn nàn: “Ở bệnh viện này, người ta phải chịu đựng mọi thứ khổ, chỉ thiếu có mỗi sự yên thân thôi. Cửa phòng mẹ mở mở đóng đóng suốt ngày. Chẳng vì lý do gì quan trọng, một cô y tá cũng đến hỏi mẹ có sao không. Trái lại, khi mẹ bấm chuông thì lại chẳng có ai đến. Đến một giới hạn nào đó thì khách đến thăm, mẹ cũng khó chịu, nhưng mẹ không nói con đâu đấy. Bạn bè qua ngồi chơi một chút, mẹ chỉ thấy phiền, mình đã phải tiếp đón lại còn phải nghe họ kể lể chuyện riêng nữa, trong khi bản thân mình cũng có khối vấn đề.” Còn viên bác sĩ khám cho bà buổi sáng nữa, đáng lẽ phải an ủi bằng một vài câu sáo rỗng để bà yên tâm, ông ta lại đao to búa lớn, hết nói về sự phá huỷ từng bước của cấu tạo khớp lại dùng những từ như “cơ xương”. Tôi đỡ bà tập đi ngoài hành lang bệnh viện. Bà đang chuẩn bị chống người định đứng lên khỏi giường thì đôi nặng tuột khỏi tay như hai con lươn: “Muốn với được đôi nặng, chắc mẹ phải vận vẹo người theo những tư thế giống như trong sách Kama Sutra ^[93] mất! Như thể chúng tồn tại độc lập với mình ấy.”

Mấy năm trước, khi bà bị bệnh đục thủy tinh thể và phải phẫu thuật, người ta đã lắp mắt giả bằng nhựa cho bà, việc này khiến tôi nghe mà rùng mình, nhưng bà chỉ bình luận đúng một câu: “Điều làm mẹ chán nhất là

phát hiện bao nhiêu nếp nhăn mà trước đây mẹ không nhìn thấy!” Tôi phải giải thích cho bà, việc phẫu thuật đục thủy tinh thể (tôi đã đi tìm hiểu trước khi tới) đã được đề cập trong Luật Hammourabi^[94] từ hai mươi thế kỷ trước và đã được nhiều bản văn Phật giáo cổ coi là tượng trưng cho sự biến mất của tình trạng dốt nát. Tôi đã gửi cho bà tám ảnh đôi đũa quyền nghi Tây Tạng bằng vàng dùng để gấp tượng trưng thủy tinh thể ra và mở lối vào cho nhận thức cao hơn, không liên quan gì đến việc phát hiện nếp nhăn cả. Nếu tôi nhớ không nhầm thì hình như ông Frédéric Trubert mất vào thời gian bị mổ lần thứ nhất vì bệnh đục thủy tinh thể thì phải. Bà đã giữ kín nỗi buồn vô biên ấy trong nhiều tháng liền. Rất lâu sau đó, bà mới tâm sự với tôi: “Mẹ thích giọng nói của ông ấy. Bây giờ thì ông ấy không bao giờ gọi điện cho mẹ nữa. Cuối cùng ông ấy lại ra đi trước bà vợ ôm đau quặt quẹo trong bao nhiêu năm. Cầu xin Chúa tha thứ vì con mong bà ấy chết trước ông chồng.” Rốt cuộc, vừa thuyết phục được Mẹ cùng đi Kenya, đến một bãi tắm thần tiên ở phía nam Mombasa, thì ông Frédéric đột ngột qua đời vì bệnh ung thư ruột kết. Vé máy bay đã đặt và thanh toán xong đầu đấy thì ông phải nhập viện và mất luôn tại đó mà bà chưa kịp cả đến thăm lần theo dõi tiến triển của bệnh tật và nói chuyện qua điện thoại một lần chót. Bà chỉ nhận được giấy cáo phó mà người con trai cả của ông gửi đến.

Mùng 4 tháng Tám. Sắp đến giờ ăn trưa thì có tiếng chuông cửa. Tôi đã đứng bật dậy, chả là tôi đang chờ người giao hàng mang đến một bó hoa mà cô Madeleine đã báo trước qua tin nhắn. Tôi lao ra mở cửa, hóa ra là tay nhân viên Kho bạc. Sinh nhật của tôi thì mọi người ở Sở Ngân khố còn lạ gì nữa, đáng lẽ họ phải chọn một ngày khác mới phải chứ. Vẫn là nhân viên Kho bạc ấy, rồi thế nào tôi cũng sẽ cậu cậu tớ tớ với ông ta hay gọi tên riêng thôi, Jean-Baptiste. Trong bản fax tiếp theo, thay vì nâng ông ta lên “Thưa Ngài” với hy vọng ông ta hài lòng, tôi sẽ bắt đầu như thế này: “Anh bạn Jibé thân mến, sao tự nhiên cậu lại viết cho tớ là ông Kế toán Kho bạc giao cho cậu đến tịch biên đồ đạc nhà tớ? Cậu không định chơi khăm ông bạn thân Frankie của cậu đấy chứ?” Tôi chưa kịp thực hiện ý định vừa nói thì ông ta đã lù lù ở cửa nhà, nét mặt hơi ngượng ngùng, và giọng điệu đều đều vô cảm, ông ta nói rành rọt từng tiếng như thể ông ta và tôi không quen gì nhau: “Tôi là nhân viên thì hành thuộc Kho bạc.” Ông ta vẫn đứng ì ở ngưỡng cửa. Có lẽ một văn bản luật nào đó quy định cấm nhân viên chấp hành bước qua ngưỡng cửa vào nhà người ta mà không được mời. Tôi có ý thêm giám thêm ốt vào: “Xin mời ông tự nhiên như ở nhà mình.” Tôi đã gửi

cho ông ta một bản fax: “Thưa Luật sư trong nhà tôi không còn gì để tịch biên nữa, tôi vốn ghét tiện nghi và đồ đạc, tôi sẵn sàng bố trí một buổi khám xét căn hộ có hướng dẫn đảng hoàng để phục vụ ông, tôi nói như vậy trên tinh thần rất thiện ý, ông đến thì sẽ thấy”, vì vậy, vừa bước vào và khép cửa lại, ông ta đã nói một cách hóm hỉnh, trong nghề nghiệp ông ta thì hiện tượng này quả là khác thường, thậm chí bất thường: “Tôi đến vì buổi khám xét có hướng dẫn đảng hoàng.” Ngày mùng 4 tháng Tám mà lại đến khám nhà, đáng lẽ ông ta nên nghỉ mới phải, nhưng thôi, việc ai người ấy lo, và tôi định thêm một câu: “Việc ai người ấy lo, cứt ai vừa mũi người ấy”, như Woglinde từng kết luận vào một buổi tối u sầu năm nó hai mươi tuổi, với giọng chán chường mà tôi luôn nhớ lại mỗi khi tuyệt vọng tới mức tưởng rằng chẳng ai giúp được ai nữa.

Từ khi tôi bị đe dọa tịch biên để đem bán đấu giá, hay tịch biên để buộc phải thực hiện cam kết khác nhau thế nào, tôi không phân biệt nổi, tôi đã sắp xếp hai gian thành căn hộ một phòng độc lập để mỗi khi có nhân viên chấp hành đến điều tra, tôi sẽ giới thiệu là nơi ở của tôi, trong đó toàn những đồ không thể tịch biên được. Một tấm đệm mỏng, một cái chăn lông và một cái gối, thế là đủ. Sách vở của tôi nhiều đến thế thì có bị mất tính chất đồ dùng cần thiết không? “Cậu đừng lo, nhân viên chấp hành không ham đọc sách đâu”, một anh bạn luật sư nói với tôi như vậy. Một mặt thì anh bạn khuyên tôi, dù sao cũng nên gửi những gì mà tôi quý nhất ở nhà người thân cho yên ổn, chẳng hạn như bộ sưu tập mặt nạ Châu Phi, mặt khác lại giải thích cho tôi hay việc tổ chức trốn nợ cũng là một tấm bìa bristol bằng băng dính để bạn bè đến chơi cái mà đặt dấu hỏi về thần kinh của tôi: “*Nơi đây là chỗ ở của François Weyergraf.*” Nhân viên chấp hành Kho bạc có bị mắc lừa không? Trông vờng mạc sáng ngời, thủy tinh thể bình thường, mí mắt bám vào nhãn cầu thế kia thì chắc chắn ông ta không mắc bệnh đục thủy tinh thể và không cần phải phẫu thuật mới thấy là gia đình chúng tôi kê ở ngay cửa vào một chiếc tràng kỷ mua hạ giá ở cửa hàng Samaritaine. Đáng lẽ người ta phải nói, tinh như mắt nhân viên chấp hành chứ không phải như mắt cú vọ mới đúng. Về như không, ông ta đi qua tất cả các phòng mà theo kịch bản của tôi coi như chỉ có một mình Delphine sử dụng, và tôi thừa biết ông ta đã để ý thấy mấy bộ đèn chùm, rèm hai lớp ở tất cả cửa sổ, quầy rượu kiêm bàn ăn, chiếc bàn chân lùn bằng gỗ quý, bộ ghế bành do Harry Bertoiak thiết kế, bộ ghế tựa do Eero Saarinen vẽ kiểu không còn nữa. Tôi đưa ông ta vào hang ổ của mình và thấy ông ta ngần

người đứng nhìn cảnh bừa bãi không tả nổi “ngự trị” trong phòng làm việc của tôi. Ông ta ngần ngại không muốn bước chân vào. Chắc các tế bào thần kinh thị giác của ông ta đang rối loạn lắm. Tôi nghĩ thầm, Howard Carter khám phá ra kho báu của vua Ai Cập Toutankhamon trong Thung lũng Các Vua cũng không đến nỗi sững sờ như ông ta, mặc dù vì những nguyên nhân trái ngược hẳn. Ông ta nhón chân tránh không giẫm lên đám giấy má kín đặc chữ viết tay nằm rải rác dưới đất. Chỉ cần hai giây đồng hồ, ông ta đã đánh giá hết tình hình “Bản viết hình trụ của ông không còn mới nữa nhưng vẫn đánh giá khoảng mười nghìn ơ-rô, nhưng tôi không ghi gì vào biên bản đâu. Chúng ta sẽ nói là tôi chưa đến, nếu không chuyển khám xét của tôi lại dẫn đến việc ông phải mất thêm một số tiền lệ phí nữa.” Có phải đó là món quà mừng sinh nhật ông ta tặng tôi không? Ông ta có tưởng tác phẩm nghệ thuật di động của Calder là một thứ đồ chơi trẻ con, bộ sưu tập bình thủy tinh do Andries Copier thổi là bình đựng đá không? Ông ta có phát hiện ra bức tranh giấy đây là một tác phẩm của Braque hay giả vờ không nhận thấy vì muốn chiếu cố nhân dịp sinh nhật tôi? Dù thế nào chăng nữa thì tôi cũng đã gặp được một tay bản lĩnh cao cường. Tôi rất nể trọng và ngưỡng mộ những người mà tôi cho là có bản lĩnh cao cường. Mong ước bấy lâu nay của tôi là trở thành một người như vậy. Tại Bizen, cách Osaka khoảng một trăm cây số về phía đông, một nơi mà tay nghề làm đồ gốm Nhật Bản ở mức cao nhất, tôi đã được ngồi nói chuyện suốt cả một buổi tối với một ông thợ gốm mà người ta vừa tôn vinh là Tài sản quốc gia sống, Ông ta đã đọc mấy trang sách của tôi dịch sang tiếng Nhật trong một tạp chí sinh viên và lấy từ trong tay áo Kimono ra cho tôi xem. Vừa rót mời tôi một thứ rượu sake quý hiếm được giữ lâu năm trong thùng gỗ, ông ta vừa xin thứ lỗi vì muốn hỏi một câu khó trả lời “Weyergraf-San, ông từng viết là trong năm năm ông không viết xong được một tác phẩm và năm năm ấy là thời gian tồi tệ nhất trong đời ông, vậy thì câu hỏi của tôi là: bây giờ đã thấy khá hơn chưa?” Tôi đành đáp cho qua chuyện rằng việc được ngồi làm đạo với ông ta đã làm tôi khá hơn hẳn. Ông ta hay rượu sake? Tôi phải thú nhận với ông ta dù có viết lách hay không, lúc nào tôi thấy bức bối. Sau một lát im lặng, ông ta chợt bật cười, rồi đưa tay lên che miệng và nói với tôi: “Tôi cũng vậy! Cả tôi nữa, lúc nào tôi cũng thấy bức bối.”

Tôi có bức bối như vừa nói không? Chẳng có gì là chắc chắn cả. Tôi bằng lòng được là mình và tôi thích sống như mình đang sống. Không ai biết đánh giá hết sự may mắn mà mình được hưởng là mình được bản thân

mình cả. Giả dụ như đột nhiên mình biến thành người khác thì chắc là kinh khủng lắm. Đối với tôi, thà bị đày xuống địa ngục còn hơn là hóa kiếp.

Madeleine, cô em cô độc nhất sống ở Paris, bạn không đến dự sinh nhật tôi được. Tôi gọi điện thoại cảm ơn cô ấy đã gửi hoa chúc mừng. Nhân tiện, hai anh em có trao đổi vài câu về Đêm ngày mùng 4 tháng Tám. Cô ấy thì cho rằng đó là tên một bức tranh của Goya, còn tôi thì nhắc cho cô ấy nhớ, đó là đêm mà pháp chế năm 1789 bãi bỏ đặc quyền đặc lợi của gia cấp quý tộc và tăng lữ, tức là bãi bỏ những đặc quyền tìm bạn, tôi nghĩ vậy, và cũng là đêm mà thuế thu nhập ra đời. Hai anh em hẹn gặp nhau tối thứ Bảy mùng 9, và lại đó cũng là lễ thánh Amour – ông này là ai nhỉ? Tôi chỉ biết, đó là một nhãn hiệu rượu beaujolais có mùi quả, tên một nơi khi họ cò gáy ở vùng mới Jura và một dòng sông ở vùng Mãn Châu. Lại là và vẫn là sự lười biếng của nhà sản xuất lịch từ năm này sang năm khác cứ chép tên các thánh mà chẳng ai biết.

Ngày thứ Bảy mùng 9, sau khi Madeleine, Delphine và tôi uống hai chai Billecart-Salmon màu phớt hồng coi như rượu khai vị ngoài sân thượng quán Wine and Bubbles, với thức nhắm là thịt lợn ướp và gan ngỗng béo, chúng tôi trở về nhà để dùng thêm món gì nóng. Tôi đề xuất, cả ba người nên gọi điện nói chuyện với Mẹ. Lần nào được biết con cái quây quần vui vẻ với nhau và nghĩ đến mẹ, bà cũng rất mừng. Đầu dây bên kia không có ai cầm máy. “Mẹ đi chơi rồi, dấu hiệu tốt đấy”, Madelein bảo tôi và gần đến mười hai giờ, cô ấy lại bấm số lần nữa. Mẹ vẫn chưa về. Đến một giờ sáng, tôi vào phòng riêng gọi lại cho Mẹ ở máy điện thoại-fax của mình. Tôi để chuông reo khoảng ba mươi lần. Chắc là Mẹ ngủ say lắm rồi. Chúng tôi uống nhiều rượu quá nên chưa thấy lo lắng lắm. Đến bốn giờ sáng, chúng tôi lại không dám gọi nữa, sợ đánh thức Mẹ dậy. Tôi xuống đường tiễn Madelein và đứng chờ taxi cùng cô ấy. Rồi tôi lên nhà gắng làm việc một lúc và hai giờ sau mới ngủ được. Quá trưa ngày Chủ nhật, tôi mới mở mắt. Máy nhắn tin và trả lời tự động đang nhấp nháy. Tôi nghĩ ngay là Mẹ gọi. Chắc bà được dịch vụ 31.31 thông báo là khuya hôm trước chúng tôi đã gọi nhiều lần. Nhưng tôi lại nhận ra giọng của Olivier, chú em rể cũ, người chồng thứ nhất của cô Madeleine. Chú ấy vẫn đi lại gần gũi với gia

đình chúng tôi, nhất là với Mẹ vì chú ấy sống ở một làng nằm sát bên ngôi nhà thờ cũ và lúc nào cũng sẵn lòng giúp bà bất cứ việc gì. “Anh François, lần này thì gay go rồi. Anh về ngay đi.” Tôi phải nghe tin nhắn hai lần mới hiểu việc gì xảy ra. Mẹ được hàng xóm phát hiện nằm bất tỉnh ngoài vườn, hai ngày vừa qua không nhìn thấy bà nên họ lo lắng và sang xem sao. Bà đã được đưa đến bệnh viện Manosque. Đang dự một hội nghị bác sĩ nhi khoa ở Toulouse, Claire, bà chị cả của tôi, đã thuê một chiếc xe và lên đường ngay. Sau này, tôi được đọc phiếu khám của ông bác sĩ đội trưởng đội cứu hỏa: “Bà Marie, họ thời con gái là Lapidès, mang họ chồng là Weyergraf. Ngã ngoài vườn từ độ cao 1 mét. Đã nằm ít nhất một đêm ngoài vườn. Da lạnh. Lẫn. Ngần ngơ. Bất tỉnh. Nghi xương đùi phải.”

Trong lúc chúng tôi gọi cho bà và, do ảnh hưởng của rượu sâm banh, đã vội trách bà không chịu nghe điện thoại thì bà đang nằm bất tỉnh ngoài vườn, nơi mà bà thường ra tưới hoa vào buổi tối, xương hông gãy, lại thêm nguy cơ nghẽn mạch phổi nữa. Trong lúc bà rất cần thuốc chống đông máu và vac-fa-rin thì chúng tôi lại thường thức một bụng gan ngỗng vỗ béo và sâm banh! Sau này, bà sẽ kể với chúng tôi rằng, khi nằm dưới đất, bà có nghe thấy từng tiếng chuông điện thoại nhưng bà không bò vào nhà được. Bà còn nghe thấy tiếng chó và cáo sủa, tiếng cú rúc, bà rất sợ nhưng không sao cử động được.

Tôi gọi điện đến bệnh viện Manosque nhưng không ai biết bà cả. Điện thoại di động của chị Claire lại được đặt ở chế độ trả lời tự động. Cả chú Olivier cũng không nắm được diễn biến mới nhất. Mẹ tôi đang nằm ở đâu? Tôi lại gọi đi Manosque một lần nữa và cuối cùng mới nhận được tin người ta đang chuẩn bị chuyển bà bằng xe cứu thương đến một bệnh viện tư ở Aix-en-Provence: “Thưa ông, Mẹ của ông thì bệnh viện chúng tôi không có đủ điều kiện chăm sóc đến nơi đến chốn. “Thế thì tại sao họ lại không chuyển bà thẳng đến một CHU^[95] ở Marseille? Việc chuyển đến bệnh viện tư ở Aix là thế nào? Một sự thỏa thuận giữa hai giám đốc tài chính chăng? Không hiểu trời xui đất khiến thế nào mà cuối cùng tôi cũng gặp được bà ở đầu dây bên kia, nhưng mới được vài câu, tôi đã hiểu ngay rằng bà không biết mình đang nói chuyện với ai. Bà gọi tôi là ông và hỏi tôi có thích rau cải soong không. Bà nói liên một mạch bốn mươi lăm phút. Bà nói lảm nhảm, đang chuyện nọ lại xọ chuyện kia, bà muốn người ta đưa lữ hà mã

đến sở thú vì chúng làm bẩn vườn nhà mình, bà kể về cái mũ sê-si-a của lính bộ binh ở Algérie mà ông cha xứ đội khi đứng làm chú rể cưới bà, bà khẳng định mình là con gái một người lính cận vệ thời Napoléon, bà cầu xin mọi người không được quên. “không bao giờ” được quên, rằng bà là mẹ của sáu đứa trẻ (kèm theo là mấy tên riêng tưởng tượng). Bà mới nói khoảng độ nửa tiếng, một cô y tá đã cầm lấy điện thoại để kiểm tra xem có thật bà đang chuyện trò với một người ở đầu dây bên kia không. Tôi giải thích cho cô biết, tôi là con trai của bệnh nhân, và cô đã nói lại với mẹ tôi. Bà bèn cầm lấy điện thoại và tiếp tục nói ngay: “Cô y tá muốn mẹ gác ống nghe nhưng các con mà gọi thì mẹ nói chuyện không bao giờ biết mệt cả. - Nhưng Mẹ ơi, mẹ có biết mẹ là mẹ đang ở bệnh viện và mẹ bị gãy cổ xương đùi không? – Con nói gì mà lạ thế, mẹ đang ở phòng đợi của bác sĩ liệu pháp vận động đấy chứ, con có biết không, ông ấy đã bán du thuyền của mình ở một cảng Đan Mạch, một chiếc du thuyền tuyệt đẹp, và ông ấy đã tậu một căn hộ. Ông ấy còn hỏi bao giờ con ra sách mới đấy. Mẹ bảo sắp rồi, hình như tối nay họ mổ cho mẹ thì phải, nhưng mẹ đã bị mổ cả hai bên đầu gối rồi còn gì, họ sẽ không mổ lại đầu gối của mẹ lần nữa chứ, con bảo họ một câu hộ mẹ nhé? – Mẹ ơi, mẹ bị ngã ngoài vườn đấy chứ, và... – Con biết là người ta không thay thuốc chống đông máu cho bệnh nhân hơn bảy mươi lăm tuổi chứ, khắp thế giới đâu đâu cũng quy định như vậy mà. – Mẹ có biết rằng Mẹ đang ở bệnh viện Manosque không? – Thôi đi, François, con đừng bịa! Lẽ nào tại thế, mẹ biết thừa là bác sĩ liệu pháp vận động của mẹ đang ở Forcalquier mà. - Mẹ ơi, Mẹ nói cho con biết xem Mẹ đang ở đâu nào. –Trong phòng đợi của bác sĩ liệu pháp vận động chứ còn gì nữa, sau khi bán du thuyền ông ấy đã sắm đồ đạc mới và tối nay thì mẹ phải đi chơi bài brit. Sẽ có vợ chồng nhà Lareau này, nhà Franck này, con biết họ rồi đấy, nhớ tên những người ấy cũng chẳng có ích gì đâu, chỉ chứng minh được là mình chưa đến nỗi lẫn thôi.”

Tôi hôm ấy, bà được chuyển đến Aix. Chị Claire báo cho tôi biết tình trạng của bà rất nguy ngập. Madeleine và tôi đáp chuyến tàu sớm nhất và hôm sau mới đến nơi. Tất cả các chị em tôi đều đã có mặt. Mẹ tôi lại tập trung được đông đủ cả sáu con một lần nữa, Claire, François, Bénédicte, Madeleine, Agathe và Blandine.

Người bà đầy độc tố không thải trừ được. Kết quả xét nghiệm máu không được tốt. Hôm qua, mới đầu các bác sĩ ở bệnh viện Manosque còn cho là không thể chuyển bà đi đâu được. Bà nằm trong phòng cấp cứu hồi sức và chúng tôi chỉ được vào thăm bà vài phút, lần lượt từng người một. Các chị em tôi đi ra đều nước mắt ngấn nước mắt dài cả, và đến lượt tôi cũng vậy. Bà không nhận ra chúng tôi nữa. Chắc là não bị tổn thương. Chúng tôi đối chiếu nhiều nguồn thông tin mới đoán được bà đã nằm hai đêm ngoài vườn. Bà bị ngã từ chiều tối hôm thứ Sáu, thế mà mãi đến Chủ nhật, người ta mới phát hiện ra. Một bác sĩ bảo với chúng tôi, thế còn may, nếu là mùa đông thì bà đã đi rồi.

“Ông đừng ở đây lâu”, cô y tá đưa tôi đến bên giường và nhắc khẽ. Cố kìm nén không bật khóc, tôi đứng im nhìn bà, khuôn mặt đã hốc hác mất hết thần sắc, đôi mắt không còn long lanh nữa, nước da đã trắng bệch như sáp. Vừa thấy tôi, bà đã báo cho biết là bọn gián điệp đang rình mò, chúng ghi âm tất cả nhưng gì hai mẹ con nói với nhau, thần kinh bà rất căng thẳng: “Suyt! Con đừng lên tiếng! Để mẹ nghe xem bọn gián điệp đang nói với nhau những gì đã.” Ai đến lượt vào khoa cấp cứu hồi sức đều phải xỏ giày vải, đội mũ trùm và khoác áo may bằng một loại ni-lông trong suốt màu xanh nhạt sờ vào thấy ghê tay. Buổi sáng ngày thứ ba, khi tôi hỏi bà tôi là ai, lần đầu tiên tôi thấy bà phản ứng khá sắc sảo: “Con đừng coi mẹ như người bị thần kinh nhé, con là con trai mẹ chứ gì! Con mặc một cái áo rất trang nhã để đến thăm mẹ, đáng khen đấy.” Nhưng đến tôi thì bà lại nói lảm nhảm chuyện gián điệp. Tôi cứ ngong ngóng chờ ngoài cửa xem bà chị hay cô em vào thăm bà đã sắp ra chưa. Chúng tôi muốn trao đổi nhận xét, hy vọng là sẽ có một người trong mấy chị em báo tin bà đã đỡ hơn.

Thay vì vào khách sạn nghỉ, các chị em tôi lại quyết định, mỗi tối tất cả mọi người sẽ về ngôi nhà thờ cũ. Lái xe thì họ không ngại, mà nếu chạy theo đường trục thì ngôi nhà thờ cũ chỉ cách Aix có một giờ đường thôi. Chị em chúng tôi có tất cả ba xe. Buổi tối thứ nhất, khi tôi đi cùng cô Madeliene, tâm trí hai anh em bấn loạn quá đến nỗi khi đến thành phố Sisteron và dừng trước tấm biển quảng cáo một viện bảo tàng về Baden-Powell^[96], chúng tôi tự nhiên lại phá lên cười vô cớ, một tràng cười nghiêng ngả cứ phải bật tung ra, như người ta vẫn cười trong những giờ

phút nghiêm trọng và lo lắng thất ruột. Cả hai chúng tôi cũng đã có một trận cười điên dại không sao kìm hãm được như vậy, đêm mà chúng tôi túc trực bên xác Cha, đêm trước lễ tang. Người sáng lập tổ chức hướng đạo đến chân thành Sisteron để làm gì nhỉ? Tôi lại nhớ đến hồi tôi còn là một chú sói con: “Sói con, hãy thật lòng rèn luyện ý thức giúp đỡ mẹ bạn và hãy thể hiện cho mẹ biết. Mẹ bạn sẽ làm nốt tất cả những việc còn lại.”

Chú Olivier đã chờ chúng tôi và làm sẵn bữa tối. Chú ấy đã cất công đi đến tận thị trấn Banon để mua ở hiệu Boutin – hay hiệu Sauveur, thú thật là tôi không nhớ nữa – một miếng thịt rất ngon mà chúng tôi hầu như không đụng dao đĩa. Toàn bộ ổ cắm ở tầng một đều được sử dụng vào việc sạc pin sáu chiếc điện thoại di động để mấy chị em thông báo cho họ hàng biết tình hình của mẹ chúng tôi. Tôi vô tình mở ngăn kéo tủ và tìm được một cặp kính râu gầy, một bộ bài xếp chữ Scrabble cũ rích, vài cái đèn pin, một lô kẹp quần áo bằng gỗ.

Ba ngày ở nhà mẹ ấy, cuối cùng thì tôi cũng sắp được sống thật rồi. Ở nhà mẹ nhưng không có mẹ ở nhà, rồi ba ngày thành năm ngày, mà ngày nào cũng thế, cứ tối tối về đến đó là chị em chúng tôi lại xác định với nhau là sẽ không bao giờ trở lại sống ở ngôi nhà thờ cũ này được nữa. Lần này thì chắc là bà khó qua khỏi, và trong trường hợp tốt nhất, bà cụ nhỏ bé nhưng không đến nỗi yếu ớt như người ta tưởng, bà cụ vừa sống sót sau hai đêm mà nếu là người khác thì đã chết từ lâu rồi, bà cụ ấy không thể sống một mình trong ngôi nhà nằm chờ vợ, cách biệt với hàng xóm láng giềng được nữa. Có lẽ bà còn không thể tự ăn uống, tự mặc quần áo được nữa. Nhưng ai trong sáu chị em chúng tôi dám đưa vào viện dưỡng lão một người đàn bà vẫn thường tuyên bố với chúng tôi: “Thà mẹ tự vẫn còn hơn vào viện dưỡng lão.” Chúng tôi có thể phân công nhau lần lượt đưa bà về nhà mình trông nom. Bàn tính mãi rồi chúng tôi cũng phải đi ngủ, nhưng người nào người nấy đều hy vọng bà sẽ bình phục.

Không ai ngủ được cả. Đêm nào tôi cũng ra vườn thơ thẩn một mình. Mẹ đã kể với tôi, hôm xảy ra tai nạn, bà muốn phun thuốc sâu cho mấy cây hồng bị rệp phá: “Hoa hồng nhiều gai quá, chính vì muốn đi vòng quanh khóm cây nên mẹ, mới bị trượt chân.” Bà vừa trải qua cuộc phẫu thuật khớp háng xong, thế mà còn than mình bị xước tay vì lúc ngã chót búa vào cành

hồng. Một người ở gần đó, bà Girard, đã lên Aix thăm mẹ chúng tôi và ôm mặt ghen ngào nói: “Thế mà tôi cứ tưởng sẽ không được gặp lại cụ nữa.”

Ba giờ sáng, tôi vẫn còn lò mò ngoài vườn soi đèn pin vào từng cây hồng, đúng là chúng bị rệp cắn thật. Bà đã nhờ một nhân viên tòa thị chính mà bà gọi là “Người làm vườn của mẹ” đến cắt xén giúp cỏ dại ở cuối vườn. Giá mà lúc này tôi được nói chuyện với Delphine có phải hay không, nhưng ngoài vườn không có sóng, mà Agathe lại nghỉ trong căn phòng khách, nơi đặt điện thoại cố định. Vừa căng mắt cố phân biệt ánh sao nhấp nháy và ánh sáng ổn định ở các hành tinh, tôi vừa hít thở ni-tơ và ô-xy, đi-ô-xit cac-bon do loài thú và loài người thải ra. Tôi nhận ra những chòm sao mùa hè, chòm Thiên Ưng nằm giữa hai nhánh của Dải ngân hà. Tôi đã viết những từ như “chúng tăng trạng thái bồn chồn” hay “bồi rối” mà không ngờ rằng, một ngày kia mình sẽ là một người con trai lo sợ mẹ qua đời. Tôi tự nhủ rằng người ta viết chỉ để cho mẹ mình đọc, rằng việc viết lách và mẹ đẻ liên quan chặt chẽ với nhau, rằng một nhà văn để tặng tác phẩm của mình không phải cho bà mẹ đã già đi khi bản thân mình đến tuổi viết văn và xuất bản mà cho thiếu phụ đã sinh ra mình ra khỏi lòng trong ngày chào đời. Không khí thật trong lành và khô ráo, tôi nghĩ đến toàn bộ những cuốn sách đã đọc trong đời, những cuốn sách đã đưa đường chỉ lối cho tôi đến nơi này, đến khu vườn mà ban đêm cáo hay mò vào làm mẹ tôi hoảng sợ. Khi Mẹ đỡ ít nhiều, tôi mới dám nhận xét là bà đã nói lần một câu, bà liền đáp: “Con biết rõ là mẹ vẫn nói nhằm máy ghi âm từ tính thành máy ghi hình từ tính mà!” Ngày cuối cùng ở bệnh viện, trong lúc chúng tôi chờ xe cứu thương đến đưa bà vào trung tâm hồi phục chức năng xa hơn Nice một chút, bà cười rất tươi và bảo tôi: “Mẹ không cho con một đoạn kết để con hoàn thành tác phẩm của mình, những mẹ lại cho con tư liệu về một cú ngã.” Vừa mới bình phục, bà đã lại lo cho tôi rồi! Có một lần, Madeline nói riêng với tôi, trước khi bị ngã rất lâu, bà đã luôn lo nghĩ cho tôi: “Mẹ sợ anh không bao giờ viết được nữa, lúc nào Mẹ cũng bồn chồn vì anh.”

Thời gian nằm ở bệnh viện Aix, bà đã được chăm sóc rất chu đáo, mặc dù những lúc nóng ruột đến phát điên chúng tôi cũng có nói xằng nói bậy xúc phạm bác sĩ và y tá. Chúng tôi rất lo ngại, nhờ bộ phận y bác sĩ có nhiệm vụ chăm sóc bệnh nhân lại cho rằng số mệnh con người đã được định sẵn không thể cưỡng lại được, và dù sao thì người già trên tám mươi tám tuổi qua đời cũng là thọ lắm rồi. Khi nói về bệnh viện tư ở Aix, Mẹ tỏ ra

tiếc không được nằm ở đó nữa: “Trong ký ức, mẹ vẫn tưởng tượng nơi ấy là một thiên đường nhỏ. Thiên đường ấy sẽ ở trong lòng mẹ mãi mãi như nước tắm cái lão hoàn đồng ấy. Mẹ được thấy tất cả các con ở đó mà.” Bà thích nghe chúng tôi kể bà nói những gì trong lúc mê sảng. Thỉnh thoảng, bà lại băn khoăn: “Nhưng ít ra thì mẹ cũng không nói xấu ai đấy chứ?” Và khi chỉ có một mình tôi ở bên bà: “Con có chắc làm mẹ không chê bai gì mấy thằng rề không?”

Một hôm khác, bà lại đứng lên kể những gì đã diễn ra ngoài vườn: “Hai đêm nằm ngoài vườn ấy, mẹ không thể tả rõ ràng cho con hiểu được... Trong cái rủi cũng có cái may. Mẹ được thấy mặt trời mọc hai lần trên nền trời rộng bao la màu tím nhạt và vàng cam, mẹ được nghe đủ mọi thứ tiếng xào xạc, tiếng chuông ngân. Mẹ ứ ớ gọi người đến giúp. Nhưng chỉ có loài vật nghe thấy thôi. Mẹ được thấy tất cả chó nhà trong vùng lần lượt đi qua. Mẹ không ngờ rằng có bấy nhiêu con vật mò lại gần mình đến thế, có cả một con thần lẩn bé xíu màu xám nữa, mẹ chợt nghĩ đến con, mẹ đã nói chuyện với nó, mẹ không nhớ đã kể cho nó nghe những gì nữa. Khi tiếng chuông điện thoại reo, là các con, nhưng mẹ không sao đứng lên được, ngay cả bò lên, mẹ cũng chịu.”

Bà lại về sống ở ngôi nhà thờ cũ. Tuy chỉ vắng nhà có một thời gian ngắn để phục hồi chức năng, nhưng cũng có lúc bà vừa cười vừa nói đùa là bà mong được đưa đi cấp cứu một lần nữa: “Có thể thì cả sáu con mẹ mới về thăm mẹ ngay lập tức chứ! Các con mà có mặt đông đủ, mẹ sẽ thú nhận là mẹ chỉ giả vờ ốm để cho các con về thôi. Mẹ con mình sẽ cùng nhau rời khỏi bệnh viện, sẽ vào một quán ăn ngon cùng nhau một bữa.” Tôi không nhớ có phải trong cùng một cuộc nói chuyện qua điện thoại lần ấy bà đã phàn nàn riêng với tôi câu này không: “Mẹ con mình đã một năm không gặp nhau rồi đấy nhỉ. Con sẽ thấy mẹ già đi nhiều.” Và một câu nữa bi quan hơn: “Mẹ sắp trăm tuổi rồi, mẹ không muốn đến đó đâu.” Tôi không được chết trước bà, nhưng tôi cũng không muốn bà chết trước tôi. Cha mẹ đã chơi khăm con cái không biết bao nhiêu vô rồi, thế mà sinh ra người con nào là lại bắt buộc người con ấy phải đi sau quan tâm mình một ngày nào đó, chỉ là vấn đề trước hay sau thôi, chỉ miễn trừ cho con nào chết non thôi.

Hai ngày cuối cùng trước khi mẹ tôi ra viện, chỉ còn một mình tôi ở lại Aix- en- Provence thôi. Các chị em tôi đã đi trước rồi, ai cũng có công việc

của mình cả. Tôi thuê phòng ở khách sạn. Cậu nhân viên trực đêm, một sinh viên đi làm thêm, đã nhận ra tôi. Cậu ta đọc cuốn sách cuối của tôi và muốn hỏi bao giờ thì cuốn sau sẽ ra mắt. Còn lâu! Cứ làm như người ta chỉ lo có mỗi việc ấy không bằng! Tôi dậy rất sớm và đi bộ đến bệnh viện, tôi mang cá hồi hun khói cho Mẹ nhưng bà không đụng đến. Buổi tối thì tôi đi vơ vẩn ngoài phố. Tôi chẳng thiết gì đến các khách du lịch nữ trông hay hay mà tôi gặp cả. Ban ngày thì tôi lại chẳng buồn vào các thư viện nổi tiếng là tuyệt vời ở Aix để tìm kiếm sách cũ, từ xưa tới nay tôi chưa bao giờ có tâm trạng như vậy. Mẹ tôi yêu cầu: “Con vào cửa hàng Monoprix ở đường Mirabeau và mua cho mẹ một con dao nhé ở đây mẹ phải làm vất vả lắm mới cắt thịt được.” Không khí điều hòa dưới tầng hầm cửa hàng Monoprix khiến tôi thấy dễ chịu hơn. Khi tôi mang dao về, bà lại bảo không cần nữa. Tôi vẫn còn giữ con dao ấy, nó nằm trên bàn, trong cái hộp bìa xanh da trời để bảo vệ cho lưỡi khỏi sứt mẻ. Mẹ tôi khuyên tôi đi xem xưởng họa của Cézanne, tôi chưa có dịp đến đó bao giờ. Bà đã đến thăm quan cùng với ông Frédéric lần cuối cùng hai người gặp nhau. Ở tầng trên, nơi mà xưởng họa được khôi phục lại một cách thành kính, tôi dừng lại trước những hộp sọ mà Cézanne dùng làm mẫu để vẽ bức tranh nổi tiếng toàn đầu người chết. Cuối cùng, một buổi sáng, tôi đến bệnh viện thì thấy Mẹ đã ngồi trên ghế. Bà để chân trần, tôi mới thấy chúng gầy như que củi trông thật tội nghiệp. Bà mặc bộ váy áo của bệnh viện màu hồng tay dài, trông y như con búp bê sứ để bày tử kính. Người ta đã chuyển bà sang phòng khác. Bà không nằm một mình một phòng nữa và tôi thấy bà đang chuyện trò sôi nổi với chủ một hiệu giặt là ở Manosque. Bà hứa đi thăm bà bạn cùng phòng và mang quần áo đến giặt. Bà lại bắt đầu có quan hệ xã giao bình thường với mọi người rồi. Sau khi trở lại Paris, tôi thường xuyên gửi cho bà những bản fax thật dài, mỗi lần hai hay ba trang. Buổi tối thì tôi gọi cho bà ở trung tâm phục hồi chức năng, tôi hỏi bà xem người ta có chuyển đều đặn fax của tôi cho bà không: “François, bản mới nhất con viết tình cảm quá, mẹ xúc động đến nỗi suýt chảy nước mắt đấy.”

Bà nhất định không bằng lòng cho các con mua tặng máy fax, máy điện thoại trả lời tự động, còn đầu đọc DVD thì bà dứt khoát từ chối, nói chung tất cả những máy móc mà bà gọi là “đồ hiện đại”, mẹ không biết cách sử dụng”. Đôi lúc, bà còn nổi nóng: “Mọi người cứ khuyên mẹ bán ngôi nhà thờ đi rồi thuê một căn hộ nhỏ ở Manosque. Họ bảo, có thể thì mẹ mới đỡ vất vả. Ai khiến người ta nghĩ thay mẹ! Dù sao thì mẹ vẫn quyết định được

mình nên sống như thế nào chứ?” Hôm nọ, bà vui vẻ bằng lòng để người ta đưa đến dự ngày lễ mừng vị thánh bảo hộ xứ đạo: “Lễ hội thôn quê không còn như ngày xưa nữa. Khói nung xúc xích ớt vương vào mọi thứ khét lẹt. Hồi mẹ còn phụ trách, đàn bà chúng tôi tự làm đồ ăn lấy. Lại còn tiếng loa nữa chứ! Cách đây không lâu, người ta còn thuê dàn nhạc hẳn hoi, chứ bây giờ thì... Mẹ chỉ ở đó chưa đến mười phút. Bệnh hư khớp lại hành hạ mẹ rồi. Mẹ đã cho gọi bác sĩ đến. Mẹ không còn nhanh nhẹn như cách đây mười lăm ngày nữa. Ôi dào, mẹ đã đến tuổi mà bệnh gì cũng vô phương cứu chữa rồi, cú hết bệnh này lại đến tật kia ấy mà. Chỉ có chết thì mới hết bệnh.”

Tối nay, tôi muốn gửi cho bà một bản fax, tôi muốn báo cho bà mừng là tôi vừa đặt dấu chấm hết cho cuốn sách mà tôi đã quyết hoàn thành từ khi được sống ba ngày ở nhà mẹ, sau lần mẹ bị ngã.

[1] *Papa, si siamo parlati così poco!*: Cha ơi, chúng ta ít nói chuyện với nhau quá (tiếng Ý).

[2] *Sigmund Freud*: (1856-1939) Bác sĩ người Áo chuyên chữa bệnh thần kinh và tâm thần, sáng lập và phát triển khoa phân tâm học.

[3] *Délice*: có nghĩa là niềm vui thú, mỹ vị, ngon tuyệt, thơm tuyệt... *Délice* và *Delphine* đều bắt đầu bằng âm tiếng Del.

[4] *Fantaisie*: Việc (chuyện) mà người ta bịa hoặc tưởng tượng. *Kirsh* là rượu anh đào trắng, nhưng *kirsh fantaisie* là một hỗn hợp hóa chất rẻ tiền chỉ có 1% là kirsh.

[5] *TGV*: Tàu tốc độ nhanh.

[6] *Đế chế II* (1852-1870) do Napoleon III (1808-1873) thành lập

[7] *Edmund Husserl*: (1859-1938) Triết gia Đức. *René Descartes* (1596-1650) Triết gia, nhà toán học, nhà vật lý học Pháp. *Joseph Kerman* (1924-...) Giáo sư Danh dự, nhà phê bình, nhà bình luận âm nhạc học người Mỹ.

[8] *Paul Vidal de la Blache* (1845-1918): Nhà địa lý người Pháp. Sau khi ông mất. 15 tập Địa lý thể giới (*Géographie Universelle*) do ông khởi đầu đã được Lucien Gallois hoàn thành (1927-1948) và xuất bản.

[9] *La Femme et le Pantin*: Tên một tác phẩm của nhà văn Pháp Pierre Louys (1870-1925) đã được chuyển thành 5 kịch bản phim. Ở đây ý nói người đàn bà làm đàn ông say đắm, gây tai họa cho họ.

[10] *Laurel và Hardy*: Hai diễn viên hài người Mỹ nổi tiếng nửa đầu thế kỷ 20, một gầy một béo, từng đóng chung 200 phim.

[11] *Exsecratio*: Phép tượng trưng để tước bỏ tính chất thiêng liêng và bắt trở lại tình trạng phàm tục.

[12] *Voivode*: Vương công Vlad Tepes, chủ nhân xứ Valachie ở TK XV nhiều lần kéo quân đến Transylvanie đánh người Sasi (người Đức định cư ở Brasov và Sibin), chuyên dùng nhục hình đóng cọc vào hậu môn cho nên bị người Hồi Giáo và người Ghiauri gọi là “Kaziklu Voivoda” nghĩa là Vương công - Kẻ đóng cọc vào hậu môn. Jean de Capistran (1386-1456) Thầy tu tham gia bảo vệ Belgrade chống quân Thổ Nhĩ Kỳ.

[13] *Ôt-tô-man (Ottoman)*: Tên gọi của quốc gia Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ, hưng thịnh vào TK16-17, tan rã sau Chiến tranh thế giới I.

[14] *Opus Dei*: (tiếng la- tinh nghĩa là tác phẩm của Chúa): Một tổ chức tôn giáo do Josemaria Escriva de Balaguer (1902-1975) thành lập năm 1928. J.E. de balaguer được Giáo hoàng phong thánh ngày 6 tháng 10 năm 2002.

[15] Francisco Franco (1892-1975): Nhà hoạt động quân sự, chính trị và nhà nước Tây Ban Nha, năm 1939 trở thành quốc trưởng và tổng tư lệnh quân đội, trong Đại chiến II được Hitler và Mussolini ủng hộ, năm 1947 phục hồi chế độ quân chủ và tự xem như người có quyền nhiếp chính bảo vệ chế độ đó suốt đời, mất ngày 20 tháng 11.

[16] Đảng Xanh: tên đầy đủ là “Les Verts, Confédération Écologiste- Parti Écologiste” (gồm những người bảo vệ thiên nhiên theo phái tả)

[17] UDF: Union pour la Démocratie Française (Liên minh vì nền dân chủ Pháp).

[18] Mũi Canaveral: nằm trên bờ biển phía đông bang Florida, có căn cứ thử nghiệm tên lửa và tên lửa vũ trụ, thời kỳ từ 1963 đến 1973 đổi tên là Cape Kennedy.

[19] Dolce vita: (tiếng Ý) Cuộc sống ngọt ngào, dễ chịu.

[20] Bouvard et Pécuchet: tác phẩm viết dở của nhà văn Pháp Gustave Flaubert (1821-1880), được xuất bản năm 1881, nói về hai người đàn ông đầu óc tầm thường, bắt tài vô dụng nên thất bại thảm hại.

[21] Marionnette: (tiếng Pháp) Con rối.

[22] Merton Howard Miller (1923...) Người Mỹ, Giải Nobel Kinh tế năm 1995, Franco Modigliani (1918-2003) Người Mỹ gốc Ý, Giải Nobel năm 1995.

[23] Charles Quint: (1516-1556) Vua Tây Ban Nha thời kỳ cực thịnh của đế chế TBN với rất nhiều thuộc địa mà tập trung nhất là ở châu Mỹ.

[24] Georges Haussmann: (1809-1891) Bá tước người Pháp, tỉnh trưởng Seine, có công quy hoạch lại Paris, nhờ vậy mới có những đại lộ và công viên rộng rãi như ngày nay (1853-1870).

[25] Ngày cuối cùng của một người bị kết án: Truyện vừa của đại văn hào Pháp Victor Hugo (1802-1888), đoạn mở đầu là: Đã năm tuần nay, tôi phải sống cùng với ý nghĩ này, lúc nào cũng chỉ có tôi và nó (cái chết) đối diện với nhau, lúc nào người cũng lạnh cứng và biết nó đang lảng vảng quanh đầu đây, lúc nào cũng phải còng lưng dưới sức nặng của nó.

[26] Glenn Gould: (1932-1982) Nhạc sĩ dương cầm Canada, người đầu tiên tổ chức biểu diễn hòa nhạc Variations Goldberg của Bach năm 1955 (trước đó, người ta chỉ độc tấu trên dương cầm, kể cả Evgeni Koroliov)

[27] Yến tiệc: Platon (428-348 trước CN) là triết gia Hy Lạp, tác giả “Banquet”. Xenophon (430-355 trước CN) là sử gia, triết gia, nhà quân sự ở Athènes, tác giả “Symposium”, hai từ đều có nghĩa là yến tiệc.

[28] My sweet nightingale: Chú chim sơn ca đáng yêu của anh.

[29] v.o.: (version origianle) Bản gốc. “Adieu adieu adieu remember me.”: “Vĩnh biệt vĩnh biệt vĩnh biệt hãy nhớ đến ta.” (3 từ đầu là tiếng Pháp, 2 từ sau là tiếng Anh).

[30] Elysios olim liceat cognoscere campos: (Xin hãy hoãn...) cho ta lần khác mới phải tới Cảnh đồng Thiên Elysium... (theo huyền thoại Hy Lạp, Elysium là nơi mà người có đạo đức được đến sau khi chết).

[31] Jamus: Thần Cửa và thần bảo vệ những sự bắt đầu và kết thúc, cũng có hai mặt như cánh cửa.

[32] Être orfèvre en aucun matière: Nghĩa đen là “Làm thợ kim hoàn với bất kỳ chất liệu gì”, nghĩa bóng là “Không nên thành thạo về bất cứ việc gì”. Vì vậy, tác giả mới chơi chữ và đáp là đánh bóng, lau chùi đồ đồng, đồ bạc.

[33] SNCF: Société Nationale des Chemins de fer Français. Công ty Đường sắt Quốc gia Pháp.

[34] Gott sei Dank, Herr Röntgen: Tạ ơn trời, Ngài Röntgen! (tiếng Đức).

[35] Madame Pompadour: (1721-1764) Nữ Hầu tước được Vua Louis XV sủng ái thời kỳ từ 1745 đến 1751, người bảo trợ cho văn học, nghệ thuật.

[36] Anh em nhà Marx: Ba anh em diễn viên hài người Mỹ gồm Chico (tên thật là Léonard, 1887-1961), Harpo (Adolph Arthur, 1888-1964) và Groucho (Julius Henry, 1890-1977).

[37] Dân Djinn: Sinh vật siêu tự nhiên trong văn học dân gian của người Hồi giáo có thể biến thành hình người hoặc hình động vật. Ở đây nói đến bài thơ của Victor Hugo (1802-1885) trong tập thơ “Những bài thơ Phương Đông” (Les Orientales, 1829).

[38] Charlemagne (Charles I Đại đế): (742-814) Vua xứ France, Hoàng đế phương Tây từ năm 800 sau lễ tấn phong của Đức Giáo hoàng La Mã tại Aix-la-Chapelle, nổi tiếng là nhà chỉ huy quân sự tài giỏi.

- [39] Oh, what he was: (tiếng Anh) Chao ôi, ông từng là người như thế.
- [40] Armand Jean du Plessis Richelieu: (1585-1642) Nhà hoạt động chính trị thời vua Louis XIII. Tể tướng, thành viên Hội đồng Nhà Vua, thực hiện có hiệu quả một loạt chính sách cải cách.
- [41] Potala: Lâu đài trên Đồi Đỏ ở Lhasa, tây tạng, được xây từ TK 7, là nơi làm việc của Đạt Lai Lạt Ma.
- [42] The D. of R.: Tên tiếng Anh của một người đàn bà mà H. B. Stendhal (1783-1842) viết tắt có chủ ý. Câu này trích trong sổ ghi chép riêng (*Oeuvres intimes*) theo thứ tự chữ cái, mục G (*Graveleux*, Chuyện tục).
- [43] Homologatif: Trong từ điển chỉ có từ *homologation* (sự chính thức công nhận, sự xác nhận, sự phê chuẩn), *homologuer* (chính thức công nhận...), *homologable* (có thể chính thức công nhận...)
- [44] Phlébite: Viêm tĩnh mạch.
- [45] Thrombose: Chứng huyết khối.
- [46] Denis Diderot: (1713-1784) Nhà triết học duy vật, nhà văn, nhà tư tưởng của Cách mạng tư sản Pháp TK XVIII, người tổ chức và biên soạn Bách khoa thư hoặc Từ điển Tưởng giải.
Từ *manstupration* ở tập 16, trang 95, được giải thích là sự bài xuất tinh dịch bắt buộc bằng cách sờ mó, sờ trơn và cọ sát... Trong tiếng *la-tinh*, *manus* là tay, *stupran* là truy lạc, đáng khinh, dâm dăng.
- [47] Publius Vergilius Maro: (70-19 trước CN) Nhà thơ La-tinh, tác giả kiệt tác sử thi vĩ đại *Enéide*. Từ "*complector*" nằm ở khúc VI (*xus sum complector*) và được tác giả giải thích là ôm hôn, siết chặt.
- [48] Diogenès Le Cynique: (413-327 trước CN) Nhà triết học hy Lạp, s9ai diện tiêu biểu của phái Xi-nic. Câu "... để tự giải quyết nhu cầu cho mình theo cách của Le Cynique." Là do bác sĩ Théophile Bordeu nói với cô Julie de Lespinasse trong tác phẩm triết học "Giấc mơ của D'Alembert" của Diderot. Jean Le Rond D'Alembert (1717-1783) là một nhà toán học, cơ học và triết học. Viện sĩ Hàn lâm Khoa học Pháp, đã cùng Diderot biên soạn Bách khoa thư, đã phát biểu nguyên lý D'Alembert để giải các bài toán động lực học bằng các phương pháp của tĩnh học, đã để lại nhiều công trình trong đó có tác phẩm triết học "Những nguyên lý triết học". Ông hay xuất tinh trong giấc mơ, nhưng chính trong trạng thái lạc ý thức ấy, ông mới nhìn thấy, mới hiểu được toàn bộ những vấn đề lớn trong triết lý duy vật.
- [49] Con tàu ma (Le Vaisseau fantôme, The Flying Dutchman): Vở opera của Richard Wagner (1813-1883). Senta là con gái Dalan, một thủy thủ Na Uy. Vừa mới nhìn thấy châu báu của Thuyền trưởng Người Hà Lan, Dlan đã bằng lòng gả con gái cho ông ta. Người Hà Lan bị một lời nguyện bất phãi đi lang thang, không được lên bờ. Cái nhìn của Senta đo thẳng vào tâm hồn ông ta như một tia chớp, nhưng cuối cùng, ông ta không muốn lời kéo Senta vào số phận bi thảm của mình. Chính sự hy sinh ấy đã giải lời nguyện, khiến ông ta xứng đáng được cứu rỗi.
- [50] Thời thơ ấu, tôi rất hạnh phúc, tôi hay được đi xem xiếc và dự lễ ở nhà thờ.
- [51] Xérophagies: là một từ ghép. Trong tiếng Hy Lạp, *xéros* là khô, *phagein* là ăn, tiếng Pháp là *xer(o)* và *phag(o)*.
- [52] Hội chợ Trône (Faire de Trône): Lễ hội vui chơi hàng năm ở Rừng Vincennes, thường bắt đầu vào ngày lễ Phục sinh và kết thúc vào cuối tháng 5.
- [53] Une petite tranche: Đây là cách chơi chữ của tác giả. *Tranche* có một số nghĩa: lát (bánh, thịt,...), ăn chơi xả láng...
- [54] Love affair with a patient: Chuyện tình với một bệnh nhân. Promptly go to bed: Nhanh chóng lên giường.
- [55] Gaetano Donizetti: (1797-1848) Nhà soạn nhạc Ý, tác giả hơn 60 vở opera, trong đó có vở *Maria Stuarda*, *Lucia di Lammermoor* (Lord Henry Ashton là anh của Lucia). *L'Elisir d'amore* (Bùa yêu)...
- [56] Greeting, my Lord: (tiếng Anh) Xin kính chào Ngài!
- [57] Gioachino Rossini: (1792-1868) Nhà soạn nhạc Ý, tác giả vở opera "Il barbiere di Siviglia" (Người thợ cạo thành Seville)...
- [58] Tissot and C^o: Tissot và hội bạn.
- [59] Michelangelo Merisi tức Le Caravage (sinh ở Caravaggio): (1584-1688) Họa sĩ Ý, người sáng lập nền mỹ thuật hiện thực thế kỷ XVII, tác giả bức tranh *Bacchus* (Thần Rượu).
- [60] James Ensor: (1860-1949) Họa sĩ và thợ khắc người Bỉ, sinh ra ở thành phố Ostende.
- [61] Amstellodamien / Amstellodamois: Người đàn ông sống tại Amsterdam (theo từ điển Wikrionaire).
Amstellodamienne / Amstellodamoise: Người đàn bà sống ở Amsterdam. Đây là cách nói khôi hài của tác giả, vì *mienne* và *amoise* là của tôi, *damoiselle* là cô tiểu thư.
- [62] BRT: Belgian Radio & Television (Đài Phát thanh & Truyền hình Bỉ)

[63] Thế hệ Mới (La Nouvelle Vague): Nhóm đạo diễn muốn thay đổi cách làm phim trong những năm 50 thế kỉ XX, sau Đại chiến Thế giới II, gồm Jean Godart, François Truffant, Jacques Demy v.v...

[64] Tsurezure gusa : Tác phẩm gồm 243 tiểu luận ngắn của nhà sư Kenko (1283-1350), được xuất bản sau khi ông mất.

[65] Viên Geisha : Viên hình ô-van để đàn bà sử dụng, trong có hòn bi thép, khi cho vào trong người thì tạo được độ rung, gây khoái cảm mãnh liệt

[66] Ey, dostum ! Ne var ne yok? (tiếng Thổ) : A, ông bạn! Ông bạn năm phương ngàn kẻ của tôi thế nào rồi?

[67] Jasrai (1930-...), Người hát và gảy đàn trong những bài cổ truyền của Ấn Độ, vị đạo sĩ Bà-la-môn lão thành nhất ở hội môn đồ Mewati Gharana, là nhân vật truyền thuyết còn sống, niềm tự hào của đất nước.

[68] Playmate : Danh hiệu mà hàng năm độc giả tạp chí Playboy bình chọn cho người đàn bà đẹp (tiếng Anh).

[69] Classy: Có hạng, thuộc hạng cao cấp (tiếng Anh).

[70] Vincent van Gogh: (1853-1890) Họa sĩ người Fla-măng, tác giả bức tranh sơn dầu trên vải “Những người ăn khoai tây” (1885).

[71] Platon: (428-348 trước CN) Triết gia Hy Lạp. Diogène (người thuộc phái Xi-nie) đang ăn và khô thì gặp Platon. D. bảo P.: “Ông có thể lấy một ít.” P. lấy ăn, D. nói: “Tôi bảo ông lấy chứ có bảo ông ăn đâu.” Lần khác, D. hỏi xin một chút rượu vang và và khô, P. cho một chai đầy, D. bảo: “Khi người ta hỏi ông 2 cộng 2 bằng bao nhiêu, ông có trả lời là 20 không? Ông không cho người ta cái mà người ta xin, và ông không trả lời đúng câu hỏi mà người ta đặt cho ông.”

[72] François, Công tước de La Rochefoucauld: (1613-1680) Một trong những người thuộc hoàng tộc tham gia Đảng Phoron-đơ hăng hái nhất chống lại nhà vua, tác giả “Réflexions ou Sentences Maximes morales (Suy nghĩ hay châm ngôn và châm ngôn răn dạy đạo đức), khách quen tại Thính phòng văn chương của nữ văn sĩ. Nữ Hầu tước de Sablé (1599-1678). Trong một lá thư gửi bà de Sablé, ông viết: “...Đây là toàn bộ châm ngôn mà lúc này tôi có, nhưng vì không ai cho không ai bao giờ nên tôi chỉ xin bà một món canh cà rốt, một món ra-gu cừu...”

[73] Bescherelle : Sách tham khảo về cách chia động từ tiếng Pháp.

[74] John Hunt: (1910-1998) Nhà thám hiểm leo núi người Anh cùng với một người New Zealand là Edmund Hillary (1919-...) và một người Nê-pan là Norgay Tenzing (1914-1986) đã chinh phục đỉnh Everest lần đầu tiên trên thế giới năm 1953.

[75] Charly Gaul: (1932 – 2005) Vận động viên đua xe đạp leo núi người Luxembourg. Annie Kubler: Tác giả nhiều truyện tranh trẻ em, Hugo Koblet: (1925 – 1964) Vận động viên đua xe đạp người Thụy Sĩ, Graham Green: (1904 – 1991) Nhà văn Anh, Raymond Queneau: (1903 – 1976) Nhà văn Pháp chủ trì nhóm soạn Bách khoa thư Pléiade, Giorgio La Pira: (1904 – 1977) Thị trưởng Florence khoá 1951 – 1958 và 1961 – 1965, Jean Renoir (1894 – 1979) Nhà làm phim Pháp, con trai họa sĩ Auguste Renoir, Vladimir Horowitz (1904 – 1989) Nhạc sĩ dương cầm Mỹ gốc Nga, Hergé (1907 – 1983) Bút danh của George Reno, người Bỉ, tác giả truyện tranh Tintin... Sydney Bechet (1897 – 1959) Nhạc sĩ nhạc Jazz người Mỹ, thổi cla-ri-net, Gary Cooper (1901 – 1962) Ngôi sao điện ảnh Mỹ, được 2 Giải thưởng Hàn lâm vai nam chính xuất sắc năm 1941 và 1952.

[76] Hector Belioz: (1803 – 1869) Nhà soạn nhạc Pháp, sinh ở tỉnh Isère, đại diện xuất sắc của nền âm nhạc lãng mạn Pháp, sáng tạo loại giao hưởng trữ tình có tiêu đề.

[77] VTT: (Velo Tout Terrain) Xe đạp đi được trên mọi địa hình.

[78] Green Car: Tàu cao tốc hạng nhất ở Nhật, vải bọc ghế và trang thiết bị màu xanh lá cây, vé đắt gấp rưỡi, nhiều khi chỉ có vài ba hành khách.

[79] Emotional: Dễ xúc động (tiếng Anh).

[80] Joseph Beuys: (1921 – 1986) Nhà điêu khắc Đức, nhà biểu diễn nghệ thuật sắp đặt. Cy Twombly: (1928 - ...) Họa sĩ, nhà điêu khắc Mỹ.

[81] Swami Sivananda: (1887 – 1963) Bác sĩ, năm 1924 xuất gia, trở thành nhà Ấn độ giáo đạo cao đức trọng, kiến thức uyên thâm thuộc hàng giáo phẩm cao, tác giả một số sách về yoga, tôn giáo và Triết học

[82] Johann Eckhart: (1260 – 1327) Thầy tu dòng Đô-mi-ních, triết gia thần bí. Triết học của ông có khuynh hướng phiếm thần nên bị Toà thánh cấm.

[83] Bunraku: Hình thức nhạc kịch rối, con rối cao to gần như người thật, mỗi con rối do hai hoặc ba người trên sân khấu điều khiển, trong khi người đọc lời thoại và kể chuyện thì đứng đằng sau sân khấu.

[84] Moksha: Phép cứu là phương pháp điều trị vật lý cổ truyền ở Viễn Đông, dùng nhiệt của mỗi ngải đốt cháy tác động lên huyết hoặc vùng có liên quan đến chứng bệnh để điều khí và giảm đau (xuất xứ từ tiếng Nhật mogusa tức là cây ngải mà cành mầm có thể dùng làm chất đốt).

[85] Campiello: (Tiếng Ý) Một bãi đất trống trước một ngôi nhà nằm cách xa một đường, khá khuất vắng, rất tiện để các cặp trai gái tâm sự.

[86] Sottoportica: (Tiếng Ý) Dưới một cửa vòm hay hàng hiên.

[87] Greta, tôi nhớ em nhiều lắm. Greta xinh đẹp! (tiếng Na Uy nhưng nói không chính xác lắm).

[88] Thừa cô, danh mục mà ta đang nói đến... (tiếng Ý).

[89] Buridan: (1300 – 1358) Triết gia, một thời làm hiệu trưởng trường Đại học Paris, được coi là người nghĩ ra luận chương Con lừa của Buridan, nói về kẻ có hai việc cần làm ngay nhưng không biết chọn lựa nên cuối cùng hỏng cả hai việc.

[90] in mente est mihi dormire: (tiếng La-tinh) Về tinh thần thì tôi đã ngủ rồi.

[91] Texto: Tin nhắn bằng chữ hiện trên màn hình điện thoại. S.m.s.: (Short Message Service): Dịch vụ nhắn tin ngắn.

[92] *Chú thích của Francois Weyergraf*: Dứt khoát tôi không thể phát triển mối quan hệ giữa Granffenberg và Juliette Chavoz trong cuốn sách viết về mẹ tôi được, nếu không thì chướng lắm, Juliette chỉ thích hợp với vai trò nhân vật nữ chính trong một chương cuốn *Chuyện ăn nằm lang chạ* thôi. Tôi thích đoạn trên tàu nói về lũ đà điểu, nhà sư ở đền Eiheiji, chuyến đi Canada cùng với bà mẹ. Cách đây khá lâu, hình như năm 1970 thì phải, tôi cũng đã một mình đáp chuyến tàu ấy. Hồi ấy, tôi mới hai mươi tám hay hai mươi chín gì đó, tới ra sức thuyết phục Caroline đi cùng, đó là một cô gái người Québec cùng tuổi tôi, nhưng cô ấy không có tiền lấy vé và cương quyết từ chối khi tôi ngỏ ý muốn mua tặng: đó là hậu quả đáng tiếc duy nhất mà chủ nghĩa nam nữ bình quyền làm ảnh hưởng đến đời tư của tôi. Tôi vẫn còn giữ toàn bộ thư từ và tấm bản đồ đường bộ mà cô ấy gửi cho tôi: “Đề anh theo được em cho đến hồ Serpent bằng cách đi qua thành phố Hull và Birmingham, hai cái tên tiếng Anh dở vô cùng. Em muốn rẽ vào Saint-Ours, Contrecoeur, Venise-en-Québec, Pointe-Calumet, Saint-Zotique, Sainte-Emilie-de-l’Energie và ngay cả Grand-Remous để làm anh vui, nhưng đi vòng vèo như thế sẽ mất quá nhiều thời gian và vô ích. Đi một mình thì còn gì vui nữa.” Tôi còn nhớ, tôi muốn cô ấy và tôi cùng tới Grand-Remous chỉ vì tò mò với cái tên lạ ấy. Tôi phải tìm lại những ghi chép của mình về tuyến đường sắt xuyên Canada mới được, phần lớn hành khách chịu chấp nhận năm ngày ngồi tàu chỉ vì sợ máy bay. Toa phục vụ ăn uống thì lịch sự không chê vào đâu được, đĩa chén đều bằng sứ, dao đĩa bằng bạc, sau này toàn bộ đã được mang ra bán đấu giá. Kể cũng ngược đời, ngồi trên tàu hỏa mà mình cứ có cảm giác lênh đênh như tàu thủy. Để chịu quá đến nỗi tôi còn thăm cầu mong: “Thế nào cũng được, miễn là tàu không bao giờ đến nơi.” Tôi sẽ giữ mãi kỷ niệm tuyệt diệu về những giờ phút con tàu chạy dọc theo vùng Grands Lacs. Tôi đã có đủ thời gian đọc

gần hết bộ Omnibus Simenon đóng bìa cứng, hơn một chục tập mà tôi đem cho hết trước khi quay về lãnh sự quán Pháp tại Vancouver.

Có chuyện tình của tôi với Katlijne ở Bruxelles, một chuyện tình đã chấm dứt từ lâu khiến cho tôi có tư liệu để viết sống động hơn, thì mới có nhân vật Juliette Chavoz. Tôi đã phác ra bố cục như sau:

Graffenberg đến với Juliette mà không mang gì theo, cả máy chữ, cả sách vở tham khảo, cả đoạn đầu cuốn tiểu thuyết của mình, cả quần áo. Ngày nào ông cũng tự nhủ, mai mình phải về nhưng rồi ông lại không về. Ông gửi fax cho bà Daphné ghi rõ số điện thoại di động của mình nhưng bà tuyệt nhiên không có phản ứng gì cả. Bà Daphné hoàn toàn im hơi lặng tiếng. Ông cứ tiếp tục gửi fax, gần như mỗi tuần một bản, “càng ngày càng gay gắt”, sau này bà Daphné sẽ nhận xét với ông như vậy. Ông thấy mình có lỗi. Lỗi đối với bà Daphné ư? Hay là lỗi vì không viết tiếp cuốn tiểu thuyết? Ngay cả với hai con gái, với bạn bè, với mẹ, ông cũng không liên lạc gì cả. Đọc giả hiếu kỳ sẽ muốn biết điều gì diễn ra trong lòng ông: không tham con diệc tiếc con rô, kể những gì diễn ra trong đó mà ông thích, những vướng mắc không giải quyết được và cả tình trạng đắm đuối quá mức trong tình dục đến mức nghiện ngập nữa. Sau hai tháng rưỡi biệt tăm trong khi chỉ tính đi vài ngày, ông trở về Paris, bà Daphné đã biến đâu mất, phải, bà Daphné, người đã từng nói với ông Francois: “Bây giờ mà còn cắt đứt với ông thì dở lắm, đang lẽ tôi phải làm sớm hơn mới phải.” Ông đã hứa với Juliette sẽ quay lại ngay. Chờ mãi phát chán, cô ta bắt thần lên Paris, thuê căn hộ một phòng nhỏ xíu và tòi tàn cách nhà ông không xa. Hai người lại làm tình liên tục nhưng đầu óc ông chỉ nghĩ đến bà Daphné. Bà ấy ở đâu, bà ấy đang làm gì... Ông bảo Juliette ông không muốn cưới, thế là cô ta tìm cách tự vẫn. Cô ta thiếp đi trong vòng tay ông, ông thấy người cô ta lạnh dần, mãi cô ta mới chịu thú nhận là đã uống thuốc, ông vội gọi xe cấp cứu tuyên bố: “Tôi ấy à, bạn gái tôi mà tự tử thì tôi sẽ bỏ ngay lập tức.” (ông Francois “Ai thèm hỏi ý kiến cậu.” Juliette: “Ông để em chết đi.”) Sau khâu rửa dạ dày là đến cuộc nói chuyện bất đắc dĩ với bác sĩ tâm lý. Ông ta bảo Juliette: “Cô tìm cách tự giết mình thay vì mình giết mẹ mình (theo nguyên văn). Hai người vẫn tiếp tục ngủ với nhau. Juliette: “Quan hệ của chúng ta sắp kết thúc không được tốt đẹp lắm, thật tiếc cho những gì mà chúng ta đã từng được hưởng.” Tôi có rất nhiều ghi chép về chuyện này. Katlijne bảo

tôi: “Em không thể nặng lòng mãi với một của nợ như ông được. Em xấu hổ với người con gái từng là em ngày xưa lắm, người con gái ấy không đời nào lại muốn cặp với một người đã có vợ.” (Cô ta ảo tưởng những gì khi lao vào vòng tay một người đàn ông năm chục tuổi cơ chứ?)

[93] Kama Sutra: Tác phẩm viết về nghệ thuật tình yêu trong một chương bằng tiếng Pháp được gọi là *Vana Kama Sure tive*. Cách ngôn về tình yêu do triết gia Ấn Độ M. (khoảng giữa thế kỷ 5 và 6) viết.

[94] Harmmourabi: (1793-1750) trước CN) Người sáng lập vương triều A-mô-rít đầu tiên của Vương quốc cổ Babylon ở Lưỡng Hà, người cho soạn thảo “Luật Harmmourabi” gồm 262 điều.

[95] CHU: Trung tâm Cấp cứu thuộc Đại học Y khoa.

[96] Huân tước Robert Baden-Powell: (1857-1941) Tướng Anh, người sáng lập tổ chức hướng đạo năm 1907 ở Anh, các em dưới 12 tuổi được tổ chức thành đội “Sói con”.